

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		<p>c) Tổ chức phát hành thực hiện phân phối chứng quyền có bảo đảm theo quy định tại Điều 26 Luật Chứng khoán, trong đó bảo đảm thời hạn đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm cho nhà đầu tư tối thiểu là 03 ngày và thời hạn này phải được ghi trong Bản thông báo phát hành. Tổ chức phát hành được chuyển số chứng quyền có bảo đảm chưa phân phối hết vào tài khoản tự doanh và được tiếp tục phân phối trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán sau khi niêm yết thông qua hoạt động tạo lập thị trường.</p> <p>7. Ngân hàng lưu ký do tổ chức phát hành lựa chọn và phải có tối thiểu các trách nhiệm sau:</p> <p>a) Thực hiện lưu giữ tài sản bảo đảm thanh toán của tổ chức phát hành; quản lý tách biệt tài sản bảo đảm thanh toán với tài sản khác của tổ chức phát hành và các tài sản khác của ngân hàng lưu ký;</p> <p>b) Thực hiện phong tỏa tài sản bảo đảm thanh toán đã ký quỹ của tổ chức phát hành;</p> <p>c) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tiền liên quan đến hoạt động của tổ chức phát hành theo yêu cầu hợp pháp của tổ chức phát hành, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;</p> <p>d) Xác nhận báo cáo do tổ chức phát hành lập có liên quan đến tài sản bảo đảm thanh toán;</p> <p>đ) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi phát hiện tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm vi phạm pháp luật;</p> <p>e) Được thu giá dịch vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo quy định pháp luật.</p>	

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		<p>8. Bộ Tài chính hướng dẫn về chứng quyền có bảo đảm; chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm; hạn mức chào bán, giao dịch, thanh toán, thực hiện chứng quyền có bảo đảm; kiểu thực hiện và phương thức thực hiện chứng quyền; điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm; hoạt động tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro, bảo vệ quyền lợi của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm; báo cáo, công bố thông tin và hoạt động khác liên quan đến chứng quyền có bảo đảm.”.</p>	
56	<p>Điều 213 Điều kiện, hồ sơ, thủ tục cấp CCHN chứng khoán</p> <p>3. Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ được cấp cho cá nhân đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Có chứng chỉ chuyên môn quản lý quỹ và tài sản;</p> <p>c) Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm tại các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh, đầu tư, tài chính, kế toán trong các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kiểm toán hoặc có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp tại nước ngoài.</p> <p>4. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm:</p> <p>c) Phiếu lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 213; bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 213 như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 213 như sau:</p> <p>“3. Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ được cấp cho cá nhân đáp ứng các điều kiện sau đây:...</p> <p><i>b) Có chứng chỉ chuyên môn quản lý quỹ và tài sản <u>hoặc chứng chỉ tương đương</u>.”</i></p>	<p>Quy định tại điểm b khoản 1 về cấp CCHN môi giới và điểm b khoản 2 Điều 213 về cấp CCHN phân tích tài chính đã cho phép các cá nhân được nộp chứng chỉ tương đương với các chứng chỉ chuyên môn của Việt Nam. Những quy định này tạo điều kiện cho các cá nhân đã được cấp các chứng chỉ quốc tế như CFA, CIIA, ACCA, chứng chỉ hành nghề chứng khoán ở nước ngoài có thể nộp các chứng chỉ đó để thay thế cho các chứng chỉ chuyên môn của Việt Nam.</p> <p>Do đó, đề xuất bổ sung cụm từ “hoặc chứng chỉ tương đương” tại điểm b khoản 3 Điều 213 (tương tự như quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 213) và sửa đổi khoản 8 tương ứng để tạo điều kiện cho các cá nhân có chứng chỉ hành nghề hợp pháp ở nước ngoài có thể nộp chứng chỉ này thay thế chứng chỉ chuyên môn quản lý quỹ và tài sản.</p>

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	<p>đ) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đó đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài; các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán hoặc các chứng chỉ tương đương;</p> <p>5. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán không được hoàn lại, kể cả trường hợp không được cấp chứng chỉ.</p> <p>6. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và thông báo nộp lệ phí cho người đề nghị; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	<p>b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 4 Điều 213 như sau:</p> <p>“ đ) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đó đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài; hoặc các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán hoặc các chứng chỉ tương đương;”.</p> <p>c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 213 như sau:</p> <p>“5. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán quy định tại khoản 4 Điều này đồng thời là hồ sơ đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán. Hồ sơ được nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và không được hoàn lại, kể cả trường hợp không dự thi hoặc không được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán.”.</p> <p>d) Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 213 như sau:</p> <p>“5a. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán.”.</p> <p>e) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 213 như sau:</p>	<p>Sửa đổi Khoản 4 Điều 213</p> <p>- Về chứng chỉ hành nghề hợp pháp tại nước ngoài (điểm đ khoản 4 Điều 213): sửa đổi thêm “hoặc” để tránh cách hiểu chưa đúng là những người có “Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đó đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài” cũng vẫn phải có các chứng chỉ chuyên môn. Dự kiến sửa đổi Thông tư 197 có quy định về chứng chỉ tương đương (CCHN hợp pháp ở nước ngoài tương đương được miễn tất cả các CCCM).</p> <p>Sửa đổi Khoản 5 Điều 213: sửa đổi quy định nhằm tích hợp hồ sơ thi sát hạch và hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề:</p> <p>- Thông tư 197 quy định Hồ sơ thi sát hạch và Hồ sơ đề nghị cấp CCHN là 02 hồ sơ tách biệt và được thực hiện độc lập. Hồ sơ thi sát hạch nộp trước, sau khi đỗ thí sinh nộp hồ sơ đề nghị cấp CCHN. Quy định hiện tại có bất cập ở chỗ 02 hồ sơ này có thành phần tương tự nhau (trừ phiếu lý lịch tư pháp, bằng đại học; đối với CCHN QLQ có thêm tài liệu về kinh nghiệm công tác).</p> <p>- Luật Chứng khoán chỉ giao Chính phủ quy định về “5. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng</p>

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		<p>“6. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (bản giấy hoặc bản điện tử) cho người có kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đạt. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán được thông báo trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và thông báo nộp lệ phí cho người đề nghị. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p><i>Trường hợp kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán chưa đạt một phần, thí sinh được phép thi lại phần chưa đạt trong vòng một (01) năm kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo kết quả thi lần đầu. Quá thời hạn nêu trên, thí sinh phải thi lại toàn bộ các phần. Trường hợp đăng ký thi lại phần chưa đạt, người đề nghị nộp hồ sơ đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định tại điểm a, b, c, e khoản 4 Điều này.”</i></p> <p>g) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 213 như sau:</p> <p>“8. Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán; hướng dẫn về tổ chức thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 97 Luật Chứng khoán, về chứng chỉ chuyên môn và chứng chỉ tương đương quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này.”</p>	<p><i>khoản và việc quản lý, giám sát người hành nghề chứng khoán”; không có quy định giao quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục thi sát hạch.</i></p> <p>Do đó, Tại Dự thảo Nghị định quy định theo hướng ghép 02 hồ sơ này vào một, thực hiện theo quy trình nộp hồ sơ 01 lần, sau khi đỗ sát hạch là cấp CCHN luôn. Quy định ghép hồ sơ như trên có ưu điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phù hợp điều giao Luật Chứng khoán. + Cắt giảm thủ tục hành chính; <p>Tuy nhiên, với lượng hồ sơ thi sát hạch cấp CCHN đông như hiện nay (khoảng 1.000 thí sinh/đợt, mỗi năm tối thiểu 2 đợt), dự kiến cần bố trí tập trung nguồn lực và sự phối hợp tốt giữa các đơn vị để hoàn thành nhiệm vụ. Đồng thời, việc xem xét hồ sơ tiến tới cũng cần tính đến sự áp dụng công nghệ thông tin, hồ sơ điện tử cũng như, kết nối, chia sẻ dữ liệu để đảm bảo hiệu quả trong xử lý công việc.</p> <p>3. Sửa đổi nội dung về cấp CCHN ghi rõ về việc cấp CCHN có thể bằng bản giấy hoặc bản điện tử để chuẩn bị cho việc triển khai việc cấp và quản lý chứng chỉ hành nghề điện tử.</p>

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
57	<p>Điều 214. Cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán</p> <p>1. Trường hợp được cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán.</p> <p>a) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán hoặc bị hỏng, bị mất;</p> <p>b) Thông tin xác nhận nhân thân của người hành nghề ghi trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán thay đổi (số giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc sổ hộ chiếu, quốc tịch, họ tên, ngày tháng năm sinh).</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán:</p> <p>a) Đối với trường hợp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán, hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm các tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 213 Nghị định này;</p> <p>b) Đối với trường hợp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị mất, hỏng hoặc thay đổi thông tin xác nhận nhân thân trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán, hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm: Giấy đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo Mẫu số 85 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 214 như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 214 như sau: “1. Trường hợp được cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán.</p> <p>a) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán hoặc bị hỏng, bị mất. Trường hợp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán, chứng chỉ hành nghề chứng khoán được cấp lại cho các cá nhân đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 213 Nghị định này tương ứng theo loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị cấp lại.”</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 214 như sau: “b) Đối với trường hợp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị mất, hỏng hoặc thay đổi thông tin xác nhận nhân thân trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán, hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm: Giấy đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo Mẫu số 85 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Căn cước công dân/thẻ căn cước hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng; 02 ảnh 4cm x 6cm chụp trong vòng 06 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ; Chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, trừ trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất chứng chỉ.”</p> <p>c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 214 như sau: “3. Trình tự, thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán</p> <p>a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, trình tự, thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 213 Nghị định này;</p>	<p>Điểm a khoản 2 Điều 214 Nghị định 155 quy định hồ sơ đề nghị cấp lại CCHN đối với các cá nhân bị thu hồi theo điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán tương tự như hồ sơ cấp lần đầu CCHN. Tuy nhiên, chưa có điều kiện cấp lại CCHN đối với các trường hợp này. Do đó, đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 214 Nghị định 155 nhằm làm rõ điều kiện cấp lại CCHN sau khi bị thu hồi theo điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán tương tự như điều kiện cấp lần đầu CCHN.</p> <p>Khoản 2 Điều 46 Luật Căn cước quy định: “2. Chứng minh nhân dân còn hạn sử dụng đến sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 thì có giá trị sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. Các loại giấy tờ có giá trị pháp lý đã phát hành có sử dụng thông tin từ chứng minh nhân dân, căn cước công dân được giữ nguyên giá trị sử dụng; cơ quan nhà nước không được yêu cầu công dân thay đổi, điều chỉnh thông tin về chứng minh nhân dân, căn cước công dân trong giấy tờ đã cấp”. Do đó, điều chỉnh các hồ sơ có quy định yêu cầu tài liệu chứng minh nhân dân của cá nhân.</p>

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	<p>02 ảnh 4cm x 6cm chụp trong vòng 06 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ; Chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, trừ trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất chứng chỉ.</p> <p>3. Trình tự, thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 213 Nghị định này.</p>	<p>b) Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán (bản giấy hoặc bản điện tử) và thông báo nộp lệ phí cho người đề nghị; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.</p>	
58	<p>Điều 215. Thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán</p> <p>“2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán và đăng tải thông tin về việc thu hồi trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, người bị thu hồi chứng chỉ phải nộp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p>	<p>Sửa đổi khoản 2 Điều 215 như sau:</p> <p>“2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán và đăng tải thông tin về việc thu hồi trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trường hợp chứng chỉ hành nghề được cấp bằng bản giấy, người bị thu hồi chứng chỉ phải nộp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”.</p>	<p>Sửa đổi nội dung về cấp CCHN ghi rõ về việc cấp CCHN có thể bằng bản giấy hoặc bản điện tử để chuẩn bị cho việc triển khai việc cấp và quản lý chứng chỉ hành nghề điện tử.</p>
59	<p>Điều 216. Quản lý, giám sát người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán</p> <p>5. Trách nhiệm của tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán, người đại diện theo pháp luật của tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán</p> <p>...d. Trước ngày 20 tháng 01 hàng năm, tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình</p>	<p>Sửa đổi điểm d khoản 5 Điều 216 như sau:</p> <p>“d) Trước ngày 20 tháng 01 hàng năm, tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình sử dụng người hành nghề tại công ty của năm trước liền kề theo Mẫu số 87 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Báo cáo được thực hiện dưới hình thức văn bản điện tử trên hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”.</p>	<p>Sửa đổi theo phương án đơn giản hóa TTHC đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Quyết định 412/QĐ-TTg ngày 14/5/2024)</p>

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	sử dụng người hành nghề tại công ty của năm trước liền kề theo Mẫu số 87 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.		
60	<p>Khoản 3 Điều 232 Trình tự, thủ tục giải thể quỹ thành viên</p> <p>“3...Hồ sơ báo cáo kết quả giải thể quỹ bao gồm:...</p> <p>d) Văn bản của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nêu rõ chi tiết khoản thanh toán, danh mục tài sản phân phối cho từng nhà đầu tư kèm theo xác nhận của các nhà đầu tư về việc đã nhận đủ tiền, tài sản theo phương án giải thể đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua ...”</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 232 như sau:</p> <p>“d) Văn bản xác nhận của ngân hàng lưu ký hoặc ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, trong đó nêu rõ chi tiết khoản thanh toán, danh mục tài sản phân phối cho từng nhà đầu tư theo phương án giải thể đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua hoặc xác nhận của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc đã hoàn tất phân bổ, đăng ký chứng khoán cho nhà đầu tư theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) và nhà đầu tư; xác nhận của tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành, doanh nghiệp tiếp nhận vốn đầu tư của quỹ về việc đã hoàn tất chuyển quyền sở hữu cổ phiếu, phần vốn góp cho từng nhà đầu tư tham gia vào quỹ theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.”</p>	<p>- Quy định về hồ sơ giải thể quỹ tại Điều 232 áp dụng cho quỹ thành viên và quỹ đại chúng (do quỹ đại chúng được dẫn chiếu đến quỹ thành viên tại các Điều 240, 246, 247, 256).</p> <p>- Hiện nay, quy định pháp luật cho phép số lượng các nhà đầu tư tại quỹ thành viên tối đa là 99 nhà đầu tư. Số lượng các nhà đầu tư tại các quỹ đại chúng lớn, có quỹ hơn 1.000 nhà đầu tư. Việc yêu cầu các nhà đầu tư xác nhận việc đã nhận đủ tiền và tài sản là khó thực hiện trên thực tế.</p> <p>Do việc chuyển trả tài sản cho nhà đầu tư chủ yếu được thực hiện qua tài khoản ngân hàng và tài khoản chứng khoán trên cơ sở phương án giải thể quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua, đề xuất sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 232 Nghị định 155 theo hướng cắt giảm tài liệu “xác nhận của các nhà đầu tư về việc đã nhận đủ tiền, tài sản”. Theo đó, chỉ cần văn bản xác nhận của ngân hàng lưu ký hoặc ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ, nêu rõ chi tiết khoản thanh toán, danh mục tài sản phân phối cho từng nhà đầu tư</p>
61	Điều 275 - Tư cách thành viên Hội đồng quản trị	Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 275 như sau:	Thực tế có trường hợp thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) của công ty đại

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	3. “Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác”.	“3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc Hội đồng thành viên</u> tại tối đa 05 công ty khác”.	chúng đồng thời là thành viên HĐQT của 05 công ty cổ phần (tối đa theo quy định) và kiêm thêm chức danh là Thành viên Hội đồng thành viên của nhiều công ty TNHH khác. Việc kiêm nhiệm chức danh Lãnh đạo nhiều công ty cùng một lúc dẫn đến cổ đông công ty đại chúng không kiểm soát được ngăn ngừa xung đột lợi ích hoặc hạn chế đảm bảo khả năng thực thi nhiệm vụ, tính bảo mật của doanh nghiệp.
62	Điều 276 – Thành phần Hội đồng quản trị 2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành”	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 276 như sau: “2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty đại chúng phải đảm bảo quy định sau: a) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b) Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c) Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.”.	Việc quy định “tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị” gây khó khăn cho doanh nghiệp trong trường hợp HĐQT có tổng số thành viên là số lẻ do không biết làm tròn lên hay làm tròn xuống. Mặt khác, khoản 4 Điều 276 có quy định về số lượng thành viên HĐQT độc lập căn cứ theo số lượng thành viên HĐQT. Do vậy, UBCKNN đề nghị bổ sung quy định về số lượng thành viên HĐQT không điều hành cho thống nhất quy định tại khoản 4 Điều 276 về số lượng thành viên HĐQT độc lập.
63	Điều 277. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị”	Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 277 như sau “3. <u>Từng</u> thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị”	Quy định hiện hành chưa rõ việc báo cáo của Hội đồng quản trị độc lập được thực hiện theo từng thành viên hay 1 báo cáo chung. Do vậy, việc bổ sung quy định này làm rõ quy định nghĩa vụ báo cáo của từng thành viên HĐQT độc lập

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
64	<p>Điều 278. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:</p> <p>...8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác của công ty”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 278 và bổ sung khoản 10 Điều 278 như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 278 như sau:</p> <p>“8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), <u>Người phụ trách quản trị công ty</u> và người quản lý khác của công ty”.</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 278 như sau:</p> <p><u>“10. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.”.</u></p>	<p>- Luật Doanh nghiệp 2020 quy định khái niệm người quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty. Như vậy, trong trường hợp Điều lệ không quy định Người phụ trách quản trị công ty là một chức danh quản lý thì họ không thuộc đối tượng được đào tạo, tập huấn theo quy định tại khoản 8 Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Thực tế đã có một vài doanh nghiệp thắc mắc về nội dung này. Do vậy, cần thiết bổ sung “người phụ trách công ty” vào đối tượng được đào tạo, tập huấn về quản trị công ty.</p> <p>- Thực tế, sau khi ĐHĐCĐ thường niên thông qua, nhiều công ty đại chúng không thực hiện hoặc chậm trễ chi trả cổ tức cho cổ đông như CTCP Tập đoàn Cơ khí công nghệ cao Siba, CTCP Thiết bị bưu điện.... Việc chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc thực hiện chi trả cổ tức ảnh hưởng đến quyền lợi của cổ đông, gây khiếu kiện kéo dài. Ngoài ra, do Nghị định 155 chưa có quy định về trách nhiệm của HĐQT trong việc thực hiện chi trả cổ tức hàng năm dẫn đến UBCKNN không có căn cứ để xem xét vi phạm. Vì vậy, UBCKNN kiến nghị bổ sung thêm nội dung này tại Điều 278 của Nghị định.</p>

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
65	<p>Điều 280 – Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với công ty niêm yết)</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 280 như sau:</p> <p>“4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của <i>từng</i> thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với công ty niêm yết)”.</p>	<p>Việc bổ sung quy định này làm rõ quy định nghĩa vụ báo cáo của từng thành viên HĐQT độc lập</p>
66	<p>Điều 291 – Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp</p> <p>Nghị định 155 chưa quy định</p>	<p>Bổ sung khoản 6 sau khoản 5 Điều 291 như sau:</p> <p>“6. Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.”.</p>	<p>Nội dung này đã được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020. Thực tế một số công ty đại chúng đã vi phạm quy định này và UBCKNN không có căn cứ để xem xét xử phạt do Nghị định 155 không quy định.</p> <p>Do đó, dự thảo bổ sung quy định này để có cơ sở xử lý vi phạm của CTĐC trên thực tế.</p>
67	<p>Điều 293 - Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này</p> <p>1. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh, cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp công ty đại chúng là tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh, cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a, Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 293 như sau:</p> <p>“Điều 293. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này</p> <p>1. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay, <i>cho mượn tiền/tài sản</i> hoặc bảo lãnh, <i>bảo đảm các khoản vay</i> cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp công ty đại chúng là tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay, <i>cho mượn tiền/tài sản</i> hoặc bảo lãnh, <i>bảo đảm các khoản vay</i> cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a, Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;</p> <p>b, Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và</p>	<p>Thực tế, một số công ty đại chúng sử dụng từ ngữ “<i>cho mượn, bảo đảm</i>” thay thế cho từ bảo lãnh để tránh việc vi phạm quy định về quản trị công ty. Vì vậy, việc bổ sung để đảm bảo chặt chẽ hơn trong trách nhiệm tránh xung đột lợi ích, bảo vệ quyền lợi cho cổ đông công ty đại chúng.</p>

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	<p>b, Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p> <p>3. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh, cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a, Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;</p> <p>b, Công ty đại chúng và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>c, Trường hợp pháp luật có quy định khác.</p> <p>4. Công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</p> <p>a, Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác mà công ty</p>	<p>đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p> <p>3. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay, <u>cho mượn tiền/tài sản</u> hoặc bảo lãnh, <u>bảo đảm các khoản vay</u> cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này), trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a, Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;</p> <p>b, Công ty đại chúng và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>c, Trường hợp pháp luật có quy định khác.</p> <p>4. Công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</p> <p>a, Cấp các khoản vay, cho mượn tiền/tài sản hoặc bảo lãnh, bảo đảm các khoản vay cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>Trường hợp cấp các khoản vay, cho mượn tiền/tài sản hoặc bảo lãnh, bảo đảm các khoản vay cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này) đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>b, Giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong</p>	

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	<p>đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>b, Giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; <p>c, Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công</p>	<p>vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; <p>c, Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty.”</p>	<p>Để đảm bảo tính chính xác khi tham chiếu quy định.</p>

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	<p>ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm c khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty.</p>		
68	<p>Điều 304. Tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán</p> <p>1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Chứng khoán, thực hiện việc khôi phục một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Chứng khoán, sau khi được Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.</p> <p>2. Thời hạn tạm ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán không quá 05 ngày làm việc. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét gia hạn thời hạn tạm ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 304 như sau:</p> <p>“1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Chứng khoán, thực hiện việc khôi phục một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Chứng khoán.</p> <p>2. Thời hạn tạm ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán không quá 05 ngày làm việc. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời hạn tạm ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, thời gian gia hạn thêm mỗi lần không quá 05 ngày làm việc.”.</p>	<p>Lý do: Đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ theo yêu cầu của Văn phòng chính phủ.</p>

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	dịch chứng khoán, thời gian gia hạn thêm mỗi lần không quá 05 ngày làm việc.		
69	<p>Điều 305. Tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam</p> <p>1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật Chứng khoán, thực hiện việc khôi phục một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Chứng khoán, sau khi được Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.</p> <p>2. Thời hạn tạm ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không quá 05 ngày làm việc. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét gia hạn thời hạn tạm ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 305 như sau:</p> <p>“1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật Chứng khoán, thực hiện việc khôi phục một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Chứng khoán.</p> <p>2. Thời hạn tạm ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không quá 05 ngày làm việc. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời hạn tạm ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thời gian gia hạn thêm mỗi lần không quá 05 ngày làm việc.</p> <p>3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi quyết định tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này được công bố thông tin trên trang thông</p>	<p>Lý do: Đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ theo yêu cầu của Văn phòng chính phủ.</p>

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	<p>Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời gian gia hạn thêm mỗi lần không quá 05 ngày làm việc.</p> <p>3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi quyết định tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải thực hiện dừng một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán và công bố về việc này trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p>	<p>tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải thực hiện dừng một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán và công bố về việc này trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.”.</p>	
70.	<p>Điều 310. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>13. Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm phải được triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Trong thời gian chưa triển khai hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định tại Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 13 Điều 310:</p> <p>13. Chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027, hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm được triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Trong thời gian chưa triển khai hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện hoạt động nghiệp vụ theo quy định</p>	<p>Nội dung này được chuyển từ Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục rút gọn sang. Trong quá trình chuẩn bị cho việc triển khai cơ chế CCP đã phát sinh một số khó khăn và vướng mắc dẫn đến việc không thể triển khai cơ chế CCP kể từ ngày 01/01/2024 như đã quy định tại khoản 13 Điều 310 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Theo đó, quy định này được sửa đổi, bổ sung theo hướng chậm nhất đến hết ngày 31/12/2027 phải triển khai cơ chế đối tác bù trừ trung tâm CCP là để có đủ thời gian để</p>

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	<p>Chứng khoán số <u>62/2010/QH12</u> và các văn bản quy định chi tiết thi hành.</p> <p>14. Các thành viên lưu ký của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được phép tham gia hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán như thành viên bù trừ trực tiếp theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày chính thức triển khai cơ chế đối tác bù trừ trung tâm. Sau thời hạn này, chỉ thành viên bù trừ mới được tham gia hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.</p>	<p>của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>Bãi bỏ khoản 14 Điều 310</p> <p>Bổ sung khoản 21 vào sau khoản 20 Điều 310 như sau: <u>21. Doanh nghiệp cổ phần hóa theo pháp luật về cổ phần hóa trước ngày 01/01/2021 được áp dụng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 109 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP”.</u></p>	<p>sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật hiện hành tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai cơ chế CCP, thời gian để chuẩn bị cho việc thành lập công ty con của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, thời gian để hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho cơ chế CCP và thời gian để thành viên thị trường thực hiện kết nối hệ thống, kiểm thử hệ thống, chuyển đổi dữ liệu hệ thống ...</p> <p>- Việc cho phép TVLK không đủ điều kiện được tham gia hoạt động bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán theo mô hình CCP dẫn tới rủi ro cho VSDC nói riêng và thị trường chứng khoán nói chung.</p> <p>Khoản 21 Điều 310: Làm rõ việc doanh nghiệp cổ phần hóa theo pháp luật về cổ phần hóa trước ngày Nghị định số 155/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được miễn trừ điều kiện về cơ cấu cổ đông khi đăng ký niêm yết, góp phần tăng tính hấp dẫn của đợt cổ phần hóa, thu hút doanh nghiệp lớn lên niêm yết và nhà đầu tư tham gia mua cổ phần của doanh nghiệp.</p>
71	<p>Điều 310. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>1. Công ty đại chúng theo quy định tại khoản 4 Điều 135 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần theo phương thức chào</p>	<p>Bãi bỏ quy định tại Khoản 1, 5, 6, 7 Điều 310 về hủy tư cách công ty đại chúng</p>	<p>Đề phù hợp với Luật Chứng khoán sửa đổi (bãi bỏ quy định tại khoản 4, 5 Luật Chứng khoán 2019).</p>

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	<p>bán chứng khoán ra công chúng theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>...</p> <p>5. Trường hợp công ty đại chúng theo quy định tại khoản 4 Điều 135 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy tư cách công ty đại chúng, công ty nộp hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại Điều 39 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>6. Công ty đại chúng theo quy định tại khoản 5 Điều 135 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 phải nộp hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại Điều 39 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực thi hành.</p> <p>7. Công ty đại chúng có cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trước ngày Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Chứng khoán số <u>62/2010/QH12</u> và các văn bản quy định chi tiết thi hành thi thực hiện hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định</p>		<p>Đồng thời, Luật Chứng khoán (sửa đổi) giao Bộ Tài chính hướng dẫn về hủy công ty đại chúng</p>

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	tại Điều 38 và Điều 39 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.		
72		<p>Điều 2. Bổ sung, thay thế một số từ, cụm từ, phụ lục, bãi bỏ một số điểm, khoản, điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p> <p>...</p> <p>2. Thay cụm từ “Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam” thành cụm từ “Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam” tại điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 302 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p> <p>3. Thay cụm từ “Giấy Chứng minh nhân dân/Số Chứng minh thư nhân dân/Giấy CMND/Số CMND/CMND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD” bằng cụm từ “Số định danh cá nhân”, bỏ thông tin về ngày cấp, nơi cấp của CMND/Số CMND/CMND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD tại Mẫu Phụ lục số 06, 10, 11, 15, 24, 40, 41, 64, 66, 68, 71, 76, 79, 82, 86, 87, 90, 103 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p> <p>4. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 01, 07, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>	<p>Đề triển khai đề án 06, đơn giản hóa giấy tờ trong TTHC, sửa đổi một số nội dung chưa phù hợp tại mẫu Phụ lục</p> <p>Thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.</p>
73	Các Điều 110, 114, 115, 116, 117, 118, 134, 135, 136, điểm 7 mục V Mẫu số 28, điểm 7 mục V Mẫu số 33 Phụ lục.	<p>Bỏ thành phần hồ sơ là Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán (gồm đăng ký lần đầu, điều chỉnh) trong hồ sơ đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch (gồm đăng ký lần đầu và thay đổi).</p> <p>Cụ thể, bổ sung 1 khoản tại Điều 2 dự thảo Nghị định như sau:</p> <p>- Bãi bỏ, thay thế các quy định:</p> <p>+ Bãi bỏ điểm e khoản 1, điểm d khoản 3 Điều 110, điểm c khoản 1 Điều 114, điểm đ khoản 2 Điều 115, điểm d khoản 1</p>	Đã giải trình tại mục 23

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		<p>Điều 116, điểm d khoản 2 Điều 118, điểm d khoản 1 Điều 134, điểm b khoản 2 Điều 136, điểm 7 mục V Mẫu số 28, điểm 7 mục V Mẫu số 33 Phụ lục.</p> <p>+ Bãi bỏ cụm từ “<i>Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đã được điều chỉnh do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp</i>” tại điểm b khoản 2 Điều 117.</p> <p>- Sửa đổi khoản 1 Điều 135 như sau: “1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ hoặc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán (đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 134 Nghị định này), Sở giao dịch chứng khoán có quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch đồng thời thực hiện công bố thông tin ra thị trường”.</p>	
	Mẫu số 01 - Phụ lục	Điều chỉnh thông tin tại Mục III Phương án sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành do thay đổi quy định liên quan đến công bố báo cáo sử dụng vốn của tất cả các mục đích	Để phù hợp với quy định bổ sung khoản 1a Điều 9 tại dự thảo Nghị định
	Mẫu số 07 - Phụ lục	<p>Sửa đổi điểm 4 Mục V Mẫu số 07:</p> <p>4. Đại diện người sở hữu trái phiếu :</p> <p>Bổ sung thêm cam kết tại mục VI</p>	Để phù hợp quy định tại Luật Chứng khoán sửa đổi về điều kiện liên quan đến Đại diện người sở hữu trái phiếu, XHTN, hệ số nợ, giá trị TP dự kiến sphast hành/VCSH
	Mẫu số 23 - Phụ lục	<p>Mục I. bổ sung nội dung:</p> <p><u><i>Việc chào mua công khai dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo:...</i></u> <u><i>(có/không).</i></u></p>	Trách nhiệm của tổ chức chào mua phải xác định việc chào mua công khai dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
	Phụ lục số 28 Mẫu giấy đề nghị đăng ký niêm yết chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Mục IV.2: ngoại trừ chứng chỉ quỹ - Mục IV.3: bổ sung trái phiếu/chứng chỉ quỹ - Mục IV.4: Bỏ - Bỏ mục V “Hồ sơ kèm theo” 	<ul style="list-style-type: none"> - Đề phù hợp với đúng loại chứng khoán. - Do đã quy định cụ thể tại Nghị định nên việc quy định “hồ sơ kèm theo” là không cần thiết
	Mẫu số 33 - Phụ lục	<ul style="list-style-type: none"> - Mục IV.3. Bỏ - Mục V: Bỏ 	Đề phù hợp với việc niêm yết trên SGDCK Việt Nam
	Mẫu số 34 - Phụ lục	- Mục II: Bỏ	Phù hợp với quy định tại Điều 126, 127, 128, 130 Nghị định này.
	Mẫu số 38, 39 - Phụ lục	Sửa đổi lại các cột cho rõ tên ngành và mã ngành; bổ sung cột tỷ lệ SHNN tối đa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và bỏ quy định liên quan việc công ty được quyết định tỷ lệ thấp hơn quy định; bỏ các thành phần hồ sơ được liệt kê tại mẫu để tránh nhầm lẫn.	
	Mẫu số 67 - Phụ lục	Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 67 (<i>Bản thông tin cá nhân</i>)	Bỏ các chỉ tiêu: giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân tại mẫu tờ khai (đối với công dân Việt Nam) nhằm thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (riêng với chỉ tiêu ngày tháng năm sinh giữ lại theo Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
			luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư)
	Mẫu số 69 - Phụ lục	<p>- Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 69 (<i>Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện</i>)</p> <p>- Bổ sung thêm ghi chú về người ký trong trường hợp đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT</p>	<p>- Bổ sung các nội dung thay đổi khi điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>- Phù hợp với thực tế phát sinh và tương tự quy định của Luật Doanh nghiệp</p>
	Mẫu 76A - Phụ lục	7. Bổ sung mẫu 76A Mẫu Giấy đăng ký chứng quyền có bảo đảm Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này	Bổ sung nội dung hướng dẫn về hồ sơ chào bán chứng quyền có bảo đảm do đó cần bổ sung mẫu Giấy đề nghị
	Mẫu số 85 - Phụ lục	Tích hợp thêm nội dung đăng ký đề nghị thi sát hạch	Phù hợp với việc sửa đổi quy định tại Điều 213 Nghị định về việc tích hợp việc thi sát hạch và cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán.
	Mẫu số 91 - Phụ lục	Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 91 (Bản thông tin cá nhân)	Bổ sung chi tiêu: ngày tháng năm sinh theo phương án đơn giản hóa TTHC tại Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính
74	Chưa có	Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp	Đảm bảo việc thực thi pháp luật có sự tiếp nối với quy định tại ND số 155 và Luật Chứng khoán năm 2019.

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		<p>1. Tổ chức, cá nhân đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán cấp phép, chấp thuận trước ngày Nghị định có hiệu lực thi hành thì không phải thực hiện thủ tục cấp phép, chấp thuận lại theo quy định của Nghị định này.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ đăng ký, đề nghị cấp phép, chấp thuận đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa được cấp phép hoặc chưa được chấp thuận do hồ sơ, tài liệu chưa đầy đủ, hợp lệ thì phải thực hiện theo quy định của Nghị định này.</p> <p>3. Công ty đại chúng chưa thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP có trách nhiệm hoàn tất thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại khoản 39 Điều 1 Nghị định này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> <p>4. Công ty đại chúng đã thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Điều lệ Công ty quy định thấp hơn mức quy định của pháp luật phải rà soát, xác định và thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại khoản 39 Điều 1 Nghị định này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> <p>5. Công ty đại chúng đã ký kết hoặc thực hiện hợp đồng, giao dịch về cho mượn tiền/tài sản, bảo đảm khoản vay cho các đối tượng quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP mà đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành vẫn chưa chấm dứt hợp đồng, giao dịch thì được tiếp tục</p>	

STT	Quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất
		<p>thực hiện hợp đồng, giao dịch cho đến khi chấm dứt hợp đồng, giao dịch.</p> <p>6. Trường hợp cá nhân đã có kết quả thi sát hạch đạt trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành và nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán sau khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p> <p>7. Khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước triển khai cấp Chứng chỉ hành nghề điện tử, các Chứng chỉ hành nghề bản giấy được thu hồi để chuyển đổi sang Chứng chỉ hành nghề điện tử. Trường hợp này, người được cấp chứng chỉ hành nghề không phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề, trừ trường hợp thông tin có thay đổi.</p>	
75		<p>Điều 4. Hiệu lực thi hành</p> <p>Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng ... năm 2025.</p>	Đảm bảo hiệu lực thi hành và quy định trong ban hành văn bản
76		<p>Điều 5. Tổ chức thực hiện</p> <p>Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p>	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định về việc *“Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước”*.

- Nghị quyết số 101/2023/QH15 về Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV đã giao:

“c) ...Thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tăng cường quản lý, giám sát các thị trường chứng khoán, ...”

đ) Tổ chức rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là pháp luật về đấu thầu, đấu giá, quy hoạch, đầu tư công, quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công, ngân sách nhà nước, tài chính công, hợp tác công tư, xã hội hóa các dịch vụ công, đầu tư, môi trường, xây dựng, kinh doanh bất động sản, ngân hàng, tài chính, tự chủ tài chính, chứng khoán, trái phiếu, doanh nghiệp, giám định, định giá và các lĩnh vực khác đã được các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án kiến nghị, đề xuất hoặc có nhiều vướng mắc được các địa phương, người dân, doanh nghiệp kiến nghị; phát hiện, xác định cụ thể những quy định có mâu thuẫn, chồng chéo, sơ hở, bất cập, những vấn đề vướng mắc trong các luật và văn bản dưới luật có liên quan, báo cáo Quốc hội kết quả rà soát tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV; kịp thời chỉ đạo sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền các văn bản dưới luật không còn phù hợp hoặc kiến nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các luật, nghị quyết có liên quan;

e) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phù hợp đi đôi với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát; đề cao trách nhiệm người đứng đầu, khắc phục kịp thời, hiệu quả tình trạng đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm trong một bộ phận cán bộ, công chức, xử lý nghiêm các vi phạm. Sớm đề xuất ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy định cụ thể cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung;

h) Tăng cường cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính...”

- Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2021-2030 tại Đại hội XIII của Đảng đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển (Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam): *“Xây dựng và hoàn thiện nền tài chính quốc gia; cơ cấu lại, tăng cường giám sát và điều tiết thị trường tài chính... Tiếp tục rà soát, cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả hoạt động các thị trường tài chính, chứng khoán, cổ phiếu, trái phiếu; quản lý chặt chẽ các tổ chức tham gia thị trường; bảo đảm tính thanh khoản cao và an toàn hệ thống. Nâng cao quy mô và hiệu quả hoạt động của thị trường chứng khoán để thực sự trở thành một kênh huy động vốn chủ yếu của nền kinh tế... Sửa đổi hệ thống luật và chính sách thuế, phí, lệ phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh của môi trường đầu tư. Mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính công bằng, trung lập của chính sách thuế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ các thủ tục nộp thuế, phí của người dân và doanh nghiệp”*.

- Tại Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025 đã xác định các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, trong đó có nội dung về: *“Nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường chứng khoán”*. Tại Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 xác định *“Phát triển mạnh các loại thị trường. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt tối thiểu 85% GDP, dư nợ thị trường trái phiếu đạt tối thiểu 47% GDP, trong đó dư nợ thị trường trái phiếu doanh nghiệp đạt khoảng 20% GDP... Cơ cấu lại và phát triển thị trường chứng khoán, mở rộng năng lực thị trường vốn; nâng cao tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, thúc đẩy phát triển các nhà đầu tư chuyên nghiệp. Phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực quản lý, giám sát rủi ro hệ thống”*.

Theo đó, để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ nêu trên cần rà soát, hoàn thiện pháp luật về chứng khoán, trong đó có việc sửa đổi Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán để hoàn thiện các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán (TTCK).

Ngày 29/11/2024, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Dự trữ quốc gia; Luật Xử lý vi phạm hành chính (có hiệu lực ngày 01/01/2025). Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã dự thảo quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (sửa đổi).

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Tiếp tục thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối, quan điểm đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Kết luận số 64-KL/TW ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về kinh tế - xã hội năm 2023 – 2024 và các Nghị quyết, kết luận khác của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và Chính phủ.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bảo đảm thị trường chứng khoán hoạt động công bằng, công khai, minh bạch, an toàn và hiệu quả, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia thị trường.

- Tập trung các giải pháp để thúc đẩy thu hút nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN) trên TTCK, nâng hạng TTCK Việt Nam lên thị trường mới nổi.

- Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn liên quan đến chào bán, phát hành, niêm yết, giao dịch chứng khoán, tăng chất lượng quản trị công ty đại chúng, các tổ chức trung gian trên TTCK.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Đề nghị xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định số 155) gồm nhóm 03 Chính sách lớn, cụ thể như sau:

1. Chính sách 1: Nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và đảm bảo tính thống nhất trong hoạt động chứng khoán và TTCK

a) Xác định vấn đề

1.1. Về chào bán, phát hành chứng khoán

(i) Về điều kiện, hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty sau quá trình cơ cấu lại đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng:

Điều 30 Nghị định số 155 quy định về điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty sau quá trình cơ cấu lại hiện đang áp dụng đối với các trường hợp công ty đại chúng chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, chào bán trái phiếu chuyên đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng; chào bán trái phiếu ra công chúng, chưa có quy định đối với trường hợp doanh nghiệp sau tái cơ cấu thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

Do đó, doanh nghiệp sau quá trình cơ cấu lại thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng chỉ đáp ứng điều kiện quy định về chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán năm 2019 (theo đó tổ chức phát hành không phải nộp báo cáo tổng hợp thông tin theo quy ước). Điều này dẫn đến việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng chưa đảm bảo phản ánh được bức tranh toàn cảnh về tình hình tài chính, tình hình hoạt

động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau quá trình cơ cấu lại, thông tin chưa đảm bảo tính chính xác và minh bạch, đồng thời quy định pháp luật chưa có sự đồng bộ trong xử lý các hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng. Vì vậy, UBCKNN đề xuất bổ sung quy định tại Điều 30 Nghị định số 155 về điều kiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của doanh nghiệp sau quá trình cơ cấu để đảm bảo tính công khai, minh bạch, đồng bộ trong quản lý hoạt động chào bán chứng khoán ra công chúng; đồng thời sửa tương ứng quy định tại Điều 31 về hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp.

(ii) Về chào bán chứng khoán ra công chúng

Về điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng

Trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) là sản phẩm tài chính mang tính chất trung, dài hạn và có độ rủi ro cao do kỳ hạn trái phiếu tương đối dài. Trong khi đó, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có nhiều biến động khó có thể dự đoán được trong tương lai, nhà đầu tư sẽ phải đối mặt với các rủi ro liên quan đến khả năng thanh toán gốc, lãi trái phiếu trong tương lai. Điểm b khoản 6 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 3 Điều 15 Luật Chứng khoán quy định bổ sung điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng: *Đáp ứng quy định của Chính phủ về đại diện người sở hữu trái phiếu, hệ số nợ, giá trị phát hành trên vốn chủ sở hữu và xếp hạng tín nhiệm*. Đồng thời, quy định về chào bán trái phiếu riêng lẻ hiện nay đã bổ sung quy định về trường hợp bảo lãnh thanh toán của các tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế.

Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị định cần bổ sung quy định về điều kiện liên quan đến *đại diện người sở hữu trái phiếu, hệ số nợ phải trả, giá trị trái phiếu dự kiến phát hành và về Tổ chức xếp hạng tín nhiệm khi thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng* theo điều giao tại Điểm b khoản 6 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 3 Điều 15 Luật Chứng khoán nêu trên và bổ sung quy định về trường hợp bảo lãnh thanh toán của các các tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế.

Về hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng:

Theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/3/2021 và Quyết định số 649/QĐ-NHNN ngày 15/04/2021 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Ngân hàng nhà nước đã bãi bỏ quy định và thủ tục hành chính về việc NHNN chấp thuận phương án chào bán trái phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng. Để đảm bảo thống nhất trong hệ thống văn bản quy pháp pháp luật, dự thảo Nghị định cần bổ sung quy định để sửa đổi khoản 9 Điều 20 Nghị định số 155 theo hướng bỏ nội dung về việc chào bán trái phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng phải có văn bản chấp thuận của Ngân hàng nhà nước. Đồng thời, bổ sung tài liệu về Hợp đồng đại diện sở hữu trái phiếu trong hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng theo quy định tại Điểm b khoản 6 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 3 Điều 15 Luật Chứng khoán nêu trên.

Về hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

Theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hiện hành, đối với đợt chào bán để thực hiện dự án, ĐHĐCĐ phải thông qua phương án sử dụng vốn phải xác định tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện dự án tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán để thực hiện các dự án; phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện các dự án”.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điểm a khoản 6 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 15 Luật Chứng khoán năm 2019, đối với đợt chào bán để thực hiện dự án, ĐHĐCĐ phải thông qua tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu được miễn trừ đối với trường hợp chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu.

Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị định cần sửa đổi quy định về trường hợp miễn trừ này nhằm phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán (*sửa đổi khoản 2 Điều 12 Nghị định số 155*).

(iii) Về chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Qua thực tiễn TTCK cho thấy kinh nghiệm, hiểu biết của các cổ đông về vai trò, quyền lợi của mình chưa cao, cổ đông chưa thực hiện hết các quyền mà pháp luật trao (như tham dự, quyết định, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông). Do đó, cần thiết làm rõ các vấn đề phải được ĐHĐCĐ thông qua và những vấn đề ĐHĐCĐ được ủy quyền cho HĐQT thông qua tại dự thảo Nghị định, tránh các cách hiểu không thống nhất đối với các quy định.

Do đó, Điểm a khoản 9 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung điểm a, b, c khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán năm 2019 đã sửa đổi theo hướng nêu rõ các nội dung tại phương án phát hành cần được ĐHĐCĐ thông qua (tiêu chí nhà đầu tư, số lượng cổ phiếu, giá chào bán hoặc nguyên tắc xác định giá). Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị định cần sửa đổi quy định về chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho phù hợp với Luật số 56/2024/QH15 (*sửa đổi khoản 2 Điều 43 Nghị định 155*).

(iv) Về hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn và phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ

Nghị định số 155 quy định về tài liệu trong các hồ sơ công ty đại chúng đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn (tại Điều 50) và phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ (tại Điều 58) phải có Quyết định của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức phát hành thông qua phương án phát hành, trong đó nêu rõ phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định cần bổ sung thêm quy định về trách nhiệm của HĐQT khi báo cáo ĐHĐCĐ để đảm bảo tính công khai, minh bạch của hoạt động chào bán, phát hành và cung cấp thêm thông tin tham khảo để các cổ đông

có cơ sở quyết định việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần/phần vốn góp, hoán đổi nợ (*sửa đổi khoản 2 Điều 50 và khoản 2 Điều 58 Nghị định số 155*).

(v) Về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty

- *Về các nội dung phải được ĐHĐCĐ thông qua:* Điều 64 và Điều 65 Nghị định số 155 quy định về điều kiện, tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Tuy nhiên, trên cơ sở tăng cường tính công bằng, khách quan và minh bạch của chính sách phát hành cổ phiếu cho người lao động, đồng thời tránh việc lợi dụng chính sách ESOP để trục lợi, cần thiết phải quy định về việc ĐHĐCĐ quyết định đối tượng, tiêu chuẩn, giá phát hành hoặc nguyên tắc xác định giá phát hành (thay vì cho phép ủy quyền cho HĐQT quyết định như hiện nay).

- *Về nguồn phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động:* Điều 66 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp có hướng dẫn hạch toán trong trường hợp công ty cổ phần được phát hành cổ phiếu thưởng từ quỹ khen thưởng để tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu. Do đó, các công ty đại chúng có thể sử dụng nguồn quỹ khen thưởng để thưởng cho người lao động thông qua việc phát hành cổ phiếu. Vì vậy, cần thiết phải bổ sung thêm quy định về nguồn vốn phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động là *quỹ khen thưởng* để thống nhất với quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

- *Về thời gian chuyển nhượng cổ phiếu:* Theo quy định hiện hành tại khoản 8 Điều 64 Nghị định số 155, cổ phiếu ESOP bị hạn chế chuyển nhượng trong 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Tuy nhiên, theo phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động đã được ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua có phương án cổ phiếu được mua lại theo quy chế phát hành cổ phiếu ESOP. Việc mua lại theo quy chế phát hành cổ phiếu ESOP nêu trên bản chất không phải là chuyển nhượng cổ phiếu thông thường. Do đó, để doanh nghiệp và các đơn vị có liên quan có cơ sở triển khai thực hiện việc mua lại cổ phiếu theo chương trình ESOP (khi chưa hết thời gian hạn chế chuyển nhượng), cần thiết phải bổ sung quy định về thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu được ngoại trừ đối với trường hợp mua lại cổ phiếu theo quy chế phát hành.

- *Về việc báo cáo và công bố thông tin việc sử dụng vốn:* Theo quy định hiện hành tại Điều 9 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, tổ chức phát hành chỉ cần báo cáo và công thông tin về tình hình sử dụng vốn đối với mục đích để thực hiện dự án. Tuy nhiên, theo quá trình phát triển của thị trường chứng khoán, việc phân biệt các mục đích sử dụng vốn (dự án hay không dự án) cần được quan tâm, việc sử dụng vốn rất cần được minh bạch, tránh việc sử dụng sai mục đích. Do đó, cần thiết phải bổ sung thêm quy định về việc báo cáo và công bố thông tin việc sử dụng vốn đối với tất cả các mục đích đảm bảo cổ đông được biết và tiếp

cận đầy đủ thông tin, tăng cường tính công khai, minh bạch trên thị trường chứng khoán.

(vi) Một số thuật ngữ và quy định chung

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hiện hành chưa có khái niệm về “ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu”, thực tế việc này gây lúng túng cho doanh nghiệp khi xác định ngày kết thúc đợt phát hành đảm bảo quyền lợi của trái chủ và nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin của doanh nghiệp. Do đó, cần thiết phải bổ sung thuật ngữ về ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu (*tại Điều 3 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP*).

- Một số thuật ngữ như “cơ cấu lại” doanh nghiệp, quy định chung về điều kiện chào bán, phát hành chưa làm rõ Báo cáo tài chính là căn cứ xác định tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp cũng như để xem xét điều kiện về chào bán, phát hành như kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu. Theo đó, để đảm bảo tính thống nhất và rõ ràng trong triển khai thực hiện, đảm bảo cho doanh nghiệp dễ dàng hơn trong thực hiện quy định pháp luật, cần bổ sung làm rõ loại Báo cáo tài chính (BCTC) riêng/hợp nhất tại các quy định liên quan (*tại Khoản 14 Điều 3, Điều 7 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP*).

- Ngoài ra, dự thảo sửa đổi tại khoản 1 Điều 6 về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động về chứng khoán và TTCK, đảm bảo thống nhất với các quy định tại Điều 11a Luật Chứng khoán sửa đổi năm 2024.

1.2. Về niêm yết chứng khoán

(i) Bổ sung quy định về niêm yết cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng gắn với niêm yết chứng khoán

Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng gắn liền với việc niêm yết cổ phiếu là một quy định cơ bản theo thông lệ quốc tế. Theo đó, cổ phiếu được chào bán lần đầu ra công chúng sẽ được niêm yết ngay sau khi kết thúc đợt chào bán nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu được chào bán, đảm bảo sự thành công của hoạt động huy động vốn qua chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

Theo quy định tại Luật Chứng khoán, thời điểm để hoàn thiện hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (do UBCKNN thực hiện) và hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu (do các Sở giao dịch chứng khoán thực hiện) là khác nhau. Do đó, nhiều trường hợp sau khi kết thúc đợt chào bán mới thực hiện xem xét hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu, khi đó nếu doanh nghiệp có biến động về tình hình kinh doanh liên quan đến điều kiện niêm yết, doanh nghiệp phải mất thêm khoảng thời gian khá dài để tiến hành cập nhật tài liệu trong hồ sơ.

Vì vậy, cần thiết xem xét, sửa đổi các quy định về trình tự, thủ tục hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng là cần thiết, để rút ngắn thời gian giữa IPO và niêm yết cổ phiếu.

(ii) Điều kiện niêm yết cổ phiếu

- Làm rõ trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa theo pháp luật về cổ phần hóa trước ngày Nghị định số 155/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được áp dụng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 109 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (*miễn trừ điều kiện về cơ cấu cổ đông*) khi đăng ký niêm yết, góp phần tăng tính hấp dẫn của đợt cổ phần hóa, thu hút doanh nghiệp lớn lên niêm yết và nhà đầu tư tham gia mua cổ phần của doanh nghiệp.

- Về việc sắp xếp cổ phiếu tại SGDCK: Để thuận lợi cho các tổ chức niêm yết thì việc phân loại, sắp xếp, chuyển giao dịch cổ phiếu niêm yết của các SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

(iii) Niêm yết trái phiếu

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP chưa có quy định về thay đổi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện mua lại một phần trái phiếu trước hạn, chuyển đổi, hoán đổi một phần trái phiếu. Do đó, cần bổ sung quy định về thay đổi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp để đảm bảo cơ sở cho doanh nghiệp thực hiện trên thực tế.

(iv) Niêm yết chứng quyền có bảo đảm (Cws)

Hiện nay, việc niêm yết Cws đang được quy định tại Thông tư 107/2015/TT-BTC. Theo quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho quá trình đưa CW vào niêm yết tại SGDCK, phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán 2019 giao Chính phủ quy định về hồ sơ, thủ tục niêm yết chứng khoán, cần thiết bổ sung vấn đề niêm yết Cws tại Nghị định.

(v) Sửa đổi quy định về hủy bỏ niêm yết bắt buộc

Một số quy định tại Nghị định về trường hợp hủy bỏ bắt buộc/tự nguyện niêm yết cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm cần sửa đổi để đảm bảo rõ ràng trong quá trình thi hành.

(vi) Sửa đổi quy định niêm yết, giao dịch chứng khoán tại nước ngoài

Sửa đổi quy định niêm yết, giao dịch chứng khoán tại nước ngoài để làm rõ việc UBCKNN xem xét hồ sơ niêm yết, giao dịch chứng khoán tại nước ngoài của công ty đại chúng, công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, không xem xét đối với hồ sơ niêm yết, giao dịch đối với chứng khoán của doanh nghiệp không phải là công ty đại chúng.

(vii) Về quy định chung

Để đảm bảo tính thống nhất với nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, đảm bảo rõ ràng trong triển khai thực hiện, cần bổ sung làm rõ căn cứ loại Báo cáo tài chính khi xem xét các tiêu chí tài chính tại điều kiện đăng ký niêm yết và điều kiện khi xem xét hủy niêm yết bắt buộc.

Ngoài ra, Nghị định sửa đổi bổ sung quy định trường hợp tổ chức niêm yết hội tổ báo cáo tài chính, các chỉ tiêu tài chính để xem xét đăng ký niêm yết và

hủy niêm yết sẽ căn cứ vào BCTC hồi tố được kiểm toán để có cơ chế xử lý các trường hợp hồi tố số liệu BCTC dẫn đến bị thua lỗ 03 năm liên tục hoặc phát sinh lỗ lũy kế vượt quá vốn chủ sở hữu hoặc vốn chủ sở hữu âm hoặc không đáp ứng các chỉ tiêu tài chính khi đăng ký niêm yết.

1.3. Về tăng chất lượng quản trị công ty đại chúng

- Hạn chế đối với thành viên HĐQT và người quản lý công ty, ngăn ngừa xung đột lợi ích:

Hiện nay, khoản 3 Điều 275 quy định thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Thực tế có trường hợp thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) của công ty đại chúng đồng thời là thành viên HĐQT của 05 công ty cổ phần (tối đa theo quy định) và kiêm thêm chức danh là Thành viên Hội đồng thành viên của nhiều công ty TNHH khác. Việc kiêm nhiệm chức danh Lãnh đạo nhiều công ty cùng một lúc dẫn đến cổ đông công ty đại chúng không kiểm soát được ngăn ngừa xung đột lợi ích hoặc hạn chế đảm bảo khả năng thực thi nhiệm vụ, tính bảo mật của doanh nghiệp.

- Về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp:

Điểm b khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020 đã quy định *Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ.*

Pháp luật chứng khoán không quy định về điều kiện đối với Giám đốc, Tổng giám đốc của doanh nghiệp, mà doanh nghiệp phải thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chính vì vậy, thực tế cũng đã xảy ra tình trạng doanh nghiệp đại chúng vi phạm quy định nêu trên nhưng UBCKNN không có căn cứ để xem xét vi phạm. Do đó, cần thiết bổ sung quy định này vào Nghị định 155.

Bên cạnh đó, Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP đã quy định công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh, cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp công ty đại chúng là tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, trên thực tế, một số công ty đại chúng sử dụng việc “*cho mượn, bảo đảm*” thay thế cho “*bảo lãnh*” để tránh việc vi phạm quy định về quản trị công ty. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định 155 để đảm bảo chặt chẽ hơn.

- Về số lượng thành viên HĐQT không điều hành:

Theo Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Việc quy định “tối thiểu

1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị” gây khó khăn cho doanh nghiệp trong trường hợp HĐQT có tổng số thành viên là số lẻ do không biết làm tròn lên hay làm tròn xuống. Mặt khác, khoản 4 Điều 276 có quy định về số lượng thành viên HĐQT độc lập căn cứ theo số lượng thành viên HĐQT. Do vậy, cần sung quy định về số lượng thành viên HĐQT không điều hành cho thống nhất quy định tại khoản 4 Điều 276 về số lượng thành viên HĐQT độc lập.

- Về nghĩa vụ của thành viên HĐQT độc lập:

Quy định hiện hành tại khoản 3 Điều 277, khoản 4 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP chưa rõ việc báo cáo của Hội đồng quản trị độc lập được thực hiện theo từng thành viên hay 1 báo cáo chung. Do vậy, cần bổ sung làm rõ nghĩa vụ báo cáo của từng thành viên HĐQT độc lập.

- Về nghĩa vụ chi trả cổ tức:

Thực tế, sau khi ĐHĐCĐ thường niên thông qua, nhiều công ty đại chúng không thực hiện hoặc chậm trễ chi trả cổ tức cho cổ đông như CTCP Tập đoàn Cơ khí công nghệ cao Siba, CTCP Thiết bị bưu điện.... Việc chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc thực hiện chi trả cổ tức ảnh hưởng đến quyền lợi của cổ đông, gây khiếu kiện kéo dài. Ngoài ra, do Nghị định 155 chưa có quy định về trách nhiệm của HĐQT trong việc thực hiện chi trả cổ tức hàng năm dẫn đến UBCKNN không có căn cứ để xem xét vi phạm. Vì vậy, cần bổ sung thêm nội dung này tại Điều 278 của Nghị định.

1.4. Về thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục (ETF)

Thực tiễn trong thời gian qua cho thấy hoạt động tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF có vai trò nhất định trong hoạt động của quỹ ETF, giúp cải thiện thanh khoản cho các chứng chỉ quỹ có thanh khoản kém.

Luật Chứng khoán 2006 và văn bản hướng dẫn thi hành đã có quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF và chứng khoán phái sinh.

Trên cơ sở Luật Chứng khoán 2019, Nghị định số 158/2020/NĐ-CP đã có quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành viên tạo lập thị trường chứng khoán phái sinh. Tuy nhiên hiện chưa có quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký về tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF. Do đó, từ năm 2021 đến nay, các công ty chứng khoán không thể đăng ký là thành viên tạo lập thị trường cho những quỹ ETF mới thành lập hoặc không thể đề nghị hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường.

Để tháo gỡ vướng mắc liên quan đến hoạt động tạo lập thị trường quỹ ETF và đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất, cần thiết bổ sung quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký, hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tăng cường quản lý, giám sát các thị trường chứng khoán theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 về Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, tính minh bạch trong hoạt động chào bán, phát hành chứng khoán (bao gồm trái phiếu ra công chúng, cổ phiếu và trái phiếu riêng lẻ), bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, nhất là các nhà đầu tư nhỏ lẻ, ngăn chặn hành vi gian lận khi đưa hàng hóa lên thị trường chứng khoán. Qua đó, tạo điều kiện cho TTCK phát triển, Chính phủ, các doanh nghiệp có khả năng huy động nguồn lực dài hạn, chi phí phù hợp để phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

c) Các giải pháp đề xuất:

Giải pháp 1: Nhóm giải pháp về sửa đổi, bổ sung Nghị định 155

Thứ nhất, các nội dung liên quan đến chào bán, phát hành chứng khoán

- Bổ sung quy định làm rõ về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan đến các hồ sơ, tài liệu báo cáo để tăng cường tính công khai, minh bạch đảm bảo phân định trách nhiệm rõ ràng.

- Bổ sung nội dung quy định về loại Báo cáo tài chính tại khoản 14 Điều 3, khoản 8 Điều 7 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP để làm rõ loại Báo cáo tài chính sử dụng trong xác định điều kiện về chào bán, phát hành; quy định về BCTC của công ty có cổ phần, phần vốn góp tham gia đợt phát hành cổ phần để hoán đổi.

- Bổ sung quy định về việc báo cáo và công bố thông tin việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành đối với tất cả các mục đích tại Điều 9 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

- Bổ sung quy định đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng được nộp sau ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên, tổ chức phát hành phải bổ sung báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;" để đảm bảo tính công khai, minh bạch, kịp thời của thông tin.

- Bổ sung quy định đối với đợt chào bán để thực hiện dự án, trừ trường hợp chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu, ĐHDCĐ thông qua phương án sử dụng vốn phải xác định tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện dự án tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán để thực hiện các dự án.

- Bổ sung quy định về điều kiện chào bán trái phiếu có bảo đảm ra công chúng đối với trường hợp bảo lãnh của tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế tại Điều 23 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

- Bổ sung quy định về điều kiện, hồ sơ đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng tại công ty sau quá trình cơ cấu lại tại Điều 30, Điều

31 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, theo đó bổ sung quy định tổ chức phát hành phải lập Báo cáo thông tin tài chính theo quy ước để đảm bảo tính công khai, minh bạch, đồng bộ trong quản lý hoạt động chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

- Bổ sung quy định về điều kiện liên quan đến *Đại diện sở hữu trái phiếu, tổ chức xếp hạng tín nhiệm, hệ số nợ, giá trị trái phiếu phát hành khi thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng* tại Điều 19 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP theo điều giao tại Điểm b khoản 6 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 3 Điều 15 Luật Chứng khoán, theo đó dự kiến quy định như sau:

+ Các trường hợp phát hành trái phiếu ra công chúng phải có *Đại diện sở hữu trái phiếu* với vai trò làm trung gian liên lạc giữa người sở hữu trái phiếu, tổ chức phát hành và các tổ chức có liên quan khác; giám sát việc tuân thủ các cam kết của tổ chức phát hành trong hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu..., đảm bảo quyền lợi tốt hơn cho các trái chủ.

+ Trừ trường hợp trái phiếu phát hành của tổ chức tín dụng hoặc trái phiếu được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc và lãi trái phiếu, bắt buộc xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành hoặc trái phiếu đăng ký chào bán để doanh nghiệp làm quen với văn hóa xếp hạng tín nhiệm, nâng cao tính công khai minh bạch trong hoạt động chào bán trái phiếu ra công chúng. *Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành.*

+ Doanh nghiệp phải đáp ứng điều kiện *có hệ số nợ phải trả (bao gồm cả giá trị trái phiếu dự kiến phát hành, ngoại trừ trái phiếu phát hành để cơ cấu lại khoản nợ) trên vốn chủ sở hữu không quá 4 lần, ngoại trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.* Quy định này nhằm đảm bảo an toàn tài chính đối với tổ chức phát hành. Bên cạnh đó, giá trị trái phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá không lớn hơn vốn chủ sở hữu. Các điều kiện này được ngoại trừ đối với tổ chức phát hành là các tổ chức tín dụng và trái phiếu phát hành được bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc và lãi trái phiếu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Sửa đổi quy định về hồ sơ phát hành cổ phiếu hoán đổi cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp chưa đại chúng khác.

Để đảm bảo tính công khai, công bằng, khách quan, minh bạch, tài liệu trong các hồ sơ công ty đại chúng đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn (Điều 50) và phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ (Điều 58) phải có Quyết định của ĐHĐCĐ của tổ chức phát hành thông qua phương án phát hành, trong đó *Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi, ý kiến của tổ*

chức thẩm định giá độc lập (nếu có) để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp với giá thị trường.

- Làm rõ các vấn đề phải được ĐHĐCĐ thông qua và được ủy quyền cho HĐQT thông qua tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, trong đó bổ sung các nội dung phải được ĐHĐCĐ phải thông qua; thống nhất Điểm a khoản 9 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung điểm a, b, c khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán năm 2019, tạo cơ sở rõ ràng cho doanh nghiệp khi thực hiện.

- Để đảm bảo tính thống nhất, rõ ràng trong quản lý hoạt động phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, kiến nghị sửa đổi các nội dung sau:

+ *Làm rõ thẩm quyền thông qua các nội dung tại phương án phát hành cổ phiếu ESOP:* Khoản 3 Điều 64 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP bổ sung quy định về việc ĐHĐCĐ phải thông qua tiêu chuẩn. Danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện được ĐHĐCĐ thông qua hoặc ủy quyền cho HĐQT thông qua. Việc làm rõ thẩm quyền thông qua từng nội dung sẽ hạn chế các xung đột lợi ích hiện nay giữa thành viên quản lý với cổ đông doanh nghiệp.

+ *Về nguồn sử dụng để phát hành:* Khoản 4 Điều 64 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định về nguồn vốn để phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động bổ sung thêm nguồn “*Quỹ khen thưởng*” (bên cạnh các nguồn khác đang được quy định hiện nay là thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác) để đảm bảo thống nhất với quy định tại Điều 66 Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

+ *Về thời gian chuyển nhượng cổ phiếu:* Bổ sung tại khoản 8 Điều 64 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP cho phép thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu phát hành (01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành) được ngoại trừ trường hợp chuyển nhượng do cổ phiếu được mua lại theo quy chế phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động đã được ĐHĐCĐ/HĐQT công ty thông qua.

- Một số nội dung khác:

+ Bổ sung thuật ngữ “*ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi*” tại khoản 12 Điều 3 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP để đảm bảo việc xác định quyền lợi của trái chủ và đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin của tổ chức phát hành.

+ Bổ sung quy định về chào bán chứng quyền có bảo đảm hiện đang được quy định tại Thông tư số 107/2016/TT-BTC, do chứng quyền có bảo đảm là một loại chứng khoán theo khoản 6 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 6 Điều 5 Luật Chứng khoán 2019 giao Chính phủ quy định về chào bán, phát hành chứng khoán.

Thứ hai, nội dung liên quan đến niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán

- Bổ sung quy định làm rõ tại Điều 107 căn cứ Báo cáo tài chính để xem xét điều kiện kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu của tổ chức niêm yết tương tự với các quy định về chào bán, phát hành chứng khoán; giúp xử lý các hồ sơ thống nhất, rõ ràng. Bổ sung quy định để có cơ chế xử lý các trường hợp hồi tố số liệu BCTC dẫn đến bị thua lỗ 03 năm liên tục hoặc phát sinh lỗ lũy kế vượt quá vốn chủ sở hữu hoặc vốn chủ sở hữu âm hoặc không đáp ứng các chi tiêu tài chính khi đăng ký niêm yết. Ngoài ra, bổ sung quy định để làm rõ chỉ yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán vốn góp của chủ sở hữu (*thay vì kiểm toán toàn bộ khoản mục vốn chủ sở hữu như quy định hiện hành*) khi đăng ký niêm yết/thay đổi đăng ký niêm yết sau khi chào bán cổ phiếu (có thu tiền), giảm chi phí, thủ tục hành chính cho doanh nghiệp và phù hợp với thực tế, do doanh nghiệp phát hành tăng vốn thì chỉ cần phải kiểm toán khoản mục vốn góp của chủ sở hữu mà không phải kiểm toán lại các khoản mục khác như các quỹ, lợi nhuận sau thuế.

- *Bổ sung quy định về niêm yết cổ phiếu đồng thời với chào bán lần đầu ra công chúng*: Để đảm bảo SGDCK có đủ cơ sở pháp lý xem xét hồ sơ đăng ký niêm yết đồng thời quá trình UBCK xem xét hồ sơ đăng ký chào bán, dự thảo bổ sung quy định về đăng ký niêm yết đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) của công ty cổ phần; góp phần rút ngắn quá trình niêm yết cổ phiếu sau IPO, giảm thời gian đưa cổ phiếu chào bán ra công chúng lên giao dịch như (sửa đổi Điều 109, bổ sung Điều 111a), từ đó thu hút doanh nghiệp IPO qua TTCK, cũng như bảo vệ tốt hơn quyền lợi nhà đầu tư tham gia đợt IPO thông qua việc sớm đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường niêm yết tập trung.

- *Sửa đổi quy định về hủy niêm yết bắt buộc* tại Điều 120 Nghị định 155 cho rõ hơn về trường hợp hủy bắt buộc niêm yết cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm để đảm bảo rõ ràng trong quá trình thi hành.

- *Sửa đổi quy định niêm yết, giao dịch chứng khoán tại nước ngoài* tại Điều 126, 127, 128, 129 để làm rõ việc UBCKNN chỉ xem xét hồ sơ niêm yết, giao dịch đối với chứng khoán của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không xem xét đối với hồ sơ niêm yết, giao dịch đối với chứng khoán công ty chưa đại chúng.

- *Bổ sung quy định về thay đổi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp* khi thực hiện mua lại một phần trái phiếu trước hạn, chuyển đổi, hoán đổi một phần trái phiếu.

- *Bổ sung quy định về niêm yết chứng quyền có bảo đảm (CW)*, tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho quá trình đưa CW vào niêm yết tại SGDCK và phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán 2019 giao Chính phủ quy định về hồ sơ, thủ tục niêm yết chứng khoán.

- *Sửa đổi quy định về đối tượng đăng ký giao dịch* tại Điều 134 để tránh cách hiểu không thống nhất, làm rõ trường hợp dù công ty bị hủy niêm yết, không còn đáp ứng điều kiện công ty đại chúng vẫn xuống giao dịch tại UpCom trong vòng 1 năm. Sau thời hạn này, nếu doanh nghiệp vẫn không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng mới xem xét hủy đăng ký giao dịch; thống nhất với quy định về hủy tư cách đại chúng.

- *Về quy định chuyển tiếp*: Làm rõ trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa theo pháp luật về cổ phần hóa trước ngày Nghị định số 155/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được áp dụng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 109 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (*miễn trừ điều kiện về cơ cấu cổ đông*) khi đăng ký niêm yết, góp phần tăng tính hấp dẫn của đợt cổ phần hóa, thu hút doanh nghiệp lớn lên niêm yết và nhà đầu tư tham gia mua cổ phần của doanh nghiệp.

Thứ ba, về quản trị công ty đại chúng

Quy định thêm một số hạn chế đối với thành viên HĐQT và người quản lý công ty, ngăn ngừa xung đột lợi ích, cụ thể:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 275 theo hướng thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị *hoặc Hội đồng thành viên* tại tối đa 05 công ty khác;

- Sửa đổi khoản 6 Điều 291 theo hướng bổ sung quy định: Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ.

- Bổ sung nghĩa vụ thực hiện chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên (khoản 10 Điều 278), quy định rõ ràng về trách nhiệm lập báo cáo hoạt động của từng thành viên HĐQT (Điều 280); hạn chế các giao dịch cho mượn tiền/tài sản, bảo đảm khoản vay của công ty đại chúng với cổ đông (Điều 293). Các sửa đổi này nhằm khắc phục tình trạng thực tế một số công ty đại chúng đã có các hành vi nêu trên, chưa đảm bảo quyền lợi của cổ đông, song UBCK không có căn cứ để xem xét xử phạt.

- Bãi bỏ quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 310 Nghị định, do các điều khoản này quy định chi tiết khoản 4, khoản 5 Điều 135 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Luật số 56/2024/Q15 đã bãi bỏ khoản 4 và khoản 5 Điều 135 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

Thứ tư, về thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF

Bổ sung Điều 106a. Thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục, quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF; đình chỉ hoạt động; tự nguyện hủy bỏ, hủy bỏ

tư cách thành viên tạo lập thị trường và các nội dung khác liên quan đến hoạt động tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF.

Giải pháp 2: Giữ nguyên hiện trạng quy định tại luật hiện hành

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

Giải pháp 1:

*** Tác động đối với hệ thống pháp luật**

Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; thống nhất với Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; thống nhất cách hiểu giữa lĩnh vực ngân hàng, đầu tư và lĩnh vực chứng khoán

Đối với vấn đề quản trị doanh nghiệp, để đảm bảo tính đồng bộ về pháp luật, pháp luật doanh nghiệp cần bổ sung quy định về xử phạt vi phạm đối với các hành vi không tuân thủ nghĩa vụ của người quản lý (nghĩa vụ tránh xung đột lợi ích, chi trả cổ tức...) đã được quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Đối với hoạt động tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF: đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ về hoạt động tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF.

Qua rà soát, chính sách chưa tạo ra vấn đề không tương thích với nghĩa vụ cam kết của Việt Nam trong Chương dịch vụ tài chính, cam kết về thương mại dịch vụ trong Chương đầu tư và các nội dung cam kết có liên quan khác của WTO, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CCTTP) và Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA).

*** Tác động về kinh tế - xã hội**

- Tác động tích cực

+ Đối với Nhà nước: Giải pháp không làm phát sinh chi phí cho hoạt động quản lý nhà nước, không ảnh hưởng tới nguồn thu ngân sách Nhà nước. Các doanh nghiệp có điều kiện huy động vốn phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước. Quy định về báo cáo tài chính đối với tổ chức thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng sẽ bổ sung công cụ để hạn chế việc niêm yết của sau của một số doanh nghiệp chưa đủ điều kiện niêm yết thông qua các hoạt động hợp nhất, sáp nhập. Bên cạnh đó, niềm tin đối với hoạt động chào bán chứng khoán tăng cao sẽ thu hút được nhà đầu tư tham gia vào TTCK, tăng thu cho ngân sách Nhà nước. Đối với hoàn thiện quy định về công ty đại chúng, việc bổ sung hồ sơ đăng ký công ty đại chúng là cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá tính đầy đủ, hợp lệ của việc góp vốn điều lệ và tăng vốn của tổ chức đăng ký CTĐC. Đối với hoạt động tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF, cơ quan quản lý nhà nước có cơ sở để quản lý hoạt

động đăng ký, đình chỉ, hủy bỏ và các hoạt động khác liên quan đến tổ chức tạo lập thị trường.

+ Đối với người dân: Bổ sung thêm nguồn thông tin để nhà đầu tư công chúng đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện hơn về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh sát với hiện trạng của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cơ chế giám sát hoạt động huy động vốn qua chào bán của doanh nghiệp chặt chẽ, các thông tin về chào bán được minh bạch làm cơ sở nhà đầu tư ra quyết định đầu tư đúng đắn và đem lại lợi ích tốt nhất, tài sản đầu tư của người dân vào doanh nghiệp được bảo đảm.

+ Đối với doanh nghiệp: Tăng tính minh bạch về tình hình tăng vốn, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có quá trình tăng vốn nhanh. Công tác quản trị doanh nghiệp được tăng cường, vị thế trên thị trường tốt, niềm tin đối với doanh nghiệp được gia tăng, doanh nghiệp có khả năng huy động vốn lớn đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Các quy định về hủy công ty đại chúng không làm phát sinh chi phí cho DN khi triển khai thực hiện. Quy định về tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF giúp các công ty chứng khoán có thể đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường cho các quỹ ETF mới thành lập, đáp ứng nhu cầu kinh doanh của của công ty.

+ Đối với nhà đầu tư, các giải pháp được thực hiện sẽ giúp cổ đông, nhà đầu tư có thêm thông tin để cân nhắc, đánh giá tình hình tài chính, quản trị doanh nghiệp, từ đó quyết định đầu tư, đồng hành cùng doanh nghiệp.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Việc bổ sung quy định pháp luật làm phát sinh chi phí không đáng kể cho hoạt động quản lý nhà nước để xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, không ảnh hưởng tới nguồn thu ngân sách Nhà nước.

+ Đối với người dân: Tính minh bạch, trách nhiệm của những người liên quan đến việc chào bán chứng khoán được tăng lên, không làm ảnh hưởng đến chi phí đầu tư của nhà đầu tư, do vậy, cơ bản không làm phát sinh chi phí.

+ Đối với doanh nghiệp: Đối với quy định về công ty đại chúng, việc bổ sung quy định thành phần hồ sơ liên quan đến chào bán, phát hành chứng khoán có thể làm phát sinh chi phí để thực hiện thủ tục hành chính.

* Tác động về giới

Giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách không mang tính phân biệt, được áp dụng chung.

* Tác động của thủ tục hành chính

Giải pháp không làm phát sinh TTHC mới, có sửa đổi, bổ sung một số điều kiện, hồ sơ của TTHC hiện hành và được đánh giá theo tài liệu về đánh giá tác động của TTHC.

Giải pháp 2: Giữ nguyên hiện trạng các quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hiện hành

*** Tác động đối với hệ thống pháp luật**

Nội dung chào bán, phát hành, niêm yết chứng khoán, công ty đại chúng có liên quan trực tiếp tới các văn bản pháp luật như pháp luật doanh nghiệp, pháp luật đầu tư, pháp luật ngân hàng... Đồng thời, dự thảo Luật chứng khoán đã sửa đổi, bổ sung một số quy định có liên quan, đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết điều khoản thi hành. Do đó, trường hợp lựa chọn không sửa đổi quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP sẽ không đảm bảo tính phù hợp, thống nhất của hệ thống pháp luật, đảm bảo TTCK hoạt động ổn định, tăng cường công tác quản lý Nhà nước và bảo vệ quyền, lợi ích của nhà đầu tư.

Đối với hoạt động tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF, nếu không bổ sung quy định sẽ không có cơ sở pháp lý để các công ty chứng khoán đăng ký mới, hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường.

*** Tác động về kinh tế - xã hội**

- Tác động tích cực

+ Đối với cơ quan nhà nước: không phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản để điều chỉnh chính sách.

+ Đối với doanh nghiệp, người dân: không thay đổi so với hiện tại.

- Tác động tiêu cực

+ Đối với cơ quan nhà nước: Rủi ro giảm hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật về tài chính, đầu tư do ảnh hưởng đến niềm tin của thị trường; tăng chi phí cho các hoạt động quản lý nhà nước do phải bổ sung nguồn lực để xử lý hậu quả của các hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết chứng khoán (như vấn đề giải quyết khiếu kiện, xử lý vi phạm). Bên cạnh đó, sự dè dặt trong quyết định đầu tư của nhà đầu tư sẽ làm ảnh hưởng tới nguồn thu cho ngân sách từ các hoạt động thu phí, lệ phí. Về hoạt động tạo lập thị trường quỹ ETF, cơ quan quản lý gặp khó khăn trong việc xử lý hồ sơ đăng ký, hủy bỏ tư cách tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF và khó khăn trong quản lý, giám sát đối với hoạt động này.

+ Đối với doanh nghiệp: doanh nghiệp bị hạn chế nguồn vốn để đầu tư vào hoạt động sản xuất, kinh doanh do hoạt động chào bán, huy động vốn gặp khó khăn hơn do một số quy định chưa được rõ ràng, các quy định tại văn bản Luật còn được quy định chi tiết tại văn bản dưới luật làm cơ sở cho doanh nghiệp thực hiện, ảnh hưởng chất lượng, tiến độ của các thông tin trong hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành, niêm yết chứng khoán và ảnh hưởng đến tiến độ xem xét hồ sơ. Công ty chứng khoán không thể đăng ký, hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF theo nhu cầu của Công ty.

+ Đối với người dân: Nhà đầu tư là cổ đông doanh nghiệp có thể có thiệt hại do thị trường suy giảm niềm tin vào doanh nghiệp, ảnh hưởng đến hình ảnh, giá trị của doanh nghiệp.

* Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

* Tác động của thủ tục hành chính

Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp, cá nhân.

d) Lựa chọn giải pháp

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực hơn là Giải pháp 1.

Từ các cơ sở trên, Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 1.

1.2. Chính sách 2: Hoàn thiện các quy định để tháo gỡ các vướng mắc trên thực tiễn, thúc đẩy sự phát triển của TTCK với mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán

a) Xác định vấn đề:

TTCK Việt Nam là một trong 78 TTCK trên thế giới được xếp hạng, theo đó TTCK Việt Nam đang được xếp vào nhóm TTCK cận biên (Frontier Market), gồm 30 quốc gia trong đó Việt Nam đang là thị trường có tỷ trọng lớn nhất, chiếm 35% tổng giá trị của chỉ số TTCK cận biên của FTSE Russel. Do vậy, việc thực hiện các giải pháp để được nâng hạng đã trở thành yêu cầu cấp bách đối với TTCK Việt Nam để tiếp tục duy trì và thu hút dòng vốn nước ngoài.

Tuy nhiên, để được nâng hạng, TTCK Việt Nam cần tháo gỡ một trong các vướng mắc chính là yêu cầu không phải có đủ tiền khi đặt lệnh giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN). Theo đó, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 68/2024/TT-BTC quy định không yêu cầu nhà đầu tư tổ chức nước ngoài phải có đủ tiền khi đặt lệnh mua cổ phiếu. Tuy nhiên, đây cũng chỉ là giải pháp triển khai trước mắt để đáp ứng tiêu chí nâng hạng và chỉ áp dụng cho giao dịch mua cổ phiếu và đối tượng áp dụng là nhà đầu tư tổ chức nước ngoài. Theo đánh giá của các tổ chức quốc tế, thành viên thị trường, các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài lớn, để duy trì thứ hạng cũng như được xếp hạng cao hơn thì Việt Nam cần tiếp tục triển khai giải pháp tháo gỡ các rào cản còn lại cũng như cải thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của thị trường, trong đó bao gồm mở cửa thị trường cho NĐTNN, việc triển khai cơ chế đối tác bù trừ trung tâm (CCP) cho thị trường chứng khoán cơ sở phù hợp với thông lệ quốc tế ...

Do đó, việc sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định 155 theo hướng tăng cường sự tham gia của NĐTNN vào TTCK, mở cửa hơn cho NĐTNN trong tiếp cận thị trường, hoàn thiện mô hình thanh toán theo cơ chế CCP là vô cùng cần thiết.

(i) Về đối tượng nhà đầu tư nước ngoài là NĐT chứng khoán chuyên nghiệp

Thực tế hiện nay, các nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện xác nhận tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo các tiêu chí của Luật Chứng khoán hiện hành gặp một số khó khăn do các giấy tờ, tài liệu báo cáo chứng minh theo yêu cầu của Việt Nam không phù hợp, tương thích với quy định về giấy tờ, tài liệu của nước ngoài... làm cản trở các nhà đầu tư nước ngoài trong việc tham gia thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam, đặc biệt trong các hoạt động chào bán trái phiếu, cổ phiếu riêng lẻ.

Trong khi đó, theo số liệu cập nhật từ VSDC, có hơn 42.000 nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân và gần 6.000 là tổ chức tham gia TTCK Việt Nam, đóng góp rất lớn cho thị trường chứng khoán Việt Nam; do vậy, đối tượng này cần được thu hút tham gia thị trường, mở rộng kênh dẫn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam. Đồng thời, các nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân nước ngoài khi tự mình trực tiếp thực hiện hoạt động đầu tư ra khỏi biên giới nước sở tại thường là những nhà đầu tư có kinh nghiệm đầu tư, có khả năng hiểu biết và có trình độ, có năng lực tài chính và có khả năng chấp nhận rủi ro cao.

Đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài mà không có kinh nghiệm đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro thấp sẽ chuyên qua lựa chọn đầu tư qua các quỹ đầu tư hoặc các tổ chức đầu tư chuyên nghiệp. Vì vậy, Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi bổ sung Luật Chứng khoán năm 2019 theo hướng NĐT chứng khoán chuyên nghiệp bao gồm tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Luật Chứng khoán để tạo thuận lợi, thu hút các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia vào TTCK Việt Nam, mở rộng kênh dẫn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

(ii) Về sửa đổi quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tại CTĐC, hướng đến mục tiêu nâng hạng TTCK

- Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hiện đang *cho phép ĐHĐCĐ công ty đại chúng được quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài thấp hơn quy định pháp luật*. Quy định này chưa đảm bảo quyền lợi của cổ đông nước ngoài theo Luật Doanh nghiệp, cũng như khiến cho khoản đầu tư của họ gặp rủi ro khi không lường được các thay đổi từ doanh nghiệp. Do đó, để tăng tính hấp dẫn của TTCK Việt Nam, thu hút NĐTNN cần thiết đánh giá, sửa đổi quy định này.

- Khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP có nhiều cách hiểu khác nhau gây vướng mắc khi thực hiện, cụ thể quy định trường hợp tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng vượt quy định pháp luật thì các cổ đông của công ty là nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được bán ra cổ phiếu, không nói đến cho nhà

đầu tư trong nước hay nhà đầu tư nước ngoài. Do đó, nhà đầu tư nước ngoài vẫn hiểu là được phép bán cho nhà đầu tư nước ngoài miễn không làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty. Đồng thời, các trường hợp ngoại trừ vẫn còn chưa bao quát đầy đủ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông nước ngoài khi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty vượt tỷ lệ đã xác định. Do vậy, cần sửa đổi quy định này theo hướng quy định rõ chỉ được bán ra cho nhà đầu tư trong nước và bổ sung thêm các trường hợp ngoại trừ.

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP đã quy định quỹ đóng phải áp dụng điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trình tự, thủ tục đầu tư trên thị trường chứng khoán như nhà đầu tư nước ngoài khi có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Tuy nhiên, quy định hiện hành chưa quy định rõ cách ứng xử với quỹ thành viên. Do đó, cần thiết phải bổ sung quy định để làm rõ việc ứng xử tương tự nhau giữa các loại hình quỹ, bao gồm quỹ thành viên và quỹ đóng.

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP chưa quy định thời hạn các công ty đại chúng phải hoàn thành thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, vì vậy đến nay nhiều công ty đại chúng chưa hoàn thành thủ tục này nên thị trường chưa phản ánh đúng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng. Chính vì vậy, để đảm bảo công ty đại chúng tuân thủ pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành và các điều ước quốc tế có liên quan, Nghị định cần bổ sung quy định về thời hạn CTĐC phải thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ SHNN tối đa, phục vụ mục tiêu nâng hạng TTCK.

(iii) Về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán

- Về lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ của VSDC: Khoản 3 Điều 156 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP đang quy định về việc quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ chưa bao quát đầy đủ doanh thu từ các hoạt động nghiệp vụ của VSDC; đồng thời quy định tổng mức trích quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ lũy kế không quá 30% vốn điều lệ của VSDC có thể dẫn tới trường hợp số dư quỹ còn lại thấp hoặc hết do sử dụng nhưng VSDC không thể trích bổ sung. Vì vậy, để đảm bảo an toàn trong hoạt động nghiệp vụ VSDC, cần thiết sửa đổi bổ sung theo hướng số dư quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ không vượt quá 30% vốn điều lệ của VSDC.

- Về đình chỉ hoạt động của thành viên giao dịch: Theo quy định tại Điều 105 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP chưa quy định rõ ràng việc đình chỉ hoạt động của thành viên giao dịch theo hướng phân tách phù hợp với đối tượng là thành viên lưu ký (TVLK) và thành viên bù trừ (TVBT). Cụ thể, TVLK không có quyền cung cấp dịch vụ bù trừ nên trong các hình thức xử lý vi phạm chỉ có đình chỉ hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán giao dịch chứng khoán; TVBT có quyền thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán nên trong các hình thức xử lý vi phạm có đình chỉ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán. Do đó, cần thiết phải sửa đổi quy định để làm rõ vấn đề này.

- Về nghĩa vụ “cung cấp thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật” tại Điều 149 Nghị định số

155/2020/NĐ-CP: Trong quá trình triển khai, có nhiều trường hợp VSDC gặp lúng túng trong việc xác định thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin “cơ quan có thẩm quyền” theo quy định pháp luật chuyên ngành như: cơ quan thuế, hải quan, các đơn vị xác minh kê khai tài sản của các cơ quan ban ngành ... Vì vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho VSDC trong việc xác định chính xác cơ quan có thẩm quyền yêu cầu VSDC cung cấp thông tin và thực hiện trách nhiệm bảo mật thông tin sở hữu chứng khoán, cần bổ sung quy định rõ nội dung, mục đích, hình thức yêu cầu cung cấp thông tin, căn cứ pháp lý xác định thẩm quyền được yêu cầu VSDC cung cấp thông tin và quyền từ chối của VSDC đối với yêu cầu cung cấp thông tin.

- Về đăng ký biện pháp bảo đảm: Điểm a khoản 2 Điều 169 chưa có quy định về việc chứng khoán đã đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam được giữ nguyên việc đăng ký biện pháp bảo đảm trong trường hợp tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện thủ tục chuyển nhượng giao dịch cho chứng khoán đó. Trên thực tế, nhiều trường hợp cổ đông là người quản lý có cổ phiếu đã đăng ký biện pháp bảo đảm cho một nghĩa vụ thanh toán khác khi chuyển nhượng phải xóa đăng ký biện pháp bảo đảm, rồi sau đó mới đăng ký hạn chế chuyển nhượng đáp ứng yêu cầu của VSDC và đồng thời bảo đảm lại cho mục đích thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba. Việc xóa đăng ký biện pháp bảo đảm khi chuyển nhượng rồi sau đó đăng ký hạn chế chuyển nhượng/bảo đảm có thể dẫn đến rủi ro trong thời gian xóa biện pháp bảo đảm, đồng thời phát sinh thêm thủ tục cho doanh nghiệp và nhà đầu tư.

- Về bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán

+ Khoản 1 Điều 150 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm ngoại trừ đối với công cụ nợ và chưa có nội dung về ngoại trừ đối với trái phiếu doanh nghiệp (TPDN). Tuy nhiên, TPDN riêng lẻ hiện không thực hiện bù trừ đa phương mà theo phương thức thanh toán tức thời theo từng giao dịch. TPDN niêm yết hiện không quy định về mệnh giá tối đa và thị trường TPDN niêm yết hiện có quy mô nhỏ, tính thanh khoản chưa cao nên có thể gây rủi ro cho hoạt động bù trừ, thanh toán nếu có lỗi hệ thống xảy ra. Vì vậy, trong giai đoạn đầu khi triển khai cơ chế CCP, hoạt động bù trừ, thanh toán theo cơ chế CCP chưa áp dụng đối với TPDN.+ Về tổ chức hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế CCP: Theo Luật chứng khoán sửa đổi quy định về hoạt động bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán do VSDC hoặc công ty con của VSDC thực hiện. Theo đó cần bổ sung quy định để sau khi được thành lập, công ty con có cơ sở tổ chức thực hiện cơ chế CCP theo quy định tại Nghị định này. Ngoài ra, chưa có quy định về việc công ty con của VSDC được trích lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ của chính mình và việc trích lập, quản lý, sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ tại công ty con của VSDC thực hiện như quy định áp dụng đối với VSDC.

+ Tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, điều kiện UBCK chấp thuận cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là *phải đáp ứng/có chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật các tổ chức tín dụng*. Tuy nhiên, Khoản 2 Điều 13 Thông tư 34/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 quy định quy định Ngân hàng nhà nước cấp phép hoạt động này sau khi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và được VSDC chấp thuận trở thành thành viên bù trừ. Do đó, cần thiết sửa đổi quy định để thống nhất giữa các hệ thống pháp luật.

+ Khi triển khai cơ chế CCP, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam sẽ thực hiện vai trò bảo đảm thanh toán cho các giao dịch chứng khoán xác lập trên hệ thống giao dịch chứng khoán. Cơ chế này một mặt giúp gia tăng tin cậy cho hoạt động giao dịch nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro, ảnh hưởng đến tính an toàn, ổn định và liên tục của thị trường trong một số trường hợp đặc biệt như hệ thống giao dịch gặp sự cố dẫn tới không kiểm soát được giao dịch đặt vào hệ thống (về khối lượng, về giá...) hoặc trong điều kiện thị trường có biến động mạnh, TVBT mất khả năng thanh toán với khối lượng lớn mà nếu CCP thanh toán cho các giao dịch này sẽ dẫn đến việc mất khả năng khôi phục hoạt động. Theo đó cần thiết sửa đổi, bổ sung Nghị định 155 đề VSDC có cơ sở từ chối thế vị các giao dịch phát sinh trong trường hợp này.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Nhằm hoàn thiện các quy định, kịp thời khắc phục các bất cập, vướng mắc có tính cấp bách trong thực tiễn hoạt động TTCK, đáp ứng yêu cầu phát triển mới, bảo đảm tính toàn diện của khung pháp lý quản lý hoạt động TTCK, nâng cao hiệu quả hoạt động của TTCK nhằm thực hiện mục tiêu nâng hạng thị trường.

- Tạo hành lang pháp lý đầy đủ, toàn diện cho việc triển khai hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm trên toàn TTCK.

- Tháo gỡ điểm nghẽn trong thu hút nhà đầu tư tổ chức vào TTCK Việt Nam, tăng cường phân cấp, phân quyền.

c) Các giải pháp đề xuất:

Giải pháp 1: Nhóm giải pháp về sửa đổi, bổ sung các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP:

(i) Về NĐTNN là NĐT chứng khoán chuyên nghiệp

- Bổ sung tại Điều 5 về tài liệu xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đối với nhà đầu tư nước ngoài, do Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán năm 2019 đã sửa đổi bổ sung đối tượng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp gồm nhà đầu tư nước ngoài.

(ii) Về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên TTCK

- Bổ sung quy định thời hạn các công ty đại chúng phải hoàn thành thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa (*trong vòng 06 tháng, kể từ ngày Nghị định sửa đổi có hiệu lực thi hành*), do hiện nay nhiều công ty đại chúng chưa hoàn thành thủ tục này nên thị trường chưa phản ánh đúng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng (Điều 310). Việc bổ sung quy định này cũng nhằm đảm bảo công ty đại chúng tuân thủ pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành và các điều ước quốc tế có liên quan, phục vụ mục tiêu nâng hạng TTCK.

- Bổ quy định tại Điều 139 *cho phép ĐHĐCĐ và Điều lệ công ty đại chúng được quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài thấp hơn quy định pháp luật, trừ trường hợp có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền* đảm bảo quyền lợi của cổ đông nước ngoài theo Luật Doanh nghiệp, cũng như giảm rủi ro cho nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN) khi họ không lường được các thay đổi từ doanh nghiệp, từ đó tăng tính hấp dẫn của TTCK Việt Nam, thu hút NĐTNN; đồng thời sửa tương ứng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 143 bổ sung loại hình quỹ thành viên phải áp dụng điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trình tự, thủ tục đầu tư trên thị trường chứng khoán như nhà đầu tư nước ngoài khi có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

(iii) Về đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 105 theo hướng định chỉ hoạt động lưu ký, thanh toán giao dịch chứng khoán đối với thành viên lưu ký và định chỉ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán đối với thành viên bù trừ, bổ sung trường hợp định chỉ giao dịch của thành viên giao dịch theo đề nghị của VSDC.

- Tại Điều 149 bổ sung khoản 4a quy định về việc cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật yêu cầu VSDC cung cấp thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán phải *nêu rõ nội dung, mục đích, hình thức yêu cầu cung cấp thông tin, căn cứ pháp lý xác định thẩm quyền được yêu cầu cung cấp thông tin*;

- Sửa quy định về lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ của VSDC tại Khoản 3 Điều 156 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

- Tại Điều 149 bổ sung để đảm bảo làm rõ công ty đại chúng, tổ chức phát hành phải hoàn tất việc đăng ký chứng khoán tại VSDC trước khi đưa chứng khoán vào giao dịch trên hệ thống của SGDCK; Bổ sung quy định về việc cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật yêu cầu VSDC cung cấp thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán phải *nêu rõ nội dung, mục đích, hình thức yêu cầu cung cấp thông tin, căn cứ pháp lý xác định thẩm quyền được yêu cầu cung cấp thông tin*;

- Sửa đổi Khoản 1 Điều 150 quy định hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, tuy nhiên ngoại trừ đối với trái phiếu doanh nghiệp; bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 150 để VSDC có căn cứ thực hiện phân công một số chức năng, nhiệm vụ liên quan đến thực hiện cơ chế CCP quy định tại Nghị định này cho công ty con của mình thực hiện; Làm rõ việc công ty con của VSDC được trích lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ của chính mình và việc trích lập, quản lý, sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ tại công ty con của VSDC thực hiện như quy định áp dụng đối với VSDC.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 151 và điểm d khoản 1 Điều 152 theo hướng bỏ điều kiện UBCK chấp thuận cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài *là phải đáp ứng/có chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật các tổ chức tín dụng*, để phù hợp với pháp luật ngân hàng.

- Bổ sung tại Điều 156 theo hướng cho phép VSDC từ chối thế vị đối với các giao dịch mà việc thực hiện thanh toán sẽ ảnh hưởng đến an toàn của hệ thống bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán để VSDC có cơ sở từ chối trong các trường hợp đặc biệt như hệ thống giao dịch gặp sự cố dẫn tới không kiểm soát được giao dịch đặt vào hệ thống (về khối lượng, về giá...) hoặc trong điều kiện thị trường có biến động mạnh, TVBT mất khả năng thanh toán với khối lượng lớn mà nếu CCP thanh toán cho các giao dịch này sẽ dẫn đến việc mất khả năng khôi phục hoạt động, từ đó ảnh hưởng đến tính an toàn, ổn định và liên tục của thị trường.

- Bổ sung khoản 3 sau khoản 2 Điều 157 về việc Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc phối hợp thực hiện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán giữa thành viên bù trừ là công ty chứng khoán (CTCK) với ngân hàng lưu ký (NHLK) không làm thành viên bù trừ. Việc bổ sung quy định này nhằm giao xuống Thông tư quy định chi tiết cơ chế phối hợp giữa CTCK là thành viên bù trừ với NHLK không làm thành viên bù trừ khi triển khai cơ chế CCP cho hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán nhưng Ngân hàng Nhà nước chưa cấp phép cho ngân hàng lưu ký làm thành viên bù trừ hoặc Ngân hàng Nhà nước đã cho phép nhưng NHLK chưa sẵn sàng làm thành viên bù trừ.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 169 về việc chứng khoán đã đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam được giữ nguyên việc đăng ký biện pháp bảo đảm trong trường hợp tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch cho chứng khoán đó để giảm thiểu rủi ro phát sinh khi xóa đăng ký biện pháp bảo đảm và hạn chế phát sinh thêm thủ tục cho doanh nghiệp và nhà đầu tư.

- Bãi bỏ khoản 14 Điều 310 về việc cho phép TVLK không đủ điều kiện được tham gia hoạt động bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế

CCP nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động thanh toán, hạn chế rủi ro cho VSDC nói riêng và thị trường chứng khoán nói chung.

Giải pháp 2: Giữ nguyên trạng các quy định có liên quan tại luật hiện hành

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

- Giải pháp 1: Sửa đổi quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP

* Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; thống nhất với Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; thống nhất cách hiểu giữa lĩnh vực ngân hàng, đầu tư và lĩnh vực chứng khoán.

- Đối với hoạt động bù trừ, thanh toán chứng khoán của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Pháp luật ngân hàng đòi hỏi bổ sung quy trình cấp phép để có thể ghi nhận nghiệp vụ này vào Giấy phép NHNN cấp cho các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Qua rà soát, chính sách chưa tạo ra vấn đề không tương thích với nghĩa vụ cam kết của Việt Nam trong Chương dịch vụ tài chính, cam kết về thương mại dịch vụ trong Chương đầu tư và các nội dung cam kết có liên quan khác của WTO, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP), Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP).

* Tác động về kinh tế, xã hội

- Tác động tích cực:

+ Đối với cơ quan nhà nước:

✓ Đối với hoạt động bù trừ, thanh toán chứng khoán của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Pháp luật ngân hàng đòi hỏi bổ sung quy trình cấp phép để có thể ghi nhận nghiệp vụ này vào Giấy phép NHNN cấp cho các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Do đó, có thể phát sinh chi phí xây dựng văn bản pháp luật sửa đổi liên quan. Tuy nhiên, chi phí này là không lớn xét trong lợi ích mà mô hình CCP đem lại cũng như tạo sự thống nhất giữa pháp luật ngân hàng và pháp luật chứng khoán.

✓ Giải pháp không làm phát sinh chi phí cho hoạt động quản lý nhà nước, không ảnh hưởng tới nguồn thu ngân sách nhà nước; rõ ràng trong triển khai thực thi chính sách pháp luật; thống nhất trong pháp luật chứng khoán và pháp luật đầu tư trong mở cửa tiếp cận thị trường đối với NĐTNN; thống nhất trong cơ chế phối hợp cấp phép giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và UBCKNN đối với chính sách cho phép ngân hàng lưu ký làm thành viên bù trừ.

✓ Đảm bảo an toàn cho hoạt động thanh toán của thị trường nói chung và hoạt động nghiệp vụ của VSDC nói riêng khi triển khai cơ chế CCP cho hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và thông qua công ty con của VSDC để thực hiện hoạt động này.

+ Đối với các doanh nghiệp, nhà đầu tư:

Việc mở cửa TTCK có tác động lớn đến chính sách đầu tư, góp phần thu hút NĐTNN tham gia TTCK Việt Nam.

Bên cạnh việc mở cửa hơn nữa cho NĐTNN tiếp cận thị trường Việt Nam, việc tiến tới áp dụng cơ chế CCP cho hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở và tách biệt, chuyển hoạt động này sang công ty con của VSDC sẽ từng bước hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, góp phần giúp cho góc nhìn của các nhà đầu tư quốc tế về môi trường đầu tư – kinh doanh tại Việt Nam có chuyển biến tích cực hơn do đây là mô hình có tính chuẩn mực, được hầu hết các thị trường chứng khoán trên thế giới áp dụng.

Giải pháp này cũng góp phần tháo gỡ các rào cản để hướng tới mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam. Theo báo cáo đánh giá của Ngân hàng Thế giới vào tháng 12/2020, trường hợp được nâng hạng, thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ thu hút...

Bên cạnh đó, việc TTCK được nâng hạng là tín hiệu quan trọng đối với cộng đồng nhà đầu tư, góp phần thu hút thêm nhiều nhà đầu tư quốc tế, nhất là các quỹ đầu tư, các tổ chức đầu tư lớn đầu tư dài hạn tham gia vào TTCK Việt Nam, từ đó góp phần nâng cao chất lượng cơ sở nhà đầu tư trên thị trường đồng thời giúp các thành viên thị trường, DN niêm yết, CTĐC được tiếp cận với dòng vốn đầu tư ngoại đầu tư gián tiếp. Sự tham gia của nhà đầu tư ngoại có chất lượng vào doanh nghiệp niêm yết sẽ tạo động lực để doanh nghiệp nâng cao chất lượng công tác quản trị doanh nghiệp, mở rộng hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh.

Đảm bảo an toàn tài chính cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam khi triển khai cơ chế CCP cùng với việc thực hiện các hoạt động nghiệp vụ khác.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với cơ quan nhà nước: Không

+ Đối với tổ chức: Không

* Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

* Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp không làm phát sinh TTHC mới.

Đối với TTHC có sửa đổi (thủ tục thông báo tỷ lệ SHNN tối đa), cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá tác động của thủ tục tại biểu mẫu đính kèm.

Giải pháp 2: Giữ nguyên trạng các quy định có liên quan tại luật hiện hành

* Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp;

- Đối với vấn đề tỷ lệ SHNN trên TTCK: Pháp luật chứng khoán còn chưa cập nhật các quy định về tiếp cận thị trường tại Luật Đầu tư, Nghị định 31/2021/NĐ-CP.

- Đối với hoạt động bù trừ, thanh toán chứng khoán của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Pháp luật ngân hàng và pháp luật chứng khoán còn có sự không thống nhất.

* Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tích cực:

+ Đối với cơ quan nhà nước: không phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản để điều chỉnh chính sách.

+ Đối với doanh nghiệp, người dân: không thay đổi so với hiện tại.

- Tác động tiêu cực

+ Đối với cơ quan nhà nước

✓ Khó khăn trong xác định tỷ lệ SHNN tối đa tại công ty đại chúng do pháp luật chứng khoán còn chưa cập nhật các quy định về tiếp cận thị trường tại Nghị định 31/2021/NĐ-CP.

✓ Tạo ra gánh nặng và rủi ro vận hành cho hệ thống bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của VSDC khi triển khai cơ chế CCP cho hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán do nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký tại ngân hàng lưu ký phải chuyển tài sản sang công ty chứng khoán để bù trừ, thanh toán và chuyển ngược lại sau khi hoàn tất thanh toán.

✓ Các ngân hàng lưu ký không được NHNN cấp phép tham gia cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật chứng khoán khi cơ chế CCP chính thức được triển khai. Điều này sẽ tạo ra sự bất bình đẳng giữa các thành viên thị trường trong việc tiếp cận ... tài sản của NĐTNN phải chuyển từ ngân hàng lưu ký sang công ty chứng khoán là thành viên bù trừ để bù trừ, thanh toán, không phù hợp với quy định tại nhiều thị trường chứng khoán quốc tế khi yêu cầu nhà đầu tư chỉ được lưu giữ tài sản tại ngân hàng lưu ký, không được chuyển sang công ty chứng khoán.

✓ Khó khăn cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam trong việc đảm bảo an toàn hoạt động nghiệp vụ khi thực hiện chức năng CCP cho thị trường chứng khoán cơ sở cùng với việc thực hiện các hoạt động nghiệp vụ khác.

+ Đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư

Việc cho phép ĐHĐCĐ quyết định tỷ lệ SHNN tối đa tại công ty đại chúng hạn chế quyền của NĐTNN, dẫn đến rủi ro của họ khi tham gia TTCK.

Các ngân hàng lưu ký chưa được NHNN cấp phép làm thành viên bù trừ sẽ không được tham gia vào hoạt động bù trừ, thanh toán theo quy định pháp luật chứng khoán khi cơ chế CCP chính thức được triển khai. Theo đó, chưa tạo ra sự bình đẳng giữa các thành viên thị trường trong việc cho phép tiếp cận đầy đủ vào hệ thống của CCP để thực hiện hoạt động bù trừ thanh toán cho khách hàng của mình. Ngoài ra, chưa tháo gỡ được quan ngại của NĐTNN, nhất là các quỹ đầu tư từ Mỹ, Châu Âu về vấn đề an toàn lưu giữ tài sản do lúc này tài sản của NĐTNN được lưu giữ đầy đủ tại ngân hàng lưu ký cho đến khi chuyển giao để hoàn tất thanh toán tại ngày thanh toán. Nhất là khi quy định tại nhiều thị trường chứng khoán quốc tế yêu cầu ngân hàng lưu ký chỉ được lưu giữ tài sản tại ngân hàng lưu ký, không được chuyển sang công ty chứng khoán để đảm bảo an toàn tài sản cho khách hàng.

Rủi ro đối với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam trong việc đảm bảo an toàn tài chính khi triển khai cơ chế CCP cùng với việc thực hiện các hoạt động nghiệp vụ khác.

* Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp.

d) Lựa chọn giải pháp

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực hơn là Giải pháp 1.

Từ các cơ sở trên, Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 1.

Chính sách 3: Đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC)

a) Xác định vấn đề:

Liên quan đến việc triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác định điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025. Cụ thể, ngày 27/2/2024, Bộ Tài chính có Quyết định số 335/QĐ-BTC ngày 27/2/2024 ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

Ngoài ra, cần thực thi các phương án đơn giản hóa TTHC được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024; Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/5/2024.

(i) Về nhóm thủ tục liên quan đến niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán

- Nghị định 155 hiện hành quy định doanh nghiệp khi đăng ký niêm yết/thay đổi đăng ký niêm yết sau khi chào bán cổ phiếu (có thu tiền) phải kiểm toán vốn của chủ sở hữu. Tuy nhiên, quy định này làm tăng chi phí của doanh nghiệp và chưa phù hợp với thực tế, do doanh nghiệp phát hành tăng vốn thì chi cần phải kiểm toán khoản mục vốn góp của chủ sở hữu mà không phải kiểm toán lại các khoản mục khác như các quỹ, lợi nhuận sau thuế...

- Bên cạnh đó, Điều 109 Nghị định 155 quy định điều kiện đăng ký niêm yết cổ phiếu là không có nợ quá hạn trên 01 năm trong khi đó các SGDC không thể xác định được điều kiện này khi xử lý hồ sơ đăng ký niêm yết, do đó cần sửa đổi quy định về điều kiện niêm yết;

- Một số thành phần hồ sơ đăng ký niêm yết không thật sự cần thiết như:

+ Thành phần hồ sơ là Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán, trong khi UBCKNN đã gửi tài liệu này cho tổ chức phát hành (TCPH) đồng gửi cho SGDC.

+ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định về điều kiện niêm yết, đăng ký giao dịch, trong đó không có điều kiện chứng khoán đó đã đăng ký tập trung tại VSDC. Về nguyên tắc, thành phần hồ sơ phải tương ứng với điều kiện để chứng minh việc đáp ứng điều kiện. Hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán không tương ứng với bất kỳ điều kiện nào nên cần thiết bỏ ra khỏi hồ sơ đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch, tránh cách hiểu chứng khoán đăng ký tại VSDC như một điều kiện để SGDC chấp thuận niêm yết, đăng ký giao dịch.

- Thủ tục đăng ký niêm yết: Thời hạn tổ chức đăng ký niêm yết phải đưa chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu) vào giao dịch tại Nghị định 155 là 90 ngày, kể từ ngày SGDC chấp thuận đăng ký niêm yết. Thời hạn này là dài, ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư trong thực hiện các quyền chuyển nhượng chứng khoán trên thị trường có tổ chức.

(ii) Về thủ tục hành chính liên quan đến công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, quỹ đầu tư chứng khoán và người hành nghề chứng khoán

+ Tại Điều 174 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP yêu cầu đối tượng phải đăng ký kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh là “*văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam*”. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 78 Luật Chứng khoán, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam không được hoạt động kinh doanh chứng khoán. Do đó, quy định tại Điều 174 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP cần được sửa đổi cho phù hợp.

+ Tại Điều 178 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP yêu cầu hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam có báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán; tuy nhiên theo quy định của một số nước, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài là công ty mẹ không bắt buộc phải lập báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán. Do đó, quy định tại Điều 178 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP cần được sửa đổi cho phù hợp.

+ Điều 213 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP về cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (CCHN) chưa quy định về chứng chỉ tương đương chứng chỉ chuyên môn quản lý quỹ và tài sản để tạo điều kiện cho các cá nhân có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài có thể nộp chứng chỉ này để thay thế cho các chứng chỉ chuyên môn quản lý quỹ và tài sản. Do đó, cần thiết sửa đổi quy định theo hướng chấp nhận chứng chỉ tương đương chứng chỉ chuyên môn quản lý quỹ và tài sản trong cấp CCHN quản lý quỹ.

+ Điều 214 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP đã có quy định các cá nhân bị thu hồi CCHN theo điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán (không còn đáp ứng điều kiện cấp CCHN; không hành nghề chứng khoán trong 03 năm liên tục) nộp hồ sơ đề nghị cấp lại CCHN tương tự hồ sơ cấp lần đầu CCHN. Tuy nhiên, chưa có quy định về điều kiện cấp lại đối với các trường hợp này, dẫn đến cách hiểu cá nhân không phải thi lại sát hạch cấp CCHN để đáp ứng điều kiện như cấp CCHN lần đầu. Do đó cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định để thống nhất về điều kiện, hồ sơ giữa cấp lần đầu và cấp lại CCHN đối với các trường hợp này.

- Điều 215 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP chưa làm rõ trường hợp cấp CCHN có thể bằng bản giấy hoặc bản điện tử để chuẩn bị cho việc triển khai việc cấp và quản lý chứng chỉ hành nghề điện tử.

- Điều 232 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định hồ sơ giải thể quỹ phải có xác nhận của các nhà đầu tư về việc đã nhận đủ tiền và tài sản. Quy định này khó thực hiện trên thực tế khi pháp luật cho phép số lượng các nhà đầu tư tại quỹ thành viên tối đa là 99 nhà đầu tư, số lượng các nhà đầu tư tại các quỹ đại chúng lớn (có quỹ hơn 1.000 nhà đầu tư). Do đó, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định để đơn giản hóa thủ tục giải thể cho quỹ đầu tư chứng khoán.

(iii) Nhóm TTHC liên quan đến công ty đại chúng

Bổ quy định tại khoản 1, 5, 6, 7 Điều 310 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP phù hợp với Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán năm 2019 (bỏ khoản 4, khoản 5 Điều 135 Luật Chứng khoán 2019).

(iv) Liên quan đến các TTHC thực thi theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Đề án 06

Các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP cần được rà soát để đơn giản hóa các TTHC theo Đề án 06, theo đó *Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước*. Thực thi phương án đơn giản hóa TTHC theo Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/5/20254, cần rà soát, sửa đổi điểm d khoản 5 Điều 216 Nghị định liên quan đến báo cáo được thực hiện dưới hình thức văn bản điện tử trên hệ thống cơ sở dữ liệu.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tăng cường quản lý, giám sát các thị trường chứng khoán theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 về Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, tính minh bạch trong hoạt động về chứng khoán và TTCK.

- Giảm bớt thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp; đảm bảo tính rõ ràng khi thực thi các TTHC.

c) Các giải pháp đề xuất

Giải pháp 1: Nhóm giải pháp về sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP

(i) Về nhóm thủ tục liên quan đến niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán

- Sửa đổi quy định tại điểm d khoản 1 Điều 107, điểm c khoản 2 Điều 117 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP làm rõ chi yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán vốn góp của chủ sở hữu (*thay vì kiểm toán toàn bộ khoản mục vốn chủ sở hữu như quy định hiện hành*) khi đăng ký niêm yết/thay đổi đăng ký niêm yết sau khi chào bán cổ phiếu (có thu tiền), giảm chi phí cho doanh nghiệp và phù hợp với thực tế.

- Bổ sung quy định tại Điều 107 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP làm rõ căn cứ Báo cáo tài chính để xem xét điều kiện kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu của tổ chức niêm yết tương tự với các quy định về chào bán, phát hành chứng khoán; giúp xử lý các hồ sơ thống nhất, rõ ràng.

- Sửa đổi Điều 109 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP theo hướng bỏ điều kiện đăng ký niêm yết cổ phiếu là không có nợ quá hạn trên 01 năm;

- Sửa đổi Điều 110 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP theo hướng bỏ thành phần hồ sơ đăng ký niêm yết là Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán, do UBCKNN đã gửi tài liệu này cho TCPH đồng gửi cho SGDCK khi cấp Giấy chứng nhận.

- Bỏ thành phần hồ sơ là Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán (gồm đăng ký lần đầu, điều chỉnh) trong hồ sơ đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch (gồm đăng ký lần đầu và thay đổi) như sau: bãi bỏ điểm e khoản 1, điểm d khoản 3 Điều 110, điểm c khoản 1 Điều 114, điểm đ khoản 2 Điều 115, điểm d khoản 1 Điều 116, điểm đ khoản 2 Điều 118, điểm d khoản 1 Điều 134, điểm b khoản 2 Điều 136, điểm 7 mục V Mẫu số 28, điểm 7 mục V Mẫu số 33 Phụ lục; Bãi bỏ cụm từ “*Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đã được điều chỉnh do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp*” tại điểm b khoản 2 Điều 117; sửa đổi khoản 1 Điều 135 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; bổ sung thêm các khoản 3a, 3b sau khoản 3 Điều 149.

- Rút ngắn quy trình đăng ký niêm yết: Thời hạn tổ chức đăng ký niêm yết phải đưa chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu) vào giao dịch rút ngắn còn 30 ngày kể từ ngày SGDCK chấp thuận đăng ký niêm yết (thay vì 90 ngày như tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP), đảm bảo tốt hơn quyền lợi nhà đầu tư trong thực hiện các quyền chuyển nhượng chứng khoán trên thị trường có tổ chức.

(ii) Về thủ tục hành chính liên quan đến công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, quỹ đầu tư chứng khoán và người hành nghề chứng khoán.

- Tại Điều 174 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, bỏ đối tượng phải đăng ký kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh là “*văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam*” do theo quy định tại Điều 78 Luật Chứng khoán, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam không được hoạt động kinh doanh chứng khoán.

- Sửa đổi Điều 178 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP theo hướng đơn giản hóa hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, cụ thể không yêu cầu các doanh nghiệp này phải nộp báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán do theo quy định của một số nước, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài là công ty mẹ không bắt buộc phải lập báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán.

- Sửa đổi quy định tại Điều 213 về cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (CCHN) theo hướng chấp nhận chứng chỉ tương đương chứng chỉ chuyên môn quản lý quỹ và tài sản, tạo điều kiện cho các cá nhân có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài có thể nộp chứng chỉ này để thay thế cho

các chứng chỉ chuyên môn quản lý quỹ và tài sản; sửa đổi quy định nhằm tích hợp hồ sơ thi sát hạch và hồ sơ cấp CCHN.

- Sửa đổi quy định tại Điều 214 để làm rõ điều kiện cấp lại CCHN đối với các trường hợp cá nhân bị thu hồi CCHN theo điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán (không còn đáp ứng điều kiện cấp CCHN; không hành nghề chứng khoán trong 03 năm liên tục) tương tự điều kiện cấp CCHN lần đầu.

- Sửa đổi quy định tại Điều 215 để làm rõ trường hợp cấp CCHN có thể bằng bản giấy hoặc bản điện tử để chuẩn bị cho việc triển khai việc cấp và quản lý chứng chỉ hành nghề điện tử.

- Sửa đổi quy định tại Điều 232 về hồ sơ giải thể quỹ theo hướng bỏ yêu cầu tài liệu xác nhận của các nhà đầu tư về việc đã nhận đủ tiền và tài sản, vì khó thực hiện trên thực tế khi pháp luật cho phép số lượng các nhà đầu tư tại quỹ thành viên tối đa là 99 nhà đầu tư, số lượng các nhà đầu tư tại các quỹ đại chúng lớn (có quỹ hơn 1.000 nhà đầu tư). Theo đó, chỉ quy định có văn bản xác nhận của ngân hàng lưu ký hoặc ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ, trong đó nêu rõ chi tiết khoản thanh toán, danh mục tài sản phân phối cho từng nhà đầu tư.

(iii) Nhóm TTHC liên quan đến công ty đại chúng

Bãi bỏ quy định tại Khoản 1, 5, 6, 7 Điều 310 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Trường hợp này, UBCKNN có thể chủ động hủy tư cách công ty đại chúng mà không cần doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị đến UBCKNN.

(iv) Liên quan đến các TTHC thực thi theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Đề án 06

- Liên quan đến việc triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác định điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, bổ sung quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP như sau: “ “9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”.

- Rà soát việc thực thi các phương án đơn giản hóa TTHC được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại Quyết định số 335/QĐ-BTC ngày 27/02/2024; Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 14/5/2024; Sửa đổi Điều 6 Nghị định, Điều 216 Nghị định và các mẫu Phụ lục có liên quan.

Giải pháp 2: Giữ nguyên trạng các quy định có liên quan tại luật hiện hành

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

Giải pháp 1: Sửa đổi quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP

*** Tác động đối với hệ thống pháp luật**

- Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; thống nhất với Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Qua rà soát, chính sách chưa tạo ra vấn đề không tương thích với nghĩa vụ cam kết của Việt Nam trong Chương dịch vụ tài chính, cam kết về thương mại dịch vụ trong Chương đầu tư và các nội dung cam kết có liên quan khác của WTO, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CCTTP) và Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA).

*** Tác động về kinh tế, xã hội**

- Tác động tích cực

+ Đối với cơ quan nhà nước: Giải pháp không làm phát sinh chi phí cho hoạt động quản lý nhà nước, không ảnh hưởng tới nguồn thu ngân sách Nhà nước.

+ Đối với doanh nghiệp: Việc đơn giản hóa TTHC giúp giảm chi phí, thời gian cho doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: Không làm phát sinh chi phí, thuận lợi hơn trong quá trình làm TTHC.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với cơ quan nhà nước: Không

+ Đối với cá nhân, tổ chức: Không

*** Tác động về giới:**

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*** Tác động về thủ tục hành chính:**

Giải pháp làm đơn giản hóa TTHC, đảm bảo tính rõ ràng trong triển khai, thực hiện (chi tiết tại Bảng đánh giá TTHC).

Giải pháp 2: Giữ nguyên trạng các quy định có liên quan tại luật hiện hành

*** Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

Nội dung các quy định liên quan đến văn phòng đại diện có liên quan trực tiếp tới các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp; nội dung liên quan đến kiểm toán vốn chủ sở hữu trong hồ sơ đăng ký niêm yết/thay đổi đăng ký niêm

yết liên quan đến pháp luật kế toán, kiểm toán... Theo đó, cần hoàn thiện các quy định để đảm bảo tính phù hợp, thống nhất của hệ thống pháp luật.

Bên cạnh đó, quy định về đơn giản hóa TTHC liên quan đến các Đề án, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cần phải rà soát để thực hiện.

* Tác động về kinh tế - xã hội

- Tác động tích cực

+ Đối với cơ quan nhà nước: không phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản để điều chỉnh chính sách.

+ Đối với doanh nghiệp, người dân: không thay đổi so với hiện tại.

- Tác động tiêu cực

+ Đối với cơ quan nhà nước: Không đồng bộ, thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật. Khó khăn trong triển khai thực hiện do một số điều kiện cơ quan, tổ chức tiếp nhận hồ sơ không thực hiện được như điều kiện về nợ phải trả quá hạn, vấn đề lập báo cáo tài chính của tổ chức nước ngoài.

+ Đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư: Một số tài liệu, điều kiện về niêm yết chứng khoán, cấp chứng chỉ hành nghề, hoạt động của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, văn phòng đại diện, cấp chứng chỉ hành nghề nếu không được giảm thiểu sẽ gây khó khăn trong thực hiện cho doanh nghiệp, người dân.

* Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp.

đ) Lựa chọn giải pháp

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực hơn là Giải pháp 1.

Từ các cơ sở trên, Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 1.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của các chính sách đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và một số đề xuất của Bộ Tài chính đối với việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC (10b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi



Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong năm 2024 theo thông báo tại Công văn số 4663/VPCP-KTTH ngày 03/7/2024 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát, đánh giá sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Để phục vụ việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (gọi tắt là dự thảo Nghị định), Bộ Tài chính đã rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định. Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

- Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định được thực hiện nhằm tránh việc chồng chéo, mâu thuẫn, chưa đồng bộ giữa các quy định tại dự thảo Nghị định với các quy phạm pháp luật khác có liên quan để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Bám sát các Nghị quyết của Quốc hội, các chỉ đạo, thông báo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô.

- Đảm bảo minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong quá trình thực thi.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

Các quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định như Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư,...

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Kết quả chung

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định: Qua rà soát đã xác định được có 20 văn bản liên quan đến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật bao gồm các văn bản sau:

1.1. Văn bản của Đảng (06 văn bản)

- Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

- Nghị quyết số 101/2023/QH15 về Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV;
- Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025;
- Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 11/7/2022 của Chính phủ về phát triển thị trường vốn an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, huy động nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, trong đó, Chính phủ giao Bộ Tài chính “rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp để trình Chính phủ sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán”;
- Thông báo số 122/TB-VPCP ngày 27/3/2024, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan có liên quan khẩn trương rà soát sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, bảo đảm chặt chẽ, minh bạch, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật và thông lệ quốc tế.

1.2. Văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành. (07 văn bản)

- Luật Chứng khoán 2019;
- Luật Doanh nghiệp 2020;
- Luật Đầu tư 2020;
- Luật Các tổ chức tín dụng 2024;
- Luật kinh doanh bất động sản 2023;
- Luật Căn cước 2023;
- Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính .

1.3. Văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành (04 văn bản)

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước;
- Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật kinh doanh bất động sản;
- Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp.

1.4. Văn bản quy phạm pháp luật do các Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ban hành (03 văn bản)

- Thông tư 01/2021/TT-NHNN ngày 31/3/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Thông tư 34/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc cấp đổi giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;

- Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp

2. Kết quả cụ thể.

Qua việc rà soát, đánh giá từng điều khoản cụ thể trong dự thảo Nghị định với các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan hiện hành cho thấy về cơ bản nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với các văn bản của Đảng và các quy định của pháp luật có liên quan, trong đó có thể chế hóa một số nội dung trong các văn bản của Đảng, quy định một số nội dung tại Luật Chứng khoán 2019 và Luật số 56/2024/QH15 phân cấp, phân quyền giao Chính phủ quy định chi tiết; đồng thời trên cơ sở đánh giá thực tiễn thi hành qua hơn 03 năm triển khai một số quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP cần được sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật và xử lý các hạn chế, bất cập khi triển khai thực hiện. Ngoài ra, dự thảo Luật vẫn còn một số điểm chông chéo, mâu thuẫn với quy định pháp luật hiện hành. Theo đó, Bộ Tài chính đã rà soát và đưa ra đề xuất cụ thể.

(Kết quả rà soát chi tiết tại Phụ lục kèm theo - Văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

Đối với một số nội dung quy định trong dự thảo Nghị định mang tính chất mới và chưa được quy định theo pháp luật hiện hành, qua rà soát đều có các kiến nghị cụ thể về tính cần thiết, thuyết minh đề xuất sửa đổi tại Hồ sơ dự thảo Nghị định để phục vụ việc xây dựng dự thảo Nghị định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Các Thứ trưởng Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, UBCK (12b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong năm 2024 theo thông báo tại Công văn số 4663/VPCP-KTTH ngày 03/7/2024 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát, đánh giá sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Để phục vụ việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (gọi tắt là dự thảo Nghị định), Bộ Tài chính đã rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định. Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

- Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định được thực hiện nhằm tránh việc chồng chéo, mâu thuẫn, chưa đồng bộ giữa các quy định tại dự thảo Nghị định với các quy phạm pháp luật khác có liên quan để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Bám sát các Nghị quyết của Quốc hội, các chỉ đạo, thông báo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô.

- Đảm bảo minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong quá trình thực thi.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

Các quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định như Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư,...

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Kết quả chung

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định: Qua rà soát đã xác định được có 20 văn bản liên quan đến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật bao gồm các văn bản sau:

1.1. Văn bản của Đảng. (06 văn bản)

- Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;
- Nghị quyết số 101/2023/QH15 về Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV;
- Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025;

- Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 11/7/2022 của Chính phủ về phát triển thị trường vốn an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, huy động nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, trong đó, Chính phủ giao Bộ Tài chính “rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp để trình Chính phủ sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán”;

- Thông báo số 122/TB-VPCP ngày 27/3/2024, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan có liên quan khẩn trương rà soát sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, bảo đảm chặt chẽ, minh bạch, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật và thông lệ quốc tế.

1.2. Văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành. (07 văn bản)

- Luật Chứng khoán 2019;
- Luật Doanh nghiệp 2020;
- Luật Đầu tư 2020;
- Luật Các tổ chức tín dụng 2024;
- Luật kinh doanh bất động sản 2023;
- Luật Căn cước 2023;
- Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính .

1.3. Văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành. (04 văn bản)

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước;
- Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật kinh doanh bất động sản;
- Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp.

1.4. Văn bản quy phạm pháp luật do các Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ban hành (03 văn bản)

- Thông tư 01/2021/TT-NHNN ngày 31/3/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chi tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Thông tư 34/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc cấp đổi giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;

- Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp

2. Kết quả cụ thể.

Qua việc rà soát, đánh giá từng điều khoản cụ thể trong dự thảo Nghị định với các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan hiện hành cho thấy về cơ bản nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với các văn bản của Đảng và các quy định của pháp luật có liên quan, trong đó có thể chế hóa một số nội dung trong các văn bản của Đảng, quy định một số nội dung tại Luật Chứng khoán 2019 và Luật số 56/2024/QH15 phân cấp, phân quyền giao Chính phủ quy định chi tiết; đồng thời trên cơ sở đánh giá thực tiễn thi hành qua hơn 03 năm triển khai một số quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP cần được sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật và xử lý các hạn chế, bất cập khi triển khai thực hiện. Ngoài ra, dự thảo Luật vẫn còn một số điểm chồng chéo, mâu thuẫn với quy định pháp luật hiện hành. Theo đó, Bộ Tài chính đã rà soát và đưa ra đề xuất cụ thể.

(Kết quả rà soát chi tiết tại Phụ lục kèm theo - Văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

Đối với một số nội dung quy định trong dự thảo Nghị định mang tính chất mới và chưa được quy định theo pháp luật hiện hành, qua rà soát đều có các kiến nghị cụ thể về tính cần thiết, thuyết minh đề xuất sửa đổi tại Hồ sơ dự thảo Nghị định để phục vụ việc xây dựng dự thảo Nghị định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Các Thứ trưởng Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, UBCK (12b).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

Phụ lục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC RÀ SOÁT LIÊN QUAN
ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 155/2020/NĐ-CP

NHÓM VẤN ĐỀ	DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
Tài liệu xác định NĐTCK chuyên nghiệp (Điều 5)	<p>Khoản 2 Điều 1 (bổ sung một số khoản của Điều 5)</p> <p>“6. Đối với nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân: Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác có thông tin về quốc tịch nước ngoài.</p> <p>7. Đối với nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tài liệu xác định là một trong các tài liệu sau:</p> <p>a) Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán;</p> <p>b) Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương xác nhận đã hoàn tất việc đăng ký kinh doanh do cơ quan quản lý có thẩm quyền cấp;</p> <p>c) Giấy đăng ký thuế của cơ quan thuế nước</p>	Điểm a khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp bao gồm: Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.	Phù hợp với điểm a khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15

	<p>nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh;</p> <p>d) Tài liệu về tổ chức trích lục từ trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý có thẩm quyền;</p> <p>đ) Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đầu tư hoặc xác nhận việc đăng ký thành lập hoặc tài liệu tương đương do cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài cấp (nếu có);</p> <p>e) Điều lệ hoặc Bản cáo bạch hoặc hợp đồng tín thác hoặc biên bản thỏa thuận góp vốn hoặc các văn bản tương đương trong trường hợp cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài không cấp hoặc không xác nhận việc đăng ký thành lập quỹ đầu tư theo quy định của pháp luật nước ngoài.</p> <p>8. Đối với nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức thuộc Chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức tài chính quốc tế, tài liệu xác định theo quy định tại điểm e khoản 7 Điều này, trong đó quy định tổ chức là tổ chức trực thuộc Chính phủ hoặc tổ chức tài chính quốc tế.”</p>		
<p>Quy định chung về việc nộp, bổ sung hồ sơ, tài liệu báo cáo (Điều 6)</p>	<p>Khoản 3 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6)</p> <p>1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo như sau:</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập, ký, xác nhận hồ sơ, tài liệu báo cáo liên quan đến hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch, đăng ký, lưu</p>	<p>Luật số 56/2024/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 11a Luật Chứng khoán:</p> <p>Điều 11a. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ, tài liệu báo cáo liên quan đến hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy</p>	<p>Phù hợp với khoản 4 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15</p>

	<p>ký, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và các hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu báo cáo.</p> <p>b) Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, chủ sở hữu hoặc người quản lý, người có thẩm quyền của tổ chức đăng ký chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch, đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực về các hồ sơ, tài liệu báo cáo Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, chủ sở hữu thông qua.</p> <p>c) Tổ chức tư vấn hồ sơ, người hành nghề tham gia tư vấn hồ sơ có trách nhiệm sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung thực, cẩn trọng và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong hoạt động tư vấn hồ sơ; - Rà soát, kiểm tra các thông tin trong hồ sơ, bảo đảm việc phân tích, đánh giá được thực hiện hợp lý và cẩn trọng trên cơ sở các thông tin, số liệu, tài liệu được cung cấp; phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi tư vấn liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo; - Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán, phát hành 	<p>đủ của hồ sơ, tài liệu báo cáo. Tổ chức, cá nhân tham gia xác nhận hồ sơ, tài liệu báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo đó. Hồ sơ, tài liệu báo cáo phải bảo đảm thông tin rõ ràng, không gây hiểu nhầm và có đầy đủ những nội dung quan trọng ảnh hưởng đến quyết định của cơ quan, tổ chức và nhà đầu tư.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý, chấp thuận hồ sơ, tài liệu báo cáo xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, tài liệu báo cáo trên cơ sở hồ sơ, tài liệu báo cáo được cung cấp; không chịu trách nhiệm về những vi phạm của tổ chức, cá nhân xảy ra trước và sau khi nộp hồ sơ, tài liệu báo cáo hợp lệ. Hồ sơ, tài liệu báo cáo hợp lệ là hồ sơ, tài liệu báo cáo có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Tổ chức tư vấn hồ sơ, người hành nghề tham gia tư vấn hồ sơ có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Tổ chức tư vấn hồ sơ và người hành nghề tham gia tư vấn hồ sơ phải trung thực, cẩn trọng và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong hoạt động tư vấn hồ sơ;</p> <p>b) Tổ chức tư vấn hồ sơ có trách nhiệm rà soát, kiểm tra các thông tin trong hồ sơ, bảo đảm việc phân tích, đánh giá được thực hiện hợp lý và cẩn trọng trên cơ sở các thông tin, số liệu, tài liệu được cung cấp, phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi tư vấn liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo.</p> <p>4. Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên được chấp thuận, người ký báo cáo kiểm toán hoặc soát xét phải tuân thủ quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập; tuân thủ</p>	
--	--	--	--

	<p>chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán phải trực tiếp thực hiện các hoạt động tư vấn hồ sơ và bố trí người có chứng chỉ hành nghề phù hợp để thực hiện các hoạt động liên quan đến việc tư vấn hồ sơ.</p> <p>d) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên được chấp thuận, người ký báo cáo kiểm toán hoặc soát xét hoặc báo cáo dịch vụ đảm bảo phải tuân thủ quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và các chuẩn mực nghề nghiệp có liên quan; chịu trách nhiệm đối với ý kiến về tính trung thực, hợp lý của các báo cáo, số liệu được kiểm toán, ý kiến, kết luận về báo cáo, số liệu được soát xét, ý kiến về tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.</p> <p>đ) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và tổ chức, cá nhân khác có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý, chấp thuận hồ sơ, tài liệu báo cáo xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, tài liệu báo cáo trên cơ sở hồ sơ, tài liệu báo cáo được cung cấp; không chịu trách nhiệm về những vi phạm của tổ chức, cá nhân xảy ra trước và sau khi nộp hồ sơ, tài liệu báo cáo hợp lệ.”</p>	<p>chuẩn mực kiểm toán khi kiểm toán báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm đối với ý kiến về tính trung thực, hợp lý của các báo cáo, số liệu được kiểm toán; tuân thủ chuẩn mực về hợp đồng dịch vụ đảm bảo; chịu trách nhiệm về việc đưa ra ý kiến về tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.</p>	
	<p>Khoản 3 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 6)</p> <p>“9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin</p>	<p>Điều 8 Nghị định 70/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước hướng dẫn về đối tượng, phương thức khai thác thông</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 8 Nghị định 70/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện</p>

	<p>ơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”</p>	<p>tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư như sau:</p> <p>“1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thông qua phương thức khai thác thông tin quy định tại khoản 5 Điều 10 Luật Căn cước.</p> <p>Các hệ thống thông tin cung cấp thông tin về công dân cần khai thác gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cung cấp thông tin phù hợp chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức thực hiện việc khai thác.”</p>	<p>pháp thi hành Luật căn cước.</p>
<p>Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của CTCP (Điều 11)</p>	<p>Khoản 6 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 11)</p> <p>“10. Tài liệu quy định tại các điểm c, d, e, h và k khoản 1 Điều 18 Luật Chứng khoán.”</p>	<p>Điểm a khoản 7 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 bổ sung điểm k vào sau điểm i khoản 1 Điều 18 Luật Chứng khoán như sau:</p> <p>“k) Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tính đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>Phù hợp với điểm a khoản 7 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.</p>
<p>Chào bán cổ phiếu ra công chúng (Điều 12)</p>	<p>Điểm b Khoản 2 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 như sau:</p> <p>7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 12 như sau:</p> <p>“b) Đối với đợt chào bán để thực hiện dự án, phương án sử dụng vốn phải xác định tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện dự án tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán để thực hiện các dự án (trừ</p>	<p>Luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15:</p> <p>Tại điểm a khoản 6 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15, sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau: “d) Đối với đợt chào bán ra công chúng nhằm mục đích huy động phần vốn để thực hiện dự án của tổ chức phát hành, số cổ phiếu được bán cho các nhà đầu tư phải đạt tối thiểu 70% số cổ phiếu dự kiến được chào bán, trừ trường hợp chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ</p>	<p>Quy định tại dự thảo Nghị định về trường hợp huy động vốn trong hoạt động chào bán cổ phiếu ra công chúng của công ty đại chúng là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.</p>

	trường hợp chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu); phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện các dự án.”.	sở hữu. Tổ chức phát hành phải có phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động để thực hiện dự án.”	
Chào bán trái phiếu ra công chúng (Điều 19)	<p>Điều 19 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 như sau:</p> <p>7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, bổ sung khoản 3, 4, 5, 6 Điều 19 như sau:</p> <p>“2. Tổ chức phát hành hoặc trái phiếu đăng ký chào bán phải được xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan.</p> <p>3. Có Đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.</p> <p>4. Có hệ số nợ phải trả (bao gồm cả giá trị trái phiếu dự kiến phát hành, ngoại trừ trái phiếu phát hành để cơ cấu lại khoản nợ) trên vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành không quá 4 lần, ngoại trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>5. Giá trị trái phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá không lớn hơn vốn chủ sở hữu.</p> <p>6. Trái phiếu phát hành của tổ chức tín dụng hoặc trái phiếu được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc và lãi trái</p>	<p>Luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15:</p> <p>Tại điểm b khoản 6 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15, sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 3 như sau: “g) <i>Đáp ứng quy định của Chính phủ về đại diện người sở hữu trái phiếu, hệ số nợ, giá trị phát hành trên vốn chủ sở hữu và xếp hạng tín nhiệm;</i>”</p> <p>LUẬT KDBDS</p> <p>Điều 9. Điều kiện đối với tổ chức, cá nhân khi kinh doanh bất động sản</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân khi kinh doanh bất động sản phải thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hoặc thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về hợp tác xã, có ngành, nghề kinh doanh bất động sản (gọi chung là doanh nghiệp kinh doanh bất động sản), trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.</p> <p>Trường hợp tổ chức, cá nhân khi kinh doanh dịch vụ bất động sản thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này.</p> <p>2. Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không trong thời gian bị cấm hoạt động kinh doanh bất động sản, bị tạm ngừng, bị đình chỉ hoạt động theo bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</p>	<p>Quy định tại dự thảo Nghị định về người đại diện sở hữu, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu, giá trị trái phiếu dự kiến phát hành phù hợp với các nội dung quy định tại Luật số 56/2024/QH15 giao Chính phủ quy định.</p>

	<p>phiếu được ngoại trừ điều kiện quy định tại khoản 2, 4, 5 Điều này.”.</p>	<p>b) Bảo đảm tỷ lệ dư nợ tín dụng, dư nợ trái phiếu doanh nghiệp trên số vốn chủ sở hữu;</p> <p>c) Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản thông qua dự án bất động sản phải có vốn chủ sở hữu không thấp hơn 20% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 ha, không thấp hơn 15% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 ha trở lên và phải bảo đảm khả năng huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư; trường hợp doanh nghiệp kinh doanh bất động sản đồng thời thực hiện nhiều dự án thì phải có vốn chủ sở hữu đủ phân bổ để bảo đảm tỷ lệ nêu trên của từng dự án để thực hiện toàn bộ các dự án.</p> <p>3. Cá nhân kinh doanh bất động sản quy mô nhỏ thì không phải thành lập doanh nghiệp kinh doanh bất động sản nhưng phải kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân bán nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng không nhằm mục đích kinh doanh hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng dưới mức quy mô nhỏ thì không phải tuân thủ các quy định của Luật này nhưng phải kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật; trường hợp cá nhân bán, cho thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng thì còn phải thực hiện công chứng, chứng thực theo quy định tại khoản 5 Điều 44 của Luật này.</p> <p>5. Tổ chức, cá nhân khi kinh doanh dịch vụ bất động sản phải thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp</p>	
--	--	--	--

		<p>luật về doanh nghiệp hoặc thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bất động sản), phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật này.</p> <p>6. Chính phủ quy định chi tiết điểm b và điểm c khoản 2 Điều này; quy định việc xác định kinh doanh bất động sản quy mô nhỏ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.</p> <p>NGHỊ ĐỊNH 96/2024/NĐ-CP</p> <p>Điều 5. Tỷ lệ dư nợ tín dụng, dư nợ trái phiếu doanh nghiệp trên số vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản</p> <p>1. Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản căn cứ vốn chủ sở hữu, phương án đầu tư, kinh doanh quyết định việc vay tại tổ chức tín dụng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp cũng như tỷ lệ dư nợ tín dụng, dư nợ trái phiếu doanh nghiệp trên số vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp bảo đảm:</p> <p>a) Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính của doanh nghiệp; tuân thủ các quy định của pháp luật về tín dụng và pháp luật về trái phiếu doanh nghiệp;</p> <p>b) Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh bất động sản vay tại tổ chức tín dụng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp để thực hiện dự án bất động sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận làm chủ đầu tư thì phải đảm bảo tổng dư nợ vay tại tổ chức tín dụng, dư nợ trái phiếu doanh nghiệp và vốn chủ sở hữu phải có theo quy định đối với mỗi dự án không vượt quá 100% tổng vốn đầu tư của dự án đó;</p>	
--	--	---	--

		<p>c) Tổng tỷ lệ dư nợ vay tại tổ chức tín dụng, dư nợ trái phiếu doanh nghiệp để thực hiện dự án không quá 04 lần vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp đối với mỗi dự án bất động sản có quy mô sử dụng đất dưới 20ha và không quá 5,67 lần vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp đối với mỗi dự án bất động sản có quy mô sử dụng đất từ 20ha trở lên.</p> <p>2. Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này.</p> <p>Điều 6. Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản và tổng vốn đầu tư dự án bất động sản</p> <p>1. Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản trong trường hợp doanh nghiệp kinh doanh bất động sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn làm nhà đầu tư, lựa chọn làm chủ đầu tư thực hiện dự án bất động sản theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đấu giá; pháp luật về đấu thầu, pháp luật về nhà ở, pháp luật về phát triển đô thị; được công nhận là chủ đầu tư dự án nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở, được xác định căn cứ vào:</p> <p>a) Kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm; trường hợp không có kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm thì dùng kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán của năm liền trước theo quy định của pháp luật về doanh</p>	
--	--	--	--

		<p>ng nghiệp, pháp luật về kiểm toán, pháp luật về kế toán;</p> <p>b) Đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động chưa đủ 12 tháng thì vốn chủ sở hữu được xác định theo vốn điều lệ đã góp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.</p> <p>2. Tổng vốn đầu tư đối với dự án bất động sản được xác định theo quy định của pháp luật về đầu tư.</p>	
Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng (Điều 20)	<p>Khoản 9 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 20)</p> <p>“9. Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng.</p>	<p>Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/3/2021 và Quyết định số 649/QĐ-NHNN ngày 15/04/2021 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Ngân hàng nhà nước đã <u>bãi bỏ</u> quy định và thủ tục hành chính về việc chấp thuận phương án chào bán trái phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng.</p>	<p>Đồng bộ với quy định pháp luật về ngân hàng (cụ thể là thống nhất với nội dung đã bãi bỏ tại Thông tư 01/2021/TT-NHNN ngày 31/3/2021).</p>
	<p>Khoản 9 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 20)</p> <p>“10. Tài liệu quy định tại điểm c khoản 1, điểm d, g, i khoản 3 Điều 18 Luật Chứng khoán và văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán.”</p>	<p>Điểm b khoản 7 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 bổ sung điểm i vào sau điểm h khoản 3 Điều 18 Luật Chứng khoán như sau:</p> <p>“i) Hợp đồng giữa tổ chức phát hành với đại diện người sở hữu trái phiếu.”</p>	<p>Phù hợp với điểm b khoản 7 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.</p>
Chào bán cổ phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng (Điều 43)	<p>Điểm a khoản 2 Điều 43 được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 như sau:</p> <p>Điều 43. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng</p> <p>“2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, trong đó:</p>	<p>Tại Điều 126 Luật Doanh nghiệp năm 2020, quy định về việc xác định giá bán cổ phần của công ty cổ phần như sau:</p> <p>“Điều 126. Bán cổ phần</p> <p><i>Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất,</i></p>	<p>Phù hợp với Điều 126 và khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và điểm a khoản 9 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15</p> <p>Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định HĐQT xác định giá chào bán cổ phần theo Điều 126 và điểm d khoản 2 Điều 153</p>

	<p>a) Phương án phát hành phải nêu rõ: mục đích chào bán; số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán; giá chào bán, hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá chào bán; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư chiến lược; thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư.</p> <p>Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.</p>	<p>trừ trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập; 2. Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở công ty; 3. Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh; trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác; 4. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ công ty hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định." Tại điểm d khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020, Hội đồng quản trị có quyền "d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty"; <p>Điểm a khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 9 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 như sau:</p> <p>"a) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí nhà đầu tư; số lượng cổ phiếu, giá chào bán cổ phiếu hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán cổ phiếu;"</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2020. Tuy nhiên, theo khoản 4 Điều 126 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: "4. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ công ty hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định."</p> <p>Điều 3 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: "Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của luật đó."</p> <p>Do đó, việc quy định về việc ĐHCĐ phải xác định giá chào bán hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán nhằm tăng cường sự kiểm soát về giá chào bán trong hoạt động chào bán cổ phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng là phù hợp.</p>
<p>Phát hành cổ phiếu hoán đổi cổ phần, phần vốn góp, hoán đổi nợ của doanh nghiệp</p>	<p>Khoản 2 Điều 50, khoản 2 Điều 58 được sửa đổi bổ sung tại khoản 15, khoản 16 Điều 1 như sau:</p> <p>15. Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 50 như sau:</p>	<p>Theo khoản 3 Điều 36 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định:</p> <p>"3. Tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động do chủ sở hữu, Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, <i>Hội đồng quản trị</i></p>	<p>Phù hợp với khoản 3 Điều 36 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định tài sản góp vốn (ở đây trong trường hợp phát hành cổ</p>

<p><i>khác của công ty đại chúng (Điều 50, Điều 58)</i></p>	<p>“2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức phát hành thông qua phương án phát hành, trong đó nêu rõ: mục đích phát hành; số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành; danh sách nhà đầu tư; số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành hoán đổi cho từng nhà đầu tư; phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi. <i>Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi, ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập (nếu có) để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp với giá thị trường.</i></p> <p>Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu không được tham gia biểu quyết.”</p> <p>16. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 58 như sau:</p> <p>“2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, trong đó nêu rõ: mục đích phát hành, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành, danh sách chủ nợ, giá trị các khoản nợ phải trả được hoán đổi và số lượng cổ phiếu dự kiến hoán đổi cho từng chủ nợ, phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi. <i>Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi, ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập (nếu có) để Đại hội đồng cổ</i></p>	<p><i>đổi với công ty cổ phần và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức thẩm định giá định giá.</i></p> <p>Trường hợp tổ chức thẩm định giá định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và chủ sở hữu, Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp tài sản góp vốn được định giá cao hơn giá trị thực tế của tài sản đó tại thời điểm góp vốn thì người góp vốn, chủ sở hữu, thành viên Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do việc cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.”</p> <p>Bên cạnh đó, theo khoản 2, 3 Điều 5 Luật Chứng khoán năm 2019 quy định về nguyên tắc hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán như sau:</p> <p>“2. Công bằng, công khai, minh bạch.</p> <p>3. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư”</p>	<p>phiếu để hoán đổi là cổ phiếu/phần vốn góp của công ty (khác) trong công ty cổ phần thì HĐQT và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức thẩm định giá định giá (ở đây HĐQT phải xác định phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi). Do đó, quy định <i>Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi, ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập (nếu có) để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp với giá thị trường.</i> Là phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và nguyên tắc hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>
---	---	--	---

	<p>đồng xem xét, quyết định, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp với giá thị trường.</p> <p>Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu không được tham gia biểu quyết.”.</p>		
<p>Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty của công ty đại chúng (Điều 64, Điều 65)</p>	<p>Khoản 4 Điều 64 được sửa đổi bổ sung tại khoản 17 Điều 1 như sau:</p> <p>4. Trường hợp phát hành cổ phiếu thường cho người lao động, nguồn vốn <u>sử dụng để phát hành</u> đủ để tăng vốn cổ phần, cụ thể như sau:</p> <p>a) Nguồn vốn sử dụng để phát hành cổ phiếu thường cho người lao động được căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận bao gồm các nguồn sau: thặng dư vốn cổ phần; quỹ đầu tư phát triển; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; <u>quỹ khen thưởng</u>; quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để thưởng cho người lao động từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, <u>quỹ khen thưởng</u>, quỹ khác, nguồn vốn thực hiện được căn cứ trên báo cáo tài chính của công ty mẹ <u>được kiểm toán</u>;</p>	<p>Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp</p> <p>Theo Điều a khoản 1 Điều 63: Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN của doanh nghiệp dùng để cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.</p> <p>Điều o khoản 3 Điều 64: Hướng dẫn trường hợp hạch toán quỹ khen thưởng như sau:</p> <p>“o) Trường hợp công ty cổ phần được phát hành cổ phiếu thường từ quỹ khen thưởng để tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu, ghi:</p> <p>Nợ TK 3531: - Quỹ khen thưởng Nợ TK 4112: - Thặng dư vốn cổ phần (giá bán thấp hơn mệnh giá) Có TK 4111: - Vốn góp chủ sở hữu Có TK 4112: - Thặng dư vốn cổ phần (giá bán cao hơn mệnh giá)</p>	<p>Đồng bộ với quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp (cụ thể là điểm a khoản 1 Điều 63 Thông tư 200/2014/TT-BTC)</p> <p>Thông tư 200 đã đưa ra quy định và hướng dẫn về quỹ khen thưởng dùng cho công tác khen thưởng và có thể phát hành cổ phiếu thường để tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu.</p> <p>Do đó, việc đưa ra quy định về việc bổ sung quỹ khen thưởng là một trong các nguồn để phát hành cổ phiếu thường cho người lao động là phù hợp với Thông tư 200.</p>

	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 65 như sau:</p> <p>“2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động <u>phải</u> nêu rõ: <u>đối tượng, tiêu chuẩn</u>, số lượng cổ phiếu phát hành; giá phát hành, hoặc nguyên tắc xác định giá phát hành và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá phát hành. ; Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành không được tham gia biểu quyết thông qua nội dung này.</p> <p>3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện, <u>trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động và phương án bán ngay số cổ phiếu được công ty mua lại</u>. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành không được tham gia biểu quyết thông qua nội dung này.</p>		
<p>Đình chỉ hoạt động giao dịch của thành viên (Điều 105)</p>	<p>Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 105, bổ sung điểm e1 sau điểm e khoản 1 Điều 105 như sau:</p> <p>a) Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 105 như sau:</p> <p>“a) Bị đình chỉ hoạt động môi giới hoặc tự doanh chứng khoán; bị đình chỉ hoạt động lưu ký chứng khoán, bù trừ, thanh toán giao</p>	<p>- Điểm a) khoản 2 Điều 56 Luật Chứng khoán quy định thành viên lưu ký có quyền “<i>Cung cấp dịch vụ lưu ký và thanh toán giao dịch chứng khoán cho khách hàng</i>”.</p> <p>- Điểm a) khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán quy định thành viên bù trừ có quyền “<i>Thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh và các chứng khoán khác</i>”.</p>	<p>- Khoản 1a Điều 105: Bổ cụm từ “bù trừ” đồng thời bổ sung nội dung làm rõ hình thức xử lý tương ứng với quyền của thành viên của VSDC theo quy định tại Điều 56 Luật chứng khoán 2019 và khắc phục sai phạm theo kết luận của UBKTTW là</p>

	<p>dịch chứng khoán <u>đối với thành viên lưu ký; bị đình chỉ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán đối với thành viên bù trừ;</u>”</p> <p>b) Bổ sung điểm e1 sau điểm e khoản 1 Điều 105 như sau:</p> <p><u>“e1) Theo đề nghị của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 156 Nghị định này;”</u>.</p>	<p>- Điểm e) khoản 1 Điều 156 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định:</p> <p><u>“1. Đối với hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán:</u></p> <p>...</p> <p>e) <u>Đề nghị Sở giao dịch chứng khoán đình chỉ giao dịch đối với thành viên giao dịch là thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán và thành viên giao dịch không bù trừ ủy thác bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán qua thành viên bù trừ đó”</u>.</p>	<p>phù hợp.</p> <p>- Bổ sung trường hợp đình chỉ giao dịch của thành viên giao dịch theo đề nghị của VSDC (trong trường hợp thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán) là phù hợp với quy định tại điểm e khoản 1 Điều 156 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
<p>Hồ sơ, trình tự, thủ tục tiếp tục niêm yết, đăng ký niêm yết cổ phiếu sau chia, tách doanh nghiệp (Điều 115)</p>	<p>Khoản 28 Điều 1 sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 115:</p> <p>“b) Báo cáo vốn góp của chủ sở hữu của công ty bị tách sau thời điểm tách doanh nghiệp được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính trong 02 năm liền trước năm tách doanh nghiệp của công ty bị tách;”</p>	<p>Điểm a Khoản 12 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điểm đ khoản 1 của Điều 33 như sau:</p> <p>“d) Báo cáo tài chính năm gần nhất của công ty cổ phần được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Trường hợp công ty tăng vốn điều lệ sau thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất, công ty phải bổ sung báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét;”</p> <p>Điểm d khoản 1 Điều 34 Luật Chứng khoán 2019 quy định về quyền và nghĩa vụ công ty đại chúng:</p> <p>“d) Công ty đại chúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 của Luật này phải đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng. Sau 02 năm kể từ ngày giao dịch đầu tiên</p>	<p>Phù hợp với điểm a khoản 12 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 và điểm d khoản 1 Điều 34 Luật Chứng khoán 2019.</p>

		trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết, công ty đại chúng có quyền nộp hồ sơ đăng ký niêm yết khi đáp ứng các điều kiện niêm yết chứng khoán;”	
Niêm yết, thay đổi niêm yết, hủy niêm yết chứng quyền có bảo đảm (bổ sung Điều 119a)	<p>Khoản 32 Điều 1 bổ sung Điều 119a vào sau Điều 119 như sau:</p> <p>Điều 119a. Niêm yết chứng quyền có bảo đảm</p> <p>Khoản 1: Hồ sơ niêm yết lần đầu chứng quyền có bảo đảm</p> <p>Khoản 2: Thủ tục chấp thuận niêm yết chứng quyền có bảo đảm</p> <p>Khoản 3: Thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền do thay đổi số lượng chứng quyền niêm yết</p> <p>Khoản 4: Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm</p> <p>Khoản 5, 6, 7: 7. Thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm</p>	<p>- Hiện nay, niêm yết chứng quyền có bảo đảm vẫn đang thực hiện theo quy định tại Thông tư số 107/2016/TT-BTC và Quy chế niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại SGDCK TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 34/QĐ-SGDHCM.</p> <p>- Khoản 1 và khoản 4 Điều 48 Luật Chứng khoán quy định về niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán:</p> <p>“1. Chứng khoán đã chào bán ra công chúng, cổ phiếu của công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục, chứng quyền có bảo đảm, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận phải được niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.</p> <p>4. Chính phủ quy định các loại chứng khoán khác phải được niêm yết, đăng ký giao dịch; việc phân bảng niêm yết, điều kiện niêm yết chứng khoán; hồ sơ, thủ tục niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán; thay đổi, hủy bỏ niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán của tổ chức phát hành Việt Nam, tổ chức phát hành nước ngoài; việc niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành Việt Nam ở nước ngoài.”</p>	<p>Phù hợp với khoản 1 và khoản 4 Điều 48 Luật Chứng khoán 2019:</p> <p>Khoản 1 Điều 48 Luật Chứng khoán năm 2019 đã quy định chứng quyền có bảo đảm được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận phải được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán. Khoản 4 Điều 48 Luật Chứng khoán năm 2019 đã giao Chính phủ quy định về hồ sơ, thủ tục niêm yết. Do vậy, dự thảo Nghị định đã bổ sung thêm quy định về hồ sơ, trình tự thủ tục niêm yết chứng quyền có bảo đảm, thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm tại Điều 119a là phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán năm 2019.</p>

<p>Hồ sơ đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch (gồm đăng ký lần đầu và thay đổi)</p>	<p>- Bộ thành phần hồ sơ là Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán (gồm đăng ký lần đầu, điều chỉnh) trong hồ sơ đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch (gồm đăng ký lần đầu và thay đổi). Cụ thể, bổ sung 1 khoản tại Điều 2 dự thảo Nghị định như sau: - Bãi bỏ, thay thế các quy định: + Bãi bỏ điểm e khoản 1, điểm d khoản 3 Điều 110, điểm c khoản 1 Điều 114, điểm đ khoản 2 Điều 115, điểm d khoản 1 Điều 116, điểm đ khoản 2 Điều 118, điểm d khoản 1 Điều 134, điểm b khoản 2 Điều 136, điểm 7 mục V Mẫu số 28, điểm 7 mục V Mẫu số 33 Phụ lục. + Bãi bỏ cụm từ “<i>Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đã được điều chỉnh do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp</i>” tại điểm b khoản 2 Điều 117. - Sửa đổi khoản 1 Điều 135 như sau: “1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán có quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch đồng thời thực hiện công bố thông tin ra thị trường”.</p>	<p>- Điều 109, Điều 112, Điều 118 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định về điều kiện niêm yết, đăng ký giao dịch, trong đó không có điều kiện chứng khoán đó đã đăng ký tập trung tại VSDC. - Theo khoản 1 Điều 34 Luật Chứng khoán, khoản 1 Điều 117, khoản 1 Điều 136 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thì sau khi UBCKNN xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng hoặc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán ra công chúng hoặc khi thay đổi số lượng chứng khoán, công ty đại chúng, tổ chức phát hành đã có thể thực hiện ngay thủ tục đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch một cách độc lập với thủ tục đăng ký chứng khoán.</p>	<p>Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định về điều kiện niêm yết, đăng ký giao dịch, trong đó không có điều kiện chứng khoán đó đã đăng ký tập trung tại VSDC. Về nguyên tắc, thành phần hồ sơ phải tương ứng với điều kiện để chứng minh việc đáp ứng điều kiện. Hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán không tương ứng với bất kỳ điều kiện nào nên cần thiết bỏ ra khỏi hồ sơ đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch, tránh cách hiểu chứng khoán đăng ký tại VSDC như một điều kiện để SGDCK chấp thuận niêm yết, đăng ký giao dịch. Bên cạnh đó, việc quy định hồ sơ đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch phải có Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán như hiện nay dẫn đến việc công ty đại chúng, tổ chức phát hành phải thực hiện đăng ký chứng khoán tại VSDC trước, sau đó mới thực hiện thủ tục đăng ký niêm yết,</p>
--	---	--	---

			<p>dăng ký giao dịch tại SGDCK. Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 34 Luật Chứng khoán, khoản 1 Điều 117, khoản 1 Điều 136 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thì sau khi UBCKNN xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng hoặc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán ra công chúng hoặc khi thay đổi số lượng chứng khoán, công ty đại chúng, tổ chức phát hành đã có thể thực hiện ngay thủ tục đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch một cách độc lập với thủ tục đăng ký chứng khoán. Việc bỏ thành phần hồ sơ là Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán trong hồ sơ đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch sẽ tạo cơ sở để công ty đại chúng, tổ chức phát hành thực hiện đồng thời thủ tục đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch và thủ tục đăng ký chứng khoán, qua đó rút ngắn thời gian đưa chứng khoán vào giao dịch trên hệ thống của SGDCK.</p>
<p>Về hủy niêm yết bắt buộc (Điều</p>	<p>Bỏ điểm g khoản 1 Điều 120 về hủy niêm yết bắt buộc đối với cổ phiếu</p>	<p>Theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15, sửa khoản 5 Điều 38 Luật Chứng</p>	<p>Phù hợp với khoản 15 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15:</p>

120)	<p>“g) Tổ chức niêm yết chấm dứt sự tồn tại do tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản”.</p>	<p>khoản như sau: “5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc hủy tư cách công ty đại chúng, trình tự, thủ tục hủy tư cách công ty đại chúng và việc hủy tư cách công ty đại chúng đối với trường hợp <u>không đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng do tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp</u>.”.</p>	<p>Trường hợp tổ chức niêm yết tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản sẽ bị hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định của Bộ Tài chính, theo đó sẽ bị hủy niêm yết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 120 Nghị định số 155.</p>
<p>Đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (Điều 149, Điều 150)</p>	<p>Bổ sung khoản 4a Điều 149 như sau:</p> <p><i>4a. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán đã đăng ký theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Yêu cầu cung cấp thông tin phải nêu rõ nội dung, mục đích, hình thức cung cấp thông tin, căn cứ pháp lý xác định thẩm quyền được yêu cầu cung cấp thông tin. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được quyền từ chối đối với yêu cầu cung cấp thông tin không đúng quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan. Cơ quan yêu cầu cung cấp thông tin phải chịu trách nhiệm về việc yêu cầu cung cấp thông tin và có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp.</i></p> <p>- Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 150 như sau:</p> <p><i>“4a. Sau khi công ty con của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam được thành lập để thực hiện hoạt động bù</i></p>	<p>- Điều 55 Luật Chứng khoán quy định VSDC có nghĩa vụ “<i>cung cấp thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật</i>”; đồng thời quy định VSDC có trách nhiệm bảo mật thông tin liên quan đến sở hữu của khách hàng.</p> <p>- Khoản 17 và khoản 19 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 đã bổ sung quy định VSDC được thành lập công ty con và việc tổ chức, phân công thực hiện một số quyền, nghĩa vụ cho công ty con sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.</p>	<p>- Việc bổ sung khoản 4a Điều 149 là phù hợp để tạo điều kiện thuận lợi cho VSDC trong việc xác định chính xác cơ quan có thẩm quyền yêu cầu VSDC cung cấp thông tin và thực hiện trách nhiệm bảo mật thông tin sở hữu chứng khoán.</p> <p>- Việc bổ sung khoản 4a Điều 150 là cần thiết để có căn cứ thực hiện phân công một số chức năng, nhiệm vụ liên quan đến thực hiện cơ chế CCP quy định tại Nghị định này cho công ty con của VSDC thực hiện và để làm rõ việc công ty con của VSDC được trích lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ của chính mình (bên cạnh quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ do VSDC trích lập) để phục</p>

	<p><i>trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, việc thực hiện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm theo quy định tại Nghị định này do công ty con thực hiện trên cơ sở phân công của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Đối với việc trích lập, quản lý, sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ tại công ty con của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con thực hiện như quy định áp dụng đối với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại khoản 3 Điều 156 Nghị định này”.</i></p>		<p>vụ cho công tác quản lý rủi ro, đảm bảo thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế CCP. Việc trích lập, quản lý, sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ tại công ty con của VSDC thực hiện như quy định áp dụng đối với VSDC.</p>
<p>Điều kiện, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán (Điều 151, Điều 152)</p>	<p>- Sửa đổi khoản 1 Điều 151 như sau: <i>“1. Là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán”.</i></p> <p>- Bổ điểm d khoản 1 Điều 152 tương ứng với nội dung sửa đổi tại khoản 1 Điều 151.</p>	<p>- Khoản 2 Điều 13 Thông tư 34/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng quy định: <i>“2. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán, hoạt động ngân hàng giám sát, hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán khi Giấy phép mà Ngân hàng Nhà nước cấp cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng</i></p>	<p>Theo Thông tư 34/2024/TT-NHNN, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chỉ cấp phép sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên bù trừ. Trong khi đó, Điều 151, Điều 152 đang quy định UBCKNN cấp phép sau khi NHNN chấp thuận. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung quy định</p>

		<p>nước ngoài có nội dung hoạt động này và ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán như sau:</p> <p>a) Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán: ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên bù trừ;</p> <p>b) Đối với hoạt động ngân hàng giám sát theo quy định của pháp luật về chứng khoán: ngân hàng thương mại được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;</p> <p>c) Đối với hoạt động lưu ký chứng khoán: ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên lưu ký” .</p>	<p>tại khoản 1 Điều 151, điểm d khoản 1 Điều 152 là phù hợp để tránh mâu thuẫn về trình tự cấp phép giữa UBCKNN và NHNN.</p>
<p>Quyền và nghĩa vụ của TVBT đối với việc cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán</p>	<p>Khoản 49 Điều 1 bổ sung khoản 3 sau khoản 2 Điều 157 như sau:</p> <p>“3. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc phối hợp thực hiện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán giữa thành viên bù trừ là công ty chứng khoán với ngân</p>	<p>Theo Luật số 56/2024/QH15 đã bổ sung quy định về quyền của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (NHLK) là thành viên bù trừ (TVBT) được thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở, làm cơ sở cho Chính phủ, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các</p>	<p>Phù hợp với khoản 18 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 56 Luật Chứng khoán như sau:</p> <p>“a) Thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch cho các chứng khoán</p>

(Điều 157)	hàng lưu ký không làm thành viên bù trừ”.	<p>văn bản pháp lý liên quan nhằm đưa quy định này vào thực tiễn.</p> <p>Về pháp luật chứng khoán, sau khi Luật được Quốc hội thông qua, Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành thì quy định pháp lý cho việc triển khai cơ chế CCP cơ bản đã đầy đủ, đồng bộ.</p> <p>Tuy nhiên, trong thời gian NHNN chưa cấp phép cho NHLK làm TVBT hoặc sau khi NHNN cấp phép cho NHLK làm TVBT nhưng có NHLK chưa sẵn sàng, chưa đáp ứng đủ điều kiện làm TVBT, dự thảo Nghị định bổ sung quy định “Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc phối hợp thực hiện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán giữa thành viên bù trừ là công ty chứng khoán với ngân hàng lưu ký không làm thành viên bù trừ” để có cơ sở hướng dẫn tại Thông tư của Bộ Tài chính cơ chế phối hợp giữa NHLK với CTCK là TVBT khi triển khai thực tế hoạt động bù trừ, thanh toán theo cơ chế CCP cho thị trường chứng khoán cơ sở</p>	giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán. Trường hợp thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, thành viên bù trừ là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch cho chính thành viên bù trừ là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;”
Điều khoản chuyển tiếp (Điều 310)	<p>- Bãi bỏ khoản 14 Điều 310.</p> <p>“14. Các thành viên lưu ký của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được phép tham gia hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán như thành viên bù trừ trực tiếp theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày chính thức triển khai cơ chế đối tác bù trừ trung tâm. Sau thời hạn này, chỉ</p>	<p>- Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định Thành viên lưu ký (TVLK) được phép tham gia hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế CCP như thành viên bù trừ trực tiếp trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày chính thức triển khai cơ chế CCP.</p>	<p>Phù hợp với khoản 17 và khoản 19 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 55 và khoản 1 Điều 63 Luật Chứng khoán như sau:</p> <p>“4. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam quyết định thành lập công ty con và tổ chức, phân công thực</p>

	<p>thành viên bù trừ mới được tham gia hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.”</p>		<p>hiện một số quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật này cho công ty con sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.”;</p> <p>“1. Hoạt động bù trừ, xác định nghĩa vụ thanh toán tiền và chứng khoán được thực hiện thông qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.”</p> <p>- Việc cho phép TVLK không đủ điều kiện được tham gia hoạt động bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán theo mô hình CCP dẫn tới rủi ro cho VSDC nói riêng và thị trường chứng khoán nói chung. Do đó, việc bãi bỏ khoản 14 Điều 310 là cần thiết, đảm bảo cho hoạt động bù trừ, thanh toán trên thị trường diễn ra an toàn, ổn định.</p>
<p>Tài liệu của cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo</p>	<p>Khoản 3 Điều 1 Dự thảo Nghị định (bổ sung khoản 9 Điều 6): <u>“9. Trường hợp cá nhân đã đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử trên Hệ</u></p>	<p>Khoản 5 Điều 3 Nghị định 69/2024/NĐ-CP quy định về định danh và xác thực điện tử: 5. Tài khoản định danh điện tử là tập hợp gồm tên đăng nhập, mật khẩu hoặc phương tiện xác thực khác</p>	<p>Nghị định 69/2024/NĐ-CP đã có quy định về tài khoản định danh điện tử và hệ thống định danh điện tử. Quy định tại Dự</p>

	<u>thống định danh và xác thực điện tử và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống này thì không phải nộp căn cước công dân/căn cước, chứng minh nhân dân, lý lịch tư pháp tại các hồ sơ, tài liệu quy định tại Nghị định này”.</u>	được tạo lập bởi cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử, được dùng để truy cập, sử dụng các tính năng, tiện ích, ứng dụng của hệ thống định danh và xác thực điện tử và hệ thống thông tin đã được kết nối, chia sẻ theo quy định của pháp luật.	thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP là phù hợp với quy định hiện hành tại Nghị định này.
Điều kiện, hồ sơ chào bán chứng quyền có bảo đảm	Khoản 53 Điều 1 Dự thảo Nghị định (Bổ sung điều 202a) d) Có báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến kiểm toán là chấp thuận toàn phần; trường hợp ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán, tổ chức phát hành có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ;	Chuẩn mực Kế toán 700, Chuẩn mực Kế toán 705 ban hành kèm theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ban hành hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam quy định về các dạng Ý kiến kiểm toán bao gồm: – Ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần – Ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần; Ý kiến kiểm toán ngoại trừ; Ý kiến kiểm toán trái ngược; Từ chối đưa ra ý kiến	Phù hợp với quy định Chuẩn mực kế toán ban hành kèm theo Thông tư 214/2012/TT-BTC.
Tài liệu của cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề	Khoản 55 Điều 1 Dự thảo Nghị định quy định (sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 214 Nghị định 155/2020/NĐ-CP): b) Đối với trường hợp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị mất, hỏng hoặc thay đổi thông tin xác nhận nhân thân trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán, hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm: Giấy đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo Mẫu số 85 Phụ lục ban hành kèm theo	Khoản 2 Điều 46 Luật Căn cước quy định: “2. <i>Chứng minh nhân dân còn hạn sử dụng đến sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 thì có giá trị sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. Các loại giấy tờ có giá trị pháp lý đã phát hành có sử dụng thông tin từ chứng minh nhân dân, căn cước công dân được giữ nguyên giá trị sử dụng; cơ quan nhà nước không được yêu cầu công dân thay đổi, điều chỉnh thông tin về chứng minh nhân dân, căn cước công dân trong giấy tờ đã cấp”.</i>	Phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 46 Luật căn cước: có quy định về thời hạn sử dụng của chứng minh nhân dân, do đó Dự thảo Nghị định đã điều chỉnh các hồ sơ có quy định yêu cầu tài liệu chứng minh nhân dân của cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo Mẫu số 85 Phụ lục ban hành kèm theo

	<p>Nghị định này; Căn cước công dân/<u>căn cước</u> hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng; 02 ảnh 4cm x 6cm chụp trong vòng 06 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ; Chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, trừ trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất chứng chỉ.</p>		
<p>Đăng ký, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký kinh doanh</p>	<p>Khoản 51 Điều 1 Dự thảo Nghị định quy định: Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 174 như sau: "3. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam khi nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, các quyết định chấp thuận, điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, các quyết định chấp thuận phải thực hiện đăng ký, điều chỉnh các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này tại cơ quan đăng ký kinh doanh. Chế độ tài chính, kế toán của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính."</p>	<p>- Luật Chứng khoán 2019 không có quy định văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phải đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp chỉ quy định về Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; không có quy định về đăng ký doanh nghiệp đối với văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam</p>	<p>Việc bỏ đối tượng phải đăng ký kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh là "<i>văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam</i>" là phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán 2019 và Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</p>



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

**Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý
của cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số
điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Chứng khoán**

**1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của
cơ quan, tổ chức, cá nhân**

Thực hiện quy định của khoản 4 Điều 6, điểm c khoản 2 Điều 90 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tài chính tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tài chính đã đăng tải toàn văn Dự thảo Nghị định và Tờ trình trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính từ ngày 08/12/2024 để lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động theo quy định tại Điều 91 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bộ Tài chính đã gửi lấy ý kiến bằng văn bản đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Bộ, ngành liên quan; các hiệp hội và các công ty đại chúng (Công văn số 13362/BTC-UBCK ngày 07/12/2024). Thời hạn đăng website đối với dự thảo là 10 ngày, thời hạn lấy ý kiến bằng văn bản trước ngày 14/12/2024.

- Về ý kiến tham gia của Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan:

Đến ngày 26/12/2024, UBCKNN đã nhận được ý kiến của 9 Bộ (Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động thương binh và xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Y tế, Bộ Ngoại giao, Bộ Giáo dục và Đào tạo), ý kiến tham gia của Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia.

- Về ý kiến tham gia của thành viên thị trường:

Đến ngày 26/12/2024, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến tham gia của 04 Nhóm, Hiệp hội (Hiệp hội kinh doanh chứng khoán, Hiệp hội Kiểm toán viên Việt Nam; Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam, Nhóm công tác thị trường vốn) cùng 09 ý kiến tham gia của thành viên thị trường gồm Tập đoàn Vingroup

– CTCP, CTCP Chứng khoán Sài Gòn (SSI), CTCP Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSC), CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS), Ngân hàng TMCP Techcombank, CTCP Chứng khoán VPS, HSBC và một số ý kiến khác của thành viên thị trường, ý kiến qua cổng thông tin điện tử Chính phủ.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, CƠ QUAN, TỔ CHỨC

1. Các Bộ đều thống nhất về sự cần thiết ban hành Nghị định.
2. Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động thương binh và xã hội; Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia nhất trí với nội dung dự thảo.
3. Một số Bộ như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế không có ý kiến tham gia do nội dung không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ.
4. Một số ý kiến tham gia khác của các Bộ, ngành như sau:

Stt	Bộ,	Hồ sơ dự thảo ND	Ý kiến tham gia	Giải trình/Tiếp thu
1.	Bộ Ngoại giao		<p>Đề nghị bổ sung Báo cáo đánh giá tác động chính sách theo Điều 93 Luật Ban hành VBQPPL, trong đó <u>đánh giá về tính tương thích của chính sách với điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách</u></p>	<p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính đã bổ sung đánh giá về <u>tính tương thích của chính sách với điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách.</u></p> <p>Ngoài ra, Bộ Tài chính đã có Báo cáo rà soát văn bản pháp luật có liên quan để rà soát các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia có liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định.</p>
			<p>Dự thảo bổ sung quy định liên quan đến NĐT chuyên nghiệp là NĐTNN. Các điều khoản này sẽ góp phần thu hút NĐTNN, góp phần phát triển TTCK Việt Nam. Đề nghị rà soát các cam kết tại các điều ước, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định liên quan đến nội dung này để đảm bảo tính tương thích, phù hợp (cụ thể như, tại Hiệp định EVFTA, Việt Nam đã cam kết về hiện diện thương mại đối với nhà cung cấp dịch vụ chứng khoán nước ngoài (chương 8, phụ lục 8-B).</p>	
2.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Tại Tờ trình Chính phủ	Về việc mở cửa tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (tại trang 10): Theo quy định tại Điều 51 Luật Chứng khoán năm 2019, điểm e khoản 3 Điều 4 Luật Đầu tư năm 2020 “thẩm quyền, trình tự, thủ tục, điều kiện đầu tư kinh doanh, hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán trên thị	<p>Tiếp thu</p> <p>Bộ Tài chính tiếp thu và hoàn chỉnh Tờ trình Chính phủ theo hướng làm rõ các khó khăn, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện</p>

			<p>trường chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán”. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính bổ sung các căn cứ này, đảm bảo việc sửa đổi, bổ sung các quy định mới mở của tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài là phù hợp, tương thích với hệ thống pháp luật hiện hành, đồng thời khắc phục hạn chế, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>	<p>Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
			<p>- Về sửa đổi quy định tại Điều 232 về hồ sơ giải thể quỹ theo hướng bỏ yêu cầu tài liệu xác nhận của các nhà đầu tư về việc đã nhận đủ tiền và tài sản (trang 13): Việc xác nhận của các nhà đầu tư về việc đã nhận đủ tiền và tài sản là yêu cầu đảm bảo bảo vệ nhà đầu tư tham gia thị trường chứng khoán. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc so sánh với quy định quốc tế để có quy định phù hợp đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư tham gia quỹ.</p>	<p>Tiếp thu, Bộ Tài chính chỉnh lý và báo cáo rõ hơn tại dự thảo Tờ trình Chính phủ</p> <p>Ngoài ra, Bộ Tài chính làm rõ hơn như sau:</p> <p>Hiện nay, pháp luật nhiều nước có cơ chế tín thác đầu tư nên các tài sản ủy thác sẽ được bảo vệ ngay cả khi tài sản đứng tên “người nhận ủy thác”. Do đó, thông lệ của những nước này cho thấy cơ chế giải thể quỹ không yêu cầu phải có xác nhận của từng nhà đầu tư.</p> <p>Tại Việt Nam, việc đề xuất quy định bổ sung tại Nghị định 155 là do các vướng mắc trên thực tiễn, cụ thể như sau:</p> <p>Quy định về hồ sơ giải thể quỹ tại Điều 232 áp dụng cho quỹ thành viên và quỹ đại chúng (do quỹ đại chúng được dẫn chiếu đến quỹ thành viên tại các Điều 240, 246, 247, 256).</p> <p>- Hiện nay, quy định pháp luật cho phép số lượng các nhà đầu tư tại quỹ thành viên tối đa là 99 nhà đầu tư. Số lượng các nhà đầu tư tại các quỹ đại chúng lớn, có quỹ hơn</p>

				<p>1.000 nhà đầu tư. Việc yêu cầu các nhà đầu tư xác nhận việc đã nhận đủ tiền và tài sản là khó thực hiện trên thực tế.</p> <p>Do việc chuyển trả tài sản cho nhà đầu tư chủ yếu được thực hiện qua tài khoản ngân hàng và tài khoản chứng khoán trên cơ sở phương án giải thể quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua, đề xuất sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 232 Nghị định 155 theo hướng cắt giảm tài liệu “xác nhận của các nhà đầu tư về việc đã nhận đủ tiền, tài sản”. Theo đó, chỉ cần văn bản xác nhận của ngân hàng lưu ký hoặc ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ, nêu rõ chi tiết khoản thanh toán, danh mục tài sản phân phối cho từng nhà đầu tư</p>
Bộ Kế hoạch và đầu tư	Về dự thảo Nghị định	Về khoản 2 Điều 1, đề nghị làm rõ “... <i>Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực</i> ” là bản sao hay bản sao công chứng?	<p>Giải thích</p> <p>Nguyên tắc nộp hồ sơ, tài liệu báo cáo đã được quy định tại Điều 6 Nghị định 155.</p> <p>Theo đó, quy định tài liệu trong hồ sơ, tài liệu báo cáo là bản sao thì phải là bản sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực.</p>	
		Về nội dung “Điều kiện về hoạt động kinh doanh có lãi, nợ phải trả, lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp được căn cứ trên Báo cáo tài chính của doanh nghiệp”, đề nghị xác định rõ Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp nhận theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập.	<p>Giải trình</p> <p>Tại dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung khoản 8 Điều 7 Nghị định 155/2020/NĐ-CP theo hướng quy định rõ loại Báo cáo tài chính để xác định các điều kiện nêu trên (doanh nghiệp là công ty mẹ thì căn cứ trên BCTC hợp nhất, doanh nghiệp có đơn vị</p>	

				<p>trực thuộc không có tư cách pháp nhân thì căn cứ trên BCTC tổng hợp). Dự thảo không cụ thể là BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, do điều kiện chào bán, phát hành còn có thể căn cứ trên cả BCTC kỳ gần nhất, được cụ thể tại từng nghiệp vụ chào bán, phát hành quy định tại Nghị định Ngoài ra, đối với trường hợp chào bán chứng khoán ra công chúng, việc lập báo cáo tài chính bổ sung đến tháng hoặc quý gần nhất đã được quy định tại Điều 20 Luật Chứng khoán 2019.</p>
--	--	--	--	--

**TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, THÀNH VIÊN THỊ TRƯỜNG VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NGHỊ ĐỊNH SỐ 155/2020/NĐ-CP**

Stt	Đơn vị	Nội dung dự thảo ND	Ý kiến tham gia	Giải trình/Tiếp thu
I. QUY ĐỊNH CHUNG				
1. Thuật ngữ				
	VPS, VBMA	Chưa quy định	Đề xuất: bổ sung <i>Ngày kết thúc đợt phát hành trái phiếu chào bán ra công chúng là ngày kết thúc việc thu tiền mua trái phiếu của Nhà đầu tư và là ngày phát hành trái phiếu của đợt chào bán đó</i> Lý do: Hiện tại chưa có quy phạm pháp luật.	Giải trình: - Khoản 11, Điều 3 ND 155 đã quy định: <i>Ngày kết thúc đợt chào bán là ngày kết thúc việc thu tiền mua chứng khoán được chào bán từ các nhà đầu tư.</i> Quy định này áp dụng chung với trái phiếu, cổ phiếu... chào bán. Do đó, không bổ sung thêm định nghĩa ngày kết thúc đợt phát hành TPRCC. - Quy định tại dự thảo về <i>ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi</i> là phù hợp, do TCPH xác định ngay tại thời điểm đăng ký phát hành (tương tự với các điểm a, b, c khoản 12 Điều 3 ND 155).
	VACPA	Bổ sung điểm h vào sau điểm g khoản 12 Điều 3 như sau: <i>“h) Ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi là ngày được tổ chức phát hành xác định để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu”.</i>	Đề nghị xem xét ngày này có cần phải căn cứ vào điều khoản chuyển đổi của trái phiếu hay tổ chức phát hành có quyền quyết định.	
	HSC, SSI, VASB,	Chưa quy định	Đề xuất: Bổ sung định nghĩa <u>“người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán/ đợt phát hành”</u>	
				Giải trình Quy định người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán/phát hành không được tham gia biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ,

	VBMA		<p>Lý do: Chưa có định nghĩa rõ ràng về khái niệm này.</p>	<p>HDQT thống nhất với quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Ngoài ra, người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán, phát hành có thể là người liên quan đến phương án sử dụng vốn, đối tượng mua chứng khoán trong đợt chào bán..., phụ thuộc vào từng phương án phát hành của DN, khó có thể quy định cụ thể tại ND.</p>
2. Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp				
	TCB VBMA	<p>Điều 5. Tài liệu xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp</p>	<p>Đề xuất: sửa đổi/bổ sung điểm b khoản 2:</p> <p>- Đối với các tổ chức khác không phải tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch: ... <i>báo cáo kiểm toán vốn tại thời điểm gần nhất trước thời điểm xác định tư cách nhà đầu tư chuyên nghiệp. Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tính đến thời điểm đăng ký công ty đại chúng được kiểm toán; BCTC được kiểm toán sau khi hợp nhất/ sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình DN.</i></p> <hr/> <p>Đề xuất: Sửa đổi bổ sung mục b khoản 5:</p> <p>b) Hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế hoặc thông báo nộp thuế của cơ quan thuế ... <i>hoặc Xác nhận về thu nhập/mức thuế khấu trừ của cá nhân/người lao động trong năm gần nhất trước thời điểm xác định tư cách NĐTCK có đóng dấu/chữ ký số của tổ chức chi trả thu nhập và bản sao y hợp đồng lao động của cá nhân/người lao động; hoặc Tài liệu/chứng từ nộp thuế/bảng kê khai thuế theo quy định của PL về quản lý thuế theo hình thức điện tử.</i></p> <p>Lý do: Cá nhân ủy quyền quyết toán thuế/nộp thuế cho doanh</p>	<p>Giải trình</p> <p>Nghị định sửa đổi theo trình tự rút gọn chỉ tập trung vào những nội dung Luật CK sửa đổi giao hướng dẫn, những nội dung trọng yếu, cấp bách, vướng mắc ảnh hưởng lớn trong quá trình thực hiện, nếu không sửa có thể rui ro...</p> <p>Hơn nữa khi xây dựng Luật Chứng khoán sửa đổi đã đưa nội dung sửa đổi nâng tiêu chuẩn NĐT chứng khoán chuyên nghiệp nhưng có nhiều ý kiến góp ý nên chưa đưa vào sửa đổi lần này. Do đó ND sửa đổi lần này cũng chưa đề cập đến nội dung tài liệu xác định NĐT chuyên nghiệp.</p>

			<p>ngành/công ty nơi cá nhân làm việc hoặc nơi phát sinh doanh thu không thu thập được chứng từ kê khai thuế hay chứng từ khấu trừ thuế của doanh nghiệp/công ty trong năm gần nhất</p>	
VPS, VBF	<p>“2. Bổ sung một số khoản tại Điều 5 như sau: ...</p> <p>7. Đối với nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tài liệu xác định là một trong các tài liệu sau: ...</p> <p>a) Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán của tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài;</p> <p>...</p>	<p>Đề xuất: Đề nghị làm rõ “Cơ quan quản lý có thẩm quyền” tại mục 7 b) và 7 d) là “cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh” hay “cơ quan quản lý có thẩm quyền của Việt Nam”</p>	<p>Giải trình</p> <p>Theo quy định tại Luật Đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài là <u>tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài</u> thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.</p> <p>Các tài liệu đã nêu tại điểm b, d khoản 7 Điều 5 là các tài liệu do cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài cấp.</p>	
SSI, VBF	<p>...</p>	<p>Đề xuất: GCN đăng ký mã số giao dịch chứng khoán của tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài (do phần trên đã quy định liệt kê các tài liệu của NĐTNN).</p>	<p>Tiếp thu</p>	
TCB		<p>Khoản 6, 7, 8: Đề xuất làm rõ tài liệu do nhà đầu tư nước ngoài cung cấp có phải dịch sang tiếng Việt và hợp pháp hóa lãnh sự.</p>	<p>Giải trình: Các tài liệu được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 155</p>	
VBMA		<p>Đề xuất: Đề nghị làm rõ thuật ngữ “<i>trích lục</i>” nêu trên được hiểu như thế nào do hiện nay chưa có quy định pháp luật giải thích thuật ngữ này.</p>	<p>Tiếp thu</p> <p>Bỏ từ “trích lục”</p>	
<p>3. Quy định chung về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, hồ sơ, tài liệu báo cáo</p>				
SSI, VBF	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau: “d) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên được</p>	<p>Đề nghị quy định bãi bỏ khoản 1 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (vì nội dung đã được quy định tại Điều 11a Luật Chứng khoán sửa đổi).</p>	<p>Giải trình: Quy định sửa đổi, bổ sung để cụ thể hóa trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động về chào bán, phát hành,</p>	

		chấp thuận, người ký báo cáo kiểm toán hoặc soát xét phải tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập; tuân thủ chuẩn mực kiểm toán khi kiểm toán BCTC và chịu trách nhiệm đối với ý kiến về tính trung thực, hợp lý của các báo cáo, số liệu được kiểm toán; tuân thủ chuẩn mực về hợp đồng dịch vụ đảm bảo, chịu trách nhiệm về việc đưa ra ý kiến về tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước; tính hợp lý của các số liệu dự báo, ước tính về tình hình tài chính của doanh nghiệp trong Bản cáo bạch khi cung cấp dịch vụ kiểm tra thông tin tài chính tương lai.”		niêm yết, đăng ký giao dịch, đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán
VACPA		<p>Đề xuất sửa lại như sau: “d) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên được chấp thuận, người ký báo cáo kiểm toán hoặc soát xét hoặc báo cáo dịch vụ đảm bảo phải tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và các chuẩn mực nghề nghiệp có liên quan; khi kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, kiểm tra báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước và chịu trách nhiệm đối với ý kiến, kết luận đưa ra về các báo cáo, số liệu được kiểm toán, soát xét, kiểm tra.</p> <p>Lý do: Bỏ từ “người” để hiểu rằng kiểm toán viên được chấp thuận ký báo cáo kiểm toán sẽ phải chịu trách nhiệm, và tránh cách hiểu trong cuộc kiểm toán có thể có các kiểm toán viên được chấp thuận khác ngoài kiểm toán viên ký báo cáo; sửa đổi để nhất quán với chuẩn mực</p>		<p>Tiếp thu một phần và chỉnh lý để thống nhất với Luật Chứng khoán như sau:</p> <p><i>“Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên được chấp thuận, người ký báo cáo kiểm toán hoặc soát xét hoặc báo cáo dịch vụ đảm bảo phải tuân thủ quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và các chuẩn mực nghề nghiệp có liên quan; chịu trách nhiệm đối với ý kiến về tính trung thực, hợp lý của các báo cáo, số liệu được kiểm toán, ý kiến, kết luận về báo cáo, số liệu được soát xét, ý kiến về tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.</i></p>
TCB	Chưa quy định	Về khoản 6, 7, 8: Đề xuất làm rõ tài liệu do nhà đầu tư nước ngoài cung cấp có phải dịch sang tiếng Việt và hợp pháp hóa lãnh sự không?		<p>Giải thích</p> <p>Khoản 4 Điều 6 Nghị định 155/2020/NĐ-CP đã quy định về nguyên tắc chung trong nộp hồ sơ, tài liệu báo cáo, trong đó có quy định về tài liệu được lập bằng tiếng nước ngoài phải được gửi kèm bản dịch chứng thực sang tiếng Việt bởi cơ quan có thẩm quyền. Những tài liệu do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp hoặc xác nhận, phải được hợp pháp hóa lãnh sự trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ,</p>

				tài liệu báo cáo nhận được tài liệu.
TCB	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 6 như sau:</p> <p><i>“9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp với hệ thống cơ sở dữ liệu của UBCKNN.”.</i></p>	<p>Đề xuất: bổ sung quy định: Trường hợp cá nhân đã đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức 2 trên hệ thống định danh và xác thực điện tử thì không cần phải nộp CCCD/CC, sơ yếu lý lịch tư pháp tại các hồ sơ, tài liệu quy định tại ND này. UBCK/Công ty chứng khoán xác thực thông qua hệ thống link với VNID (hoặc dựa trên ảnh chụp/video xác thực VNID nếu chưa link được hệ thống)</p> <p>Lý do: Để phù hợp với quy định tại khoản 5 điều 13 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP.</p>	<p>Giải trình</p> <p>Trong trường hợp hệ thống thông tin của UBCKNN chưa kết nối, tra cứu được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp của cơ sở dữ liệu quốc gia thì cá nhân phải sử dụng căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp khi thực hiện thủ tục hành chính.</p> <p>Khoản 17 Điều 3 Luật Căn cước 2023 quy định: <i>“Căn cước điện tử là căn cước của công dân Việt Nam được thể hiện thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập”.</i> Như vậy, cá nhân có thể sử dụng căn cước điện tử thay cho thẻ căn cước.</p> <p>Khoản 2, Điều 9 Nghị định 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử (thay thế cho Nghị định số 59/2022/NĐ-CP) quy định <i>“Tài khoản định danh điện tử mức độ 02 của công dân Việt Nam được sử dụng để truy cập, khai thác, sử dụng căn cước điện tử...”.</i></p> <p>Như vậy, các quy định của pháp luật hiện hành đã đầy đủ nội dung mà TCB đề xuất.</p>	

II. CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

1. Quy định chung về chào bán, phát hành

VASB, VBMA	<p>Bổ sung khoản 8, khoản 9 Điều 7 như sau:</p> <p><i>“9. Trường hợp doanh nghiệp sử dụng khoản vốn đầu tư của chủ sở hữu, chênh lệch đánh giá lại tài sản, quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ kinh doanh của doanh nghiệp trong vòng 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán, phát hành thì giá trị bù lỗ kinh doanh này bị loại trừ khỏi chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính khi xem xét các điều kiện về chào bán, phát hành.”</i></p>	<p>Đề xuất: VASB đề nghị UBCKNN giữ nguyên quy định hiện nay vì việc hạn chế nguồn để bù lỗ kinh doanh sẽ làm doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc huy động vốn hoặc ảnh hưởng đến kế hoạch niêm yết cổ phiếu vì việc xóa lỗ lũy kế từ hoạt động kinh doanh sẽ mất rất nhiều năm trong khi doanh nghiệp có các nguồn khác từ vốn chủ sở hữu (<i>thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển</i>) nhưng không thực hiện được.</p>	<p>Tiếp thu</p> <p>Quy định tại dự thảo nhằm đảm bảo phân ánh đúng tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh đã được thể hiện ở điều kiện kết quả SXKD 2 năm liền trước phải có lãi. Mặt khác chế độ kế toán hiện hành Thông tư 200/2014/TT-BTC đang cho phép doanh nghiệp dùng các nguồn khác để bù lỗ kinh doanh.</p>
Vingroup TCB, VBMA	<p><i>“9. Trường hợp doanh nghiệp sử dụng khoản vốn đầu tư của chủ sở hữu, chênh lệch đánh giá lại tài sản, quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ kinh doanh của doanh nghiệp trong vòng 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán, phát hành thì giá trị bù lỗ kinh doanh này bị loại trừ khỏi chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính khi xem xét các điều kiện về chào bán, phát hành.”</i></p>	<p>Đề xuất:</p> <p>- Bổ sung quy định trong trường hợp công ty mẹ không phải lập BCTC hợp nhất được quy định trong Thông tư 200/2014/TT-BTC thì không sử dụng BCTC hợp nhất.</p>	<p>Giải trình</p> <p>Quy định tại dự thảo thống nhất với Khoản 2 Điều 20 Luật Chứng khoán: <i>“Trường hợp tổ chức phát hành là công ty mẹ thì tổ chức phát hành phải nộp báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật về kế toán”</i>.</p>
TVTT	<p>Điều 9. Báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành</p> <p>(chưa sửa đổi quy định)</p>	<p>Đề xuất: Đề nghị Ban soạn thảo xem xét lại việc sử dụng vốn huy động cần thực hiện kiểm toán đối với tất cả các mục đích để đảm bảo nguồn vốn sử dụng đúng mục đích. DN thuyết minh đầy đủ, chi tiết trong báo cáo soát xét 6 tháng, kiểm toán cuối năm và báo cáo ĐHCĐ hàng năm; đảm bảo việc sử dụng vốn cần được minh bạch, tránh xung đột lợi ích.</p>	<p>Tiếp thu:</p> <p>Bổ sung tại Điều 9 theo hướng DN cần công bố thông tin việc sử dụng vốn (SDV) thu được từ đợt chào bán (bao gồm cả chào bán để thực hiện dự án và mục đích khác).</p>

			<p>- Đề nghị không cho phép ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT trong việc thay đổi mục đích sử dụng vốn.</p> <p>- Trường hợp huy động vốn qua phát hành và sử dụng để hợp tác kinh doanh (BCC) với 1 công ty khác thì đối tượng BCC phải được ĐHĐCĐ thông qua. Trường hợp huy động vốn để mua cổ phần doanh nghiệp khác, đối tượng, giá mua cần nêu rõ trong phương án phát hành được ĐHĐCĐ thông qua, <u>cần có thẩm định giá mua trình ĐHĐCĐ thông qua...</u> Trường hợp phát hành để bổ sung vốn lưu động, DN cần chứng minh được sự cần thiết của việc mở rộng quy mô, vòng quay vốn.</p>	<p>Giải trình:</p> <p>- Các quy định về điều kiện phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành riêng lẻ được quy định tại Điều 15, Điều 31 Luật Chứng khoán Do đó, Nghị định được quy định phù hợp với Luật Chứng khoán.</p> <p>- Về thay đổi phương án SDV: HĐQT chỉ được thay đổi khi được ĐHĐCĐ ủy quyền. Doanh nghiệp phải tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp về thẩm quyền ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch.</p> <p>- Đối với vấn đề thẩm định giá khi mua cổ phần, phần vốn góp của DN khác: Dự thảo đã bổ sung tại Điều 50 và Điều 58 NĐ 155 cho trường hợp phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần, phần vốn góp của công ty chưa đại chúng và phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ như sau: <i>"Hội đồng quản trị báo cáo ĐHĐCĐ về phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi, ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập (nếu có) để ĐHĐCĐ xem xét, quyết định, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp với giá thị trường"</i></p>
TVTT	Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 12 như sau:	<p>"b) Đối với đợt chào bán để thực hiện dự án, phương án SDV phải xác định tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện dự án tối thiểu là</p>	<p>Đề xuất: bỏ khoản b Điều 12 hoặc giữ nguyên không cần sửa đổi, vì tỷ lệ 70% chỉ mang ý nghĩa để DNNY chú ý, tập trung cho quá trình thực hiện dự án đảm bảo thành công với tỷ lệ cao.</p>	<p>Giải trình</p> <p>Quy định tại dự thảo Nghị định để thống nhất với điểm a khoản 6 Điều 1 Luật Chứng khoán số 56/2024/QH15 (sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 15) như sau: <i>"d) Đối với đợt chào bán ra công chúng nhằm mục đích huy động phần vốn để thực hiện dự án của tổ</i></p>

		70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán để thực hiện dự án (trừ trường hợp chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu)...”.		chức phát hành, số cổ phiếu được bán cho các nhà đầu tư phải đạt tối thiểu 70% số cổ phiếu dự kiến được chào bán, trừ trường hợp chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu....”;
VASB, SSI, VBF, Vingroup TCB	<p>Khoản 7 Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, bổ sung khoản 3, 4, 5, 6 Điều 19 như sau:</p> <p>“2. Tổ chức phát hành hoặc trái phiếu đăng ký chào bán phải được xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. trong các trường hợp sau: <u>Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành.</u>”.</p>	<p>SSI, VBF kiến nghị là XHTN đối với Trái phiếu.</p> <p>VASB kiến nghị có XHTN đối với TCB, quy định cụ thể những loại trái phiếu nào được áp dụng xếp hạng tín nhiệm tổ chức phát hành, loại trái phiếu nào bắt buộc xếp hạng tín nhiệm cho trái phiếu đăng ký chào bán.</p> <p>Vingroup kiến nghị giữ nguyên như quy định tại Nghị định 155 hoặc điều chỉnh, bổ sung làm rõ quy mô yêu cầu phải xếp hạng, do tổ chức phát hành quy mô lớn có nhu cầu huy động nhỏ hơn nhiều so với quy mô vốn chủ để cơ cấu lại nguồn vốn nên việc bắt buộc phải xếp hạng trong mọi trường hợp gây lãng phí, tổn kém thêm nguồn lực của doanh nghiệp.</p>	<p>Giải trình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo quy định các trường hợp phát hành TPDN ra công chúng phải có XHTN về doanh nghiệp hoặc trái phiếu phát hành. - Mục đích quy định: định hướng doanh nghiệp tiếp cận dần với văn hóa XHTN, nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động chào bán trái phiếu ra công chúng. 	
Vingroup	<p>...</p> <p>4. Có hệ số nợ phải trả (bao gồm cả giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) trên vốn chủ sở hữu <u>của tổ chức phát hành</u> không quá 4 lần, ngoại trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác</p>	<p>1. Nợ phải trả này chỉ được tính gồm những khoản nợ chịu lãi hay bao gồm tất cả các nghĩa vụ phải trả khác của doanh nghiệp.</p> <p>2. Nếu là công ty mẹ thì tính trên báo cáo tài chính hợp nhất hay báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ?</p>	<p>Tiếp thu,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 8 Điều 7 đã làm rõ loại BCTC là căn cứ xác định chỉ tiêu VCSH, nợ phải trả. - “Nợ phải trả” xác định theo chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán của DN, bao gồm tất cả các khoản nợ phải trả. 	
TCB Vingroup	<p><u>trái phiếu phát hành nhằm mục đích cơ cấu lại khoản nợ.</u></p>	<p>Vingroup: Luật kinh doanh bắt động sản chi quy định đối với trường hợp huy động để thực hiện dự án, còn mục đích cơ cấu nợ hoặc tăng quy mô vốn thì không có quy định.</p> <p>Nội dung “<u>ngoại trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác</u>” có thể được hiểu là các doanh nghiệp kinh doanh</p>	<p>Tiếp thu một phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về áp dụng PL chuyên ngành: Quy định tại dự thảo được hiểu là pháp luật chuyên ngành phải cùng quy định về giới hạn phát hành TP và điều kiện hệ số nợ/VCSH thì DN áp dụng 	

			<p>bất động sản được áp dụng theo quy định tại Luật nhà ở và Luật kinh doanh bất động sản không?</p> <p>TCB: đề nghị bỏ quy định này, <u>chỉ áp dụng giới hạn huy động đối với doanh nghiệp kinh doanh bất động sản theo quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản</u>, bởi lẽ với các loại hình doanh nghiệp khác thì đã áp dụng quy định về xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp và/hoặc xếp hạng trái phiếu.</p>	<p>theo quy định đó.</p> <p>Ví dụ Luật KDBĐS và Nghị định 96/2024/NĐ-CP quy định dư nợ tín dụng, dư nợ TPDN/ VCSH đối với từng dự án thì DN kinh doanh BĐS tuân thủ PL KDBĐS.</p> <p>- Tiếp thu quy định cho phép <u>ngoại trừ hệ số nợ/VCSH trong trường hợp trái phiếu phát hành cho mục đích cơ cấu lại nợ.</u></p>
	VBF		<p>Đề xuất: Nâng mức hệ số (lên 5 lần) do mức 3 lần có thể hạn chế đáng kể tiềm năng phát triển của thị trường TPDN</p>	<p>Tiếp thu về việc nâng hệ số nợ/VCSH.</p> <p>Tuy nhiên, để đảm bảo an toàn tài chính của chính doanh nghiệp, đồng thời hạn chế ảnh hưởng đến các doanh nghiệp có nhu cầu huy động vốn cho phát triển nền kinh tế, dự kiến nâng hệ số này ở mức 4 lần.</p>
	TCB, Vingroup, VBMA	Chưa sửa Điều 23	<p>Đề xuất: Bổ sung hình thức bảo lãnh của bên thứ ba không phải là tổ chức tín dụng vì đây là nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và cũng giúp tăng tính bảo đảm cho trái phiếu (chữ in nghiêng, bôi đậm, gạch chân). Cụ thể:</p> <p>2. <i>Được bảo đảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ gốc và lãi trái phiếu bằng một hoặc một số phương thức sau: ...</i></p> <p><u>c) Bảo lãnh thanh toán của công ty mẹ sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc bên thứ ba khác có xếp hạng tín nhiệm từ hạng BBB trở lên hoặc tương đương, các tổ chức bảo lãnh thanh toán quốc tế.</u></p>	<p>Tiếp thu một phần</p> <p>Dự thảo NĐ thống nhất với NĐ 155 hiện hành về việc bảo lãnh thanh toán của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; <i>mở rộng thêm đối với hình thức bảo lãnh thanh toán của tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế.</i></p>

	TCB, VBMA	Chưa sửa Điều 24	<p>Đề xuất: bổ sung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho phép tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại được nhận chỉ định để nhận và quản lý tài sản bảo đảm cho trái phiếu: - Trường hợp trái phiếu được bảo đảm thanh toán bằng phương thức bảo lãnh thanh toán, Đại diện người sở hữu trái phiếu là tổ chức thay mặt trái chủ để nhận thư bảo lãnh, thay mặt trái chủ để yêu cầu thực hiện bảo lãnh đối với bên bảo lãnh khi trái phiếu xảy ra sự kiện vi phạm và các thủ tục khác có liên quan; 	<p>Tiếp thu một phần</p> <p>- Về kiến nghị cho phép tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại được nhận chỉ định để nhận và quản lý tài sản bảo đảm cho trái phiếu: Vấn đề này thuộc thẩm quyền của NHNN. Bộ Tài chính sẽ kiến nghị NHNN đối với vấn đề này</p>
	HSC		<p>Đề xuất: bổ sung điểm a khoản 3 Điều 24</p> <p>2. Đại diện người sở hữu trái phiếu có tối thiểu các trách nhiệm sau: a) Giám sát việc tuân thủ các cam kết của tổ chức phát hành trong hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu, ngoại trừ mục đích sử dụng vốn được nêu tại phương án phát hành trái phiếu.</p>	<p>Giải thích</p> <p>Đại diện người sở hữu trái phiếu có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ các cam kết của tổ chức phát hành trong hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu, trường hợp có nghĩa vụ giám sát mục đích sử dụng vốn thì phải thực hiện.</p>
	VACPA	<p>Khoản 9 Dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 30)</p> <p>“b) ... báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán năm cuối cùng trước thời điểm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tài chính kỳ kế toán năm đầu tiên sau thời điểm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được kiểm toán</p>	<p>Đề nghị Ban soạn thảo xem xét sửa lại cho rõ hơn như sau:</p> <p>“...: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành được kiểm toán....”</p>	<p>Tiếp thu, đã chỉnh sửa Điều 30 theo kiến nghị của VACPA</p>

		bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận...		
VACPA	<p>Khoản 10 Dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung Khoản 6, Điều 31 Nghị định 155)</p> <p>Tại điểm 6c Dự thảo Nghị định quy định: "...Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính tính đến thời điểm hợp nhất được kiểm toán của các công ty bị hợp nhất; ...</p>	<p>Quy định được hiểu là ví dụ năm hợp nhất là năm 2022, doanh nghiệp chào bán trong năm 2024. Vậy doanh nghiệp cần nộp báo cáo tài chính của năm 2023 và 2022. Theo quy định tại Dự thảo Nghị định, doanh nghiệp còn phải nộp báo cáo tài chính của năm liền trước năm hợp nhất của các công ty tham gia hợp nhất, tức là năm 2021.</p> <p>Đề nghị Ban soạn thảo rà soát quy định này để nhất quán với các quy định khác.</p>	<p>Giải thích</p> <p>Việc yêu cầu TCPH phải có BCTC năm liền trước năm hợp nhất của các DN tham gia hợp nhất để có đầy đủ thông tin các công ty tham gia hợp nhất, cập nhật vào bản cáo bạch và đảm bảo minh bạch khi ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành.</p> <p>Quy định tại khoản 6 Điều 31 thống nhất với quy định khác tại NĐ 155 (trường hợp cơ cấu lại như hợp nhất, sáp nhập, DN phải cung cấp cả BCTC của các DN tham gia cơ cấu lại), cũng thống nhất với quy định về niêm yết chứng khoán (điểm c khoản 4 Điều 113).</p>	
TVTT	<p><i>Sửa đổi khoản 2 Điều 43 như sau: 2. Quyết định của ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, trong đó: a) Phương án phát hành phải nêu rõ: mục đích chào bán; số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán; giá chào bán, hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán và ủy quyền cho HĐQT xác định giá chào bán; tiêu chí lựa chọn nhà đầu</i></p>	<p>Đề xuất: Dự thảo sửa đổi điểm 2 điều 43 của NĐ155 có thể hiện rõ việc thêm một bước minh bạch hoá chủ trương khi thực hiện PHRL đó là đưa ra quy tắc xác định giá công khai ĐHĐCĐ thông qua để tránh việc tự quyết định giá của HĐQT.</p> <p>Tuy nhiên vẫn còn lúng, đề nghị Ban soạn thảo xem xét lại việc cần quy định lại hồ sơ chào bán cần đảm bảo tương đương phát hành chào bán ra công chúng.</p>	<p>Giải trình</p> <p>Điều kiện chào bán riêng lẻ đã được quy định tại Điều 31 Luật Chứng khoán. Do đó, hồ sơ chào bán chứng khoán riêng lẻ tại ND cần thống nhất với điều kiện tại Luật</p>	
TCB VBMA	<p><i>Sửa đổi khoản 2 Điều 43 như sau: 2. Quyết định của ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, trong đó: a) Phương án phát hành phải nêu rõ: mục đích chào bán; số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán; giá chào bán, hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán và ủy quyền cho HĐQT xác định giá chào bán; tiêu chí lựa chọn nhà đầu</i></p>	<p>Quy định sửa đổi có thể gây khó khăn cho các công ty đại chúng do việc phát hành phương án còn phụ thuộc vào tình hình thị trường, nếu thay đổi nội dung mà ĐHĐCĐ đã phê duyệt thì phải triệu tập ĐHĐCĐ để xin phê duyệt thay đổi.</p>	<p>Giải trình</p> <p>Nội dung sửa đổi chỉ làm rõ hơn về việc ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phải xác định giá chào bán hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán;</p>	


		<i>tu, nhà đầu tư chiến lược; thông qua hoặc ủy quyền cho HĐQT thông qua danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.</i>		làm rõ việc HĐQT được thông qua danh sách NĐT chuyên nghiệp. Các nội dung khác không thay đổi so với quy định hiện hành.
	HSC, VASB, VBMA		Bổ sung quy định về điều kiện và hồ sơ chào bán riêng lẻ cổ phiếu ưu đãi (CPƯĐ)	Giải trình Khái niệm, các loại cổ phiếu được quy định tại LDN. Tại Nghị định quy định điều kiện và hồ sơ chào bán riêng lẻ cổ phiếu, gồm cả CP phổ thông, CP ưu đãi.
	HSC, VASB	Chưa có quy định	Đề xuất: bổ sung quy định về việc “ <i>Giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đối với cổ phiếu riêng lẻ trong thời gian hạn chế chuyển nhượng</i> ”	Tiếp thu UBCKNN sẽ nghiên cứu báo cáo Bộ vấn đề này khi sửa đổi Thông tư 119/2020/TT-BTC.
	TCB, VBMA	Sửa đổi khoản 2 Điều 50, khoản 2 Điều 58: bổ sung quy định Quyết định của ĐHĐCĐ phải nêu rõ “ phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi ”; bổ sung quy định “ <i>Hội đồng quản trị báo cáo ĐHĐCĐ về ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập về phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi để ĐHĐCĐ xem xét và quyết định</i> ”	Đề xuất: không bổ sung quy định này và giữ nguyên như Nghị định hiện hành. Lý do: việc bổ sung quy định có thể hiểu cần thực hiện hai thủ tục trình ĐHĐCĐ độc lập.	Giải trình Nội dung sửa đổi không hiểu là 02 thủ tục trình ĐHĐCĐ độc lập mà chỉ làm tăng trách nhiệm của HĐQT, đảm bảo tính minh bạch, thêm cơ sở cho cổ đông quyết định phương án phát hành.
2.3	VASB, SSI,	Sửa đổi khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 64:	Đề xuất: Ban soạn thảo bỏ hoặc điều chỉnh quy định này để cho phép ĐHĐCĐ thông qua hoặc ủy quyền cho HĐQT thông qua	Giải trình: Nội dung sửa đổi nhằm đảm bảo tính minh

TCB, VBMA	<p>3. Có tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình được Đại hội đồng cổ đông thông qua; có và danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện được ĐHĐCĐ thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>...</p>	<p>một phần hoặc toàn bộ tiêu chí người lao động trong phát hành ESOP.</p> <p>Trường hợp vẫn giữ nguyên quy định như trong Dự thảo lần 2, VASB đề xuất đề nghị Ban soạn thảo bổ sung điều khoản chuyên tiếp quy định các trường hợp Công ty đại chúng đã được Đại hội đồng cổ đông trong năm 2024 thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình cho người lao động vẫn tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết này.</p>	<p>bach, quyền lợi cổ đông, thêm cơ sở cho cổ đông quyết định phương án phát hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các hồ sơ ESOP nộp đến UBCK trước ngày Nghị định có hiệu lực, dự thảo Nghị định đã có điều khoản chuyên tiếp tại khoản 1 Điều 3 dự thảo. - Đối với các trường hợp chưa nộp hồ sơ ESOP đến UBCK trước ngày Nghị định có hiệu lực, cần tuân thủ quy định tại Nghị định này, đảm bảo thông tin đầy đủ và quyền lợi của cổ đông.
SSI TCB	<p>8. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, ngoại trừ trường hợp cổ phiếu được mua lại theo quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của công ty.”.</p>	<p>- Đề nghị chỉnh sửa Khoản 8 như sau: Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Cổ phiếu đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng mà được mua lại theo quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của công ty thì được xem là hết hạn chế chuyển nhượng. Công ty được phép bán ra số cổ phiếu được mua lại trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày mua lại quy định tại khoản 7 Điều 36 Luật Chứng khoán.</p> <p>Lý do đề xuất: Để làm rõ hơn và có thể bán ra sau đó. Khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi một số luật quy định “Công ty không phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ đối với số cổ phiếu được công ty mua lại.”</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh lý khoản 8 như sau:</p> <p>Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Cổ phiếu đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng mà được mua lại theo quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của công ty thì được xem là hết hạn chế chuyển nhượng. Công ty được phép bán ra số cổ phiếu được mua lại theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>(Việc giao Bộ Tài chính phù hợp với Điều giao hướng dẫn về giao dịch chứng khoán tại khoản 4 Điều 50 Luật Chứng khoán).</p>

III. NIÊM YẾT, GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	VPS	<p>Khoản 18 Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP:</p> <p><i>"18. Bổ sung Điều 106a vào sau Điều 106 như sau:</i></p>	<p>Đề xuất: Quy định rõ loại chứng chỉ hành nghề mà nhân viên thực hiện hoạt động tạo lập thị trường cần có.</p> <p>Lý do đề xuất: Để các tổ chức, cá nhân có cơ sở xác định và thực hiện.</p>	<p>Giải trình</p> <p>Theo quy định tại khoản 1 Điều 97 Luật Chứng khoán, chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm chứng chỉ hành nghề Môi giới, Phân tích tài chính và Quản lý quỹ</p>
	TCB	<p><i>Điều 106a. Tổ chức tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục</i></p> <p><i>1. Điều kiện công ty chứng khoán đăng ký làm tổ chức tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục: ...</i></p> <p><i>c) Nhân viên thực hiện hoạt động tạo lập thị trường có chứng chỉ hành nghề chứng khoán; ..."</i></p>	<p>(1) Trong thực tế vận hành, một công ty chứng khoán có thể đồng thời làm tổ chức tạo lập thị trường của nhiều quỹ hoán đổi danh mục của nhiều công ty quản lý quỹ khác nhau. Do đó, quy định điều kiện đăng ký tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF là "được công ty quản lý quỹ lựa chọn ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho quỹ hoán đổi" sẽ làm tăng thủ tục hành chính cho công ty chứng khoán cũng như SGDCK khi với mỗi quỹ, công ty chứng khoán đều đi đăng ký làm tổ chức tạo lập thị trường từng lần trong khi bản chất các điều kiện chính là không thay đổi. Do vậy, đề xuất xây dựng quy định về Tổ chức tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục theo hướng được chấp thuận tư cách tổ chức tạo lập thị trường 01 lần và thực hiện nghĩa vụ báo cáo định kỳ/bất thường các điều kiện duy trì làm tổ chức tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục.</p> <p>(2) Hiện chưa có quy định cụ thể về việc làm tổ chức tạo lập thị trường cho chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục là một nghiệp vụ mà công ty chứng khoán được thực hiện hay không, Do đó, đề xuất rà soát và bổ sung thêm nghiệp vụ "được đăng ký làm tổ chức tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi" vào Khoản 1 Điều 86 Luật Chứng khoán.</p>	<p>Tiếp thu một phần</p> <p>(1) Tiếp thu ý kiến của TCB, cơ quan soạn thảo sẽ chỉnh lý để thống nhất cách hiểu là công ty chứng khoán được chấp thuận tư cách tổ chức tạo lập thị trường 01 lần mà không phải cấp nhiều lần cho nhiều loại chứng chỉ quỹ ETF khác nhau.</p> <p>(2) Thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ ETF thực hiện các hoạt động liên quan đến nghiệp vụ môi giới và tự doanh của công ty chứng khoán, do đó, không phải bổ sung thêm nghiệp vụ "được đăng ký làm tổ chức tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi" vào khoản 1 Điều 86 Luật Chứng khoán.</p>

	VACPA	<p>Dự thảo Nghị định sửa đổi cụm từ “vốn chủ sở hữu” thành “vốn góp của chủ sở hữu” tại Điều 4, Khoản 1, Điều 107, Nghị định 155, cụ thể như sau: “đ) Trường hợp sau kỳ kế toán gần nhất được kiểm toán, tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện phát hành tăng vốn điều lệ (trừ trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động, phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu), tổ chức đăng ký niêm yết phải bổ sung báo cáo vốn góp của chủ sở hữu đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc BCTC đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận”.</p>	<p>Việc sửa “vốn chủ sở hữu” thành “vốn góp của chủ sở hữu” sẽ quy định rõ chi tiêu trên báo cáo tài chính phải được kiểm toán. Chế độ kế toán (doanh nghiệp) do Bộ Tài chính ban hành cũng quy định từng chi tiêu cụ thể liên quan đến nguồn vốn. Đồng thời Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (và 06 Luật khác) đã được Quốc hội thông qua, trong đó có quy định “báo cáo về vốn điều lệ” và báo cáo vốn điều lệ này sẽ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>Đối với quy định “Trường hợp sau kỳ kế toán gần nhất được kiểm toán, tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện phát hành tăng vốn điều lệ ..., tổ chức đăng ký niêm yết phải bổ sung ... báo cáo vốn góp của chủ sở hữu đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận”, VACPA đề nghị Ban soạn thảo quy định rõ giai đoạn cần kiểm toán của báo cáo vốn góp của chủ sở hữu.</p> <p>Vấn đề báo cáo vốn góp của chủ sở hữu/Báo cáo vốn điều lệ đã góp cũng là quy định ảnh hưởng đến các doanh nghiệp (nộp hồ sơ đăng ký đại chúng/niêm yết hoặc nộp hồ sơ tăng vốn). Vì vậy để đánh giá được đầy đủ tác động của quy định này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cần nhắc tham khảo thêm ý kiến từ các đối tượng sẽ áp dụng, triển khai các quy định này.</p>	<p>Tiếp thu, dự thảo Nghị định 155 đang quy định “báo cáo vốn góp của chủ sở hữu” phù hợp với pháp luật về kế toán.</p> <p>Việc kiểm toán “báo cáo vốn góp của chủ sở hữu” được quy định đối với trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết tăng vốn điều lệ sau kỳ kiểm toán gần nhất. Như vậy, vốn góp của chủ sở hữu trước kỳ kiểm toán gần nhất đã được thực hiện kiểm toán.</p>
	Vingroup	Chưa sửa Điều 110	<p>Đề xuất:</p> <p>Đề nghị sửa đổi Mẫu số 28 của Nghị định 155 hiện hành (chữ in nghiêng, bôi đậm, gạch chân) như sau:</p> <p><i>1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>hoặc Hội đồng quản trị</u> hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu thông qua việc niêm yết.</i></p>	<p>Giải thích</p> <p>Mẫu số 28 Phụ lục Nghị định 155 đã bỏ phần V. Hồ sơ kèm theo (trong đó có Mục 1 “Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu thông qua việc niêm yết”).</p> <p>Theo đó, hồ sơ niêm yết trái phiếu được quy</p>

			<p>Lý do: Mẫu số 28 của Nghị định 155 hiện hành quy định nộp hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu phải nộp kèm nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết trái phiếu, trong khi điều kiện và hồ sơ đăng ký phát hành trái phiếu ra công chúng chỉ yêu cầu nghị quyết hội đồng quản trị (với công ty cổ phần).</p>	<p>định cụ thể tại Điều 118 Nghị định số 155.</p>
VASB, HSC, TCB, SSI	<p>Khoản 22 Điều 1. Bổ sung Điều 111a vào trước Điều 111 như sau:</p> <p>Điều 111a. Niêm yết cổ phiếu đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần</p>	<p>VASB kiến nghị xem xét bộ hồ sơ IPO và niêm yết đồng thời và quy định chức năng để một cơ quan quản lý Nhà nước tiếp nhận và xem xét hồ sơ, giảm bớt thủ tục hành chính cho Doanh nghiệp.</p> <p>Bên cạnh đó, Khoản 3 Điều 111a quy định: <i>Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày UBCKNN thông báo nhận được báo cáo kết quả IPO, TC đăng ký niêm yết bổ sung các tài liệu cho SGDCK, gồm:</i></p> <p>a) [...] <i>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi..”</i></p> <p>VASB đề nghị Ban soạn thảo sửa thành 15 ngày làm việc nhằm đảm bảo đủ thời gian để doanh nghiệp thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp tại SKHĐT, tránh trường hợp bị mất thời gian trong các đợt nghỉ lễ dài khiến không tuân thủ thời hạn này.</p> <p>Ngoài ra, bổ sung tài liệu có hiệu lực tương đương (trong trường hợp các tổ chức tín dụng chỉ hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động mà không có Giấy chứng nhận đăng ký DN.</p>	<p>Tiếp thu một phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký DN hoặc tài liệu tương đương; - Về thời hạn 15 ngày, kể từ ngày UBCKNN thông báo nhận được báo cáo kết quả IPO, tổ chức đăng ký niêm yết bổ sung các tài liệu cho SGDCK: <p>Việc bổ sung thời hạn này nhằm đảm bảo thực thi quy định tại Luật Chứng khoán:</p> <p><i>Công ty đại chúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này phải đưa cổ phiếu vào niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán ra công chúng.</i></p> <p>Do đó, DN cần đẩy nhanh hoàn thiện các thủ tục, rút ngắn thời gian để tuân thủ thời hạn theo Luật Chứng khoán, đồng thời bảo vệ tốt hơn quyền lợi của cổ đông.</p>	
		<p>Nội dung chào bán lần đầu ra công chúng kết hợp/gắn với niêm yết lần đầu tiên được đưa ra các quy định rất đáng hoan</p>	<p>Tiếp thu, đơn vị soạn thảo làm rõ như sau:</p> <p>Nội dung về IPO đồng thời niêm yết tại dự thảo</p>	

			<p>nghe, đã có quy định cho việc nộp hồ sơ đồng thời cho UBCKNN và SGDCK để xem xét, qua đó có thể rút ngắn thời gian thay vì trước đây 2 khâu nêu trên là độc lập và trình tự hoàn thành thủ tục chào bán sau đó mới tới thủ tục niêm yết.</p> <p>Hồ sơ và điều kiện chào bán và Hồ sơ, điều kiện niêm yết là khác nhau và được 2 cơ quan xem xét độc lập, nên điều khoản bổ sung này chưa rõ và chưa thấy điểm nào để thực chất việc giảm thủ tục hay các bước, thời gian trong tiến trình từ chào bán cho tới niêm yết.</p> <p>Đề nghị đơn vị soạn thảo cần làm rõ nội dung liên quan quy chế/quy tắc phối hợp giữa UBCKNN và SGDCK để đảm bảo tiến trình có sự gắn nhưng có kế thừa nội dung xem xét của 2 bên để giảm thiểu thủ tục và thời gian. Tránh việc đưa ra quy định này nhưng thực tế thủ tục và thời gian không hiệu quả, thực chất hơn</p>	<p>NĐ được xây dựng trên tinh thần giảm thiểu thủ tục và rút ngắn thời gian cho doanh nghiệp khi IPO. Việc rút ngắn thời gian IPO gắn với niêm yết thể hiện tại khoản 2 và khoản 3 và khoản 4 Điều 111a dự thảo NĐ như sau:</p> <p>- Về hồ sơ:</p> <p>Đã chỉnh sửa Điều 109 về điều kiện và Điều 110 về hồ sơ theo hướng thống nhất giữa hồ sơ IPO và Niêm yết.</p> <p>Dự kiến, UBCK sẽ trình Bộ đề sửa Thông tư 118/2020/TT-BTC theo hướng thống nhất Bản cáo bạch IPO với BCB niêm yết.</p> <p>- Về trình tự, thủ tục</p> <p>Khoản 2 Điều 111a dự thảo đã quy định rõ về trình tự thủ tục UBCKNN và SGDCK phải đồng thời xem và có ý kiến rõ ràng trong thời hạn 30 ngày về việc đáp ứng điều kiện. Việc quy định rõ tại thời điểm này, SGDCK phải có ý kiến đồng thời với UBCKNN để tạo điều kiện cho doanh nghiệp có thể đồng thời làm rõ hồ sơ IPO và niêm yết cùng thời điểm.</p> <p>- Khoản 3 và khoản 4 Điều 111a dự thảo làm rõ việc sau khi hoàn thành đợt IPO, doanh nghiệp chỉ cần gửi Bản cáo bạch cập nhật, giấy đăng ký doanh nghiệp và giấy tiếp tục xem xét việc tiếp tục đăng ký niêm yết mà không phải gửi Toàn bộ hồ sơ như trước đây.</p> <p>- Đơn vị soạn thảo cũng sẽ nghiên cứu các nội dung làm rõ hơn trong phối hợp cụ thể giữa UBCKNN và SGDCK, nhằm giảm thủ tục</p>
--	--	--	---	---

				hành chính và rút ngắn thời gian cho doanh nghiệp
TCB	Khoản 25 Điều 1. Sửa đổi điểm b, c khoản 2 Điều 117	Theo quy định tại Điều 10 Quyết định 08/2023 của VSDC về các trường hợp phải xin điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thì khi TCPH tăng hoặc giảm số lượng chứng khoán lưu hành đều phải xin Giấy phép điều chỉnh, tuy nhiên theo dự thảo thì Giấy phép này không còn nằm trong bộ hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết nữa -> Có thể hiểu là 2 thủ tục có thể làm song song và TCPH không còn phải đăng ký thay đổi số lượng chứng khoán tại VSDC trước khi niêm yết không? Đề xuất làm rõ thủ tục/quy trình.	Giải trình Khoản 3a Điều 149 đã dự thảo Nghị định đã quy định “Công ty đại chúng, tổ chức phát hành phải hoàn tất việc đăng ký chứng khoán tại VSDC trước khi đưa chứng khoán vào giao dịch trên hệ thống của Sở Giao dịch chứng khoán”. Do đó, tổ chức phát hành có thể nộp hồ sơ đăng ký chứng khoán cho VSDC và hồ sơ niêm yết cho SGDCK đồng thời và đảm bảo hoàn tất việc đăng ký chứng khoán tại VSDC trước khi đưa chứng khoán vào giao dịch trên hệ thống của SGDCK.	
Vingroup	Điều 118a. Thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu doanh nghiệp 1. Tổ chức niêm yết thực hiện thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu doanh nghiệp trong các trường hợp tổ chức niêm yết thực hiện chuyển đổi một phần trái phiếu thành cổ phiếu, mua lại trước hạn một phần trái phiếu, hoán đổi một phần trái phiếu hoặc các trường hợp khác làm thay đổi số lượng trái	Đề xuất: Bổ sung (nội dung bôi đậm, in nghiêng, gạch chân) tại Khoản 1, Điều 118a như sau: <i>“...thực hiện chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ trái phiếu thành cổ phiếu, mua lại trước hạn một phần trái phiếu, hoán đổi một phần trái phiếu hoặc các trường hợp khác làm thay đổi số lượng trái phiếu doanh nghiệp niêm yết...”</i> Lý do: Dự thảo chưa quy định trường hợp thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu doanh nghiệp trong trường hợp tổ chức niêm yết thực hiện chuyển đổi toàn bộ trái phiếu thành cổ phiếu.	Giải trình Việc chuyển đổi toàn bộ trái phiếu thành cổ phiếu đã được quy định bổ sung, sửa đổi tại điểm a khoản 5 Điều 120. Theo đó, trái phiếu doanh nghiệp sẽ bị hủy niêm yết khi “a) Trái phiếu đến thời gian đáo hạn; trái phiếu niêm yết được tổ chức niêm yết mua lại hoặc chuyển đổi hoặc hoán đổi toàn bộ trái phiếu trước thời gian đáo hạn;”.	

VPS	<p>phiếu doanh nghiệp niêm yết.</p> <p>2. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết bao gồm:</p> <p>a) Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết theo Mẫu số 31 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó nêu rõ lý do dẫn đến việc thay đổi niêm yết và các tài liệu có liên quan;</p>	<p>Đề xuất: Quy định cụ thể hơn tài liệu chứng minh đã hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi trái phiếu doanh nghiệp là các tài liệu nào và tài liệu báo cáo hoàn tất đó do cấp thẩm quyền nào ban hành của TCPH.</p> <p>Lý do đề xuất: Để các tổ chức, cá nhân có cơ sở xác định và thực hiện.</p>	<p>Các báo cáo, tài liệu sẽ được hướng dẫn cụ thể tại Quy chế của SGDCK.</p>
TCB	<p>b) Báo cáo đã hoàn tất mua lại một phần trái phiếu doanh nghiệp hoặc hoàn tất chuyển đổi một phần trái phiếu thành cổ phiếu hoặc hoàn tất hoán đổi một phần trái phiếu và kèm theo tài liệu chứng minh đã hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi hoặc hoán đổi một phần trái phiếu.</p>	<p>- Chưa rõ có bao gồm trường hợp chuyển đổi một phần trái phiếu thành cổ phiếu không hay mới chỉ đang quy định cho trường hợp chuyển đổi toàn bộ/hoàn tất chuyển đổi. Đề xuất bổ sung Điểm a, Khoản 1, Điều 118 như sau: Thực hiện chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ trái phiếu thành cổ phiếu.</p> <p>Đề xuất có mẫu biểu cho Báo cáo đã hoàn tất mua lại trái phiếu doanh nghiệp hoặc hoàn tất chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc các nội dung tối thiểu cần có trong 2 báo cáo này;</p> <p>- Đề xuất bổ sung quy định áp dụng với trường hợp TCPH mua lại TP trước hạn từ NSHTP được thực hiện không thông qua HTGDCKTT (do có những trường hợp TCPH buộc phải mua lại TP hoặc NĐT buộc phải bán lại TP, do đó việc mua lại sẽ không phụ thuộc vào việc bên bán có khớp/xác nhận lệnh đối ứng của TCPH trên hệ thống giao dịch hay không mà phải thực hiện bên ngoài hệ thống).</p>	<p>Tiếp thu, là rõ như sau:</p> <p>Khoản 1 Điều 118a đã quy định rõ bao gồm trường hợp “<i>tổ chức niêm yết thực hiện chuyển đổi một phần trái phiếu thành cổ phiếu</i>”. Trường hợp chuyển đổi toàn phần trước hạn, trái phiếu sẽ bị hủy niêm yết theo quy định tại Sửa đổi điểm a khoản 5 Điều 120 tại Nghị định sửa đổi.</p> <p>Các báo cáo, tài liệu sẽ được hướng dẫn cụ thể tại Quy chế của SGDCK.</p> <p>UBCKNN sẽ nghiên cứu xem xét bổ sung tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 119/2020/TT-BTC trường hợp cần thiết.</p>
VASB, SSI	<p>Khoản 29 Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm đ, điểm e, điểm i, điểm l, điểm m, điểm o khoản 1, điểm a khoản 3, điểm a và</p>	<p>Đề nghị làm rõ quy định: sửa đổi, bổ sung điểm i Điều 120 Nghị định 155: “(i)<i>Tổ chức niêm yết vi phạm chậm nộp báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong 03 năm liên tiếp hoặc kết thúc năm tài chính mà tổ chức niêm yết không thực</i></p>	<p>Chậm nộp BCTC năm được kiểm toán: <i>Sau thời hạn phải nộp BCTC mà tổ chức niêm yết chưa nộp BCTC năm được kiểm toán.</i></p>

	Vingroup	c khoản 5 Điều 120	<p><i>hiện nghĩa vụ báo cáo đối với báo cáo tài chính kiểm toán của năm tài chính liền trước</i>": Đề nghị làm rõ thời hạn bao lâu thì coi là "không thực hiện nghĩa vụ báo cáo" so với hành vi "chậm nộp báo cáo".</p> <p>Đề xuất:</p> <p>Bổ sung (nội dung bôi đậm, in nghiêng, gạch chân) như sau: <i>a) Trái phiếu đến thời gian đáo hạn; trái phiếu niêm yết được tổ chức niêm yết mua lại hoặc chuyển đổi hoặc hoán đổi <u>một phần hoặc</u> toàn bộ trái phiếu trước thời gian đáo hạn.</i></p> <p>Lý do:</p> <p>Dự thảo chưa quy định trường hợp hủy niêm yết do mua lại một phần trái phiếu trước hạn.</p>	<p>Không thực hiện nghĩa vụ báo cáo đối với BCTC kiểm toán của năm tài chính liền trước: <i>kết thúc năm tài chính mà tổ chức niêm yết không nộp BCTC kiểm toán năm liền trước.</i></p> <p>Trường hợp mua lại một phần trái phiếu trước hạn đã được bổ sung, sửa đổi tại khoản 1 Điều 118a</p>
	TCB		<p>- Chưa có trường hợp hủy niêm yết do mua lại một phần trái phiếu trước hạn. Đề xuất bổ sung như sau: a) Trái phiếu đến thời gian đáo hạn, trái phiếu niêm yết được tổ chức niêm yết mua lại hoặc chuyển đổi hoặc hoán đổi một phần hoặc toàn bộ trước thời gian đáo hạn.</p> <p>- Với điểm (i) khoản 1 Điều 120: Đề xuất quy định rõ "kết thúc năm tài chính mà tổ chức niêm yết không thực hiện nghĩa vụ báo cáo đối với báo cáo tài chính kiểm toán của năm tài chính liền trước trong thời hạn theo quy định pháp luật", vì kết thúc năm tài chính xong doanh nghiệp vẫn có 90 ngày để lập BCTC KT.</p>	<p>Giải trình:</p> <p>Việc mua lại trước hạn 1 phần trái phiếu đã được quy định tại khoản 1 Điều 118 về thay đổi niêm yết trái phiếu.</p> <p>Quy định hủy niêm yết này áp dụng đối với việc không nộp BCTC KT năm tài chính liền trước.</p>
	Vingroup, TCB, HSBC	Sửa đổi các Điều 126, 127 và 128	<p>Đối với Dự thảo lần này, các Điều 126, 127 và 128 được sửa theo hướng chỉ điều chỉnh đối với việc niêm yết, giao dịch CÓ PHIẾU của công ty đại chúng trên Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài. Như vậy, việc niêm yết và giao dịch trái</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh lý quy định tại Điều 126, 127, 128 cho niêm yết, giao dịch <u>chứng khoán</u> (bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ lưu ký) của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ,</p>

			<p>phiếu của công ty đại chúng/công ty chưa đại chúng sẽ không có quy định pháp luật điều chỉnh. Việc này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động huy động vốn qua kênh trái phiếu của công ty đại chúng/công ty chưa đại chúng.</p> <p>Đề nghị cần có quy định rõ ràng về việc niêm yết và giao dịch của các loại chứng khoán khác ngoài CỔ PHIẾU (như trái phiếu) tại sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.</p>	<p>công ty đại chúng tại SGDCK nước ngoài.</p>
HSC, SSI	Chưa quy định	<p>Quy định rõ thêm cơ chế, khung pháp lý để có thể thực hiện việc phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết trên thực tế.</p> <p>Lý do:</p> <p>Theo dự thảo sửa đổi Điều 139 nêu trên, khi các công ty đại chúng bắt buộc mở room, room nước ngoài sẽ mau chóng được lấp đầy, khiến NĐTNN không còn cơ hội tham gia đầu tư vào các doanh nghiệp tốt (ngân hàng, các CP thường kín room,...)</p> <p>Do đó, việc có khung pháp lý đầy đủ về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết sẽ giúp có thêm sản phẩm để thu hút NĐTNN ở các doanh nghiệp kín room.</p>	<p>Giải trình:</p> <p>Theo kinh nghiệm của thị trường Thái Lan, hiện nay có nhiều cổ phiếu NVDR đã chạm ngưỡng khiến cho NĐTNN cũng không thể mua thêm. Do đó, NVDR không giải quyết triệt để vấn đề về sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài. Giải pháp lâu dài là tăng chất lượng hàng hoá để thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào các ngành nghề lĩnh vực khác thay vì chỉ đầu tư tập trung vào một số lĩnh vực cụ thể như hiện nay. Do vậy, việc triển khai NVDR cần được xem xét, đánh giá thêm.</p>	
4. SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN				
HSC SSI Techcom bank VASV	<p>Điều 139 Dự thảo Nghị định</p> <p>Điều 139. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam</p> <p>1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng được</p>	<p>1. Giữ nguyên quy định tại điểm e khoản 1 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP: cho phép Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ công ty đại chúng được quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài thấp hơn quy định pháp luật hoặc không được thấp hơn tỷ lệ sở hữu nước ngoài thực tế tại thời điểm đó.</p> <p>Lý do:</p>	<p>Giải trình:</p> <p>1. Bộ Tài chính bảo lưu quy định (bỏ quy định cho phép ĐHĐCĐ thông qua và Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ thấp hơn quy định pháp luật trừ trường hợp có quyết định của Thủ tướng Chính phủ) với các lý do sau:</p>	

		<p>xác định như sau:</p> <p>e) Trường hợp <u>cơ quan nhà nước có thẩm quyền công ty đại chúng</u> quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <u>khác thấp hơn</u> tỷ lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này thì <u>tỷ lệ cụ thể phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quy định tại Điều lệ công ty tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty thực hiện theo tỷ lệ đó.</u></p>	<p>- Không phù hợp với Luật Doanh nghiệp. Các hoạt động kinh doanh của công ty đại chúng nói chung chịu ảnh hưởng trực tiếp đối với việc xác định tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khi đầu tư, giao dịch trên thị trường chứng khoán.</p> <p>- Việc xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quy định công khai, minh bạch tại Điều lệ Công ty, do đó vẫn bảo đảm quyền lợi của các cổ đông, và góp phần tạo môi trường lành mạnh cho các cổ đông trong nước.</p> <p>- Công ty đại chúng không kiểm soát được tỷ lệ sở hữu nước ngoài và bị động trong thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thủ tục đăng ký mã số giao dịch chứng khoán dẫn tới rủi ro bị phạt vi phạm hành chính do chậm trễ thực hiện các thủ tục theo luật định.</p> <p>- Đảm bảo phù hợp với Luật Đầu tư (Điều 9) về NĐT nước ngoài được tiếp cận thông tin TLSHNN công khai, minh bạch.</p>	<p><i>(1) Về mặt pháp lý</i></p> <p>- Đảm bảo tính phù hợp, tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật trong quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 (có hiệu từ 01/01/2021) có quy định về việc áp dụng Luật đầu tư và các luật có liên quan.</p> <p>- Đảm bảo tuân thủ quy định việc tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài: việc cho phép Điều lệ công ty quy định về tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài là hình thức hạn chế tiếp thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài. Việc quy định như tại Dự thảo Nghị định nhằm đảm bảo quy định về tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (Điều 9 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14.</p> <p>- Quy định không trái với các quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật chứng khoán số 54/2019/QH14.</p> <p><i>(2) Về mặt kinh tế</i></p> <p>Việc cho phép doanh nghiệp được quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài có ưu điểm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực hạn chế tiếp cận của nhà đầu tư nước ngoài có cơ hội tìm kiếm được đối tác chiến lược và có thể chào bán cổ phần với giá cao hơn giá thị trường.</p> <p>Tuy nhiên, có một số bất cập như:</p> <p>- Tạo sự không đồng nhất trong tiếp cận thông tin</p>
--	--	--	--	--

			<p>2. Đề nghị bổ sung “Trình tự, hồ sơ thực hiện trong trường hợp cần thiết để thực hiện phương án phát hành cổ phiếu, cổ phiếu ưu đãi, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, đảm bảo không vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa cho từng đợt chào bán, công ty đại chúng có thể quyết định khóa tỷ lệ sở hữu nước ngoài tạm thời trong một thời gian cụ thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông” giúp</p>	<p>tin, kế hoạch đầu tư</p> <p>- Ảnh hưởng tiêu cực đến việc thị trường Việt Nam được nâng hạng và khả năng huy động vốn của thị trường chứng khoán Việt Nam.</p> <p>Thực tế xử lý thời gian qua: Một số công ty đại chúng muốn làm thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa ở mức thấp hơn quy định pháp luật nhưng tỷ lệ đó lại thấp hơn tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện tại của công ty tại thời điểm đó. Trường hợp UBCKNN chấp thuận tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty đại chúng đó thì có nghĩa là cổ đông nước ngoài có nghĩa vụ phải bán ra để đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định. Việc thực hiện quy định này làm ảnh hưởng đến tâm lý của cổ đông nước ngoài và môi trường đầu tư của Việt Nam. Do vậy, dự thảo bỏ quy định này để đảm bảo quyền lợi của cổ đông nước ngoài theo Luật Doanh nghiệp đồng thời đảm bảo tuân theo quy định tại cam kết quốc tế, pháp luật có liên quan, góp phần đạt mục tiêu nâng hạng.</p> <p>2. Nghị định 155 có quy định ĐHĐCĐ/HDDQT phải thông qua phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu của NĐTNN. Trình tự, thủ tục đảm bảo tỷ lệ sở hữu của NĐTNN sẽ tùy vào từng phương án phát hành thực tế của doanh nghiệp. Việc quy định quy thể sẽ không đảm bảo tính linh hoạt cho việc phát hành của các doanh nghiệp.</p>
--	--	--	---	---

thực hiện thành công việc phát hành cho NĐTNN, thu hút vốn nước ngoài và tăng tính hấp dẫn của thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Về quy định sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 139 dự thảo Nghị định (cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng), đề nghị:

3.1. Không áp dụng quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài như đăng ký mã số giao dịch chứng khoán, tài khoản đầu tư gián tiếp...đối với công ty đại chúng/ niêm yết có tỷ lệ sở hữu nước ngoài vượt quá 50% do giao dịch cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán.

3.2. Công ty đại chúng được giữ nguyên tỷ lệ sở hữu nước ngoài đã được Cơ quan quản lý chấp thuận hoặc ghi nhận cho đến khi công ty đại chúng có điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

3.3. Đề nghị làm rõ “cơ quan Nhà nước có thẩm quyền” có bao gồm UBCKNN trong trường hợp công ty đề nghị UBCKNN tạm thời chấp thuận một tỷ lệ sở hữu nước ngoài thấp hơn tỷ lệ pháp luật quy định, để có room nước ngoài thực hiện các kế hoạch huy động vốn hoặc thu hút nhà đầu tư chiến lược nước ngoài hay không?

3. Trên cơ sở các ý kiến TVTT, dự thảo Nghị định sửa cụm từ “cơ quan nhà nước có thẩm quyền” thành “Thủ tướng Chính phủ”.

3.1. Giải trình: Trường hợp công ty đại chúng đáp ứng quy định về điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia đầu tư, góp vốn, mua cổ phần theo quy định pháp luật thì phải tuân thủ quy định đối với NĐTNN như đăng ký mã số giao dịch chứng khoán, tài khoản đầu tư gián tiếp....

3.2. Nhất trí: Công ty đại chúng được giữ nguyên tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa kể từ khi Thủ tướng Chính phủ quyết định về tỷ lệ SHNN tối đa tại công ty đại chúng đó cho đến khi Thủ tướng Chính phủ quyết định thay đổi tỷ lệ SHNN tối đa và công ty đại chúng phải thực hiện thông báo thay đổi tỷ lệ SHNN tối đa theo tỷ lệ SHNN tối đa mới đó.

3.3. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không bao gồm UBCKNN trong trường hợp này. Lý do: UBCKNN không có thẩm quyền quyết định tỷ lệ SHNN tối đa đối với ngành nghề mà công ty đại chúng hoạt động. UBCKNN là cơ quan thực hiện thông báo về việc nhận đầy đủ hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa trên cơ sở hồ sơ

			<p>3.4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền được phép quyết định tỷ lệ SHNN tối đa vượt trên cả tỷ lệ theo quy định pháp luật? (hiện tại dự thảo bỏ từ “thấp hơn”, thay bằng từ “khác” nên có thể hiểu là cao hơn hoặc thấp hơn mức SHNN tối đa theo quy định pháp luật).</p> <p>3.5. Trường hợp NHTM</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ quy định tại Nghị định số 01/2014/NĐ-CP thì TL SHNN tại TCTD không phải cố định ở mức 30% mà có thể ở 1 tỷ lệ khác (ở mức dưới mức 30%). - Cơ quan có thẩm quyền nào là cơ quan quyết định tỷ lệ SHNN cụ thể tại NHTM trong trường hợp tỷ lệ này ở mức dưới mức 30%? <p>3.6. Trường hợp quy định cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định/ chấp thuận TL SHNN cụ thể tại TCTD (ở mức dưới mức 30%) sẽ phát sinh thêm thủ tục hành chính.</p> <p>3.7. Cần quy định về trường hợp công ty đại chúng có đặc thù riêng để không bị ảnh hưởng bất lợi bởi việc thu tóm, cần xem xét thêm những quy định về tổ chức nước ngoài riêng cho trường hợp tỷ lệ sở hữu nước ngoài không phải từ các cổ đông lớn hoặc các quy định riêng biệt cho công ty đại chúng phù hợp với môi trường giao dịch đặc thù so với các doanh nghiệp thông thường là thị trường chứng khoán.</p>	<p>của công ty đại chúng nộp.</p> <p>3.4. Nhất trí:</p> <p>Thủ tướng Chính phủ có quyền quyết định tỷ lệ SHNN tối đa của ngành nghề công ty đại chúng hoạt động vượt trên cả tỷ lệ SHNN tối đa theo quy định pháp luật (trong một số trường hợp đặc biệt).</p> <p>3.5. Giải trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định tại Nghị định 01/2014/NĐ-CP mức 30% là tỷ lệ SHNN tối đa cố định của TCTD. - Trường hợp TCTD muốn quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa dưới mức 30%, TCTD xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ. <p>3.6. Việc bỏ thành phần hồ sơ Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thay thế bằng thành phần hồ sơ văn bản của Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng không làm phát sinh thêm chi phí cho công ty đại chúng để chuẩn bị tài liệu hồ sơ này.</p> <p>3.7. Giải trình:</p> <p>Công ty đại chúng cần xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ thông qua tỷ lệ SHNN tối đa trong các trường hợp đặc thù riêng.</p>
--	--	--	---	--

	Techcom bank	<p>Khoản 38 Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 141 như sau:</p> <p>“Điều 141. Trách nhiệm thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty đại chúng</p> <p>Khoản 39 Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 142 như sau:</p> <p>“Điều 142. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng”.</p>	<p>⇒ Theo đó:</p> <p>Đề nghị giữ quy định hiện hành về hồ sơ, trình tự, thủ tục liên quan đến quy định về tỷ lệ SHNN tại Điều 141 và Điều 142 ND 155/2020/ND-CP.</p>	<p>Giải trình:</p> <p>Do thay đổi quy định pháp luật liên quan đến việc xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty đại chúng nên cần thiết thay đổi và làm rõ trách nhiệm, hồ sơ, trình tự thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty đại chúng.</p>
	TCB	<p>“Điều 142. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng”.</p>	<p>Đề xuất làm rõ/quy định cụ thể về việc thế nào là "hoàn tất" việc thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài, cụ thể là TCPH chỉ cần gửi thông báo và hồ sơ đính kèm cho UBCKNN về TLSHNN thì được coi là hoàn tất hay phải nhận được xác nhận/chấp thuận của UBCKNN về TLSHNN mới được coi là hoàn tất (vì việc này sẽ ảnh hưởng đến tiến độ đăng ký niêm yết của TCPH).</p>	<p>Giải thích:</p> <p>“Hoàn tất” là việc công ty đại chúng nhận được văn bản thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa hoặc thông báo thay đổi tỷ lệ SHNN tối đa.</p>
	HSC	<p>Điều 143. Nghĩa vụ của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khi đầu tư, giao dịch trên thị trường chứng khoán</p> <p>1. Tổ chức kinh tế là công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng, <u>quỹ thành viên</u> và các tổ chức kinh tế khác có vốn đầu tư nước ngoài phải áp dụng điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trình tự, thủ tục đầu tư</p>	<p>- Đề nghị bổ sung 01 điều kiện để xem xét địa vị pháp lý của công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán, đó là phải có một nhà đầu tư nước ngoài và/hoặc người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài này nắm giữ từ 35% vốn điều lệ trở lên.</p> <p>- Lý do: Nếu chỉ dựa trên tổng tỷ lệ sở hữu nước ngoài (>50%) để quyết định địa vị pháp lý của một tổ chức kinh tế, sẽ có thể dẫn đến nhiều trường hợp các doanh nghiệp đại chúng/niêm yết, mặc dù không có sự chi phối, kiểm soát của bất kỳ nhà đầu tư nước ngoài nào trong công ty, vẫn phải tuân thủ quy định đầu tư, kinh doanh chặt chẽ như áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài.</p>	<p>Giải trình:</p> <p>Quy định tại khoản 1 Điều 143 của dự thảo Nghị định là phù hợp với quy định tại Điều 23 Luật Đầu tư 2020 “Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế khác; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế khác; đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC nếu tổ chức kinh tế đó thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp</p>

		trên thị trường chứng khoán như nhà đầu tư nước ngoài khi có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.		danh”.
SSI		Khoản 4 Điều 3 Dự thảo: Công ty đại chúng đã thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Điều lệ Công ty quy định thấp hơn mức quy định của pháp luật phải rà soát, xác định và thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại khoản 39 Điều 1 Nghị định này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.	Đề nghị quy định thời hạn tối thiểu 12 tháng để công ty đại chúng sửa đổi Điều lệ của họ để bỏ điều khoản quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, có thể kết hợp nội dung này tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất, tránh tổn kém cho doanh nghiệp, hoặc quy định cứng bãi bỏ các giới hạn do công ty tự quy định mà không yêu cầu công ty phải thông báo lại.	- Tiếp thu: Dự thảo Nghị định đã sửa đổi thời hạn thực hiện quy định này từ 06 tháng thành 12 tháng để công ty đại chúng có thời gian sửa đổi Điều lệ theo hướng bỏ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.
Techcom bank		Khoản 4 Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp: 4. Công ty đại chúng đã thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Điều lệ Công ty quy định thấp hơn mức quy định của pháp luật phải rà soát, xác định và thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại khoản 39 Điều 1 Nghị định này trong	1. Đề nghị bỏ quy định tại khoản 4 Điều 3 dự thảo ND. 2. Đề nghị xem xét điều chỉnh thủ tục giải quyết hồ sơ chào bán/ phát hành cổ phiếu trong trường hợp có điều chỉnh tỷ lệ SHNN (bao gồm cả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty – cổ phiếu ESOP), để đảm bảo đơn giản, đẩy nhanh quy trình xử lý hồ sơ. Ví dụ cụ thể: Đối với hồ sơ phát hành cổ phiếu ESOP, hiện tổ chức phát hành nộp cùng lúc đồng thời UBCK 02 bộ hồ sơ được giải quyết bởi 02 đơn vị của UBCK: (1) Hồ sơ báo cáo phát hành CP; (2) Hồ sơ điều chỉnh tỷ lệ SHNN. Đơn vị xử hồ sơ (1) phải chờ văn bản chấp thuận của UBCK do đơn vị (2) xử lý ⇒ Việc này kéo dài thời gian xử lý hồ sơ,	1. Giải trình: Quy định tại điều khoản chuyển tiếp để đảm bảo công bằng cho các công ty đại chúng. Ngoài ra, để tránh trường hợp các công ty đại chúng ở at thông qua Điều lệ với tỷ lệ thấp hơn trước thời điểm Nghị định có hiệu lực thi hành gây ảnh hưởng xấu đến thị trường. 2. Giải trình: Đề nghị chuyển Vụ QLCS xem xét nghiên cứu chỉnh sửa về việc tạm thời chốt room nước

	thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.	trong khi toàn bộ hồ sơ đều thuộc thẩm quyền xem xét của UBCK.	ngoài để phục vụ cho mục đích chào bán đối với công ty đại chúng đã thực hiện thông báo tỷ lệ SHNN tối đa, đối với công ty đại chúng chưa thực hiện thông báo thì bắt buộc phải nộp cho 02 đơn vị để đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa theo quy định.
--	--	--	---

5. ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ, BÙ TRỪ VÀ THANH TOÁN CHỨNG KHOÁN

TCB	Khoản 42 Điều 1. Bổ sung khoản 3a, 3b vào sau khoản 3, bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 149 như sau:	<p>- Quy định tại Luật Chứng khoán, Nghị định 155 đang thể hiện Điều kiện niêm yết chứng khoán, đăng ký giao dịch, Hồ sơ đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam là một trong những thành phần của hồ sơ đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch.</p> <p>- Như vậy: (i) đương nhiên việc đăng ký chứng khoán tại VSD phải hoàn thành thì Tổ chức phát hành mới đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch được, (ii) Việc đăng ký chứng khoán tại VSD là thủ tục để đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch, không phải là điều kiện niêm yết, đăng ký giao dịch</p> <p>=> Do vậy khoản 3a, 3b là không cần thiết, đề xuất bỏ.</p> <p>- Thông tin đăng ký chứng khoán, sở hữu chứng khoán của công ty đại chúng, tổ chức phát hành là thông tin mật của công ty đại chúng, tổ chức phát hành. Do vậy, khi VSD nhận được yêu cầu phải cung cấp thông tin theo quy định pháp luật, công ty đại chúng, tổ chức phát hành cần được thông báo về việc này=> Đề xuất bổ sung quyền được biết của</p>	<p>- Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung theo hướng bỏ thành phần hồ sơ là Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán (gồm đăng ký lần đầu, điều chỉnh) trong hồ sơ đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch (gồm đăng ký lần đầu và thay đổi). Do đó, việc bổ sung quy định này là cần thiết để đảm bảo làm rõ nghĩa vụ của công ty đại chúng, tổ chức phát hành phải hoàn tất việc đăng ký chứng khoán tại VSDC trước khi đưa chứng khoán vào giao dịch trên hệ thống của SGDCK; làm rõ để các doanh nghiệp, nhà đầu tư hiểu rõ việc đăng ký chứng khoán không thể hiện chứng khoán đáp ứng điều kiện niêm yết, đăng ký giao dịch.</p> <p>- Theo điểm g khoản 2 Điều 55 Luật Chứng khoán; VSDC có trách nhiệm bảo mật thông tin...cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền. Không quy định khi VSDC khi cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền phải thông báo việc này cho TCPH.</p>
-----	---	--	--

			<p>công ty đại chúng, tổ chức phát hành và nghĩa vụ thông báo của VSD như sau:</p> <p>"Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán đã đăng ký theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin phải nêu rõ nội dung, mục đích, hình thức yêu cầu cung cấp thông tin, căn cứ pháp lý xác định thẩm quyền được yêu cầu cung cấp thông tin. VSDC thông báo tới công ty đại chúng, tổ chức phát hành về yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan có thẩm quyền, và về việc cung cấp thông tin của VSDC. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được quyền từ chối đối với yêu cầu cung cấp thông tin không đúng quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan. Cơ quan yêu cầu cung cấp thông tin phải chịu trách nhiệm về việc yêu cầu cung cấp thông tin và có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp;"</p>	
TCB	<p>Khoản 43 Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 150 và bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 150 như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 150 như sau</p> <p>"1. Hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm áp dụng đối với hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện trên hệ</p>	<p>Trái phiếu doanh nghiệp chào bán ra công chúng đang được giao dịch như cổ phiếu, do vậy đề xuất để trái phiếu doanh nghiệp chào bán ra công chúng được thực hiện theo cơ chế bù trừ trung tâm.</p>	<p>Giải trình</p> <p>- Hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế CCP không áp dụng đối với trái phiếu doanh nghiệp do:</p> <p>+ Đối với trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) riêng lẻ hiện không thực hiện bù trừ đa phương mà theo phương thức thanh toán tức thời theo từng giao dịch.</p> <p>+ Đối với TPDN niêm yết hiện không quy định về mệnh giá tối đa nên có thể gây rủi ro cho hoạt động bù trừ, thanh toán nếu có lỗi hệ thống xảy ra.</p>	

		thống giao dịch chứng khoán, ngoại trừ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch công cụ nợ, <u>trái phiếu doanh nghiệp</u> ".		
VASB, HSC	Bổ sung, làm rõ các quy định	<p>Bổ sung quy định về việc “Giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đối với cổ phiếu riêng lẻ trong thời gian hạn chế chuyển nhượng”: Theo Điều 31.1.c. Luật Chứng khoán 2019, việc chuyển nhượng cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ bị hạn chế trong ít nhất 1 năm (đối với NĐTCKCN) và 3 năm (đối với NĐTCL), trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và một số trường hợp khác. Tuy nhiên, theo Thông tư 119/2020/TT-BTC, các trường hợp chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch chưa quy định cụ thể về trường hợp chuyển nhượng giữa các NĐTCKCN đối với cổ phiếu riêng lẻ trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, gây khó khăn khi muốn áp dụng quy định này trong thực tế.</p> <p>- Quy định rõ thêm cơ chế, khung pháp lý để có thể thực hiện việc phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết trên thực tế: Theo dự thảo sửa đổi Điều 139 nêu trên, khi các công ty đại chúng bắt buộc mở room, room nước ngoài sẽ mau chóng được lấp đầy, khiến NĐTNN không còn cơ hội tham gia đầu tư vào các doanh nghiệp tốt (ngân hàng, các CP thường kín room,...) Do đó, việc có khung pháp lý đầy đủ về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết sẽ giúp có thêm sản phẩm để thu hút NĐTNN ở các doanh nghiệp kín room.</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 169: “2. Việc đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thực hiện theo nguyên tắc</p>	<p>Tiếp thu</p> <p>Khoản 4 Điều 50 Luật Chứng khoán quy định “Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về giao dịch chứng khoán, giám sát giao dịch chứng khoán và các trường hợp giao dịch chứng khoán không thể thực hiện được thông qua hệ thống giao dịch chứng khoán.” Do đó Thông tư 119/2020/TT-BTC chỉ hướng dẫn chuyển quyền sở hữu qua VSDC đối với các trường hợp không mang tính chất mua bán hoặc không thể thực hiện được qua hệ thống của SGDCK. Ngoài ra điểm c khoản 1 Điều 1 Luật Chứng khoán sửa đổi đã được QH thông qua ngày 29/11/2024, do đó UBCKNN sẽ nghiên cứu xem xét bổ sung tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 119/2020/TT-BTC trường hợp cần thiết.</p>	

chung của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm và các nguyên tắc sau đây: a) Chứng khoán được đăng ký biện pháp bảo đảm phải là loại chứng khoán tự do chuyển nhượng, không dùng để ký quỹ trong các giao dịch chứng khoán, không bị phong tỏa, tạm giữ và phải lưu ký trước khi thực hiện. Trong thời hạn đăng ký biện pháp bảo đảm, chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm phải được phong tỏa tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Chứng khoán đã đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sẽ được giữ nguyên tình trạng đăng ký biện pháp bảo đảm trong trường hợp tổ chức đăng ký giao dịch đã giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom thực hiện thủ tục đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán”: Việc bổ sung trường hợp ngoại lệ cho phép giữ nguyên tình trạng đăng ký biện pháp bảo đảm/ hạn chế giao dịch khi “chuyển sàn” từ UPCOM lên VNX/HOSE đối với chứng khoán hiện đã đăng ký bảo đảm nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình xóa đăng ký biện pháp bảo đảm. Trên thực tế, nhiều trường hợp cổ đông là người quản lý có cổ phiếu đang đăng ký bảo đảm (thế chấp) cho một nghĩa vụ thanh toán khác khi “chuyển sàn” từ UPCOM qua HNX/HOSE buộc phải xóa đăng ký biện pháp bảo đảm để cổ phiếu trở thành “tự do chuyển nhượng”, rồi sau đó mới đăng ký hạn chế chuyển nhượng đáp ứng yêu cầu của VSDC và đồng thời bảo đảm lại cho mục đích thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba. Việc xóa đăng ký bảo đảm khi “chuyển sàn” rồi sau đó đăng ký hạn chế chuyển nhượng/bảo đảm lại dẫn đến rủi ro có thể xảy ra trong thời gian xóa bảo đảm; đồng thời phát sinh thêm thủ tục cho doanh nghiệp, nhà đầu tư (trong khi đó, việc chuyển sàn giao dịch không làm thay đổi số lượng, tình trạng chứng khoán).

Tiếp thu ý kiến của VASB.

Đồng thời sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 169 như sau để bao quát các trường hợp chuyển sàn từ upcom sang niêm yết và ngược lại:

“2. Việc đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thực hiện theo nguyên tắc chung của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm và các nguyên tắc sau đây:

a) Chứng khoán được đăng ký biện pháp bảo đảm phải là loại chứng khoán tự do chuyển nhượng, không dùng để ký quỹ trong các giao dịch chứng khoán, không bị phong tỏa, tạm giữ và phải lưu ký trước khi thực hiện. Trong thời hạn đăng ký biện pháp bảo đảm, chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm phải được phong tỏa tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Chứng khoán đã đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được giữ nguyên việc đăng ký biện pháp bảo đảm trong trường hợp tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch cho chứng khoán đó”

6. CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ				
	VASB		<p>Kiến nghị UBCKNN quan tâm nghiên cứu đến sự phát triển của các tổ chức trung gian như công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ, đồng thời, tạo thêm các sản phẩm mới trên TTCK bên cạnh các mục tiêu quản lý.</p>	<p>Tiếp thu</p> <p>UBCK đang nghiên cứu các sản phẩm quỹ đầu tư mới, dự kiến sửa đổi Thông tư số 98/2020/TT-BTC</p>
	VPS	<p>Khoản 52 Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP:</p> <p>“...b) Sửa đổi, bổ sung điểm c, đ khoản 4 Điều 213 như sau:</p>	<p>Đề xuất: Giữ nguyên thời hạn theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP (6 tháng).</p> <p>Lý do đề xuất: Thời hạn 03 tháng nêu trên là quá ngắn.</p>	<p>Tiếp thu giữ nguyên thời hạn.</p>
	TCB, VBMA	<p>“c) Phiếu lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời hạn 03 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ; ...”</p>	<p>Chưa có quy định hoặc văn bản nào về chứng chỉ tương đương, đề xuất làm rõ về loại chứng chỉ tương đương này.</p>	<p>Giải trình</p> <p>Khoản 8 Điều 213 Nghị định 155 đã có quy định giao Bộ Tài chính hướng dẫn về chứng chỉ tương đương. Chứng chỉ tương đương sẽ được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư thay thế Thông tư số 197/2015/TT-BTC quy định về hành nghề chứng khoán, dự kiến xây dựng vào năm 2025.</p>
	VPS, VBMA	<p>Điểm b Khoản 53 Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP:</p> <p>b) Sửa đổi khoản 2 Điều 214 như sau: b) Căn cước công dân/căn cước hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng; 02 ảnh 4cm x 6cm chụp trong vòng 06 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ; Chứng chỉ hành</p>	<p>Đề xuất: Sửa đổi cụm từ “<i>Căn cước công dân/căn cước/hộ chiếu</i>” thành “<i>Căn cước công dân/thẻ căn cước/hộ chiếu</i>”.</p> <p>Lý do đề xuất: để phù hợp với Luật Căn cước năm 2023.</p>	<p>Tiếp thu</p>

		<i>nghe chứng khoán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, trừ trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất chứng chỉ."</i>		
HSC	<p>Khoản 3 Điều 174 Quy định chung</p> <p>3. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam khi nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, các quyết định chấp thuận, điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, các quyết định chấp thuận phải thực hiện đăng ký, điều chỉnh các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này tại cơ quan đăng ký kinh doanh. Chế độ tài chính, kế toán của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh tổ chức kinh doanh</p>	<p>Sửa đổi khoản 3 Điều 174 Quy định chung</p> <p>Đề xuất: sửa đổi quy định theo hướng Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, các quyết định chấp thuận, điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, các quyết định chấp thuận thì các Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán này đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Lý do: việc sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp/điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, công ty chứng khoán phải đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh buộc các công ty chứng khoán phải thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy phép tại 2 cơ quan nhà nước, làm tăng chi phí, thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp và cơ quan quản lý. Việc quy định cụ thể Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là cần thiết để giảm thiểu thủ tục và áp dụng tương tự Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và Luật Chứng khoán 2006.</p>	<p>Giải trình</p> <p>- Khoản 1 Điều 71 Luật Chứng khoán quy định: <u>Sau khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải đăng ký kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh.</u></p> <p>- Khoản 4 Điều 81 Luật Chứng khoán quy định về thay đổi liên quan đến Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán như sau: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận các thay đổi theo quy định tại khoản 3 Điều này, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam <u>thực hiện đăng ký, thông báo thay đổi có liên quan đến Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.</u></p> <p>Do đó, quy định tại Nghị định phải đảm bảo tuân thủ nội dung này.</p>	

TCB	chứng khoán nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.	Việc đăng ký kinh doanh của Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ được thực hiện theo Luật doanh nghiệp và quy định về đăng ký kinh doanh. Do vậy, đề xuất giữ nguyên quy định cụ, để thống nhất việc đăng ký kinh doanh của Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ với quy định về đăng ký kinh doanh.	<p>Giải trình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc sửa đổi quy định không làm thay đổi quy định về đăng ký kinh doanh của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. - Việc sửa đổi chi bỏ đối tượng thực hiện đăng ký kinh doanh là văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam do đối tượng này không thực hiện kinh doanh chứng khoán, không thuộc đối tượng đăng ký kinh doanh.
SSI, HSC, VBMA, KIS	<p>Khoản 1 Điều 202a Dự thảo Nghị định</p> <p>Điều 202a. Chào bán chứng quyền có bảo đảm</p> <p>1. Điều kiện chào bán chứng quyền có bảo đảm</p> <p><i>a) Tổ chức phát hành là công ty chứng khoán được cấp phép nghiệp vụ tự doanh chứng khoán; có vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu đạt tối thiểu 1.000 tỷ đồng theo báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; không đang trong tình trạng tạm ngừng hoạt động, đình chỉ hoạt động; không đang trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản; không bị xử phạt vi phạm hành</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 202a Dự thảo Nghị định</p> <p>1. Điều kiện chào bán chứng quyền có bảo đảm</p> <p>a) Tổ chức phát hành là công ty chứng khoán được cấp phép nghiệp vụ tự doanh chứng khoán; có vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu đạt tối thiểu 1.000 tỷ đồng theo báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; không đang trong tình trạng tạm ngừng hoạt động, đình chỉ hoạt động; không đang trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán <u>liên quan đến các hoạt động tự doanh chứng khoán hoặc phát hành các sản phẩm tài chính</u> trong 06 tháng gần nhất tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ;</p> <p>Lý do:</p> <p>Sửa đổi, bổ sung làm rõ ý việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán liên quan đến các hoạt động tự doanh chứng khoán hoặc phát hành các sản phẩm tài chính mới ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện chào</p>	<p>Giải trình: Quy định tại dự thảo Nghị định đã sửa đổi thời hạn xử phạt trong 06 tháng gần nhất tính đến ngày UBCKNN nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ so với quy định cũ là tính đến ngày nhận được hồ sơ. Do đó, cũng đã rút ngắn được thời hạn cho tổ chức phát hành là CTCK.</p> <p>Chứng quyền là sản phẩm tài chính phái sinh từ chứng khoán cơ sở, phát hành ra công chúng, có tính chất phức tạp hơn do đó đòi hỏi tổ chức phát hành phải đáp ứng được điều kiện về tài chính và tính minh bạch và an toàn trong hoạt động. Quy định về việc không bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán nói chung là nhằm đảm bảo được điều kiện đó.</p>

		<p>chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong 06 tháng gần nhất tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ;</p>	<p>bán chứng quyền có bảo đảm.</p>	
	<p>VACPA</p>	<p>d) Có báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần; <u>trường hợp ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán, tổ chức phát hành có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ</u>...</p>	<p>Đề nghị Ban soạn thảo bỏ yêu cầu "<u>có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ</u>" không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán do doanh nghiệp kiểm toán không thể xác nhận về vấn đề này (kiểm toán viên có thể xác định được (hoặc có trường hợp là không xác định được) ảnh hưởng của các sai sót/giới hạn phạm vi dẫn tới ý kiến kiểm toán ngoại trừ đến báo cáo tài chính, nhưng không thể xác định có ảnh hưởng đến điều kiện chào bán hay không). Các ảnh hưởng của vấn đề bị ngoại trừ đối với báo cáo tài chính nếu kiểm toán viên xác định được thì theo chuẩn mực kiểm toán đã phải được nêu trong báo cáo kiểm toán. Ngoài ra cũng có những trường hợp mà do bản chất của vấn đề bị ngoại trừ kiểm toán viên không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề bị ngoại trừ đối với báo cáo tài chính (không xác định được các điều chỉnh cần thiết) thì kiểm toán viên nêu rõ như vậy trong báo cáo kiểm toán. Do đó kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán sẽ không có cơ sở để xác nhận thêm điều gì ngoài những điều đã nêu trong báo cáo kiểm toán.</p>	<p>Giải trình: Quy định về BCTC có ý kiến ngoại trừ thống nhất với quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Chứng khoán.</p>

HSC			<p>Đề xuất:</p> <p>Đề nghị làm rõ về ý “nguyên tắc xác định giá chào bán và giá thực hiện được HĐQT thông qua” là như thế nào. Thông thường, giá thực hiện được tổ chức phát hành (TCPH) ấn định tại thời điểm chào bán dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở, và giá chào bán được tính dựa trên công thức tính giá chứng quyền trong Bản cáo bạch chào bán chứng quyền, và được công bố cụ thể trong Bản thông báo phát hành chứng quyền, khi các tham số trong công thức đã được xác định tại thời điểm đó (bao gồm: giá thực hiện, giá cổ phiếu cơ sở, thời gian đến ngày đáo hạn, tỷ lệ chuyển đổi, lãi suất phi rủi ro và độ biến động giá của cổ phiếu).</p>	<p>Giải trình</p> <p>Giá chứng quyền biến động theo giá chứng khoán cơ sở. Do đó, tại Dự thảo Nghị định quy định về giá chào bán hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán, giá thực hiện hoặc nguyên tắc xác định giá thực hiện. Quy định này tạo cơ chế xác định giá linh hoạt hơn trong việc xác định giá chào bán, giá thực hiện, đảm bảo phù hợp với sự biến động của thị trường. Nguyên tắc xác định giá chào bán và giá thực hiện mà HĐQT thông qua là cơ sở để TCPH xác định giá thực hiện/giá chào bán tại Thông báo phát hành.</p>
HSC	Điều 202a. Chào bán chứng quyền có bảo đảm	<p>3. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm</p> <p>d) Bản cáo bạch theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Luật Chứng khoán.</p>	<p>Sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 202a Dự thảo Nghị định</p> <p>Điều 202a. Chào bán chứng quyền có bảo đảm</p> <p>3. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm</p> <p>d) Bản cáo bạch theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Luật Chứng khoán Thông tư 107/2016/TT-BTC.</p> <p>Lý do:</p> <p>Mẫu bản cáo bạch theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Luật Chứng khoán là mẫu áp dụng cho trường hợp phát hành cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng, nên có thể có một số nội dung không liên quan. Do đó, chúng tôi đề xuất sử dụng mẫu Bản cáo bạch chào bán chứng quyền có bảo đảm như trong Phụ lục đính kèm Thông tư 107/2016/TT-BTC, hoặc Quyết định 72/QĐ-UBCK.</p>	<p>Giải trình</p> <p>Khoản 4 Điều 19 Luật Chứng khoán quy định: “4. Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành mẫu Bản cáo bạch.”</p> <p>Thông tư 107/2016/TT-BTC hiện nay đã có hướng dẫn về Mẫu BCB chào bán chứng quyền có bảo đảm. Bộ Tài chính dự kiến sẽ xây dựng Thông tư thay thế Thông tư 107/2016/TT-BTC trong năm 2025 trong đó có nội dung hướng dẫn về mẫu bản cáo bạch chào bán chứng quyền. Việc dẫn chiếu đến khoản 4 Điều 19 không đồng nghĩa với việc Mẫu bản cáo bạch chào bán chứng quyền là mẫu áp dụng cho trường hợp phát hành cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng.</p>
HSC	Điểm e khoản 3 Điều 202a Dự thảo Nghị định		<p>Đề xuất:</p> <p>Vui lòng làm rõ: tài liệu được gửi đến UBCK trước ngày cấp</p>	<p>Giải trình</p> <p>Quy định về hồ sơ, trình tự thủ tục tại Điều</p>

	<p>Điều 202a. Chào bán chứng quyền có bảo đảm</p> <p>3. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm</p> <p>e) Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán chứng quyền có bảo đảm ký với ngân hàng lưu ký hoặc văn bản xác nhận bảo lãnh thanh toán chứng quyền có bảo đảm của ngân hàng lưu ký. Tài liệu này trong hồ sơ ban đầu nộp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể được thay thế bằng Hợp đồng nguyên tắc về việc tiếp nhận tài sản bảo đảm thanh toán chứng quyền có bảo đảm ký với ngân hàng lưu ký hoặc văn bản cam kết bảo lãnh thanh toán chứng quyền có bảo đảm của ngân hàng lưu ký nhưng phải được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.</p>	<p>Giấy chứng nhận đăng ký chào bán là Hợp đồng nguyên tắc về việc tiếp nhận tài sản bảo đảm thanh toán ký với ngân hàng lưu ký (NHLK), hoặc văn bản cam kết bảo lãnh thanh toán của NHLK, vì Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán chứng quyền/văn bản xác nhận bảo lãnh thanh toán chứng quyền thường chỉ được TCPH ký với NHLK sau khi đã nhận giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền từ UBCK, khi TCPH làm thủ tục ký quỹ bảo đảm thanh toán trong vòng 3 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận chào bán chứng quyền (như quy định tại Thông tư 107).</p>	<p>202a Dự thảo Nghị định sẽ thay thế cho các quy định tại Thông tư 107/2016/TT-BTC. Theo đó, CTCK phải ký Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán chứng quyền/văn bản xác nhận bảo lãnh thanh toán chứng quyền trước thời điểm UBCKNN cấp GCN chào bán chứng quyền có bảo đảm. Quy định này nhằm đảm bảo điều kiện xem xét cấp Giấy chứng nhận phải có TSBD. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho các CTCK không phải ký quỹ ngay khi nộp hồ sơ thì Dự thảo Nghị định cũng đã bổ sung quy định CTCK chỉ phải nộp trước khi cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm.</p>
TCB	<p>"Tài liệu trong hồ sơ ban đầu nộp UBCKNN có thể được thay thế bằng Hợp đồng nguyên tắc về việc tiếp nhận tài sản bảo đảm thanh toán chứng quyền có bảo đảm ký với ngân hàng lưu ký hoặc văn bản cam kết bảo lãnh thanh toán chứng quyền có bảo đảm của ngân hàng lưu ký..." => Đề nghị làm rõ như vậy nếu nộp Hợp đồng nguyên tắc, thì sau đó CTCK có cần bổ sung Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán hoặc văn bản xác nhận bảo lãnh thanh toán không và thời gian bổ sung như thế nào.</p>	<p>Giải trình:</p> <p>Quy định hiện tại tại Dự thảo đã nêu rõ là phải nộp bổ sung cho UBCKNN trước ngày cấp GCN đăng ký chào bán: ... <i>"nhưng phải được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán."</i></p>	
HSC	<p>Khoản 6 Điều 202a Dự thảo Nghị định</p> <p>6. Trình tự, thủ tục đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm được thực hiện như sau:</p> <p>a) Theo quy định tại khoản 1,</p>	<p>Sửa đổi khoản 6 Điều 202a Dự thảo Nghị định như sau:</p> <p>6. Trình tự, thủ tục đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm được thực hiện như sau:</p> <p>a) Theo quy định tại khoản 1, 2, 4, 5, 7, 8, 9 Điều 41 Nghị định này Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư</p>	<p>Giải trình</p> <p>Quy định về hồ sơ, trình tự thủ tục tại Điều 202a Dự thảo Nghị định sẽ thay thế cho các quy định tại Thông tư 107/2016/TT-BTC. Bộ Tài chính dự kiến sẽ xây dựng Thông tư thay thế Thông tư 107/2016/TT-BTC trong năm</p>

	<p>2, 4, 5, 7, 8, 9 Điều 41 Nghị định này</p> <p>...</p> <p>c) Tổ chức phát hành thực hiện phân phối chứng quyền có bảo đảm theo quy định tại Điều 26 Luật Chứng khoán, trong đó bảo đảm thời hạn đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm cho nhà đầu tư tối thiểu là 03 ngày và thời hạn này phải được ghi trong Bản thông báo phát hành. Tổ chức phát hành được chuyển số chứng quyền có bảo đảm chưa phân phối hết vào tài khoản tự doanh và được tiếp tục phân phối trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán sau khi niêm yết thông qua hoạt động tạo lập thị trường.</p>	<p><u>107/2016/TT-BTC</u></p> <p>...c) Tổ chức phát hành thực hiện phân phối chứng quyền có bảo đảm theo quy định tại Điều 26 Luật Chứng khoán, trong đó bảo đảm thời hạn đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm cho nhà đầu tư tối thiểu là 03 ngày và thời hạn này phải được ghi trong Bản thông báo phát hành. Tổ chức phát hành được chuyển số chứng quyền có bảo đảm chưa phân phối hết vào tài khoản tự doanh và được tiếp tục phân phối trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán sau khi niêm yết thông qua hoạt động tạo lập thị trường.</p> <p>Lý do:</p> <p>Các quy định tại Điều 41 Nghị định 155 hiện đang áp dụng cho việc chào bán chứng khoán ra công chúng, tuy nhiên vì chứng quyền là một sản phẩm tài chính có tính chất khá đặc thù, khác với cổ phiếu vì chứng quyền là một chứng khoán có thời hạn và sau khi hết hạn sẽ được thay thế bởi các đợt chào bán mới, và thời gian tồn tại của chứng quyền khá ngắn (thông thường từ 3 tháng đến khoảng 12-18 tháng), phần lớn chứng quyền được phân phối sau khi niêm yết chứ không trong quá trình chào bán ra công chúng như cổ phiếu. Do sự khác biệt này, chúng tôi đề xuất đơn giản hóa thủ tục và trình tự liên quan cho việc phát hành chứng quyền để rút ngắn thời gian phát hành và niêm yết của sản phẩm này, bằng cách giữ nguyên như quy định hiện tại về việc chào bán và niêm yết chứng quyền tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư 107. Chúng tôi cũng đề xuất bỏ quy định “thời hạn đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm cho nhà đầu tư tối thiểu là 03 ngày” và trao việc quyết định thời gian phân phối cho TCPH khi công bố Bản thông báo phát hành chứng quyền.</p>	<p>2025.</p> <p>Tại dự thảo Nghị định quy định trình tự thủ tục tương tự như chào bán cổ phiếu, trái phiếu; đảm bảo thời hạn quy định chung cho chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định tại Luật Chứng khoán. Riêng thời hạn đăng ký mua, dự thảo Nghị định quy định tối thiểu 3 ngày (thay cho 20 ngày) – đảm bảo quy định về phân phối tại khoản 2 Điều 26 Luật Chứng khoán, phù hợp với tính chất, đặc điểm của chào bán chứng quyền nhưng cũng đảm bảo thời gian tối thiểu cho nhà đầu tư tiếp cận Thông báo chào bán và ra quyết định, thực hiện đăng ký mua, đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.</p>
--	--	---	---

7. QUẢN TRỊ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG			
VASB	<p>Khoản 55 Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 275 như sau:</p> <p>“3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc Hội đồng thành viên</u> tại tối đa 05 công ty khác”.</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như quy định hiện tại, bởi Luật Doanh nghiệp đã có quy định yêu cầu các thành viên HĐQT kê khai doanh nghiệp và người có liên quan, danh sách này cũng được nêu trong báo cáo quản trị công ty và công bố công khai.</p>	<p>GSDC</p> <p>Giải trình</p> <p>Thực tế có trường hợp thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) của công ty đại chúng đồng thời là thành viên HĐQT của 05 công ty cổ phần (tối đa theo quy định) và kiêm thêm chức danh là Thành viên Hội đồng thành viên của nhiều công ty TNHH khác. Việc kiêm nhiệm chức danh Lãnh đạo nhiều công ty cùng một lúc dẫn đến cổ đông công ty đại chúng không kiểm soát được ngăn ngừa xung đột lợi ích hoặc hạn chế đảm bảo khả năng thực thi nhiệm vụ, tính bảo mật của doanh nghiệp. Do vậy, đề nghị quy định như dự thảo Nghị định.</p>
SSI	<p>“3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác”.</p> <p>Lý do:</p> <p>Đề nghị giữ nguyên như quy định hiện tại. Luật Doanh nghiệp đã có quy định yêu cầu các thành viên HĐQT kê khai doanh nghiệp và người có liên quan, danh sách này cũng được nêu trong báo cáo quản trị công ty và công bố công khai để cổ đông giám sát tránh xung đột lợi ích</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như quy định hiện tại. Luật Doanh nghiệp đã có quy định yêu cầu các thành viên HĐQT kê khai doanh nghiệp và người có liên quan, danh sách này cũng được nêu trong báo cáo quản trị công ty và công bố công khai để cổ đông giám sát tránh xung đột lợi ích</p>	
VASB, SSI	<p>Khoản 60 Điều 1. Bổ sung khoản 6 Điều 291 như sau:</p> <p>“6. Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ <u>theo quy định tại</u></p>	<p>VASB, SSI đề xuất bổ sung điều khoản chuyển tiếp như sau: “<i>Đối tượng là người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên và người đại diện theo ủy quyền mà không đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 60 Điều 1 của Nghị định này được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đến hết thời gian còn lại của nhiệm kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 218 Luật doanh nghiệp 2020</i>”.</p>	<p>Giải trình</p> <p>Nội dung quy định hiện nay được điều chỉnh theo pháp luật doanh nghiệp theo điểm b khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Do vậy, thực tế các DN đã và đang phải tuân thủ theo quy định của Luật DN và không có quy định chuyển tiếp cho phép tiếp tục thực hiện nội dung này.</p> <p>Việc bổ sung quy định tại Nghị định này nhằm đảm bảo xử lý trường hợp một số công ty đại chúng đã vi phạm quy định này và UBCKNN</p>

		<u>điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán</u> .		không có căn cứ để xem xét xử phạt do Nghị định 155 không quy định
	VPS		<p>Đề xuất: Bổ sung thêm định nghĩa “quan hệ gia đình”.</p> <p>Lý do đề xuất: Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Dự thảo chưa có định nghĩa về “quan hệ gia đình”.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến này, Dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định như sau:</p> <p>“62. Bổ sung khoản 6 Điều 291 như sau:</p> <p><i>“6. Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ <u>theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán</u>”.</i></p>
	VASB, TCB, SSI Vingroup	Khoản 61 Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 293	<p>“Điều 293. <i>Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này</i>”. Theo quy định tại Dự thảo lần 2, các công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay, cho mượn tiền/tài sản hoặc bảo lãnh, bảo đảm các khoản vay cho cổ đông là cá nhân</p> <p>SSI, VASB đề nghị bổ sung thêm trường hợp ngoại trừ là Công ty đại chúng là các công ty chứng khoán bởi Công ty đại chúng là các công ty chứng khoán sau khi có chấp thuận của UBCKNN được cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ và có thể cung cấp dịch vụ này cho cổ đông công ty chứng khoán.</p> <p>VIC đề xuất Bỏ <u>cho mượn tiền/tài sản</u> vì quy định này ảnh hưởng đến sự linh hoạt trong việc sử dụng tài sản của doanh nghiệp, vì việc giao dịch các bên có liên quan đã được Luật doanh nghiệp quy định. Mặt khác, nhiều doanh nghiệp mới thành lập, hoặc còn đang thua lỗ trong giai đoạn mới đi vào</p>	<p>Giải trình: Việc loại trừ đối tượng là tổ chức tín dụng đối với các giao dịch quy định tại Điều 293 về các giao dịch về khoản vay, cho mượn tiền/tài sản hoặc bảo lãnh, bảo đảm các khoản vay do đây là nghiệp vụ của các tổ chức tín dụng.</p> <p>Đối với Công ty chứng khoán là các đơn vị không có nghiệp vụ cho vay, mượn tiền, tài sản, bảo lãnh, bảo đảm các khoản bảo đảm; do vậy, dự thảo Nghị định không quy định là đối tượng được loại trừ tại Điều 293.</p>

			<p>sản xuất thì rất cần sự hỗ trợ của các công ty trong cùng hệ sinh thái hỗ trợ cho mượn tài sản để thế chấp vay vốn, phục vụ sản xuất kinh doanh.</p> <p>2. Cần có phương án chuyển tiếp là các quy định bổ sung, sửa đổi tại Điều này sẽ không áp dụng đối với các giao dịch đã thực hiện trước thời điểm Nghị định sửa đổi Nghị định 155 có hiệu lực, các giao dịch được phép thực hiện cho tới hết thời hạn theo thỏa thuận.</p>	Tiếp thu , có điều khoản chuyển tiếp tại Điều 3 Dự thảo
8. Ý KIẾN KHÁC				
	TCB	Khoản 64 Điều 1. Bổ sung khoản 13a vào sau khoản 13, bổ sung khoản 21 Điều 310 như sau	<p>1. Công ty con của VSDC được thành lập này sẽ chuyên trách nhiệm vụ thanh toán bù trừ, tách ra khỏi tổng cty mẹ của toàn bộ chứng khoán, bao gồm cả chứng khoán niêm yết, công cụ nợ, phái sinh như hiện tại?</p> <p>2. Khi công ty con thành lập thì các công ty thành viên bù trừ có phải làm một hồ sơ đăng ký độc lập với VSDC không và quy chế của công ty con với VSDC có phân biệt hay vẫn áp dụng chung quy chế của VSDC cho thành viên về thanh toán bù trừ</p>	Giải thích: VSDC đang triển khai xây dựng Đề án về việc thành lập công ty con đảm nhận vai trò CCP. Việc công ty con thực hiện quyền, nghĩa vụ do VSDC phân công theo quy định.
	VBMA	Khoản 4 Điều 2 Dự thảo Nghị định	Thông tin về “Giấy chứng minh nhân dân/Giấy CMND/CMND/Căn cước công dân/CCCD” tại các mẫu phụ lục này còn kèm theo thông tin ngày cấp, nơi cấp. Vì vậy khi thay thế bằng “số định danh cá nhân” thì đề nghị bỏ cả “ngày cấp, nơi cấp” vì thông tin “ngày cấp, nơi cấp” gắn liền với việc cấp Thẻ căn cước/CCCD/CMND.	Tiếp thu chỉnh sửa tại Khoản 4 Điều 2 Dự thảo Nghị định

	Ý kiến trên Công thông tin điện tử Chính phủ		Về quy trình niêm yết rút ngắn từ 90 ngày xuống 30 ngày, có ý kiến nhất trí, có ý kiến cho rằng thời hạn này là ngắn, có ý kiến cho rằng cần chú trọng cải thiện quy trình niêm yết	Giải thích Việc rút ngắn 90 ngày xuống 30 ngày là rút ngắn thời gian đưa chứng khoán vào giao dịch kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán có văn bản chấp thuận đăng ký niêm yết, để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư trong thực hiện giao dịch trên thị trường tập trung.
--	--	--	---	---

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

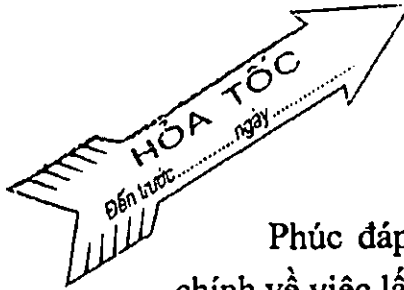
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10498/BKHĐT - TCTT

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2024

V/v lấy ý kiến đóng góp đối với
nội dung dự thảo Nghị định sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị
định số 155/2020/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Tài chính.



Phúc đáp công văn số 13362/BTC-UBCK ngày 07/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đóng góp đối với nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định 155/2020/NĐ-CP), Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

1. Về dự thảo Tờ trình

- Quốc hội đã ban hành Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính, trong đó có các nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính rà soát xây dựng dự thảo Nghị định đảm bảo đúng theo quy định của Luật số 56/2024/QH15 của Quốc Hội.

- Về việc mở cửa tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (tại trang 10): Theo quy định tại Điều 51 Luật Chứng khoán năm 2019, điểm e khoản 3 Điều 4 Luật Đầu tư năm 2020 “thẩm quyền, trình tự, thủ tục, điều kiện đầu tư kinh doanh, hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán”. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính bổ sung các căn cứ này, đảm bảo việc sửa đổi, bổ sung các quy định mới mở cửa tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài là phù hợp, tương thích với hệ thống pháp luật hiện hành, đồng thời khắc phục hạn chế, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

- Về sửa đổi quy định tại Điều 232 về hồ sơ giải thể quỹ theo hướng bỏ yêu cầu tài liệu xác nhận của các nhà đầu tư về việc đã nhận đủ tiền và tài sản (trang

13): Việc xác nhận của các nhà đầu tư về việc đã nhận đủ tiền và tài sản là yêu cầu đảm bảo bảo vệ nhà đầu tư tham gia thị trường chứng khoán. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc so sánh với quy định quốc tế để có quy định phù hợp đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư tham gia quỹ.

2. Về dự thảo Nghị định

- Về khoản 2 Điều 1 của dự thảo Nghị định

Đề nghị làm rõ "...Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực" là bản sao hay bản sao công chứng?

- Về khoản 4 Điều 1 của dự thảo Nghị định

Về nội dung "Điều kiện về hoạt động kinh doanh có lãi, nợ phải trả, lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp được căn cứ trên Báo cáo tài chính của doanh nghiệp", đề nghị xác định rõ Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp nhận theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Bộ Tài chính đề tổng hợp *1/3*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục ĐTN;
- Viện NCQLKTTU;
- Lưu VT, Vụ TCTT. *L2*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Trần Quốc Phương

Trần Quốc Phương



BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7122 /BNG-THKT

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2024

V/v góp ý Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC	
ĐẾN	Số: 03106/...
Ngày: 15-12-2024	
Chuyên: ...	
Số và ký hiệu HS: ...	

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc Công văn số 13362/BTC-UBCK ngày 07/12/2024 của Quý Bộ đề nghị cho ý kiến đối với nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, trong phạm vi phụ trách, Bộ Ngoại giao có ý kiến như sau:

1. Ngày 29/11/2024, tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Dự trữ quốc gia; Luật Xử lý vi phạm hành chính. Do đó, việc sửa đổi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP nêu trên là cần thiết để giải quyết các vướng mắc, bất cập phát sinh trên thực tế, bảo đảm phù hợp với các quy định mới của Luật và hướng tới mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán.

2. Một số ý kiến bổ sung:

2.1. Theo quy định tại Điều 93 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2024/NĐ-CP), phù hợp với Mẫu số 01 Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024, đề nghị Bộ Tài chính bổ sung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, trong đó có nội dung đánh giá về tính tương thích của chính sách với điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo chính sách.

2.2. Dự thảo Nghị định bổ sung quy định liên quan đến nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là nhà đầu tư nước ngoài. Các điều khoản này sẽ góp phần thu hút các tổ chức, cá nhân nước ngoài, góp phần phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam. Đề nghị Bộ Tài chính rà soát các cam kết tại các điều ước, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên có các quy định liên quan đến nội dung này để bảo đảm tính tương thích, phù hợp (Cụ thể như, tại Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA), Việt Nam đã cam kết về hiện diện thương mại đối với nhà cung cấp dịch vụ chứng khoán nước ngoài (Chương 8, phụ lục 8-B).

Bộ Ngoại giao xin có ý kiến gửi Quý Bộ tổng hợp. *h*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HC, THKT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Minh Hằng

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7932 /BYT-KH-TC
V/v ý kiến dự thảo Nghị định sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị
định số 155/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC	
ĐẾN	Số: 031087
Ngày:	15-12-2024
Chuyên:	chính về việc
Số và ký hiệu HS:	bổ sung một số điều của

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Y tế nhận văn bản số 13362/BTC-UBCK ngày 07/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đóng góp đối với nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Sau khi nghiên cứu, Bộ Y tế không có ý kiến do nội dung dự thảo Nghị định không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Bộ Y tế.

Bộ Y tế kính chuyên thông tin đến Bộ Tài chính để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KH-TC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Đức Luận

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5581 /BQP-TC

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
ĐẾN Số: 0306.73...
Ngày: 19-12-2024
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

BỘ TÀI CHÍNH
ĐẾN Số: 1116211...BT
Ngày 19-12-2024
Chuyên: UBCK
Số và ký hiệu HS: Bộ Quốc phòng

Kính gửi: Bộ Tài chính. ✓

Bộ Quốc phòng nhận được Công văn số 13362/BTC-UBCK ngày 07/12/2024 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Sau khi nghiên cứu, Bộ Quốc phòng thống nhất với dự thảo của Bộ Tài chính.

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục Tài chính;
- Lưu: VT, PC . 05.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Thượng tướng Vũ Hải Sản

**ỦY BAN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
QUỐC GIA**

Số: 248/UBGSTCQG-GSTH
V/v ý kiến đóng góp đối với nội dung dự
thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều
của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời công văn số 13362/BTC-UBCK ngày 07/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đóng góp đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định), Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia có ý kiến như sau:

Các nội dung góp ý đối với dự thảo Nghị định đã được đại diện của Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia có ý kiến tại cuộc họp Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng dự thảo Nghị định ngày 21/11/2024 và đã được thường trực Tổ biên tập tiếp thu, giải trình. Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia cơ bản nhất trí với nội dung của dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định sau khi đã được tiếp thu ý kiến góp ý của Ban soạn thảo, Tổ biên tập.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, GSTH (2)



**KT. CHỦ TỊCH th
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Như Thăng

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9598 /BNN-TC

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2024

V/v góp ý đối với dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định số
155/2020/NĐ-CP

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước – Bộ Tài chính

Phúc đáp công văn số 13362/BTC-UBCK ngày 7/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đóng góp đối với nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (gọi tắt là dự thảo Nghị định), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

- Về cơ bản thống nhất với dự thảo Nghị định;
- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét:

+ Tại điểm d khoản 14 Điều 3 dự thảo đang quy định trường hợp doanh nghiệp là công ty mẹ thì sẽ lấy chỉ tiêu “tổng giá trị tài sản” có giá trị thấp hơn trên báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, để đảm bảo tính đồng nhất, thống nhất và xuyên suốt trong quá trình triển khai thực hiện thì nên quy định rõ chỉ tiêu “tổng giá trị tài sản” lấy theo báo cáo tài chính nào.

+ Tại khoản 2 Điều 50, khoản 2 Điều 58, khoản 2, 3 Điều 65 dự thảo đang quy định “quyết định của Đại hội đồng cổ đông” đề nghị xem xét lại là “Quyết định” hay “Nghị quyết” để sử dụng cho đúng tính chất pháp lý và thẩm quyền; đồng thời rà soát đối với các điều, khoản tương tự.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi ý kiến góp ý theo đề nghị của Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr. Hoàng Trung;
- Lưu: VT, TC

TL. BỘ TRƯỞNG

**KH. M. TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH
VỤ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Thắng

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8852 /BTNMT-KHTC

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 13362/BTC-UBCK ngày 07 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (dự thảo Nghị định); sau khi nghiên cứu tài liệu kèm theo Công văn số 13362/BTC-UBCK nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường thống nhất với dự thảo Nghị định do Quý Bộ soạn thảo.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kính gửi Quý Bộ để tổng hợp theo quy định./.

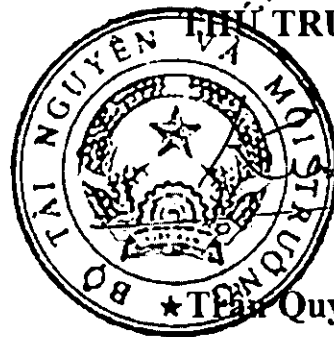
Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Bộ Tài chính);
- Lưu: VT, KHTC.Nh.

u

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



★ Trần Quý Kiên

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8214 /BNV - PC
V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa
đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 155/2020/NĐCP

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 13362/BTC-UBCK ngày 07/12/2024 của Bộ Tài chính đề nghị góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐCP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Thống nhất với Bộ Tài chính xây dựng, trình Chính phủ dự thảo Nghị định nêu trên để thống nhất và phù hợp với Luật Chứng khoán (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024 (có hiệu lực ngày 01/01/2025); khắc phục một số bất cập phát sinh trong thực tiễn hoạt động của thị trường chứng khoán, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bảo đảm thị trường chứng khoán hoạt động công bằng, công khai, minh bạch, an toàn và hiệu quả, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia thị trường.

2. Đề nghị rà soát các quy định của dự thảo nhằm thực hiện đúng Nghị quyết số 101/2023/QH15 về Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV đã giao, theo đó đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phù hợp đi đôi với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát; minh bạch hóa, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Đề nghị lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động của văn bản, chuyên gia, người làm thực tiễn theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để hoàn thiện dự thảo nhằm bảo đảm tính khả thi, phù hợp với thực tiễn sau khi Nghị định được ban hành.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Vũ Chiến Thắng;
- Lưu: VT, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Vũ Chiến Thắng

Số: 6376 /BLĐTBXH-VPC

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024

V/v cho ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi,
bổ sung một số điều của Nghị định số
155/2020/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 13362/BTC-UBCK ngày 07/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đóng góp đối với nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP¹, sau khi nghiên cứu, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nhất trí với sự cần thiết ban hành Nghị định nêu trên.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội gửi quý Bộ đề tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Văn Thanh

¹ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

HỘI KIỂM TOÁN VIÊN
HÀNH NGHỀ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 750 -2024/VACPA
V/v: Tham gia ý kiến về
dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC	
ĐẾN	Số:.....030611
Ngày: 18-12-2024	
Chuyển:	Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)
Số và ký hiệu:	8310/UBCK-QLCB

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

VACPA có ý kiến tham gia về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của một số doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên là hội viên VACPA và nghiên cứu dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (sau đây gọi là "Dự thảo Nghị định"), VACPA xin có ý kiến tham gia như sau:

1. Khoản 3 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo).

Dự thảo Nghị định bổ sung thêm Điểm d vào Khoản 1, Điều 6 (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP không có Điểm d này) về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo như sau:

"d) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên được chấp thuận, người ký báo cáo kiểm toán hoặc soát xét phải tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập; tuân thủ chuẩn mực kiểm toán khi kiểm toán báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm đối với ý kiến về tính trung thực, hợp lý của các báo cáo, số liệu được kiểm toán; tuân thủ chuẩn mực về hợp đồng dịch vụ đảm bảo, chịu trách nhiệm về việc đưa ra ý kiến về tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước; tính hợp lý của các số liệu dự báo, ước tính về tình hình tài chính của doanh nghiệp trong Bản cáo bạch khi cung cấp dịch vụ kiểm tra thông tin tài chính tương lai."

VACPA đề nghị Ban soạn thảo rà soát lại quy định này đảm bảo phù hợp với Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (và 06 Luật khác do Bộ Tài chính chủ trì) đã được Quốc hội thông qua. Các sửa đổi, bổ sung của Luật Chứng khoán nằm trong Luật số 56/2024/QH15 đã tiếp thu một số nội dung góp ý của VACPA (trong đó có việc bỏ quy định kiểm tra thông tin tài chính tương lai). VACPA cung cấp lại các góp ý của VACPA liên quan đến nội dung này để Ban Soạn thảo xem xét như sau:

(1) Đề nghị bỏ từ "người" để hiểu rằng kiểm toán viên được chấp thuận ký báo cáo kiểm toán sẽ phải chịu trách nhiệm, do trong cuộc kiểm toán có thể có các kiểm toán viên được chấp thuận khác ngoài những kiểm toán viên ký báo cáo.

(2) Về các quy định kiểm toán viên phải tuân thủ có thể viết ngắn gọn lại là “*Pháp luật về kiểm toán độc lập và các chuẩn mực nghề nghiệp có liên quan*” vì trách nhiệm của kiểm toán viên đã được quy định cụ thể trong các chuẩn mực (Chuẩn mực kiểm toán; Chuẩn mực soát xét; Chuẩn mực về dịch vụ đảm bảo; Chuẩn mực về kiểm soát chất lượng; Khuôn khổ về hợp đồng dịch vụ đảm bảo; Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán). Trình bày lại các yêu cầu này trong Luật Chứng khoán có rủi ro thiếu hoặc không nhất quán so với chuẩn mực. Ngoài ra kiểm toán viên chịu trách nhiệm với ý kiến kiểm toán/kết luận soát xét/kết luận đảm bảo trên báo cáo kiểm toán/báo cáo soát xét/báo cáo dịch vụ đảm bảo do doanh nghiệp kiểm toán phát hành, còn doanh nghiệp/đơn vị được kiểm toán/soát xét chịu trách nhiệm về báo cáo tài chính (hoặc báo cáo khác) mà doanh nghiệp lập (tùy vào khuôn khổ lập báo cáo mà ý kiến/kết luận của kiểm toán viên có thể là báo cáo đã “phản ánh trung thực hợp lý” hoặc “được lập trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với ... [ví dụ “phù hợp với các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC và các diễn giải được trình bày tại thuyết minh số...” khi kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính]. Do đó, nếu Dự thảo Nghị định chỉ đề cập “...ý kiến về tính trung thực, hợp lý của các báo cáo, số liệu được kiểm toán” là không chính xác và cũng không đầy đủ các trường hợp).

(3) Đề nghị Ban soạn thảo bỏ quy định kiểm toán viên chịu trách nhiệm với ý kiến về “*tính hợp lý của các số liệu dự báo, ước tính về tình hình tài chính của doanh nghiệp trong Bản cáo bạch khi cung cấp dịch vụ kiểm tra thông tin tài chính tương lai*” và không đưa ra yêu cầu phải cung cấp dịch vụ đảm bảo về thông tin tương lai trong bản cáo bạch trong bối cảnh hiện nay. Lý do bởi:

Thứ nhất, nếu Ban soạn thảo sử dụng cụm từ nêu trên vừa không chính xác, vừa không đầy đủ. Theo Chuẩn mực về hợp đồng dịch vụ đảm bảo số 3400 - Kiểm tra thông tin tài chính tương lai, kết luận của kiểm toán viên được trình bày theo mẫu, ví dụ đối với kiểm tra thông tin tương lai dự tính “*Trên cơ sở kiểm tra các bằng chứng chứng minh cho các giả định, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng các giả định không cung cấp được cơ sở hợp lý cho thông tin tài chính tương lai dự tính này, giả sử rằng [nêu hoặc tham chiếu đến các giả thuyết]. Đồng thời, theo kết luận của chúng tôi, thông tin tài chính tương lai dự tính này đã được lập một cách thích hợp dựa trên các giả định và được trình bày phù hợp với [khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có liên quan]. Kể cả trong trường hợp các sự kiện được dự kiến dựa trên các giả thuyết đã nêu trên xảy ra thì kết quả thực tế vẫn có thể khác biệt với thông tin tài chính tương lai dự tính này do các sự kiện được dự kiến khác thường không xảy ra như mong đợi và sự khác biệt đó có thể là trọng yếu*”. Do đó, phạm vi kết luận của kiểm toán viên theo chuẩn mực không cung cấp sự đảm bảo về tính hợp lý của các số liệu dự báo, ước tính như đang đề cập trong Dự thảo Nghị định. Mặt khác, Dự thảo nghị định chỉ đề cập đến “*tình hình tài chính*” (đây là thuật ngữ với nội hàm đề cập tới bảng cân đối kế toán) là có thể không phù hợp để nói về số liệu dự báo, ước tính của thông tin tương lai trong Bản cáo bạch, ví dụ như thông tin thông tin tương lai có thể là thông tin về kết quả hoạt động chứ không phải là tình hình tài chính.

Thứ hai, hiện nay chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp khi lập các thông tin tài chính dự báo; Năng lực lập thông tin tài chính dự báo của các doanh nghiệp ở Việt Nam còn hạn chế, chưa có đào tạo chuyên môn đầy đủ cho nhân sự lập báo cáo tài chính dự báo; Môi trường kinh doanh ở Việt Nam luôn biến động, dẫn tới rủi ro cao là thực tế sẽ khác các dự báo ban đầu; Thông tin tài chính tương lai bị chi phối bởi các ước tính, xét đoán có tính chủ quan cao của lãnh đạo doanh nghiệp. Do đó, việc ràng buộc trách nhiệm của kiểm toán viên, doanh nghiệp kiểm toán vào báo

cáo tài chính dự báo là chưa phù hợp với điều kiện hiện tại. Theo thông lệ quốc tế, các thông tin tài chính trong tương lai là nội dung không bắt buộc phải có trong hồ sơ chào bán, theo đó cũng không bắt buộc dịch vụ đảm bảo đối với thông tin tài chính tương lai trong bản cáo bạch.

Theo đó Điểm d, Khoản 1, Điều 6 đề nghị sửa lại như sau:

“d) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên được chấp thuận, người ký báo cáo kiểm toán hoặc soát xét hoặc báo cáo dịch vụ đảm bảo phải tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và các chuẩn mực nghề nghiệp có liên quan; tuân thủ chuẩn mực kiểm toán khi kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, kiểm tra báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước và chịu trách nhiệm đối với ý kiến, kết luận đưa ra về tính trung thực, hợp lý của các báo cáo, số liệu được kiểm toán, soát xét, kiểm tra; tuân thủ chuẩn mực về hợp đồng dịch vụ đảm bảo, chịu trách nhiệm về việc đưa ra ý kiến về tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước; tính hợp lý của các số liệu dự báo, ước tính về tình hình tài chính của doanh nghiệp trong Bản cáo bạch khi cung cấp dịch vụ kiểm tra thông tin tài chính tương lai.”

(Tức là: “d) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên được chấp thuận ký báo cáo kiểm toán hoặc soát xét hoặc báo cáo dịch vụ đảm bảo phải tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và các chuẩn mực nghề nghiệp có liên quan khi kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, kiểm tra báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước và chịu trách nhiệm đối với ý kiến, kết luận về các báo cáo, số liệu được kiểm toán, soát xét, kiểm tra.”)

2. Khoản 19 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung Điểm d, Khoản 1, Điều 107 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP về các quy định chung mà báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết phải tuân thủ).

Dự thảo Nghị định sửa đổi cụm từ “vốn chủ sở hữu” thành “vốn góp của chủ sở hữu” tại Điểm d, Khoản 1, Điều 107, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau: “d) Trường hợp sau kỳ kế toán gần nhất được kiểm toán, tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện phát hành tăng vốn điều lệ (trừ trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động, phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu), tổ chức đăng ký niêm yết phải bổ sung báo cáo vốn góp của chủ sở hữu đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận”.

Việc sửa “vốn chủ sở hữu” thành “vốn góp của chủ sở hữu” sẽ quy định rõ chi tiêu trên báo cáo tài chính phải được kiểm toán. Chế độ kế toán (doanh nghiệp) do Bộ Tài chính ban hành cũng quy định từng chi tiêu cụ thể liên quan đến nguồn vốn. Đồng thời Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (và 06 Luật khác) đã được Quốc hội thông qua, trong đó có quy định “báo cáo về vốn điều lệ” và báo cáo vốn điều lệ này sẽ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Hiện nay Bộ Tài chính đang dự thảo Thông tư, trong đó có hướng dẫn liên quan đến báo cáo về vốn điều lệ đã góp.

Do đó, để đảm bảo sự nhất quán giữa các quy định pháp luật, bao gồm Luật số 56/2024/QH15 vừa được ban hành, đề nghị Ban Soạn thảo rà soát các nội dung có liên quan đến “Vốn góp của chủ sở hữu” và quy định tại dự thảo Nghị định này “báo cáo vốn góp của chủ sở hữu [hoặc báo cáo về vốn điều lệ đã góp] theo quy định của Bộ Tài chính”.

Đối với quy định “*Trường hợp sau kỳ kế toán gần nhất được kiểm toán, tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện phát hành tăng vốn điều lệ..., tổ chức đăng ký niêm yết phải bổ sung... báo cáo vốn góp của chủ sở hữu đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận*”, VACPA đề nghị Ban Soạn thảo quy định rõ giai đoạn cần kiểm toán của báo cáo vốn góp của chủ sở hữu.

Đồng thời, báo cáo vốn góp của chủ sở hữu/vốn điều lệ đã góp là nội dung đang được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước dự thảo hướng dẫn; Theo đó, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nên tổ chức cuộc họp để thảo luận chi tiết hơn về nội dung này (sớm ban hành hoặc chuẩn hóa các tài liệu hướng dẫn) do còn các vướng mắc, như:

- (i) Hiện nay chưa có văn bản pháp luật quy định, hướng dẫn về lập, trình bày báo cáo vốn góp của chủ sở hữu (gồm những thông tin gì, cơ sở lập, chính sách kế toán/ghi nhận...);
- (ii) Vốn góp có thể được hình thành từ góp tiền, góp tài sản nhưng cũng có thể được hình thành do phát hành cổ phiếu từ lợi nhuận để lại từ các năm trước hoặc chuyển các khoản nợ phải trả thành vốn góp hoặc từ các quỹ khác, khi đó việc kiểm toán vốn góp sẽ yêu cầu phải kiểm toán nhiều chỉ tiêu khác của báo cáo tài chính;
- (iii) Khi kiểm toán viên không kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị thì ý kiến kiểm toán đối với báo cáo vốn có thể không phải dạng chấp nhận toàn phần...

Vấn đề báo cáo vốn góp của chủ sở hữu/Báo cáo vốn điều lệ đã góp cũng là quy định ảnh hưởng đến các doanh nghiệp (nộp hồ sơ đăng ký đại chúng/niêm yết hoặc nộp hồ sơ tăng vốn). Vì vậy để đánh giá được đầy đủ tác động của quy định này, đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cân nhắc tham khảo thêm ý kiến từ các đối tượng sẽ áp dụng, triển khai các quy định này.

3. Các nội dung khác.

(1) Khoản 1 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung Điểm h vào sau Điểm g Khoản 12, Điều 3 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP).

Tại Điểm h dự thảo Nghị định quy định: “*h) Ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi là ngày được tổ chức phát hành xác định để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu*”.

Đề nghị Ban Soạn thảo tham khảo thêm ý kiến của pháp chế để xác định xem ngày này có cần phải căn cứ vào điều khoản chuyển đổi của trái phiếu hay tổ chức phát hành có quyền đơn phương quyết định (việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu bao gồm thời gian chuyển đổi là một điều khoản hợp đồng đã có sự thỏa thuận giữa tổ chức phát hành và trái chủ từ ban đầu khi phát hành trái phiếu).

(2) Khoản 5 Dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung Khoản 4, Điều 11 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP).

Tại điểm 4(b), dự thảo Nghị định quy định: “*4(b) Trường hợp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng được nộp sau ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên, tổ chức phát hành phải bổ sung báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;*”

Đề nghị Ban Soạn thảo làm rõ “*ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên*” là ngày 30 tháng 6 (ngày của bảng cân đối kế toán bán niên) hay ngày cuối cùng

phải công bố báo cáo tính theo thời hạn công bố (ví dụ như doanh nghiệp được phép phải công bố trong vòng 45 ngày...). Trong trường hợp “ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên” được hiểu là ngày 30 tháng 6, đề nghị Ban Soạn thảo xem xét nên bổ sung quy định: nếu trường hợp hồ sơ được nộp trong khoảng thời gian (ví dụ từ 45 ngày) kể từ ngày này (30/06) thì doanh nghiệp được phép nộp BCTC bán niên chưa soát xét, tương tự quy định tại Điểm 4(a) ngay trước đó (trường hợp nộp hồ sơ trong khoảng thời gian 60 ngày từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, BCTC năm của năm trước trong hồ sơ có thể là BCTC chưa được kiểm toán).

(3) Khoản 9 Dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung Điều 30 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP).

Tại Điểm 2(b) dự thảo Nghị định quy định “b) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm liền sau năm cơ cấu lại (đối với trường hợp hợp nhất): báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán năm cuối cùng trước thời điểm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tài chính kỳ kế toán năm đầu tiên sau thời điểm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Chứng khoán; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có). Điều kiện hoạt động kinh doanh có lãi được xác định căn cứ trên tổng lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước kỳ kế toán năm cuối cùng và trên báo cáo tài chính kỳ kế toán năm đầu tiên”

Đề nghị Ban Soạn thảo xem xét sửa lại đoạn gạch chân như sau:

“...: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành được kiểm toán....”

Bởi dựa trên thông tin tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 30 có thể hiểu báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán năm cuối cùng trước thời điểm cơ cấu là báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán năm đầu tiên sau thời điểm cơ cấu lại của tổ chức phát hành là báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

(4) Khoản 10 Dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 31 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP).

Tại Điểm 1a dự thảo Nghị định quy định “1a. Đối với trường hợp công ty đại chúng sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng, công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra công chúng, hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này”.

Tuy nhiên Điều 31 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP chỉ có 4 khoản, không có Khoản 5. Do đó, đề nghị Ban Soạn thảo rà soát lại đảm bảo sự chính xác và điều chỉnh các tham chiếu có liên quan (nếu có).

(5) Khoản 10 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP).

Đề nghị Ban Soạn thảo bỏ yêu cầu "có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ" không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán do doanh nghiệp kiểm toán không thể xác nhận về vấn đề này (kiểm toán viên có thể xác định được hoặc có trường hợp là không xác định được ảnh hưởng của các sai sót/giới hạn phạm vi dẫn tới ý kiến kiểm toán ngoại trừ đến báo cáo tài chính, nhưng không thể xác định có ảnh hưởng đến điều kiện chào bán hay không). Các ảnh hưởng của vấn đề bị ngoại trừ đối với báo cáo tài chính nếu kiểm toán viên xác định được thì theo chuẩn mực kiểm toán đã phải được nêu trong báo cáo kiểm toán. Ngoài ra, cũng có những trường hợp mà do bản chất của vấn đề bị ngoại trừ kiểm toán viên không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề bị ngoại trừ đối với báo cáo tài chính (không xác định được các điều chỉnh cần thiết) thì kiểm toán viên nêu rõ như vậy trong báo cáo kiểm toán. Do đó kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán sẽ không có cơ sở để xác nhận thêm điều gì ngoài những điều đã nêu trong báo cáo kiểm toán.

Trên đây là ý kiến tham gia của Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPĐD VACPA tại TP HCM;
- Lưu VP VACPA HN (CM).

T/M BCH HỘI KTY HÀNH NGHỀ VIỆT NAM
CHỦ TỊCH
BAN CHẤP HÀNH
HỘI KIỂM TOÁN VIÊN HÀNH NGHỀ VIỆT NAM
* Phạm Sỹ Danh

CHẾ VIẾT
A.

16.12
Kl. H. Nga nyc ty huy

VASB

HIỆP HỘI KINH DOANH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam
Vietnam Association of Securities Business
Tầng 4, số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4). 39362794 * Fax: (84-4). 39362796
Email: vasb.info@gmail.com

Số: 122.24 CV/HHCK

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2024

"V/v đóng góp đối với nội dung
dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ

sup>155/2020/NĐ-CP" Dự thảo lần 2") "

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

ĐẾN Số:.....030297

Ngày: 13-12-2024

Chuyển: Ngày 9/12/2024, Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam ("VASB") nhận được công văn số và ký hiệu 8310/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") ngày 07/12/2024 về việc lấy

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

y kiến đóng góp đối với nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ("Dự thảo lần 2"). Bằng văn bản này, VASB xin được đưa ra một số ý kiến đóng góp liên quan đến Dự thảo lần 2.

Trước hết, VASB xin trân trọng cảm ơn UBCKNN đã tiếp thu các ý kiến đóng góp mà Hiệp hội gửi Bộ Tài chính ngày 29/11/2024. Để tiếp tục đóng góp dự thảo lần này được hoàn thiện hơn, Hiệp hội đã tổng hợp ý kiến của Hội viên và xin bổ sung đối với một số đóng góp chưa được xem xét tiếp thu chỉnh sửa và các quy định mới được bổ sung trong Dự thảo lần 2 như sau:

1. Quy định liên quan đến phát hành cổ phiếu

- a) Theo khoản 15 Điều 1 Dự thảo lần 2 sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 64 Nghị định 155, Đại hội đồng cổ đông ("**DHĐCĐ**") có trách nhiệm "*thông qua tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình lựa chọn cho người lao động*". Tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình thông thường sẽ căn cứ vào các yếu tố như: (i) Khả năng phát triển và tiềm năng đóng góp vào sự phát triển của công ty; (ii) Thành tích trong năm gần nhất; (iii) Cấp bậc nội bộ trong công ty; (iv) Thâm niên gắn bó với công ty; (v) các tiêu chí khác như: sáng kiến cải tiến, kỷ luật lao động... Các tiêu chuẩn này cần được chi tiết và cụ thể đến từng nội dung trong khi đó không cho phép ủy quyền cho Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") thông qua tiêu chuẩn như quy định hiện hành. Do đó, việc yêu cầu xây dựng phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động bao gồm tiêu chuẩn này để trình **DHĐCĐ** thông qua rất khó cho các công ty để thực thi trên thực tế.

Ngoài ra, **HĐQT** là cơ quan quản lý của công ty, được **DHĐCĐ** công ty bầu ra để quyết định, thực thi các quyền hạn của mình. Tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình nằm hoàn toàn trong khả năng đánh giá và cho ý kiến của **HĐQT**. Việc hạn chế quyền của **HĐQT** gây khó khăn cho công ty trong quá trình xây dựng, thực thi các chính sách trong quá trình hoạt động.

ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc kéo dài cũng không quá 06 tháng, công ty tổ chức ĐHĐCĐ sớm thì các yếu tố để xây dựng tiêu chuẩn như thành tích trong năm gần nhất chưa được đánh giá xong, không đủ căn cứ để công ty xây dựng tiêu chuẩn trình ĐHĐCĐ hoặc tiêu chuẩn chưa đầy đủ có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của cán bộ nhân viên.

Vi vậy, đề xuất Ban soạn thảo điều chỉnh quy định này để cho phép ĐHĐCĐ thông qua hoặc ủy quyền cho HĐQT thông qua một phần hoặc toàn bộ tiêu chí người lao động trong phát hành ESOP. Trường hợp vẫn giữ nguyên quy định như trong Dự thảo lần 2, đề nghị Ban soạn thảo bổ sung điều khoản chuyển tiếp quy định các trường hợp Công ty đại chúng đã được Đại hội đồng cổ đông trong năm 2024 thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình cho người lao động vẫn tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết này.

b) Đề nghị làm rõ các quy định sau:

- Khoản 15 Điều 1 Dự thảo lần 2 sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 64 Nghị định 155: “8. *Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, ngoại trừ trường hợp cổ phiếu được mua lại theo quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của công ty*”. Trường hợp sau cổ phiếu được công ty mua lại thì cổ phiếu còn tiếp tục bị hạn chế nữa không?
- Điểm i Khoản 29 Điều 1 Dự thảo lần 2 sửa đổi, bổ sung điểm i Điều 120 Nghị định 155: “(i) *Tổ chức niêm yết vì phạm chậm nộp báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong 03 năm liên tiếp hoặc kết thúc năm tài chính mà tổ chức niêm yết không thực hiện nghĩa vụ báo cáo đối với báo cáo tài chính kiểm toán của năm tài chính liền trước*”: Đề nghị làm rõ thời hạn bao lâu thì coi là “không thực hiện nghĩa vụ báo cáo” so với hành vi “chậm nộp báo cáo”.

2. Về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty đại chúng:

- VASB ủng hộ việc ĐHĐCĐ công ty đại chúng không được quyền khóa tỷ lệ sở hữu nước ngoài bằng Nghị quyết ĐHĐCĐ bởi 65% cổ phiếu có quyền biểu quyết như hiện nay. Về mặt pháp lý, hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài dưới tỷ lệ tối đa theo quy định pháp luật là một quyết định một phần quyền định đoạt của chủ sở hữu và là 1 trong 3 quyền cơ bản của quyền tài sản, cần được quyết định trực tiếp bởi chủ sở hữu cổ phiếu và không thể thay thế bằng Nghị quyết của ĐHĐCĐ (với 1 tỷ lệ chi phối chứ không phải 100% cổ đông quyết định). Vì vậy, để giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài dưới tỷ lệ tối đa theo quy định pháp luật, ĐHĐCĐ phải có sự đồng thuận của 100% cổ đông để thực hiện đầy đủ quyền tài sản của các cổ đông. Đồng thời, cần cùng cố các quy định liên quan đến tập trung kinh tế đối với công ty đại chúng đặc thù riêng trong hành lang pháp luật chứng khoán để công ty đại chúng không bị ảnh hưởng bất lợi bởi việc thu tóm. Cũng cần xem xét thêm những quy định về tổ chức nước ngoài riêng cho trường hợp tỷ lệ sở hữu nước ngoài không phải từ các cổ đông lớn hoặc các quy định riêng biệt cho công ty đại chúng phù hợp với môi trường giao dịch đặc thù so với các doanh nghiệp thông thường là thị trường chứng khoán.

- Điểm a, Khoản 37 Điều 1 Dự thảo lần 2 sửa đổi, bổ sung điểm e Khoản 1 Điều 139 Nghị định 155: *“e) Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thấp hơn khác tỷ lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty thực hiện theo tỷ lệ đó”*: Đề nghị Ban soạn thảo làm rõ: định nghĩa “cơ quan Nhà nước có thẩm quyền” có bao gồm UBCKNN trong trường hợp công ty đề nghị UBCKNN tạm thời chấp thuận một tỷ lệ sở hữu nước ngoài thấp hơn tỷ lệ pháp luật quy định, để có room nước ngoài thực hiện các kế hoạch huy động vốn hoặc thu hút nhà đầu tư chiến lược nước ngoài hay không? Cơ quan nhà nước có thẩm quyền được phép quyết định tỷ lệ SHNN tối đa vượt trên cả tỷ lệ theo quy định pháp luật? (hiện tại dự thảo bỏ từ “thấp hơn”, thay bằng từ “khác” nên có thể hiểu là cao hơn hoặc thấp hơn mức SHNN tối đa theo quy định pháp luật). Riêng đối với trường hợp Công ty đại chúng đang thực hiện phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược, đề nghị bổ sung quy định về trường hợp công ty có kế hoạch hoặc đã nộp hồ sơ phát hành cổ phiếu riêng lẻ có quyền đề nghị UBCKNN chấp thuận một tỷ lệ sở hữu nước ngoài thấp hơn tỷ lệ pháp luật quy định trong 1 thời hạn nhất định để có room phục vụ cho kế hoạch phát hành của doanh nghiệp. Trường hợp này cần được nêu rõ thuộc trường hợp quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 139.
- Khoản 4 Điều 3 Dự thảo lần 2 quy định: *“Công ty đại chúng đã thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Điều lệ Công ty quy định thấp hơn mức quy định của pháp luật phải rà soát, xác định và thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại khoản 39 Điều 1 Nghị định này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành”*.

Công ty trong trường hợp này cần triệu tập họp ĐHĐCĐ sửa đổi Điều lệ của họ để bỏ điều khoản quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, do đó đề nghị quy định thời hạn tối thiểu 01 năm để có thể kết hợp nội dung này tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất, tránh tổn kém cho doanh nghiệp, hoặc quy định cứng bẫy bỏ các giới hạn do công ty tự quy định mà không yêu cầu công ty phải thông báo lại.

3. Liên quan đến quy định về quản trị doanh nghiệp

- a) Khoản 55 Điều 1 Dự thảo lần 2 sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 275 Nghị định 155: *“3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác”*. Đề nghị giữ nguyên như quy định hiện tại, bởi Luật Doanh nghiệp đã có quy định yêu cầu các thành viên HĐQT kê khai doanh nghiệp và người có liên quan, danh sách này cũng được nêu trong báo cáo quản trị công ty và công bố công khai.
- b) Khoản 60 Điều 1 Dự thảo lần 2 bổ sung Khoản 6 Điều 291 Nghị định 155 quy định: *“6. Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán”*. Dự thảo lần 2 không có nội dung chuyển tiếp như quy định tại Khoản 2 Điều 218 Luật doanh nghiệp năm 2020. Điều này gây mâu thuẫn với LDN 2020 và các công ty đang tuân thủ theo LDN 2020

sẽ không kịp thay đổi ngay khi Nghị định này có hiệu lực có thể dẫn đến vi phạm. “2. Đối tượng là người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên và người đại diện theo ủy quyền mà không đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm b khoản 5 Điều 14, khoản 3 Điều 64, khoản 3 Điều 93, khoản 3 Điều 101, các điểm a, b và c khoản 3 Điều 103, điểm d khoản 1 Điều 155, điểm b khoản 5 Điều 162 và khoản 2 Điều 169 của Luật này được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đến hết thời gian còn lại của nhiệm kỳ.”

VASB đề xuất bổ sung điều khoản chuyển tiếp như sau: “Đối tượng là người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên và người đại diện theo ủy quyền mà không đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 60 Điều 1 của Nghị định này được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đến hết thời gian còn lại của nhiệm kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 218 Luật doanh nghiệp 2020”

- c) Khoản 61 Điều 1 Dự thảo lần 2 sửa đổi, bổ sung Điều 293 Nghị định 155 quy định: “Điều 293. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này”. Theo quy định tại Dự thảo lần 2, các công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay, cho mượn tiền/tài sản hoặc bảo lãnh, bảo đảm các khoản vay cho cổ đông là cá nhân, tổ chức, và người có liên quan của họ trừ tổ chức tín dụng. VASB kính đề nghị Ban soạn thảo bổ sung thêm trường hợp ngoại trừ là Công ty đại chúng là các công ty chứng khoán bởi Công ty đại chúng là các công ty chứng khoán sau khi có chấp thuận của UBCKNN được cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ và có thể cung cấp dịch vụ này cho cổ đông công ty chứng khoán.
- d) Khoản 22 Điều 1 Dự thảo lần 2 bổ sung Điều 111a vào trước Điều 111 Nghị định 155 quy định: “Điều 111a – Niêm yết cổ phiếu đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần”. VASB kiến nghị xem xét bộ hồ sơ IPO và niêm yết đồng thời và quy định chức năng để một cơ quan quản lý Nhà nước tiếp nhận và xem xét hồ sơ, giảm bớt thủ tục hành chính cho Doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Khoản 3 Điều 111a quy định: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày UBCKNN thông báo nhận được báo cáo kết quả IPO, TC đăng ký niêm yết bổ sung các tài liệu cho SGDCK, gồm:

a) [...] Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi..”

VASB đề nghị Ban soạn thảo sửa thành 15 ngày làm việc nhằm đảm bảo đủ thời gian để doanh nghiệp thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp tại SKHĐT, tránh trường hợp bị mất thời gian trong các đợt nghỉ lễ dài khiến không tuân thủ thời hạn này.

Ngoài ra, bổ sung tài liệu có hiệu lực tương đương (trong trường hợp các tổ chức tín dụng chi hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động mà không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp), cụ thể đề xuất như sau:

“Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo nhận được báo cáo kết quả IPO, tổ chức đăng ký niêm yết bổ sung các tài liệu cho SGDCK, gồm:

[...] Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi hoặc tài liệu có hiệu lực tương đương”.

Hiện nay, với tinh thần chung giảm bớt thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, người dân, VASB kiến nghị việc quản lý các Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ về Giấy phép hoạt động và Đăng ký kinh doanh quy về một đầu mối là UBCKNN. Để phục vụ cho việc quản lý đăng ký kinh doanh, các Sở KHĐT và UBCKNN hoàn toàn có thể cung cấp thông tin quản lý, không cần thiết doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đăng ký ở hai cơ quan.

4. Liên quan đến quy định về chào bán trái phiếu

- a) Điểm 2 Khoản 7 Điều 1 Dự thảo lần 2 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 Nghị định 155 quy định: “2. Tổ chức phát hành hoặc trái phiếu đăng ký chào bán phải được xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan”.

VASB kiến nghị cần quy định cụ thể những loại trái phiếu nào được áp dụng xếp hạng tín nhiệm tổ chức phát hành, loại trái phiếu nào bắt buộc xếp hạng tín nhiệm cho trái phiếu đăng ký chào bán.

- b) Điểm 9 Khoản 4 Điều 1 Dự thảo lần 2 bổ sung Điều 7 Nghị định 155 Quy định chung về chào bán, phát hành chứng khoán và chào mua công khai quy định: “ 9. Trường hợp doanh nghiệp sử dụng khoản vốn đầu tư của chủ sở hữu, chênh lệch đánh giá lại tài sản, quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ kinh doanh của doanh nghiệp trong vòng 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán, phát hành thì giá trị bù lỗ kinh doanh này bị loại trừ khỏi chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính khi xem xét các điều kiện về chào bán, phát hành”.

VASB đề nghị VASB đề nghị giữ nguyên quy định hiện nay (không bổ sung thêm Khoản 9, Điều 7 Nghị định 155/2020/NĐ- CP), bởi: Quy định về việc hạn chế nguồn để bù lỗ kinh doanh nêu tại Khoản 9, Điều 7 sẽ làm doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc huy động vốn hoặc ảnh hưởng đến kế hoạch niêm yết cổ phiếu vì việc xóa lỗ lũy kế từ hoạt động kinh doanh sẽ mất rất nhiều năm trong khi doanh nghiệp có các nguồn khác từ vốn chủ sở hữu (thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển) nhưng không thực hiện được. Do đó, cần Bổ sung khoản 9 Điều 7 cụ thể như sau: “ 9. Trường hợp doanh nghiệp sử dụng khoản vốn đầu tư của chủ sở hữu, chênh lệch đánh giá lại tài sản, quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ kinh doanh của doanh nghiệp trong vòng 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán, phát hành thì giá trị bù lỗ kinh doanh này bị loại trừ khỏi chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính khi xem xét các điều kiện về chào bán, phát hành. cho phép doanh nghiệp được quyền sử dụng các nguồn có nguồn gốc từ lợi nhuận (quỹ đầu tư phát triển), thặng dư vốn cổ phần để bù lỗ lũy kế và vẫn được tính khi xét điều kiện phát hành, chào bán và niêm yết cổ phiếu - “Không có lỗ lũy kế”.

- c) Dự thảo lần 2 bổ sung điểm 10 Mục IV Mẫu số 19 Phụ lục: VASB đề xuất xem xét bỏ nội dung này vì các lý do sau đây:

- Danh tính nhà đầu tư trong danh sách nộp tại hồ sơ xin phát hành cổ phiếu mới chỉ là danh sách dự kiến. Danh sách này có thể còn biến động trên thực tế sau khi phát hành (ví dụ trường hợp có

nhà đầu tư thay đổi quyết định và không mua số cổ phần đã đăng ký). Do đó, việc dựa vào thông tin trên Mẫu này để xác định danh tính của nhà đầu tư chuyển quyền sở hữu cổ phiếu làm cơ sở phát hành CCLK trong tương lai là không phù hợp;

- Trường hợp nhà đầu tư chuyên nghiệp chuyển nhượng cổ phiếu phát hành làm cơ sở phát hành CCLK cho nhau thì danh tính nhà đầu tư sở hữu số cổ phần này tại thời điểm phát hành và danh tính nhà đầu tư sở hữu số cổ phần này tại thời điểm thực hiện chuyển nhượng chứng khoán có thể khác nhau. Do đó việc xác định rõ danh tính nhà đầu tư vào thời điểm phát hành cổ phần mới là không cần thiết. Trong khi đó, quy định tại Khoản 1 Điều 36 dự kiến sửa đổi bổ sung vào Quy chế 08 đã có nội dung tại mục a “Văn bản đề nghị chuyển quyền sở hữu của các bên chuyển quyền sở hữu (Mẫu 16A/ĐKCK) kèm theo bản sao giấy tờ thể hiện thông tin nhận diện của các bên ;” Như vậy đã đủ căn cứ để VSDC nhận diện nhà đầu tư, không cần thêm thông tin tại Mẫu 19 Nghị định 155.
- d) Dự thảo lần 2 bổ sung điểm 6 Mục IV Mẫu số 21 Phụ lục: VASB đề nghị xem xét bỏ quy định bổ sung này và việc chuyển quyền sở hữu cổ phiếu làm cơ sở phát hành chứng chỉ lưu ký sẽ thực hiện theo Quy chế chuyển quyền sở hữu chứng khoán của VSDC, phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 6 Thông tư 119/2020/TT-BTC. Việc đề nghị bổ sung thông tin nhà đầu tư đăng ký sở hữu cổ phiếu tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký hỗ trợ phát hành khó khả thi vì Chứng chỉ lưu ký thực tế sẽ được phát hành theo nhu cầu của nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu đăng ký mua CCLK. Do đó, chỉ khi có nhu cầu từ nhà đầu tư nước ngoài thì các môi giới mới thực hiện mua cổ phiếu trên thị trường và lưu ký vào tài khoản lưu ký của Ngân hàng lưu ký mở tại VSDC để làm cơ sở cho việc phát hành CCLK tại thị trường nước ngoài. Do đó, tại thời điểm đăng ký hỗ trợ phát hành CCLK tại UBCKNN, chưa thể xác định các thông tin của nhà đầu tư sở hữu số cổ phần này để điền vào biểu mẫu.

5. Đề nghị bổ sung, làm rõ các quy định

- a) Bổ sung định nghĩa “người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán/ đợt phát hành”: Hiện tại chưa có định nghĩa rõ ràng về khái niệm “người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán/phát hành”, gây khó khăn và thiếu thống nhất khi tính toán việc tách phiếu biểu quyết và tỷ lệ biểu quyết thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT liên quan đến các đợt chào bán, phát hành cổ phiếu
- b) Bổ sung quy định về điều kiện và hồ sơ chào bán riêng lẻ cổ phiếu ưu đãi: Hiện tại chưa có quy định về chào bán riêng lẻ CPUĐ, mà chỉ có quy định về điều kiện và hồ sơ chào bán riêng lẻ cổ phiếu phổ thông, hoặc cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền. Các điều kiện này không thể áp dụng hoàn toàn tương tự cho CP ưu đãi (ví dụ điều kiện cần có quy định về loại CPUĐ trong điều lệ, quy định về tỷ lệ và cách thức chuyển đổi CPUĐ thành CPPT,...). Trên thực tế, gần đây, nhu cầu chào bán cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng gia tăng nhưng vẫn lúng túng trong việc nộp hồ sơ đăng ký chào bán cho UBCKNN.

- c) Bổ sung quy định về việc “Giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đối với cổ phiếu riêng lẻ trong thời gian hạn chế chuyển nhượng”: Theo Điều 31.1.c. Luật Chứng khoán 2019, việc chuyển nhượng cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ bị hạn chế trong ít nhất 1 năm (đối với NĐTCKCN) và 3 năm (đối với NĐTCL), trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và một số trường hợp khác. Tuy nhiên, theo Thông tư 119/2020/TT-BTC, các trường hợp chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch chưa quy định cụ thể về trường hợp chuyển nhượng giữa các NĐTCKCN đối với cổ phiếu riêng lẻ trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, gây khó khăn khi muốn áp dụng quy định này trong thực tế
- d) Quy định rõ thêm cơ chế, khung pháp lý để có thể thực hiện việc phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết trên thực tế: Theo dự thảo sửa đổi Điều 139 nêu trên, khi các công ty đại chúng bắt buộc mở room, room nước ngoài sẽ mau chóng được lấp đầy, khiến NĐTNN không còn cơ hội tham gia đầu tư vào các doanh nghiệp tốt (ngân hàng, các CP thường kín room,...) Do đó, việc có khung pháp lý đầy đủ về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết sẽ giúp có thêm sản phẩm để thu hút NĐTNN ở các doanh nghiệp kín room.
- e) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 169: *“2. Việc đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thực hiện theo nguyên tắc chung của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm và các nguyên tắc sau đây: a) Chứng khoán được đăng ký biện pháp bảo đảm phải là loại chứng khoán tự do chuyển nhượng, không dùng để ký quỹ trong các giao dịch chứng khoán, không bị phong tỏa, tạm giữ và phải lưu ký trước khi thực hiện. Trong thời hạn đăng ký biện pháp bảo đảm, chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm phải được phong tỏa tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Chứng khoán đã đăng ký biện pháp bảo đảm tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sẽ được giữ nguyên tình trạng đăng ký biện pháp bảo đảm trong trường hợp tổ chức đăng ký giao dịch đã giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom thực hiện thủ tục đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán”*: Việc bổ sung trường hợp ngoại lệ cho phép giữ nguyên tình trạng đăng ký biện pháp bảo đảm/ hạn chế giao dịch khi “chuyển sàn” từ UPCOM lên VNX/HOSE đối với chứng khoán hiện đã đang đăng ký bảo đảm nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình xóa đăng ký biện pháp bảo đảm. Trên thực tế, nhiều trường hợp cổ đông là người quản lý có cổ phiếu đang đăng ký bảo đảm (thế chấp) cho một nghĩa vụ thanh toán khác khi “chuyển sàn” từ UPCOM qua HNX/HOSE buộc phải xóa đăng ký biện pháp bảo đảm để cổ phiếu trở thành “tự do chuyển nhượng”, rồi sau đó mới đăng ký hạn chế chuyển nhượng đáp ứng yêu cầu của VSDC và đồng thời bảo đảm lại cho mục đích thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba. Việc xóa đăng ký bảo đảm khi “chuyển sàn” rồi sau đó đăng ký hạn chế chuyển nhượng/bảo đảm lại dẫn đến rủi ro có thể xảy ra trong thời gian xóa bảo đảm; đồng thời phát sinh thêm thủ tục cho doanh nghiệp, nhà đầu tư (trong khi đó, việc chuyển sàn giao dịch không làm thay đổi số lượng, tình trạng chứng khoán).

- f) Bên cạnh các nội dung được đưa ra sửa đổi trong Dự thảo, VASB kiến nghị UBCKNN quan tâm nghiên cứu đến sự phát triển của các tổ chức trung gian như công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ, đồng thời, tạo thêm các sản phẩm mới trên TTCK bên cạnh các mục tiêu quản lý.

Ví dụ: Hiện nay mô hình kinh doanh của CTCK đang chưa được hoàn thiện trong hoạt động cho vay margin, một hoạt động đã được triển khai rộng rãi trên thực tế và được quản lý khá chặt chẽ bởi UBCKNN. Tuy đã trở thành một hoạt động phổ biến mà bất cứ CTCK nào có hoạt động môi giới đều thực hiện, và nguồn vốn cho vay margin đã trở thành một phần quan trọng trong tổng vốn hóa của TTCK. Tuy nhiên, hiện nay nguồn huy động của CTCK cho hoạt động này chưa được khai thông chính thức, dẫn đến các CTCK hầu hết phải tăng vốn điều lệ hoặc huy động trái phiếu để triển khai hoạt động này. Đây là một cơ cấu không hoàn thiện cho một nghiệp vụ kinh doanh đã có ảnh hưởng và sẽ có ảnh hưởng ngày càng lớn đến TTCK. Các đơn vị cung cấp hoạt động margin đều phải sử dụng vốn tự có hoặc vốn trung dài hạn cho cả nguồn margin ngắn hạn. Vì vậy, lãi suất cho vay margin thường cao hơn nhiều so với lãi suất vay ngân hàng và nguy cơ rủi ro cao hơn trong cân đối thanh khoản của một CTCK. VASB đề nghị UBCKNN nghiên cứu để hoàn thiện chức năng và nguồn vốn huy động cho nghiệp vụ này, giúp CTCK có thể ổn định sản phẩm, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của TTCK.

VASB kính đề nghị UBCKNN rà soát sửa đổi các quy định còn vướng mắc đối với doanh nghiệp khi thực hiện niêm yết trên cơ sở có khảo sát các doanh nghiệp tiềm năng hoặc các doanh nghiệp có ý định niêm yết trong 3 năm trở lại đây. Bên cạnh đó, cần có những chính sách thúc đẩy doanh nghiệp niêm yết trên TTCK bên cạnh các chính sách sàng lọc DNNN không phù hợp để nâng cao chất lượng hàng hóa trên TTCK. Điều này hết sức quan trọng để giữ chân dòng vốn đầu tư nước ngoài thu hút, đặc biệt sau khi TTCK được nâng hạng.

Trên đây là tổng hợp các ý kiến VASB gửi đến UBCKNN để đóng góp liên quan đến Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VP Hiệp hội.

**T/M. BAN THƯỜNG TRỰC
HIỆP HỘI KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký


Hoàng-Hải Anh

Số: 545/2024/CV-VINGROUP

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2024

V/v Góp ý đối với Dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

ĐẾN Số: 03042.4...

Ngày: 16-12-2024

Chuyên: Chúng tôi, Tập đoàn Vingroup – Công ty CP, có địa chỉ trụ sở chính tại số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội xin gửi tới Quý Bộ lời chào trân trọng.

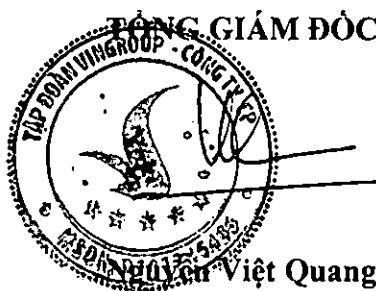
Chúng tôi được biết Bộ Tài chính đang xây dựng “Dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán” (sau đây gọi tắt là Dự thảo) và lấy ý kiến của các đối tượng chịu tác động. Bằng văn bản này, chúng tôi xin được gửi Quý Bộ ý kiến đề xuất sửa đổi, bổ sung đối với Dự thảo để Quý Bộ xem xét, tổng hợp.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP Công ty

TM. TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP



PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA ĐỐI VỚI DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH 155/2020/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CHỨNG KHOÁN

Dự thảo ngày 7/12/2024

STT	Vấn đề	Nội dung quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung quy định tại dự thảo	Nội dung góp ý
1.	Quy định chung về chào bán, phát hành chứng khoán và chào mua công khai	Không quy định	<p>(Điều 1.4 Dự thảo)</p> <p>“4. Bổ sung khoản 8, khoản 9 Điều 7 như sau:</p> <p>Điều 7. Quy định chung về chào bán, phát hành chứng khoán và chào mua công khai</p> <p>“8. Điều kiện về hoạt động kinh doanh có lãi, nợ phải trả, lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp được căn cứ trên Báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp là công ty mẹ thì kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó: kết quả hoạt động kinh doanh là chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ trên báo cáo tài chính hợp nhất; Vốn chủ sở hữu không bao gồm lợi ích của cổ</p>	<p>Đề xuất:</p> <p>1. Bổ sung quy định trong trường hợp công ty mẹ không phải lập BCTC hợp nhất như được quy định trong Thông tư 200/2014/TT-BTC hoặc các thông tư sửa đổi, thay thế Thông tư 200/2014/TT-BTC thì không sử dụng BCTC hợp nhất.</p> <p>2. Làm rõ việc lỗ lũy kế có trừ ra phần lỗ do lợi ích của cổ đông không kiểm soát không?</p>

STT	Vấn đề	Nội dung quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung quy định tại dự thảo	Nội dung góp ý
			đồng không kiểm soát. Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp.”	
2.	Điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng	<p>Điều 19. Điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng</p> <p>...</p> <p>2. Tổ chức phát hành hoặc trái phiếu đăng ký chào bán phải được xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Tổng giá trị trái phiếu theo mệnh giá huy động trong mỗi 12 tháng lớn hơn 500 tỷ đồng và lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất trong các báo cáo sau: báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (trường hợp tổ chức phát hành là đối tượng phải công bố báo</p>	<p>(Điều 1.7 Dự thảo)</p> <p>7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, bổ sung khoản 3, 4, 5 Điều 19 như sau:</p> <p>Điều 19. Điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng</p> <p>“2. Tổ chức phát hành hoặc trái phiếu đăng ký chào bán phải được xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan.”</p>	<p>Đề xuất:</p> <p>Giữ nguyên như quy định tại Nghị định 155 hoặc điều chỉnh, bổ sung làm rõ quy mô yêu cầu phải xếp hạng.</p> <p>Lý do:</p> <p>Hiện nay nhiều tổ chức phát hành quy mô lớn có nhu cầu huy động nhỏ hơn nhiều so với quy mô vốn chủ để cơ cấu lại nguồn vốn. Việc bắt buộc phải xếp hạng trong mọi trường hợp gây lãng phí, tốn kém thêm nguồn lực của doanh nghiệp.</p>

STT	Vấn đề	Nội dung quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung quy định tại dự thảo	Nội dung góp ý
		<p>cáo tài chính bán niên được soát xét) bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; hoặc</p> <p>b) Tổng dư nợ trái phiếu theo mệnh giá tính đến thời điểm đăng ký chào bán lớn hơn 100% vốn chủ sở hữu căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất trong các báo cáo sau: báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (trường hợp tổ chức phát hành là đối tượng phải công bố báo cáo tài chính bán niên được soát xét) bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.</p>		
3.		Không quy định	<p>(Điều 1.7 Dự thảo)</p> <p>Bổ sung Khoản 4 Điều 19 như sau:</p> <p>4. Có hệ số nợ phải trả (bao gồm cả giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) trên vốn chủ sở hữu không quá 3 lần, ngoại trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	<p>Đề xuất:</p> <p>Bỏ quy định này.</p> <p>Lý do:</p> <p>Quy định này chưa rõ:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nợ phải trả này chỉ được tính gồm những khoản nợ chịu lãi hay bao gồm tất cả các nghĩa vụ phải trả khác của doanh nghiệp. 2. Nếu là công ty mẹ thì tính trên báo cáo tài

STT	Vấn đề	Nội dung quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung quy định tại dự thảo	Nội dung góp ý
				<p>chính hợp nhất hay báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ?</p> <p>3. Một số doanh nghiệp cần phát hành trái phiếu với mục đích cơ cấu lại khoản nợ đến hạn thì việc áp dụng tỷ lệ nợ phải trả bao gồm trái phiếu dự kiến phát hành sẽ làm tỷ lệ này cao nhưng bản chất là đòn bẩy tài chính của doanh nghiệp không tăng lên.</p> <p>4. Nội dung “ngoại trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác” có thể được hiểu là các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản được áp dụng theo quy định tại Luật nhà ở và Luật kinh doanh bất động sản không? Vì theo Luật nhà ở và Luật kinh doanh bất động sản thì nếu huy động vốn để thực hiện dự án trên 5ha thì quy mô vốn vay trên vốn chủ sở hữu không quá 5,67 lần. Vậy trong trường hợp doanh nghiệp kinh doanh bất động sản phát hành trái phiếu cho mục đích cơ cấu nợ hoặc tăng quy mô vốn thì có được áp dụng tỷ lệ 5,67 lần này không?</p>
4.		Không quy định	<p>(Điều 1.7 Dự thảo) Bổ sung Khoản 5 Điều 19 như sau: 5. Giá trị trái phiếu dự kiến phát hành theo</p>	<p>Đề xuất: Bỏ quy định này.</p>

STT	Vấn đề	Nội dung quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung quy định tại dự thảo	Nội dung góp ý
			mệnh giá không lớn hơn vốn chủ sở hữu.	<p>Lý do:</p> <p>1. Các doanh nghiệp cần xếp hạng tín nhiệm thì kết quả xếp hạng cũng đã phản ánh đánh giá về tỷ lệ Dư nợ vay trái phiếu/Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp, các hệ số thanh khoản của doanh nghiệp, đánh giá khả năng trả nợ của doanh nghiệp. Do đó, Nhà đầu tư có thể dựa trên kết quả xếp hạng để tham khảo và đưa ra quyết định đầu tư cho phù hợp.</p> <p>2. Điều 44 Nghị định 95/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật nhà ở cũng quy định rõ các nguồn vốn cho thực hiện dự án không vượt quá tổng mức đầu tư, chứ không giới hạn việc huy động theo hình thức trái phiếu không vượt quá vốn chủ, điều này gây hạn chế cơ hội huy động của doanh nghiệp, đặc biệt là với các doanh nghiệp đã kín room huy động tại các Tổ chức tín dụng không thể huy động thêm nữa mà cần phải huy động thông qua trái phiếu.</p> <p>3. Điều 44 tại Nghị định 95/2024/NĐ-CP quy định: <i>“Tổng vốn được huy động theo các hình thức quy định tại Điều này và các Điều 43, 45, 46, 47 và 48 của Nghị định này và vốn</i></p>

STT	Vấn đề	Nội dung quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung quy định tại dự thảo	Nội dung góp ý
				<i>chủ sở hữu phải có không vượt quá tổng vốn đầu tư dự án, bao gồm cả tiền sử dụng đất, tiền thuê đất mà chủ đầu tư phải nộp theo quy định của pháp luật về đất đai."</i>
5.	Điều kiện chào bán trái phiếu có bảo đảm ra công chúng	<p>Điều 23. Điều kiện chào bán trái phiếu có bảo đảm ra công chúng</p> <p>1. Đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 19 Nghị định này.</p> <p>2. Được bảo đảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ gốc và lãi trái phiếu bằng một hoặc một số phương thức sau:</p> <p>a) Bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p> <p>b) Bảo đảm bằng tài sản của Tổ chức phát hành, tài sản của bên thứ ba. Tài sản bảo đảm phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá và được đăng ký, xử lý theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm.</p> <p>3. Có Đại diện người sở hữu trái</p>	Không quy định	<p>Đề xuất:</p> <p>Bổ sung hình thức bảo lãnh của bên thứ ba không phải là tổ chức tín dụng vì đây là nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và cũng giúp tăng tính bảo đảm cho trái phiếu (chữ in nghiêng, bôi đậm, gạch chân). Cụ thể:</p> <p>Điều 23. Điều kiện chào bán trái phiếu có bảo đảm ra công chúng</p> <p>1. Đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 19 Nghị định này.</p> <p>2. Được bảo đảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ gốc và lãi trái phiếu bằng một hoặc một số phương thức sau:</p> <p>a) Bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p> <p>b) Bảo đảm bằng tài sản của Tổ chức phát hành, tài sản của bên thứ ba. Tài sản bảo đảm phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá và được đăng ký, xử lý theo quy</p>

STT	Vấn đề	Nội dung quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung quy định tại dự thảo	Nội dung góp ý
		phiếu theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.		định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm. <u>c) Bảo lãnh thanh toán của công ty mẹ sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc bên thứ ba khác có xếp hạng tín nhiệm từ hạng BBB trở lên hoặc tương đương, các tổ chức bảo lãnh thanh toán quốc tế.</u> 3. Có Đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.
6.	Hồ sơ đăng ký niêm yết	Điều 110. Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu, chứng chỉ quỹ 1. Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty chào bán cổ phiếu ra công chúng, doanh nghiệp cổ phần hóa bao gồm: a) Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu theo Mẫu số 28 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;	Không quy định	Đề xuất: Đề nghị sửa đổi Mẫu số 28 của Nghị định 155 hiện hành (chữ in nghiêng, bôi đậm, gạch chân) như sau: <u>1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu thông qua việc niêm yết.</u> Lý do: Mẫu số 28 của Nghị định 155 hiện hành quy định nộp hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu phải nộp kèm nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết trái phiếu, trong khi điều kiện và hồ sơ đăng ký phát hành trái phiếu ra công chúng chỉ yêu cầu nghị quyết hội đồng quản trị (với công ty cổ phần).
7.	Thay đổi	Không quy định	(Điều 1.27 Dự thảo)	Đề xuất:

STT	Vấn đề	Nội dung quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung quy định tại dự thảo	Nội dung góp ý
	đăng ký niêm yết		<p>“27. Bổ sung Điều 118a. vào sau Điều 118 như sau:</p> <p>Điều 118a. Thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu doanh nghiệp</p> <p>1. Tổ chức niêm yết thực hiện thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu doanh nghiệp trong các trường hợp tổ chức niêm yết thực hiện chuyển đổi một phần trái phiếu thành cổ phiếu, mua lại trước hạn một phần trái phiếu, hoán đổi một phần trái phiếu hoặc các trường hợp khác làm thay đổi số lượng trái phiếu doanh nghiệp niêm yết.</p> <p>2. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết bao gồm:</p> <p>a) Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết theo Mẫu số 31 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó nêu rõ lý do dẫn đến việc thay đổi niêm yết và các tài liệu có liên quan;</p> <p>b) Báo cáo đã hoàn tất mua lại một phần trái phiếu doanh nghiệp hoặc hoàn tất chuyển đổi một phần trái phiếu thành cổ phiếu hoặc hoàn tất hoán đổi một phần trái phiếu và kèm theo tài liệu chứng minh đã hoàn tất việc mua lại</p>	<p>Bổ sung (nội dung bôi đậm, in nghiêng, gạch chân) tại Khoản 1, Điều 118a như sau:</p> <p>“...<i>thực hiện chuyển đổi một phần <u>hoặc toàn bộ</u> trái phiếu thành cổ phiếu, mua lại trước hạn một phần trái phiếu, hoán đổi một phần trái phiếu hoặc các trường hợp khác làm thay đổi số lượng trái phiếu doanh nghiệp niêm yết...</i>”</p> <p>Lý do:</p> <p>Dự thảo chưa quy định trường hợp thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu doanh nghiệp trong trường hợp tổ chức niêm yết thực hiện chuyển đổi toàn bộ trái phiếu thành cổ phiếu.</p>

5/5

STT	Vấn đề	Nội dung quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung quy định tại dự thảo	Nội dung góp ý
			<p>hoặc chuyển đổi hoặc hoán đổi một phần trái phiếu.</p> <p>3. Trình tự, thủ tục thực hiện thay đổi đăng ký niêm yết</p> <p>a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành cổ phiếu chuyển đổi từ trái phiếu hoặc kể từ ngày thay đổi số lượng trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, tổ chức niêm yết phải nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu;</p> <p>b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán có trách nhiệm chấp thuận thay đổi đăng ký niêm yết.”</p>	
8.	Hủy bỏ niêm yết	<p>Điều 120. Hủy bỏ niêm yết bắt buộc</p> <p>5. Trái phiếu bị hủy bỏ niêm yết khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trái phiếu đến thời gian đáo hạn hoặc trái phiếu niêm yết được Tổ chức phát hành mua lại toàn bộ trước thời gian đáo hạn;</p>	<p>(Điều 1.29 Dự thảo)</p> <p>“c) Sửa đổi điểm a và c khoản 5 Điều 120 như sau:</p> <p>a) Trái phiếu đến thời gian đáo hạn;-trái phiếu niêm yết được tổ chức <u>niêm yết</u> mua lại <u>hoặc chuyển đổi hoặc hoán đổi</u> toàn bộ trái phiếu trước thời gian đáo hạn;”</p>	<p>Đề xuất:</p> <p>Bổ sung (nội dung bôi đậm, in nghiêng, gạch chân) như sau: <i>a) Trái phiếu đến thời gian đáo hạn; trái phiếu niêm yết được tổ chức niêm yết mua lại hoặc chuyển đổi hoặc hoán đổi một phần hoặc toàn bộ trái phiếu trước thời gian đáo hạn.</i></p> <p>Lý do:</p> <p>Dự thảo chưa quy định trường hợp hủy niêm</p>

STT	Vấn đề	Nội dung quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung quy định tại dự thảo	Nội dung góp ý
				yết do mua lại một phần trái phiếu trước hạn.
9.	Hạn chế tiếp cận thị trường chứng khoán nước ngoài đối với doanh nghiệp không phải công ty đại chúng	<p>Điều 126. Điều kiện niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài</p> <p>...</p> <p>2. Tổ chức phát hành đăng ký niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài phải gắn với chào bán chứng khoán ra nước ngoài.</p> <p>3. Có quyết định thông qua việc niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài của Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần), của Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên) hoặc chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên).</p> <p>Điều 127. Đăng ký niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài</p>	<p>(Điều 1.31, 1.32, 1.33 Dự thảo)</p> <p>31. Sửa đổi tên Điều 126 và sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 126 như sau:</p> <p>“a) Sửa đổi tên Điều 126 như sau:</p> <p>“Điều 126. Điều kiện niêm yết, giao dịch <u>cổ phiếu của công ty đại chúng</u> tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.”</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 126 như sau:</p> <p>“2. Tổ chức phát hành đăng ký niêm yết, giao dịch <u>cổ phiếu</u> tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài phải gắn với chào bán chứng khoán ra nước ngoài”.</p> <p>c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 126 như sau:</p> <p>“3. Có quyết định thông qua việc niêm yết, giao dịch <u>cổ phiếu</u> tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài của Đại hội đồng cổ đông.”</p> <p>32. Sửa đổi tên Điều 127 và sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 127 như sau:</p> <p>a) Sửa tên Điều 127 như sau:</p>	<p>Đề xuất:</p> <p>Đối với Dự thảo lần này, các Điều 126, 127 và 128 được sửa theo hướng chỉ điều chỉnh đối với việc niêm yết, giao dịch CỔ PHIẾU của công ty đại chúng trên Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài. Như vậy, việc niêm yết và giao dịch trái phiếu của công ty đại chúng/công ty chưa đại chúng sẽ không có quy định pháp luật điều chỉnh. Việc này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động huy động vốn qua kênh trái phiếu của công ty đại chúng/công ty chưa đại chúng. Đề nghị cần có quy định rõ ràng về việc niêm yết và giao dịch của các loại chứng khoán khác ngoài CỔ PHIẾU tại sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.</p>

STT	Vấn đề	Nội dung quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung quy định tại dự thảo	Nội dung góp ý
		<p>...</p> <p>c) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài (đối với công ty cổ phần) hoặc Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên) hoặc chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên);</p> <p>Điều 128. Nghĩa vụ của doanh nghiệp có chứng khoán niêm yết, giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài</p> <p>1. Doanh nghiệp có chứng khoán niêm yết, giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước và công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện sau:</p> <p>a) Khi chính thức nộp hồ sơ đăng ký niêm yết, giao dịch chứng khoán với Sở giao dịch chứng khoán nước</p>	<p>“Điều 127. Đăng ký niêm yết, giao dịch <u>cổ phiếu của công ty đại chúng</u> tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 127 như sau:</p> <p>“c) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc niêm yết, giao dịch <u>cổ phiếu</u> tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.”</p> <p>33. Sửa đổi Điều 128 như sau:</p> <p>“Điều 128. Nghĩa vụ của <u>công ty đại chúng</u> có <u>cổ phiếu</u>, chứng chỉ lưu ký niêm yết, giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài</p> <p>1. Công ty đại chúng có cổ phiếu, chứng chỉ lưu ký niêm yết, giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước và công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện sau:</p> <p>a) Khi chính thức nộp hồ sơ đăng ký niêm yết, giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ lưu ký với Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài;</p> <p>b) Khi nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài hoặc Sở giao dịch</p>	

STT	Vấn đề	Nội dung quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung quy định tại dự thảo	Nội dung góp ý
		<p>ngoài;</p> <p>b) Khi nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài hoặc Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc niêm yết, giao dịch chứng khoán;</p> <p>c) Có quyết định về việc hủy bỏ niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.</p> <p>2. Công bố thông tin theo quy định của pháp luật nước ngoài và pháp luật của Việt Nam. Trường hợp có sự khác biệt về công bố thông tin giữa pháp luật nước ngoài và pháp luật Việt Nam phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Các thông tin được công bố cho các nhà đầu tư và người sở hữu chứng khoán tại thị trường nước ngoài phải được công bố đồng thời bằng tiếng Việt tại Việt Nam trên các phương tiện thông tin đại chúng và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trong nước nơi tổ chức phát hành có chứng khoán niêm yết.</p>	<p>chứng khoán nước ngoài về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc niêm yết, giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ lưu ký;</p> <p>c) Có quyết định về việc hủy bỏ niêm yết, giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ lưu ký tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.</p> <p>2. Công bố thông tin theo quy định của pháp luật nước ngoài và pháp luật của Việt Nam. Trường hợp có sự khác biệt về công bố thông tin giữa pháp luật nước ngoài và pháp luật Việt Nam phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Các thông tin được công bố cho các nhà đầu tư và người sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ lưu ký tại thị trường nước ngoài phải được công bố đồng thời bằng tiếng Việt tại Việt Nam trên các phương tiện thông tin đại chúng và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trong nước nơi tổ chức phát hành có cổ phiếu niêm yết.</p> <p>3. Trường hợp tổ chức đồng thời niêm yết ở thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài, báo cáo tài chính định kỳ phải được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và nước</p>	

STT	Vấn đề	Nội dung quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung quy định tại dự thảo	Nội dung góp ý
		<p>3. Trường hợp tổ chức đồng thời niêm yết ở thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài, báo cáo tài chính định kỳ phải được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và nước ngoài, kèm theo bản giải trình các điểm khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán.</p> <p>4. Đảm bảo tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam đối với các giao dịch ngoại tệ liên quan đến việc niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.</p>	<p>ngoài, kèm theo bản giải trình các điểm khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán.</p> <p>4. Đảm bảo tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam đối với các giao dịch ngoại tệ liên quan đến việc niêm yết, giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ lưu ký tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.”</p>	
10.	Bảo lãnh/bảo đảm	<p>Điều 293. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này</p> <p>...</p> <p>2. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân,</p>	<p>(Điều 1.61 Dự thảo)</p> <p>61. Sửa đổi, bổ sung Điều 293 như sau:</p> <p>“...</p> <p>2. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay, cho mượn tiền/tài sản hoặc bảo lãnh, bảo đảm các khoản vay cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó</p>	<p>Đề xuất:</p> <p>1. Bỏ cho mượn tiền/tài sản vì quy định này ảnh hưởng đến sự linh hoạt trong việc sử dụng tài sản của doanh nghiệp, vì việc giao dịch các bên có liên quan đã được Luật doanh nghiệp quy định. Mặt khác, nhiều doanh nghiệp mới thành lập, hoặc còn đang thua lỗ trong giai đoạn mới đi vào sản xuất thì rất cần sự hỗ trợ của các công ty trong cùng hệ sinh thái hỗ trợ</p>

STT	Vấn đề	Nội dung quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung quy định tại dự thảo	Nội dung góp ý
		<p>trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p> <p>3. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Công ty đại chúng và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ</p>	<p>là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a, Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;</p> <p>b, Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p> <p>3. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay, <u>cho mượn tiền/tài sản</u> hoặc bảo lãnh, <u>bảo đảm các khoản vay</u> cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức (<u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này</u>), trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a, Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;</p> <p>b, Công ty đại chúng và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>c, Trường hợp pháp luật có quy định khác.</p>	<p>cho mượn tài sản để thế chấp vay vốn, phục vụ sản xuất kinh doanh.</p> <p>2. Làm rõ thuật ngữ "<u>cho mượn tiền</u>" ở đây khác gì so với "<u>cung cấp khoản vay</u>".</p> <p>3. Cần có phương án chuyển tiếp là các quy định bổ sung, sửa đổi tại Điều này sẽ không áp dụng đối với các giao dịch đã thực hiện trước thời điểm Nghị định sửa đổi Nghị định 155 có hiệu lực, các giao dịch được phép thực hiện cho tới hết thời hạn theo thỏa thuận.</p> <p>Lý do:</p> <p>3. Các giao dịch nếu đã thực hiện sẽ liên quan đến các cam kết, nghĩa vụ của các bên, nếu vì sự thay đổi của pháp luật mà doanh nghiệp phải chấm dứt hàng loạt các thỏa thuận, giao dịch đã ký sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến các bên có liên quan tham gia giao dịch.</p>

STT	Vấn đề	Nội dung quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung quy định tại dự thảo	Nội dung góp ý
		<p>đồng hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>c) Trường hợp pháp luật có quy định khác.</p> <p>4. Công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</p> <p>a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động</p>	<p>4. Công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</p> <p>a, Cấp các khoản vay, <u>cho mượn tiền/tài sản</u> hoặc bảo lãnh, <u>bảo đảm các khoản vay</u> cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>Trường hợp cấp các khoản vay, <u>cho mượn tiền/tài sản</u> hoặc bảo lãnh, <u>bảo đảm các khoản vay</u> cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức (<u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này</u>) đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;</p>	

28

STT	Vấn đề	Nội dung quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung quy định tại dự thảo	Nội dung góp ý
		<p>theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty 		

38

STT	Vấn đề	Nội dung quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Nội dung quy định tại dự thảo	Nội dung góp ý
		<p>và những người có liên quan của họ;</p> <p>- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p>		



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Thực hiện quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC), Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC và Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của TTHC trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính báo cáo kết quả đánh giá tác động TTHC tại Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (sau đây gọi tắt là Nghị định 155/2020/NĐ-CP) như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TỔNG QUAN

Ngày 26/11/2019, Quốc hội đã thông qua Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, trong đó Luật Chứng khoán giao Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung để hướng dẫn triển khai thi hành Luật. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành 25 điều, khoản được giao tại Luật Chứng khoán, với 311 Điều và 105 mẫu phụ lục, điều chỉnh các nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán; tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán; tổ chức trung gian trên thị trường; quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng. Trên cơ sở các nội dung được giao quy định chi tiết tại Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã ban hành 19 Thông tư hướng dẫn các nội dung về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Quá trình triển khai thi hành cho thấy hệ thống văn bản pháp lý về chứng khoán và thị trường chứng khoán (TTCK) về cơ bản đã ngày càng tiệm cận với thông lệ chuẩn quốc tế, đáp ứng cơ bản được công tác điều hành, tổ chức, quản lý, giám sát toàn diện các hoạt động trên thị trường, bảo đảm phát triển thị trường chứng khoán an toàn, công khai, minh bạch và bền vững.

Tuy nhiên, qua hơn 03 năm triển khai thi hành, một số quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP cần được sửa đổi, bổ sung vì các lý do sau:

Thứ nhất, một số quy định tại Nghị định cần được điều chỉnh để đáp ứng các yêu cầu từ thực tiễn phát sinh, nhằm bảo vệ tốt hơn nhà đầu tư tham gia TTCK như quy định chặt chẽ hơn điều kiện về chào bán trái phiếu ra công chúng; chào bán, phát hành chứng khoán để hoán đổi cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khác.

Thứ hai, một số quy định tại Nghị định còn có hạn chế, bất cập khi triển khai thực hiện trên thực tiễn như quy trình chào bán chứng khoán lần đầu ra công chúng (IPO) chưa gắn với quá trình niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán (SGDCK) dẫn đến chưa thu hút được các doanh nghiệp thực hiện IPO trên TTCK; một số quy định về hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu, hủy bỏ niêm yết trái phiếu còn chưa phù hợp, chưa có quy định về thay đổi niêm yết trái phiếu; một số quy định còn chưa rõ ràng, có thể gây các cách hiểu không thống nhất trong áp dụng pháp luật như khái niệm cơ cấu lại doanh nghiệp, xác định Báo cáo tài chính là căn cứ áp dụng các điều kiện liên quan đến chào bán, phát hành, niêm yết chứng khoán trong trường hợp doanh nghiệp là công ty mẹ...;

Thứ ba, một số quy định tại Nghị định chưa phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan mới ban hành như quy định về tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên TTCK còn chưa thống nhất với quy định về hạn chế tiếp cận thị trường tại pháp luật đầu tư (Nghị định số 31/2021/NĐ-CP); quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài còn chưa thống nhất với pháp luật các tổ chức tín dụng (Thông tư 34/2024/TT-NHNN).

Thứ tư, một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng khoán hiện nay vẫn đang được quy định tại các Thông tư như thủ tục về chào bán chứng quyền có bảo đảm (Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016), thủ tục về cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015) cần thiết phải đưa lên cấp Nghị định, nhằm tuân thủ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2015.

Thứ năm, liên quan đến việc đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC)

Ngoài ra, ngày 29/11/2024, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Dự trữ quốc gia; Luật Xử lý vi phạm hành chính (có hiệu lực ngày 01/01/2025).

Theo đó, trên cơ sở các vấn đề thực tiễn và để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại các Nghị quyết, Chiến lược của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ và để quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

Chứng khoán (sửa đổi) việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP là cần thiết để hoàn thiện cơ sở pháp lý cho các hoạt động trên TTCK; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp và sự công bằng cho các tổ chức, cá nhân trên TTCK và công khai, minh bạch của quy định pháp luật; đồng thời, đảm bảo tính khả thi, kịp thời, yêu cầu cải cách thủ tục hành chính và hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với TTCK; đảm bảo tính kế thừa các quy định còn phù hợp tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Trong đó, dự thảo Nghị định đã bổ sung mới 01 thủ tục - Thủ tục chào bán chứng quyền có bảo đảm; và sửa đổi, bổ sung 19 thủ tục/nhóm thủ tục hành chính bao gồm:

(1) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán;

(2) Thủ tục Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng;

(3) Nhóm thủ tục hành chính có liên quan do sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến Căn cước/Căn cước công dân, lý lịch tư pháp, bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ mẫu số 06, mẫu số 10, mẫu số 11, mẫu số 15, mẫu số 24, mẫu số 40 mẫu số 64, mẫu số 66, mẫu số 67, mẫu số 68, mẫu số 69, mẫu số 76, mẫu số 79, mẫu số 82, mẫu số 90, mẫu số 91, mẫu số 103 ban hành kèm theo Nghị định;

(4) Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

(5) Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

(6) Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam;

(7) Thủ tục Giải thể quỹ thành viên, quỹ đóng, quỹ mở, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục;

(8) Thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần;

(9) Thủ tục đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của công ty đại chúng;

(10) Thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng;

(11) Thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu có bảo đảm ra công chúng;

(12) Thủ tục đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty sau quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp;

(13) Thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng;

(14) Thủ tục Công ty đại chúng đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp của công ty trách nhiệm hữu hạn;

(15) Thủ tục công ty đại chúng đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng khác;

(16) Thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty của công ty đại chúng;

(17) Thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài của công ty đại chúng;

(18) Thủ tục đăng ký hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài trên cơ sở số cổ phiếu đang lưu hành tại Việt Nam;

(19) Thủ tục đăng ký chào mua công khai;

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI NHỮNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC QUY ĐỊNH CHI TIẾT HOẶC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Đối với những thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới

1.1. Thủ tục chào bán chứng quyền có bảo đảm

a. Về căn cứ pháp lý:

“54. Bổ sung Điều 202a vào sau Điều 202 như sau:

“Điều 202a. Chào bán chứng quyền có bảo đảm

1. Điều kiện chào bán chứng quyền có bảo đảm

a) Tổ chức phát hành là công ty chứng khoán được cấp phép nghiệp vụ tự doanh chứng khoán; có vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng theo báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; không đang trong tình trạng tạm ngừng hoạt động, đình chỉ hoạt động; không đang trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong 06 tháng gần nhất tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ;

b) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua chủ trương chào bán chứng quyền có bảo đảm;

c) Có quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua phương án chào bán và việc niêm yết chứng quyền có bảo đảm;

d) Có báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần; trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán, tổ chức phát hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ;

đ) Có tài sản bảo đảm thanh toán là tiền, chứng chỉ tiền gửi được ký quỹ tại ngân hàng lưu ký với giá trị tài sản bảo đảm ban đầu tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán hoặc được bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký. Ngân hàng lưu ký không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán;

e) Tổ chức phát hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm của đợt chào bán theo quy định tại Điều 8 Nghị định này;

g) Tuân thủ nghĩa vụ thanh toán chứng quyền có bảo đảm, các sản phẩm tài chính khác đối với trường hợp đã từng chào bán chứng quyền có bảo đảm, sản phẩm tài chính khác.

2. Tổ chức phát hành chỉ được thực hiện chào bán bổ sung khi số lượng chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành vượt quá 80% số lượng chứng quyền có bảo đảm đã phát hành và thời gian còn lại của chứng quyền có bảo đảm đến ngày đáo hạn lớn hơn 30 ngày. Chứng quyền có bảo đảm được chào bán bổ sung phải có các nội dung tương ứng của chứng quyền có bảo đảm của đợt chào bán lần đầu và thông tin điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm (nếu có), ngoại trừ số lượng chứng quyền có bảo đảm đăng ký chào bán và giá đăng ký chào bán.

3. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm

a) Giấy đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm theo Mẫu số 76A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Quyết định của chủ sở hữu công ty thông qua chủ trương chào bán chứng quyền có bảo đảm; tổng hạn mức chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán hoặc tỷ lệ giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán so với giá trị vốn khả dụng của công ty; phương án bảo đảm thanh toán và các nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm trong trường hợp tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản;

c) Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty thông qua phương án chào bán và việc niêm yết chứng quyền có bảo đảm, trong đó phương án phát hành phải nêu rõ: loại chứng quyền, kiểu chứng quyền, chứng khoán cơ sở, thời hạn của chứng quyền, giá chào bán hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán, số lượng chứng quyền, giá thực hiện (chỉ số thực hiện) hoặc nguyên tắc xác định giá thực hiện (chỉ số thực hiện). Trường hợp tại phương án phát hành chưa xác định giá chào bán, giá thực hiện (chỉ số thực hiện), Công ty phải xác định giá chào bán, giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại Bản thông báo phát hành theo nguyên tắc đã được Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua;

d) Bản cáo bạch theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Luật Chứng khoán;

đ) Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;

e) Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán chứng quyền có bảo đảm ký với ngân hàng lưu ký hoặc văn bản xác nhận bảo lãnh thanh toán chứng quyền có bảo đảm của ngân hàng lưu ký. Tài liệu này trong hồ sơ ban đầu nộp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể được thay thế bằng Hợp đồng nguyên tắc về việc tiếp nhận tài sản bảo đảm thanh toán chứng quyền có bảo đảm ký với ngân hàng lưu ký hoặc văn bản cam kết bảo lãnh thanh toán chứng quyền có bảo đảm của ngân hàng lưu ký nhưng phải được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

g) Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm của đợt chào bán.

4. Tài liệu quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này được miễn trừ trong trường hợp tài liệu đó đã được gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định về báo cáo và công bố thông tin.

5. Trường hợp tổ chức phát hành đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm, hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm trong các đợt chào bán bổ sung hoặc các đợt chào bán lần đầu khác tiếp theo bao gồm tài liệu quy định tại điểm a, c, d, e, g khoản 3 Điều này và các tài liệu còn lại quy định tại khoản 3 Điều này nếu có nội dung mới hoặc thay đổi.

6. Trình tự, thủ tục đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm được thực hiện như sau:

a) Theo quy định tại khoản 1, 2, 4, 5, 7, 8, 9 Điều 41 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc yêu cầu hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm, tổ chức phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước 04 Bản cáo bạch chính thức để hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm.

c) Tổ chức phát hành thực hiện phân phối chứng quyền có bảo đảm theo quy định tại Điều 26 Luật Chứng khoán, trong đó bảo đảm thời hạn đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm cho nhà đầu tư tối thiểu là 03 ngày và thời hạn này phải được ghi trong Bản thông báo phát hành. Tổ chức phát hành được chuyển số chứng quyền có bảo đảm chưa phân phối hết vào tài khoản tự doanh và được tiếp tục phân phối trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán sau khi niêm yết thông qua hoạt động tạo lập thị trường.

7. Ngân hàng lưu ký do tổ chức phát hành lựa chọn và phải có tối thiểu các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện lưu giữ tài sản bảo đảm thanh toán của tổ chức phát hành; quản lý tách biệt tài sản bảo đảm thanh toán với tài sản khác của tổ chức phát hành và các tài sản khác của ngân hàng lưu ký;

b) Thực hiện phong tỏa tài sản bảo đảm thanh toán đã ký quỹ của tổ chức

phát hành;

c) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tiền liên quan đến hoạt động của tổ chức phát hành theo yêu cầu hợp pháp của tổ chức phát hành, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d) Xác nhận báo cáo do tổ chức phát hành lập có liên quan đến tài sản bảo đảm thanh toán;

đ) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi phát hiện tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm vi phạm pháp luật;

e) Được thu giá dịch vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo quy định pháp luật.

8. Bộ Tài chính hướng dẫn về chứng quyền có bảo đảm; chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm; hạn mức chào bán, giao dịch, thanh toán, thực hiện chứng quyền có bảo đảm; kiểu thực hiện và phương thức thực hiện chứng quyền; điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm; hoạt động tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro, bảo vệ quyền lợi của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm; báo cáo, công bố thông tin và hoạt động khác liên quan đến chứng quyền có bảo đảm. ”.

b. Sự cần thiết bổ sung TTHC:

Các nội dung quy định về điều kiện, hồ sơ của chào bán chứng quyền có bảo đảm hiện đang được quy định tại Thông tư 107/2016/TT-BTC. Theo quy định về Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì các nội dung này cần được quy định tại Nghị định. Do đó, Vụ QLKD đề xuất bổ sung TTHC này tại Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Về cơ bản, hầu hết các quy định về điều kiện và hồ sơ được kế thừa quy định từ Thông tư số 107/2016/TT-BTC, có điều chỉnh các nội dung sau:

– Về điều lệ

+ Thông tư 107 quy định hồ sơ phải có Quyết định của ĐHĐCĐ thông qua Điều lệ, trong đó Điều lệ có quy định về quyền của người sở hữu chứng quyền.

+ Tại Dự thảo bỏ quy định Điều lệ Công ty quy định quyền của người sở hữu chứng quyền do xét về bản chất, người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm của Công ty, tương tự như trái chủ sở hữu trái phiếu có bảo đảm. Việc giải quyết quyền lợi cho NĐT tùy theo quy định của pháp luật và theo điều kiện ghi lại Bản cáo bạch (là thỏa thuận dân sự giữa Công ty và NĐT).

– Các quy trình nghiệp vụ

+ Tại Thông tư 107 quy định hồ sơ chào bán bao gồm các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro.

+ Tại Dự thảo NĐ không quy định các tài liệu này do đây là các quy trình liên quan đến hoạt động của Công ty. Khi công ty thực hiện bất kỳ dịch vụ, hoạt động nào cũng phải ban hành quy trình cho dịch vụ, hoạt động đó. Đây thuộc về hoạt động quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Việc đưa nội dung này vào Hồ sơ chào bán chưa phù hợp và chưa cân đối so với các Hồ sơ khác.

– Về Nghị quyết ĐHĐCĐ

Bỏ quy định về ĐHĐCĐ thông qua Điều lệ, trong đó ghi được quyền chào bán chứng quyền và quyền của người sở hữu chứng quyền

– Các tài liệu quảng cáo và thông tin giới thiệu về sản phẩm mới (nếu có)

Bỏ tài liệu "Các tài liệu quảng cáo và thông tin giới thiệu về sản phẩm mới (nếu có)" do không cần thiết. BCB đã đầy đủ thông tin.

c. Tác động của TTHC:

Thủ tục hành chính này tuy là TTHC mới quy định tại Nghị định nhưng không phải là TTHC mới thực hiện đối với các doanh nghiệp. Việc quy định TTCH tại Nghị định có giảm bớt một số hồ sơ đã góp phần cải cách thủ tục hành chính. Việc giảm bớt thành phần sẽ làm giảm chi phí cho doanh nghiệp để chuẩn bị tài liệu hồ sơ này, xét về tổng thể sẽ làm giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho toàn xã hội.

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục: Việc quy định thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định sẽ không làm phát sinh thêm chi phí cho doanh nghiệp do TTHC này hiện vẫn đang được thực hiện. Ngoài ra, việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của TTHC sẽ làm giảm chi phí tuân thủ TTHC do giảm thành phần hồ sơ như Điều lệ, tài liệu quảng cáo, quy trình nghiệp vụ...

2. Đối với những thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung

2.1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán

a. Về căn cứ pháp lý:

- Sửa đổi khoản 1 Điều 151 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, trong đó bỏ điều kiện được Ngân hàng Nhà nước cấp phép đối với hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán, cụ thể như sau:

"1. Là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán. ~~Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đồng thời đáp ứng quy định về cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng~~".

- Bổ điểm d) khoản 1 Điều 152 Nghị định 155/2020/NĐ-CP (tương ứng với nội dung sửa đổi tại khoản 1 Điều 151) như sau:

“1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán bao gồm:

a) Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo Mẫu số 45 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty về việc thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán;

c) Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán và báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong 12 tháng gần nhất (đối với công ty chứng khoán) hoặc văn bản cam kết về việc đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng trong 12 tháng gần nhất (đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài);

~~*d) Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng quy định về cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng”.*~~

b. Sự cần thiết sửa đổi TTHC:

Bổ sung để phù hợp với pháp luật ngân hàng, cụ thể là: Khoản 2 Điều 13 Thông tư 34/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) quy định:

“2. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán, hoạt động ngân hàng giám sát, hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán khi Giấy phép mà Ngân hàng Nhà nước cấp cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nội dung hoạt động này và ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán như sau:

a) Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán: ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên bù trừ...”

Theo đó, NHNN chỉ cấp phép sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên bù trừ. Trong khi Điều 151, Điều 152 đang quy định UBCKNN cấp phép sau khi NHNN chấp thuận. Do đó, quy định này được sửa đổi theo hướng bỏ 01 thành phần hồ sơ là “Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước” để tránh mâu thuẫn trình tự cấp phép giữa UBCKNN, NHNN.

c. Tác động của TTHC:

Thủ tục hành chính này giúp giảm điều kiện, yêu cầu đối với các tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và giảm bớt thành phần hồ sơ mà các tổ chức này cần phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), đó là “*Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước*”. Việc sửa đổi thủ tục hành chính này là để phù hợp với quy định pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng (khoản 2 Điều 13 Thông tư 34/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước), theo đó, sau khi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên bù trừ thì Ngân hàng Nhà nước mới cấp phép để các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động này. Bên cạnh đó, việc bỏ thành phần hồ sơ là “*Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước*” giúp giảm chi phí phát sinh cho các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong khâu chuẩn bị tài liệu trong bộ hồ sơ nộp cho UBCKNN.

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục: Việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính này sẽ làm giảm chi phí tuân thủ TTHC đối với các hoạt động như: Photo, in ấn, làm việc với Ngân hàng Nhà nước.

2.2. Thủ tục Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng

a. Về căn cứ pháp lý:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2, 3 Điều 142 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP:

“Điều 142. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng

1. Hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 141 Nghị định này bao gồm:

a) Giấy thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo Mẫu số 38 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, hoặc Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, trong đó có nội dung về ngành nghề đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận ngành nghề đăng ký kinh doanh;

c) Trường hợp công ty đại chúng là doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 139 Nghị định này thì bổ sung văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án cổ phần hóa, trong đó có nội dung về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có);

d) Trường hợp công ty đại chúng theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 139 Nghị định này thì bổ sung văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó có nội dung về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có);

2. Hồ sơ thông báo về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng quy định tại khoản 4 Điều 141 Nghị định này bao gồm:

a) Giấy thông báo về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo Mẫu số 39 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Trường hợp công ty đại chúng theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 141 Nghị định này thì bổ sung văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó có nội dung về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có);

d) Trường hợp công ty đại chúng là doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 141 Nghị định này thì bổ sung văn bản của cấp có thẩm quyền, trong đó có nội dung về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có).

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo về việc nhận đầy đủ hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa hoặc thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng đồng thời gửi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch cổ phiếu”.

- Sửa đổi Mẫu số 38, Mẫu số 39 Phụ lục Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

b. Sự cần thiết sửa đổi TTHC:

Trên thực tế, công ty đại chúng thường hiểu phải nộp tất cả các loại giấy tờ bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Do vậy, cần sửa đổi quy định để làm rõ thành phần hồ sơ tại thủ tục hành chính này.

c. Tác động của TTHC:

Khoản 1.b, khoản 2.b Điều 142 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP: Trên thực tế, công ty đại chúng thường hiểu phải nộp tất cả các loại giấy tờ bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Do vậy, việc sửa đổi quy định chỉ cần nộp một trong các loại giấy tờ này trong đó có nội dung ngành nghề kinh doanh giúp công ty đại chúng không bị hiểu lầm và làm rõ hơn về thành phần hồ sơ mà công ty đại chúng cần phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngoài ra, việc sửa đổi khoản 1.d, khoản 2.c Điều 142 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (bỏ thành phần hồ sơ Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thay thế bằng thành phần hồ sơ văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng) không làm phát sinh thêm chi phí cho công ty đại chúng để chuẩn bị tài liệu hồ sơ này.

Mẫu số 38, Mẫu số 39 Phụ lục Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi tương ứng với việc sửa đổi quy định tại Điều 142 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP giúp công ty đại chúng không bị hiểu nhầm, dễ dàng và thuận tiện trong việc điền biểu mẫu.

Thủ tục “Thông báo, thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa” sẽ được thay tên thành Thủ tục “Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa”.

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục: Việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính này sẽ **làm giảm chi phí tuân thủ** thủ tục hành chính đối với các hoạt động như: Photo, in ấn.

2.3. Nhóm thủ tục hành chính có liên quan do sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến Căn cước/Căn cước công dân, lý lịch tư pháp, bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ mẫu số 06, mẫu số 10, mẫu số 11, mẫu số 15, mẫu số 24, mẫu số 40, mẫu số 64, mẫu số 66, mẫu số 67, mẫu số 68, mẫu số 69, mẫu số 76, mẫu số 79, mẫu số 82, mẫu số 90, mẫu số 91, mẫu số 103 ban hành kèm theo Nghị định

a. Về căn cứ pháp lý:

– Khoản điểm d khoản 3 Điều 1 Dự thảo Nghị định (bổ sung khoản 9 Điều 6):

“9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước”.

– Khoản 3 Điều 2:

“3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”

– Khoản 4 Điều 2:

“4. Giấy Chứng minh nhân dân/Số Chứng minh thư nhân dân/Giấy CMND/Số CMND/CMND/CMTND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD” bằng cụm từ “Số định danh cá nhân” tại Mẫu Phụ lục số 06, 10, 11, 15, 24, 40, 41, 64, 66, 68, 71, 76, 79, 82, 86, 87, 90, 103 Nghị định 155/2020/NĐ-CP”

b. Sự cần thiết sửa đổi TTHC:

– Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC năm 2024 Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, Vụ QLKD đề xuất vẫn duy trì các hồ sơ này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử thì không phải nộp các tài liệu trên.

+ Mẫu số 06, Mẫu số 10, Mẫu số 11, Mẫu số 15, Mẫu số 24: Nhằm thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (riêng với chỉ tiêu ngày tháng năm sinh giữ lại theo Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư.

+ Mẫu số 40, mẫu số 64, mẫu số 66, mẫu số 67, mẫu số 68, mẫu số 76, mẫu số 79, mẫu số 82, mẫu số 103: Bổ các chỉ tiêu “giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân” tại mẫu kê khai (đối với công dân Việt Nam) nhằm thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (riêng với chỉ tiêu ngày tháng năm sinh giữ lại theo Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư).

– Mẫu số 69: (i) Bổ sung các nội dung thay đổi khi điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ

nước ngoài tại Việt Nam; (ii) Bổ sung thêm ghi chú về người ký trong trường hợp đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT để phù hợp với thực tế phát sinh và tương tự quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Mẫu số 91: sửa đổi nhằm triển khai Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư (bổ sung chỉ tiêu ngày tháng năm sinh).

c. Tác động của TTHC:

- Sửa đổi thủ tục hành chính này góp phần cải cách thủ tục hành chính, giảm thành phần hồ sơ trong trường hợp có thể kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử. Việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính này sẽ làm giảm chi phí cho doanh nghiệp để chuẩn bị tài liệu hồ sơ này, xét về tổng thể sẽ làm giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho toàn xã hội, góp phần tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

Các TTHC sửa đổi, bổ sung nhóm này bao gồm:

- Thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông công ty đại chúng,
- Thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng,
- Thủ tục công ty đại chúng đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp của công ty trách nhiệm hữu hạn,
- Thủ tục công ty đại chúng đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng khác,
- Thủ tục công ty đại chúng đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ;
- Thủ tục Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán;
- Thủ tục Rút nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán;
- Thủ tục Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thủ tục Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thủ tục Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, vốn cấp cho chi nhánh, giám đốc chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam;

- Thủ tục Gia hạn hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam;

- Thủ tục Thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, giám đốc chi nhánh của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

- Thủ tục Đăng ký phát hành, chào bán cổ phần, tăng vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam;

- Thủ tục Thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

- Thủ tục Bổ sung nghiệp vụ chi nhánh trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

- Thủ tục Rút nghiệp vụ, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

- Thủ tục Chấp thuận tổ chức lại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

- Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

- Thủ tục Cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam;

- Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng;

- Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ thành viên;

- Thủ tục Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ thành viên, quỹ đóng, quỹ mở, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục do thay đổi tên quỹ, công ty quản lý quỹ;

- Thủ tục Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đóng, quỹ mở lần đầu ra công chúng;

- Thủ tục Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ bất động sản lần đầu ra công chúng;

- Thủ tục Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục lần đầu ra công chúng;

- Thủ tục Đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

- Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

- Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ;

- Thủ tục Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán do thay đổi tên công ty, người đại diện theo pháp luật, thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, giám sát, thay đổi thời gian hoạt động, thay đổi trụ sở công ty;

- Thủ tục Đề nghị chấp thuận cho tổ chức nước ngoài được sở hữu trên 49% vốn điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục: Việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính này sẽ làm giảm chi phí tuân thủ TTHC do giảm thành phần hồ sơ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Đối với việc sửa đổi mẫu Phụ lục số 67 và 69 thì chi phí tuân thủ TTHC không thay đổi.

2.4. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán

a. Về căn cứ pháp lý:

– Khoản điểm d khoản 3 Điều 1 Dự thảo Nghị định (bổ sung khoản 9 Điều 6):

“9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước”.

– Khoản 50 Điều 1 Dự thảo Nghị định:

“55. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3, điểm đ khoản 4, khoản 5, khoản 6; bổ sung khoản 5a sau khoản 5 Điều 213 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 213 như sau:

“b) Có chứng chỉ chuyên môn quản lý quỹ và tài sản hoặc chứng chỉ tương đương.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c, đ khoản 4 Điều 213 như sau:

“ c) Phiếu lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời hạn 03 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;

đ) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đó đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài; hoặc các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán hoặc các chứng chỉ tương đương”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 213 như sau:

5. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán quy định tại khoản 4 Điều này đồng thời là Hồ sơ đăng ký dự thi sát hạch. Hồ sơ được nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và không được hoàn lại, kể cả trường hợp không dự thi hoặc không được cấp chứng chỉ.

d) Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 213 như sau:

“5a. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt thi sát hạch, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả thi sát hạch.”.

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 213 như sau:

“6. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (bản giấy hoặc bản điện tử) cho người có kết quả thi sát hạch đạt. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết quả thi sát hạch được thông báo trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và thông báo nộp lệ phí cho người đề nghị. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

Trường hợp kết quả thi sát hạch chưa đạt một phần, thí sinh được phép thi lại phần chưa đạt trong vòng một (01) năm kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo kết quả thi lần đầu. Quá thời hạn nêu trên, thí sinh phải thi lại cả hai phần. Khi đăng ký thi lại phần chưa đạt, người đề nghị nộp hồ sơ đăng ký thi sát hạch và hồ sơ đề nghị cấp theo quy định tại điểm b, c, e khoản 4 Điều này.”

– Khoản 3 Điều 2 Dự thảo:

“3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”

b. Sự cần thiết sửa đổi TTHC:

– Các nội dung về sửa đổi mẫu số 67 và các tài liệu căn cước/căn cước công dân, lý lịch tư pháp tương tự như nội dung tại mục 1.2 nêu trên

– Nội dung sửa đổi quy định nhằm tích hợp hồ sơ thi sát hạch và hồ sơ cấp CCHN:

(i) Thông tư 197 quy định Hồ sơ thi sát hạch và Hồ sơ đề nghị cấp CCHN là 02 hồ sơ tách biệt và được thực hiện độc lập. Hồ sơ thi sát hạch nộp trước, sau

khi đồ thị sinh nộp hồ sơ đề nghị cấp CCHN. Quy định hiện tại có bất cập ở chỗ 02 hồ sơ này có thành phần tương tự nhau (trừ phiếu lý lịch tư pháp, bằng đại học; đối với CCHN QLQ có thêm tài liệu về kinh nghiệm công tác).

(ii) Luật Chứng khoán chỉ giao Chính phủ quy định về “5. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán và việc quản lý, giám sát người hành nghề chứng khoán”; không có quy định giao quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục thi sát hạch.

Do đó, Tại Dự thảo Nghị định quy định theo hướng ghép 02 hồ sơ này vào một, thực hiện theo quy trình nộp hồ sơ 01 lần, sau khi đồ sát hạch là cấp CCHN luôn. Quy định ghép hồ sơ như trên có ưu điểm: Phù hợp điều giao Luật Chứng khoán và cắt giảm thủ tục hành chính;

– Về thời hạn của Phiếu lý lịch tư pháp (điểm c khoản 4 Điều 213)

Thông tư 197 quy định tài liệu là Phiếu lý lịch tư pháp được cấp trong thời hạn 6 tháng tính đến thời điểm nộp Hồ sơ. Tại Dự thảo Nghị định sửa đổi thời hạn này còn 03 tháng bởi Hồ sơ cấp CCHN và Hồ sơ đề nghị thi được tích hợp, đảm bảo thời hạn tương đối đến khi cấp CCHN vẫn tương ứng so với quy định cũ (6 tháng).

– Về chứng chỉ hành nghề hợp pháp tại nước ngoài (điểm đ khoản 4 Điều 213): sửa đổi thêm “hoặc” để tránh cách hiểu chưa đúng là những người có “Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đó đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài” cũng vẫn phải có các chứng chỉ chuyên môn. Dự kiến sửa đổi Thông tư 197 có quy định về chứng chỉ tương đương (CCHN hợp pháp ở nước ngoài tương đương được miễn tất cả các CCCM).

– Về chứng chỉ tương đương với chứng chỉ quản lý quỹ và tài sản: Quy định tại điểm b khoản 1 về cấp CCHN môi giới và điểm b khoản 2 Điều 213 về cấp CCHN phân tích tài chính đã cho phép các cá nhân được nộp chứng chỉ tương đương với các chứng chỉ chuyên môn của Việt Nam. Những quy định này tạo điều kiện cho các cá nhân đã được cấp các chứng chỉ quốc tế như CFA, CIA, ACCA, chứng chỉ hành nghề chứng khoán ở nước ngoài có thể nộp các chứng chỉ đó để thay thế cho các chứng chỉ chuyên môn của Việt Nam.

Do đó, đề xuất bổ sung cụm từ “hoặc chứng chỉ tương đương” tại điểm b khoản 3 Điều 213 (tương tự như quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 213) và sửa đổi khoản 8 tương ứng.

c. Tác động của TTHC:

– Sửa đổi thủ tục hành chính này góp phần cải cách thủ tục hành chính, giảm thành phần hồ sơ trong trường hợp có thể kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử. Việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành

chính này sẽ làm giảm chi phí cho doanh nghiệp để chuẩn bị tài liệu hồ sơ này, xét về tổng thể sẽ làm giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho toàn xã hội.

– Việc tích hợp hồ sơ thi sát hạch và hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán sẽ làm góp phần làm giảm chi phí chuẩn bị hồ sơ, đi nộp hồ sơ nhiều lần. Quy định về các tài liệu tương đương sẽ giúp doanh nghiệp linh hoạt và có nhiều sự lựa chọn tài liệu phù hợp, giảm bớt công sức trong việc đáp ứng yêu cầu về tài liệu.

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục: Việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính này sẽ **làm giảm chi phí** tuân thủ TTHC do giảm thành phần hồ sơ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Đối với việc sửa đổi mẫu Phụ lục số 67 và 69, quy định các tài liệu tương đương thì chi phí tuân thủ TTHC không thay đổi.

2.5. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán

a. Về căn cứ pháp lý:

– Khoản điểm d khoản 3 Điều 1 Dự thảo Nghị định (bổ sung khoản 9 Điều 6):

“9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước”.

– Khoản 51 Điều 1 Dự thảo Nghị định”

“56. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 214:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 214 như sau:

“1. Trường hợp được cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

a) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán hoặc bị hỏng, bị mất. Trường hợp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán, chứng chỉ hành nghề chứng khoán được cấp lại cho các cá nhân đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 213 Nghị định này tương ứng theo loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị cấp lại.”

b) Sửa đổi khoản 2 Điều 214 như sau:

b) Đối với trường hợp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị mất, hỏng hoặc thay đổi thông tin xác nhận nhân thân trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán, hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm: Giấy đề nghị

cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo Mẫu số 85 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Căn cước công dân/căn cước hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng; 02 ảnh 4cm x 6cm chụp trong vòng 06 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ; Chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, trừ trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất chứng chỉ.”

– Khoản 3 Điều 2 Dự thảo:

“3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”

b. Sự cần thiết sửa đổi TTHC:

– Các nội dung về sửa đổi mẫu số 67 và các tài liệu căn cước/căn cước công dân, lý lịch tư pháp tương tự như nội dung tại mục 1.2 nêu trên

– Khoản 2 Điều 46 Luật Căn cước quy định: *“2. Chứng minh nhân dân còn hạn sử dụng đến sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 thì có giá trị sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. Các loại giấy tờ có giá trị pháp lý đã phát hành có sử dụng thông tin từ chứng minh nhân dân, căn cước công dân được giữ nguyên giá trị sử dụng; cơ quan nhà nước không được yêu cầu công dân thay đổi, điều chỉnh thông tin về chứng minh nhân dân, căn cước công dân trong giấy tờ đã cấp”*. Do đó, dự thảo Nghị định điều chỉnh các hồ sơ có quy định yêu cầu tài liệu chứng minh nhân dân của cá nhân.

– Việc cấp lại CCHN hiện đang được quy định tại Điều 214 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Về bản chất, đối với các trường hợp cấp lại CCHN do không hành nghề 03 năm liên tục được quy định như cấp mới (điều kiện, hồ sơ). Tuy nhiên, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP chưa quy định về điều kiện cấp lại. Do đó, việc bổ sung quy định về điều kiện cấp lại là cần thiết.

c. Tác động của TTHC:

Thủ tục hành chính này góp phần cải cách thủ tục hành chính, giảm thành phần hồ sơ trong trường hợp có thể kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử. Việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính này sẽ làm giảm chi phí cho doanh nghiệp để chuẩn bị tài liệu hồ sơ này, xét về tổng thể sẽ làm giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho toàn xã hội.

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục:

– Việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính này sẽ **làm giảm chi phí tuân thủ TTHC** do giảm thành phần hồ sơ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử.

– Đối với việc sửa đổi mẫu Phụ lục số 67 và 69 thì **chi phí tuân thủ TTHC không thay đổi**.

– Quy định rõ về điều kiện cấp lại (để tránh hiểu nhầm cho các cá nhân đề nghị cấp lại CCHN) tuy nhiên không yêu cầu thêm hồ sơ do đó chi phí tuân thủ TTHC cho nội dung này **không thay đổi**.

2.6. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

a. Về căn cứ pháp lý:

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 178 như sau:

“d) Báo cáo tài chính năm gần nhất của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được kiểm toán; trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài là công ty mẹ phải bổ sung báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán (nếu có); và các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 176, các khoản 4, 5, 6 Điều 177 Nghị định này.”

- Bổ sung khoản 9 Điều 6 như sau:

“9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”

- Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

- Thay cụm từ “Giấy Chứng minh nhân dân/Số Chứng minh thư nhân dân/Giấy CMND/Số CMND/CMND/CMTND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD” bằng cụm từ “Số định danh cá nhân” tại Mẫu Phụ lục số 06, 10, 11, 15, 24, 40, 41, 64, 66, 68, 71, 76, 79, 82, 86, 87, 90, 103 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

b. Sự cần thiết sửa đổi TTHC:

TTHC sửa đổi nhằm đơn giản hóa hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam theo hướng không cần thiết phải nộp báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán do theo quy định của một số nước, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài là công ty mẹ không bắt buộc phải lập báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán. Ngoài ra, Điều 78 Luật Chứng khoán quy định điều kiện cấp phép văn phòng đại diện không có điều kiện về tài chính đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài.

TTHC sửa đổi quy định về Lý lịch tư pháp để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC năm 2024 Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi

số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, đề xuất vẫn duy trì tài liệu này và bổ sung quy định trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu lý lịch tư pháp với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

TTHC sửa đổi các mẫu Phụ lục 67, 64, 66 nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (bỏ các chỉ tiêu “giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân” tại mẫu kê khai (đối với công dân Việt Nam).

c. Tác động của TTHC:

- Việc sửa đổi, bổ sung TTHC này có tác động đến hồ sơ của thủ tục, theo đó:

+ Không bắt buộc nộp thành phần hồ sơ: *Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài là công ty mẹ.* Việc sửa đổi này là phù hợp do theo quy định của một số nước, tổ chức nước ngoài là công ty mẹ không bắt buộc phải lập báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán. Ngoài ra, Điều 78 Luật Chứng khoán quy định điều kiện cấp phép văn phòng đại diện không có điều kiện về tài chính đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài.

+ Giảm thành phần hồ sơ: *Lý lịch tư pháp* trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- Việc sửa đổi các mẫu Phụ lục không làm thay đổi điều kiện đối với doanh nghiệp và không thay đổi thành phần hồ sơ.

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục: Việc sửa đổi, bổ sung TTHC này làm giảm chi phí tuân thủ TTHC do không bắt buộc nộp thành phần hồ sơ *Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán* và giảm thành phần hồ sơ *Lý lịch tư pháp* sau khi cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2.7. Thủ tục Giải thể quỹ thành viên, quỹ đóng, quỹ mở, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục

a. Về căn cứ pháp lý:

Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 232 như sau:

“d) Văn bản xác nhận của ngân hàng lưu ký hoặc ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, trong đó nêu rõ chi tiết khoản thanh toán, danh mục tài sản phân phối cho từng nhà đầu tư theo phương án giải thể đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua hoặc xác nhận của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc đã hoàn tất phân bổ, đăng ký chứng

khoán cho nhà đầu tư theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) và nhà đầu tư; xác nhận của tổ chức quản lý số cổ đông, tổ chức phát hành, doanh nghiệp tiếp nhận vốn đầu tư của quỹ về việc đã hoàn tất chuyển quyền sở hữu cổ phiếu, phần vốn góp cho từng nhà đầu tư tham gia vào quỹ theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.”

b. Sự cần thiết sửa đổi TTHC:

TTHC sửa đổi đơn giản hóa hồ sơ giải thể quỹ đầu tư chứng khoán theo hướng giảm thành phần hồ sơ: *xác nhận của các nhà đầu tư về việc đã nhận đủ tiền, tài sản* do việc yêu cầu các nhà đầu tư xác nhận đã nhận đủ tiền và tài sản là khó thực hiện trên thực tế khi pháp luật cho phép số lượng các nhà đầu tư tại quỹ thành viên tối đa là 99 nhà đầu tư, số lượng các nhà đầu tư tại các quỹ đại chúng lớn (có quỹ hơn 1.000 nhà đầu tư). Theo đó, chỉ quy định có văn bản xác nhận của ngân hàng lưu ký hoặc ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ, trong đó nêu rõ chi tiết khoản thanh toán, danh mục tài sản phân phối cho từng nhà đầu tư.

c. Tác động của TTHC: Việc sửa đổi, bổ sung TTHC này có tác động đến hồ sơ của thủ tục, theo đó, giảm thành phần hồ sơ: *xác nhận của các nhà đầu tư về việc đã nhận đủ tiền, tài sản*.

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục: Việc sửa đổi, bổ sung TTHC này **làm giảm chi phí** tuân thủ TTHC do giảm thành phần hồ sơ.

2.8. Thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần

a. Cơ sở pháp lý

– Khoản 5 Điều 1 Dự thảo Nghị định (Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 10 Điều 11):

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 11 như sau:

4. Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất đáp ứng quy định tại Điều 20 Luật Chứng khoán, trong đó:

a) Trường hợp hồ sơ được nộp trong thời gian 60 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, báo cáo tài chính năm của năm trước đó trong hồ sơ ban đầu có thể là báo cáo tài chính chưa có kiểm toán, nhưng phải có báo cáo tài chính được kiểm toán của 02 năm trước liền kề. Trường hợp tổ chức phát hành hoàn thiện hồ sơ sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, tổ chức phát hành phải bổ sung báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán;

b) Trường hợp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng được nộp sau ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên, tổ chức phát hành phải bổ sung báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 11 như sau:

“10. Tài liệu quy định tại các điểm c, đ, e, h và k khoản 1 Điều 18 Luật Chứng khoán”.

b. Sự cần thiết sửa đổi TTHC

– Bổ điểm b khoản này để thống nhất với Dự thảo Luật Chứng khoán sửa đổi (do hồ sơ IPO đã tại LCK sửa đổi đã quy định thành phần hồ sơ gồm Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tính đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập).

– Bổ sung quy định về việc doanh nghiệp phải nộp BCTC bán niên soát xét để phù hợp với khoản 5 Điều 20 Luật Chứng khoán 2019, thống nhất với quy định tại khoản 8 Điều 7 dự thảo Nghị định và quy định về niêm yết chứng khoán tại điểm c khoản 1 Điều 109 Nghị định.

Sửa đổi, bổ sung quy định để phù hợp với Luật Chứng khoán (sửa đổi) (dự kiến bổ sung thành phần hồ sơ chào bán CPRCC tại khoản 1 Điều 18 Luật Chứng khoán gồm “k) Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tính đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập”).

c. Tác động của TTHC

Sửa đổi thủ tục hành chính này để phù hợp với việc sửa đổi Dự thảo Luật chứng khoán sửa đổi.

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục

Việc sửa đổi, bổ sung quy định này tại thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định **không làm phát sinh chi phí** tuân thủ thủ tục hành chính do làm giảm chi phí về việc lập báo cáo về vốn góp của chủ sở hữu được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và tăng phát sinh chi phí về việc lập báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

2.9. Thủ tục đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của công ty đại chúng

a. Cơ sở pháp lý

Khoản 6 Điều 1 Dự thảo Nghị định (Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 12 như sau):

Đối với đợt chào bán để thực hiện dự án, phương án sử dụng vốn phải xác định tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện dự án tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán để thực hiện các dự án (trừ trường hợp chào

bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu); phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện các dự án.

b. Sự cần thiết sửa đổi TTHC

Sửa đổi nội dung này để phù hợp với nội dung tại khoản 5 Điều 1 Luật Chứng khoán (sửa đổi) về việc không quy định tỷ lệ chào bán thành công (70%) đối với trường hợp chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu.

c. Tác động của TTHC

Theo quy định hiện hành, tại điểm d khoản 2 Điều 15 Luật Chứng khoán, đối với đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của công ty đại chúng nhằm mục đích huy động phần vốn để thực hiện dự án, *số cổ phiếu phải được bán cho các nhà đầu tư phải đạt tối thiểu 70% số cổ phiếu được chào bán*. Trường hợp không đáp ứng được điều kiện về huy động đủ phần vốn để thực hiện dự án, UBCKNN hủy bỏ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng theo điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Chứng khoán.

Qua thực tiễn triển khai, phần lớn các đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của công ty đại chúng hiện nay được thực hiện bằng phương thức chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu. Về mặt kỹ thuật, đối với các đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nếu giá phát hành thấp hơn thị giá, vào ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu đối với cổ phiếu đang lưu hành được điều chỉnh giảm tương ứng với giá, tỷ lệ cổ phiếu chào bán. Từ thời điểm ngày giao dịch không hưởng quyền đến khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, các giao dịch trên TTCK đối với cổ phiếu đã hình thành giá dựa trên giá tham chiếu được điều chỉnh. Do đó, trường hợp hủy bỏ đợt chào bán chứng khoán không thể điều chỉnh tăng lại giá của cổ phiếu trên thị trường. Khi đó, việc hủy bỏ đợt chào bán chứng khoán sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, cổ đông doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần; không làm pha loãng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu hiện có của họ tại công ty (nếu các cổ đông đều thực hiện quyền), do đó không cần thiết phải quy định về tỷ lệ chào bán thành công đối với trường hợp này. Vì thế, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15, theo hướng chỉ quy định tỷ lệ chào bán thành công đối với đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để huy động phần vốn để thực hiện dự án (70%) đối với trường hợp chào bán có tính chất pha loãng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của các cổ đông (bán cho nhà đầu tư không phải cổ đông của công ty).

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục

Điều kiện này không ảnh hưởng đến thành phần hồ sơ, chi phí thực hiện TTHC của doanh nghiệp mà góp phần giải quyết các vướng mắc cho doanh nghiệp, tăng tính thành công của đợt chào bán, **giảm thiểu điều kiện thủ tục**

hành chính, trong đó chỉ quy định theo hướng áp dụng điều kiện tỷ lệ chào bán thành công đối với đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để huy động phần vốn để thực hiện dự án (70%) đối với trường hợp chào bán có tính chất pha loãng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của các cổ đông (bán cho nhà đầu tư không phải cổ đông của công ty).

2.10. Thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng

a. Cơ sở pháp lý

Khoản 7 Điều 1 Dự thảo Nghị định (Sửa đổi, bổ sung khoản 2, bổ sung khoản 3, 4, 5, 6 Điều 19 như sau):

2. Tổ chức phát hành hoặc trái phiếu đăng ký chào bán phải được xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành.

3. Có Đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

4. Có hệ số nợ phải trả (bao gồm cả giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) trên vốn chủ sở hữu không quá 3 lần, ngoại trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Giá trị trái phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá không lớn hơn vốn chủ sở hữu.

6. Trái phiếu phát hành của tổ chức tín dụng hoặc trái phiếu được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc và lãi trái phiếu được ngoại trừ điều kiện quy định tại khoản 4, 5 Điều này.

Khoản 7 Điều 1 Dự thảo Nghị định (Sửa đổi, bổ sung khoản 9, khoản 10 Điều 20) như sau:

“9. Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng.

10. Tài liệu quy định tại điểm c khoản 1, điểm d, g, i khoản 3 Điều 18 Luật Chứng khoán và văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán.”.

Khoản 3 Điều 2 Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Mẫu Phụ lục số 07 như sau

Bổ sung điểm 10, sửa đổi điểm 11 Mục I Mẫu số 07 Phụ lục:

10. Thông tin về hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:
.....(lần) (Nợ phải trả bao gồm cả giá trị trái phiếu dự kiến phát hành).

11. Thông tin về xếp hạng tín nhiệm (trường hợp có xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức phát hành):

Bổ sung điểm 20 Mục III Mẫu số 07 Phụ lục:

20. Đại diện người sở hữu trái phiếu:
Sửa đổi điểm 4 Mục V Mẫu số 07:

4. Đại diện người sở hữu trái phiếu:

b. Sự cần thiết sửa đổi TTHC

Quy định tại dự thảo đề chi tiết điểm g khoản 3 Điều 15 Luật Chứng khoán (sửa đổi) về điều kiện chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng: *Đáp ứng quy định của Chính phủ về đại diện người sở hữu trái phiếu, hệ số nợ, giá trị phát hành trên vốn chủ sở hữu và xếp hạng tín nhiệm;*

- Về điều kiện Đại diện người sở hữu trái phiếu: Dự thảo quy định các TPDN phát hành ra công chúng đều có Đại diện người sở hữu TP để làm trung gian liên lạc giữa người sở hữu trái phiếu, tổ chức phát hành và các tổ chức có liên quan khác; giám sát việc tuân thủ các cam kết của tổ chức phát hành trong hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu..., đảm bảo quyền lợi tốt hơn cho trái chủ.

- Về điều kiện XHTN: Theo quy định tại dự thảo, tất cả các trường hợp phát hành TPRCC phải có xếp hạng tín nhiệm về doanh nghiệp hoặc trái phiếu để doanh nghiệp làm quen với văn hóa xếp hạng tín nhiệm, nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động chào bán trái phiếu ra công chúng. Ngoài ra, để tránh xung đột lợi ích, bổ sung quy định tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành.

- Về điều kiện hệ số nợ phải trả không quá 3 lần vốn chủ sở hữu.

Trong hoạt động thông thường, tỷ lệ nợ của doanh nghiệp dao động từ 1 lần đến tối đa 3 lần so với vốn chủ sở hữu. Đối với doanh nghiệp nhà nước cũng phải đảm bảo hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu không vượt quá 3 lần (Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

Do vậy, quy định về hệ số nợ/VCSH nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động của chính doanh nghiệp, hạn chế rủi ro cho công chúng đầu tư tham gia mua TPDN phát hành ra công chúng, thống nhất với pháp luật có liên quan.

- Ngoài ra, Bộ Tài chính đã rà soát các pháp luật chuyên ngành, hiện chưa nhận thấy có quy định về giới hạn tối đa tỷ lệ nợ/VCSH mà chỉ quy định biện pháp quản lý nhà nước khi vượt một mức tỷ lệ nhất định.

Đối với doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, tiêu chí tại khoản 2 Điều 9 Luật Kinh doanh bất động sản, khoản 1 Điều 5 Nghị định 96/2024/NĐ-CP cũng không đồng nhất với dự thảo khi quy định về giới hạn tỷ lệ *đư nợ tín dụng, dư nợ TPDN trên VCSH theo từng dự án*.

Để đảm bảo tính công bằng với các doanh nghiệp tham gia TTCK, dự thảo quy định chung mức tỷ lệ nợ/VCSH là 03 lần.

- Về việc quy định giá trị trái phiếu dự kiến phát hành/VCSH (không quá 01 lần): Để đảm bảo tránh tình trạng doanh nghiệp phát hành khối lượng TPDN quá lớn, gây rủi ro cho an toàn tài chính của chính doanh nghiệp và hạn chế rủi ro cho công chúng đầu tư, tương tự nội dung về chào bán thêm cổ phiếu ra công

chúng, UBCK tiếp tục kiến nghị quy định giá trị trái phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá không lớn hơn vốn chủ sở hữu.

- Đối với các TCTD và trái phiếu được bảo lãnh ngân hàng toàn bộ: Không áp dụng các hạn chế về tỷ lệ nợ/VCSH, giá trị TPDN phát hành do TCTD là tổ chức đặc thù, có chức năng huy động vốn và đã phải đảm bảo an toàn khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật ngân hàng.

- Về kinh nghiệm quốc tế: Hiện nay, Trung Quốc, Đài Loan cũng sử dụng chỉ tiêu Tổng dư nợ trái phiếu DN/VCSH và Tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp/VCSH để làm cơ sở quản lý, giám sát.

- Quy định sửa đổi tại khoản 9 Điều 20 phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước, cụ thể: Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/3/2021 và Quyết định số 649/QĐ-NHNN ngày 15/04/2021 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Ngân hàng nhà nước đã bãi bỏ quy định và thủ tục hành chính về việc NHNN chấp thuận phương án chào bán trái phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng.

- Quy định sửa đổi tại khoản 10 Điều 20 phù hợp với Luật Chứng khoán sửa đổi (khoản 3 Điều 18 Luật Chứng khoán dự kiến bổ sung thành phần hồ sơ chào bán TPRCC gồm “i) Hợp đồng giữa tổ chức phát hành với đại diện người sở hữu trái phiếu”.

- Việc sửa đổi mẫu số 07: để phù hợp quy định tại Luật Chứng khoán sửa đổi về điều kiện liên quan đến Đại diện người sở hữu trái phiếu, XHTN, hệ số nợ, giá trị TP dự kiến spha hành/VCSH

c. Tác động của TTHC

Việc sửa đổi, bổ sung nội dung này giúp nâng cao chất lượng, tính minh bạch trong hoạt động chào bán ra công chúng bảo đảm khả năng thanh toán gốc và lãi trái phiếu khi đến hạn của tổ chức thanh toán, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, tạo điều kiện cho TTCK phát triển, các doanh nghiệp có khả năng huy động nguồn lực dài hạn, chi phí phù hợp để phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục

Mặc dù việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính này **có thể sẽ làm phát sinh chi phí** cho doanh nghiệp, tuy nhiên việc này là cần thiết để nâng cao chất lượng, tính minh bạch trong hoạt động chào bán ra công chúng; việc thay đổi mẫu số 07 chỉ làm rõ thêm thông tin chứ không làm phát sinh chi phí cho doanh nghiệp.

2.11. Thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu có bảo đảm ra công chúng

a. Cơ sở pháp lý

Do khoản 1 Điều 23 dẫn chiếu đến Điều 19 Nghị Định nên việc sửa đổi quy định tại Điều 19 sẽ liên quan cả đến khoản Điều 23 Nghị định 155 về điều kiện chào bán trái phiếu có bảo đảm ra công chúng ;

Do khoản 1 Điều 25 dẫn chiếu đến Điều 20 Nghị định nên việc sửa đổi quy định này sẽ liên quan cả đến khoản 1 Điều 25 Nghị định về Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu có bảo đảm ra công chúng

b. Sự cần thiết sửa đổi TTHC

Quy định tại dự thảo đề chi tiết điểm g khoản 3 Điều 15 Luật Chứng khoán (sửa đổi) về điều kiện chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng: *Đáp ứng quy định của Chính phủ về đại diện người sở hữu trái phiếu, hệ số nợ, giá trị phát hành trên vốn chủ sở hữu và xếp hạng tín nhiệm;*

- Về điều kiện Đại diện người sở hữu trái phiếu: Dự thảo quy định các TPDN phát hành ra công chúng đều có Đại diện người sở hữu TP để làm trung gian liên lạc giữa người sở hữu trái phiếu, tổ chức phát hành và các tổ chức có liên quan khác; giám sát việc tuân thủ các cam kết của tổ chức phát hành trong hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu..., đảm bảo quyền lợi tốt hơn cho trái chủ.

- Về điều kiện XHTN: Theo quy định tại dự thảo, tất cả các trường hợp phát hành TPRCC phải có xếp hạng tín nhiệm về doanh nghiệp hoặc trái phiếu để doanh nghiệp làm quen với văn hóa xếp hạng tín nhiệm, nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động chào bán trái phiếu ra công chúng. Ngoài ra, để tránh xung đột lợi ích, bổ sung quy định tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành.

- Về điều kiện hệ số nợ phải trả không quá 3 lần vốn chủ sở hữu.

Trong hoạt động thông thường, tỷ lệ nợ của doanh nghiệp dao động từ 1 lần đến tối đa 3 lần so với vốn chủ sở hữu. Đối với doanh nghiệp nhà nước cũng phải đảm bảo hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu không vượt quá 3 lần (Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

Do vậy, quy định về hệ số nợ/VCSH nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động của chính doanh nghiệp, hạn chế rủi ro cho công chúng đầu tư tham gia mua TPDN phát hành ra công chúng, thống nhất với pháp luật có liên quan.

- Ngoài ra, Bộ Tài chính đã rà soát các pháp luật chuyên ngành, hiện chưa nhận thấy có quy định về giới hạn tối đa tỷ lệ nợ/VCSH mà chỉ quy định biện pháp quản lý nhà nước khi vượt một mức tỷ lệ nhất định.

Đối với doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, tiêu chí tại khoản 2 Điều 9 Luật Kinh doanh bất động sản, khoản 1 Điều 5 Nghị định 96/2024/NĐ-CP cũng không đồng nhất với dự thảo khi quy định về giới hạn tỷ lệ du nợ tín dụng, du nợ TPDN trên VCSH theo từng dự án.

Để đảm bảo tính công bằng với các doanh nghiệp tham gia TTCK, dự thảo quy định chung mức tỷ lệ nợ/VCSH là 03 lần.

- Về việc quy định giá trị trái phiếu dự kiến phát hành/VCSH (không quá 01 lần): Để đảm bảo tránh tình trạng doanh nghiệp phát hành khối lượng TPDN quá lớn, gây rủi ro cho an toàn tài chính của chính doanh nghiệp và hạn chế rủi ro cho công chúng đầu tư, tương tự nội dung về chào bán thêm cổ phiếu ra công

chúng, UBCK tiếp tục kiến nghị quy định giá trị trái phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá không lớn hơn vốn chủ sở hữu.

- Đối với các TCTD và trái phiếu được bảo lãnh ngân hàng toàn bộ: Không áp dụng các hạn chế về tỷ lệ nợ/VCSH, giá trị TPDN phát hành do TCTD là tổ chức đặc thù, có chức năng huy động vốn và đã phải đảm bảo an toàn khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật ngân hàng.

- Về kinh nghiệm quốc tế: Hiện nay, Trung Quốc, Đài Loan cũng sử dụng chỉ tiêu Tổng dư nợ trái phiếu DN/VCSH và Tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp/VCSH để làm cơ sở quản lý, giám sát.

- Quy định sửa đổi tại khoản 9 Điều 20 phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước, cụ thể: Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/3/2021 và Quyết định số 649/QĐ-NHNN ngày 15/04/2021 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Ngân hàng nhà nước đã bãi bỏ quy định và thủ tục hành chính về việc NHNN chấp thuận phương án chào bán trái phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng.

- Quy định sửa đổi tại khoản 10 Điều 20 phù hợp với Luật Chứng khoán sửa đổi (khoản 3 Điều 18 Luật Chứng khoán dự kiến bổ sung thành phần hồ sơ chào bán TPRCC gồm “i) Hợp đồng giữa tổ chức phát hành với đại diện người sở hữu trái phiếu”.

- Việc sửa đổi mẫu số 07: để phù hợp quy định tại Luật Chứng khoán sửa đổi về điều kiện liên quan đến Đại diện người sở hữu trái phiếu, XHTN, hệ số nợ, giá trị TP dự kiến sphast hành/VCSH

c. Tác động của TTHC

Việc sửa đổi, bổ sung nội dung này giúp nâng cao chất lượng, tính minh bạch trong hoạt động chào bán ra công chúng bảo đảm khả năng thanh toán gốc và lãi trái phiếu khi đến hạn của tổ chức thanh toán, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, tạo điều kiện cho TTCK phát triển, các doanh nghiệp có khả năng huy động nguồn lực dài hạn, chi phí phù hợp để phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục

Mặc dù việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính này có thể sẽ làm phát sinh chi phí cho doanh nghiệp, tuy nhiên việc này là cần thiết để nâng cao chất lượng, tính minh bạch trong hoạt động chào bán ra công chúng; việc thay đổi mẫu số 07 chỉ làm rõ thêm thông tin chứ không làm phát sinh chi phí cho doanh nghiệp.

2.12. Thủ tục đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty sau quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp

a. Cơ sở pháp lý

Khoản 9 Điều 1 Dự thảo Nghị định Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

“Điều 30. Điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp

Điều kiện công ty đại chúng sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng; công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, chào bán trái phiếu ra công chúng bao gồm:

1. Đáp ứng điều kiện về chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng, trong đó căn cứ xác định điều kiện về hoạt động kinh doanh có lãi và không có lỗ lũy kế của công ty theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Đối với trường hợp công ty đại chúng sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng, công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra công chúng, hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán căn cứ trên:

a) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm cơ cấu lại doanh nghiệp: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước năm trước liền kề năm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành;

b) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm liền sau năm cơ cấu lại (đối với trường hợp hợp nhất): báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán năm cuối cùng trước thời điểm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tài chính kỳ kế toán năm đầu tiên sau thời điểm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Chứng khoán; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có). Điều kiện hoạt động kinh doanh có lãi được xác định căn cứ trên tổng lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước kỳ kế toán năm cuối cùng và trên báo cáo tài chính kỳ kế toán năm đầu tiên;

c) Trường hợp công ty đăng ký chào bán từ năm liền sau năm cơ cấu lại trở đi (đối với trường hợp sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, bán tài sản), công ty đăng ký chào bán từ năm thứ hai sau năm cơ cấu lại trở đi (đối với trường hợp hợp nhất): báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo tài chính quý gần nhất (nếu có) của tổ chức phát hành.

3. Đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, hoạt động kinh doanh của 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán căn cứ trên:

a) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm cơ cấu lại doanh nghiệp: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm trước liền kề năm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán

được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có);

b) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm liền sau năm cơ cấu lại: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm liền trước năm cơ cấu lại được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần và báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có);

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có). Điều kiện hoạt động kinh doanh có lãi của năm liền trước năm đăng ký chào bán được xác định căn cứ trên tổng lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước kỳ kế toán năm cuối cùng và trên báo cáo tài chính kỳ kế toán năm đầu tiên.

c) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm thứ hai liền sau năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có).

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính năm liền trước năm chào bán của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có). Điều kiện hoạt động kinh doanh có lãi của năm thứ hai liền trước năm đăng ký chào bán được xác định căn cứ trên tổng lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành.”

Khoản 10 Điều 1 Dự thảo Nghị định bổ sung khoản 1a vào trước khoản 1, bổ sung khoản 5 Điều 31 như sau:

1a. Đối với trường hợp công ty đại chúng sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng, công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra công chúng, hồ sơ đăng ký chào bán chứng

khoản theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

5. Đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của doanh nghiệp sau cơ cấu lại, hồ sơ đăng ký chào bán theo quy định về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, trong đó báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của 02 năm trước liền kề năm đăng ký chào bán được thay bằng các báo cáo sau:

a) Trường hợp công ty chào bán trong năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần;

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất được kiểm toán của các doanh nghiệp tham gia cơ cấu lại và báo cáo tài chính kỳ kế toán năm cuối cùng trước thời điểm cơ cấu lại được kiểm toán của các doanh nghiệp tham gia cơ cấu lại; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

b) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm liền sau năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước năm chào bán của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước của tổ chức phát hành cho năm liền trước năm cơ cấu lại được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần;

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính tính đến thời điểm hợp nhất của các doanh nghiệp tham gia hợp nhất được kiểm toán; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất của công ty hợp nhất được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

c) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm thứ hai liền sau năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước của tổ chức phát hành.

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính tính đến thời điểm hợp nhất được kiểm toán của các công ty bị hợp nhất; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành được kiểm

toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính năm liền trước năm đăng ký chào bán của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

d) Trường hợp công ty đăng ký chào bán từ năm thứ ba liền sau năm cơ cấu lại, hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định tại Điều 11 Nghị định này. ”.

b. Sự cần thiết sửa đổi TTHC

Cơ cấu lại doanh nghiệp là sự kiện có ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp; do đó Nghị định 155 đã bổ sung quy định khi chào bán, phát hành, niêm yết mà phát sinh sự kiện về cơ cấu lại doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước; đảm bảo nhà đầu tư có cơ sở đầy đủ khi đánh giá thông tin về doanh nghiệp, tính ảnh hưởng của sự kiện tái cơ cấu đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện IPO sau khi hoàn thành việc cơ cấu lại thì Nghị định 155 chưa yêu cầu hồ sơ phải có Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

Chính vì thế, dự thảo bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 30 để đảm bảo các doanh nghiệp chào bán lần đầu ra công chúng nếu thực hiện cơ cấu lại trước khi chào bán phải lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước, đảm bảo nhà đầu tư có cơ sở đầy đủ khi đánh giá thông tin về doanh nghiệp, tính ảnh hưởng của sự kiện tái cơ cấu đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động của doanh nghiệp; cũng như có cơ sở để xem xét điều kiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của doanh nghiệp chính xác hơn.

Thành phần hồ sơ tại Điều 31 cũng bổ sung về hồ sơ chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của doanh nghiệp sau cơ cấu lại tương ứng với điều kiện tại khoản 3 Điều 30 dự thảo Nghị định. Theo đó, hồ sơ chào bán phải bao gồm báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng từ năm cơ cấu lại đến năm thứ hai liền sau năm cơ cấu lại.

c. Tác động của TTHC

Việc quy định thêm trường hợp sau quá trình cơ cấu lại thì doanh nghiệp thực hiện IPO phải nộp BCTC theo quy ước giúp các nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu IPO có cái nhìn tổng thể về doanh nghiệp sau cơ cấu.

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục

Mặc dù việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính này có thể sẽ làm phát sinh chi phí cho doanh nghiệp, tuy nhiên việc này là cần thiết để nâng cao chất lượng, tính minh bạch về tình hình tài chính của doanh nghiệp sau cơ cấu.

2.13. Thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng

a. Cơ sở pháp lý

Khoản 11 Điều 1 Dự thảo Nghị định sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 43 Nghị định 155/2020/NĐ-CP như sau:

“2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, trong đó:

a) Phương án phát hành phải nêu rõ: mục đích chào bán; số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán; giá chào bán, hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá chào bán; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư chiến lược; thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư.

Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.

~~Trường hợp trong phương án phát hành không nêu cụ thể giá chào bán, nguyên tắc xác định giá chào bán thì giá chào bán được xác định theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.”~~

b. Sự cần thiết sửa đổi TTHC

Việc sửa đổi quy định tại TTHC này để làm rõ những vấn đề thuộc thẩm quyền thông qua của ĐHĐCĐ và HĐQT. ĐHĐCĐ phải thông qua giá chào bán, Trường hợp không thông qua giá chào bán thì ĐHĐCĐ phải thông qua nguyên tắc giá chào bán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá chào bán.

c. Tác động của TTHC

Việc sửa đổi quy định tại TTHC này nhằm bảo vệ lợi ích các NĐT, tránh lợi dụng chào bán cổ phiếu riêng lẻ với giá ưu đãi không hợp lý cho một số đối tượng.

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục

Việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính này **không làm phát sinh chi phí** cho doanh nghiệp do trước đây tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP vẫn quy định Doanh nghiệp phải có Nghị quyết ĐHĐCĐ phải thông qua phương án chào bán, dự thảo Nghị định chỉ làm rõ những vấn đề thuộc thẩm quyền thông qua của ĐHĐCĐ và HĐQT.

2.14. Thủ tục công ty đại chúng đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn

a. Cơ sở pháp lý

Khoản 12 Điều 1 Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 49 như sau:

“4. Có báo cáo tài chính năm gần nhất của công ty có cổ phần hoặc phần vốn góp được hoán đổi được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Kỳ kế toán của báo cáo tài chính năm gần nhất phải đảm bảo tối thiểu 12 tháng. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần.”

b. Sự cần thiết sửa đổi TTHC

Do trước đây BCTC năm của doanh nghiệp mới thành lập có thể dưới 12 tháng sẽ không phản ánh được hết tình hình tài chính của doanh nghiệp đó do thời gian quá ngắn. Do đó phải bổ sung quy định tại Điều 49 Nghị định 155 để làm rõ kỳ kế toán báo cáo tài chính của các công ty có cổ phần, phần vốn góp được hoán đổi phải đảm bảo tối thiểu 12 tháng.

c. Tác động của TTHC

Việc bổ sung quy định này sẽ hạn chế tình trạng thực hiện việc phát hành cổ phiếu của công ty đại chúng để hoán đổi cổ phần, phần vốn góp của các doanh nghiệp mới thành lập, hạn chế rủi ro cho nhà đầu tư và cổ đông hiện hữu của công ty đại chúng có cổ phần được hoán đổi.

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục

Việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính này **không làm phát sinh chi phí** cho doanh nghiệp do trước đây tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP vẫn quy định Doanh nghiệp phải có báo cáo tài chính năm được kiểm toán, chỉ làm rõ hơn báo cáo tài chính phải tối thiểu 12 tháng.

2.15. Thủ tục công ty đại chúng đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng khác

a. Cơ sở pháp lý

Khoản 12 Điều 1 Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 49 như sau:

“4. Có báo cáo tài chính năm gần nhất của công ty có cổ phần hoặc phần vốn góp được hoán đổi được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Kỳ kế toán của báo cáo tài chính năm gần nhất phải đảm bảo tối thiểu 12 tháng. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần.”.

Việc sửa đổi quy định này sẽ liên quan cả đến khoản 1 Điều 51 Nghị định về Điều kiện Công ty đại chúng phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng khác (Do khoản 1 Điều 51 dẫn chiếu đến Điều 49 của Nghị định)

b. Sự cần thiết sửa đổi TTHC

Do trước đây BCTC năm của doanh nghiệp mới thành lập có thể dưới 12 tháng sẽ không phản ánh được hết tình hình tài chính của doanh nghiệp đó do thời gian quá ngắn. Do đó phải bổ sung quy định tại Điều 49 Nghị định 155 để làm rõ kỳ kế toán báo cáo tài chính của các công ty có cổ phần, phần vốn góp được hoán đổi phải đảm bảo tối thiểu 12 tháng.

c. Tác động của TTHC

Việc bổ sung quy định này sẽ hạn chế tình trạng thực hiện việc phát hành cổ phiếu của công ty đại chúng để hoán đổi cổ phần, phần vốn góp của các doanh nghiệp mới thành lập, hạn chế rủi ro cho nhà đầu tư và cổ đông hiện hữu của công ty đại chúng có cổ phần được hoán đổi.

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục

Việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính này **không làm phát sinh chi phí** cho doanh nghiệp do trước đây tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP vẫn quy định Doanh nghiệp phải có báo cáo tài chính năm được kiểm toán, chỉ làm rõ hơn báo cáo tài chính phải tối thiểu 12 tháng.

2.16. Thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty của công ty đại chúng

a. Cơ sở pháp lý

Khoản 15 Điều 1 sửa đổi khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 64 như sau:

“3. Có tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình được Đại hội đồng cổ đông thông qua; có và danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua.

4. Trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động, nguồn vốn sử dụng để phát hành đủ để tăng vốn cổ phần, cụ thể như sau:

a) Nguồn vốn sử dụng để phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động được căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận bao gồm các nguồn sau: thặng dư vốn cổ phần; quỹ đầu tư phát triển; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; quỹ khen thưởng; quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để thưởng cho người lao động từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ khác, nguồn vốn thực hiện được căn cứ trên báo cáo tài chính của công ty mẹ được kiểm toán;

c) Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để thưởng cho người lao động từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ khác, nguồn vốn thực hiện được căn cứ trên báo cáo tài chính của công ty mẹ được kiểm toán;

d) Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để thưởng cho người lao động từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, lợi nhuận quyết định sử dụng để thưởng cho người lao động không được vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán. Trường hợp lợi nhuận quyết định sử dụng để thưởng cho người lao động thấp hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất và cao hơn mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, công ty chỉ được thực hiện việc phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

8. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, ngoại trừ trường hợp cổ phiếu được mua lại theo quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của công ty.”

Khoản 16 Điều 1 sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 65 như sau:

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động phải nêu rõ: đối tượng, tiêu chuẩn, số lượng cổ phiếu phát hành; giá phát hành, hoặc nguyên tắc xác định giá phát hành và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá phát hành. ; Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành không được tham gia biểu quyết thông qua nội dung này.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện, trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động và phương án bán ngay số cổ phiếu được công ty mua lại. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành không được tham gia biểu quyết thông qua nội dung này.

b. Sự cần thiết sửa đổi TTHC

- Làm rõ những vấn đề thuộc thẩm quyền thông qua của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Để hạn chế việc lợi dụng chính sách ESOP để trục lợi, dự thảo làm rõ việc ĐHĐCĐ quyết định đối tượng, tiêu chuẩn, giá phát hành hoặc nguyên tắc xác định giá phát hành đảm bảo công bằng, minh bạch, khách quan của chính sách ESOP cho người lao động.

- Bổ sung nguồn chia thưởng ESOP gồm “Quỹ khen thưởng”, thống nhất với Điều 63 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp có hướng dẫn hạch toán trong trường hợp công ty cổ phần được phát hành cổ phiếu thưởng từ quỹ khen thưởng để tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Trên thực tế, các công ty đại chúng đã sử dụng quỹ khen thưởng để thưởng cho người lao động thông qua việc phát hành cổ phiếu. Do đó, dự thảo Nghị định bổ sung trường hợp nguồn vốn sử dụng để phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động là quỹ khen thưởng phúc lợi.

- Phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động đã được ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua có quy định trường hợp cổ phiếu được mua lại, thu hồi. Việc mua lại, thu hồi theo phương án phát hành không như là chuyển nhượng thông thường mà chỉ là thu hồi cổ phiếu đã phát hành nên không thuộc bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm.

Việc sửa đổi quy định ngoại trừ thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu phát hành (01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành) đối với trường hợp được mua lại theo quy chế phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động đã được ĐHĐCĐ hoặc Hội đồng quản trị công ty thông qua, thống nhất với quy định tại khoản 7 Điều 37 Luật Chứng khoán (sửa đổi).

- Để hạn chế việc lợi dụng chính sách ESOP để trục lợi, dự thảo bổ sung quy định đối tượng và tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình phải được ĐHĐCĐ thông qua nhằm đảm bảo việc công khai, minh bạch trong

quá trình xác định đối tượng và tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình.

- Khoản 3 sửa đổi để phù hợp với Luật Chứng khoán sửa đổi khoản 6 Điều 36 theo hướng không yêu cầu công ty giảm vốn điều lệ sau khi mua lại cổ phiếu; doanh nghiệp được bán ra cổ phiếu sau khi mua lại (xử lý tương tự trường hợp công ty chứng khoán sửa lỗi hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ)

c. Tác động của TTHC

Sửa đổi thủ tục hành chính này góp phần cải cách thủ tục hành chính, làm rõ những vấn đề thuộc thẩm quyền thông qua của ĐHĐCĐ và HĐQT, hạn chế việc lợi dụng chính sách ESOP để trục lợi và sửa đổi để phù hợp với Luật Chứng khoán sửa đổi khoản 6 Điều 36.

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục

Việc sửa đổi, bổ sung điều kiện và thành phần hồ sơ của TTHC này **không làm tăng thêm chi phí** của TTHC do chỉ làm rõ hơn các nội dung được ĐHĐCĐ và HĐQT.

2.17. Thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài của công ty đại chúng

a. Cơ sở pháp lý

Khoản 3 Điều 2 sửa đổi Phụ lục mẫu số 19

- Bổ sung điểm 10 Mục IV Mẫu số 19 Phụ lục:

“10. Nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu phát hành mới làm cơ sở cho phát hành chứng chỉ lưu ký

10.1. Nhà đầu tư (ghi rõ tên, thông tin nhận diện nhà đầu tư)

+ Số tài khoản lưu ký chứng khoán/Số tài khoản giao dịch chứng khoán

+ Số đăng ký sở hữu/Mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài

+ Thông tin thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở tài khoản

+ Số lượng cổ phiếu cơ sở đăng ký mua:

10.2. Nhà đầu tư (nếu có):...”

b. Sự cần thiết sửa đổi TTHC

Để VSDC có cơ sở theo dõi, giám sát và xử lý yêu cầu chuyển giao cổ phiếu cơ sở.

c. Tác động của TTHC

Giúp bổ sung thông tin về nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu phát hành mới làm cơ sở cho phát hành chứng chỉ lưu ký.

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục

Việc thay đổi mẫu **không làm tăng chi phí** cho TTHC này.

2.18. Thủ tục đăng ký hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài trên cơ sở số cổ phiếu đang lưu hành tại Việt Nam

a. Cơ sở pháp lý

Khoản 3 Điều 2 sửa đổi Phụ lục mẫu số 21

- Bổ sung điểm 6 Mục IV Mẫu số 21 Phụ lục:

“6. Nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu đăng ký hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký

6.1. Nhà đầu tư (ghi rõ tên, thông tin nhận diện nhà đầu tư):

+ Số tài khoản lưu ký chứng khoán/Số tài khoản giao dịch chứng khoán:

+ Số đăng ký sở hữu/Mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài:

+ Thông tin thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở tài khoản:

+ Số lượng cổ phiếu đăng ký hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký:

6.2. Nhà đầu tư khác (nếu có):...”.

b. Sự cần thiết sửa đổi TTHC

Đề VSDC có cơ sở theo dõi, giám sát và xử lý yêu cầu chuyển giao cổ phiếu cơ sở.

c. Tác động của TTHC

Giúp bổ sung thông tin về nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu đăng ký hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký.

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục

Việc thay đổi mẫu **không làm tăng chi phí** cho TTHC này.

2.19. Thủ tục đăng ký chào mua công khai

a. Cơ sở pháp lý

– Khoản 3 Điều 2 sửa đổi Phụ lục mẫu số 23

Mục I. bổ sung nội dung:

Việc chào mua công khai dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo:... (có/không).

– Khoản 4 Điều 2 sửa đổi như sau: 4. Thay cụm từ “Giấy Chứng minh nhân dân/Số Chứng minh thư nhân dân/Giấy CMND/Số CMND/CMND/CMTND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD” bằng cụm từ “Số định danh cá nhân” tại Mẫu Phụ lục số 06, 10, 11, 15, 24, 40, 41, 64, 66, 68, 71, 76, 79, 82, 86, 87, 90, 103 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

b. Sự cần thiết sửa đổi TTHC

– Khoản 3 Điều 2: Trách nhiệm của tổ chức chào mua phải xác định việc chào mua công khai dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo.

– Sửa lại khoản 4 Điều 2: Nhằm thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (riêng với chỉ tiêu ngày tháng năm sinh giữ lại theo Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư

c. Tác động của TTHC

Giúp bổ sung thông tin về nhà đầu tư được biết.

d. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục

Việc thay đổi mẫu **không làm tăng chi phí** cho TTHC này.

(Chi tiết đánh giá các TTHC phát sinh tại dự thảo Luật được báo cáo tại Bản đánh giá tác động của TTHC và Chi phí tuân thủ TTHC kèm theo)

III. LẤY Ý KIẾN

Trên cơ sở ý kiến của Văn phòng Bộ Tài chính tại Công văn số 1951/VP-CCHC ngày 18/12/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã hoàn thiện Bản đánh giá tác động TTHC và các Biểu mẫu đối với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP theo quy định tại Nghị định 63/2010/NĐ-CP, Nghị định 48/2013/NĐCP và Thông tư 03/2022/TT-BTP.

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI
TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

Tên dự án, dự thảo văn bản: Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM LẦN ĐẦU VÀ BỔ SUNG

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	<p>a) Nội dung Nhà nước cần quản lý: Việc chào bán chứng quyền có bảo đảm</p> <p>b) Lý do Nhà nước cần quản lý: quản lý, giám sát hoạt động chào bán chứng quyền có bảo đảm của công ty chứng khoán. Đây là hoạt động chào bán ra công chúng, tiếp cận nhà đầu tư đại chúng do đó cần quản lý, giám sát chặt chẽ.</p>
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	<p>a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Công ty chứng khoán đáp ứng điều kiện và nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định được phép chào bán chứng quyền có bảo đảm</p> <p>b) Lý do Nhà nước cần quy định: để các tổ chức có liên quan nắm được các quy định về điều kiện, thủ tục đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm</p>
3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với	<p>a) Lý do quy định thủ tục hành chính:</p> <p>Các nội dung quy định về điều kiện, hồ sơ của chào bán chứng quyền có bảo đảm hiện đang được quy định tại Thông tư 107/2016/TT-BTC. Theo quy định về Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì các nội dung này cần được quy định tại Nghị định. Do đó, Vụ QLKD đề xuất bổ sung TTHC</p>

<p>điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?</p>	<p>này tại Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Về cơ bản, hầu hết các quy định về điều kiện và hồ sơ được kế thừa quy định từ Thông tư số 107/2016/TT-BTC</p> <p>b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Khoản 49 Điều 1 Dự thảo Nghị định</p>
<p>4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ biện pháp: Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do: Nếu Không, nêu rõ lý do: Biện pháp quy định TTHC đã phù hợp với hiện tại, đảm bảo tính thống nhất trong công tác triển khai</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</p>	
<p>1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: TTHC do Chính phủ ban hành</p>
<p>2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?</p>	<p>- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo</p> <p>- Với văn bản của cơ quan khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo</p>

	<p>- Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Tên bộ phận tạo thành:</p> <p>+ Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng:</p> <p>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo</p>
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Tên TTHC đã bao gồm: cụm từ chi hành động của tổ chức (dăng ký) kết hợp với sự việc mà cơ quan nhà nước muốn quản lý (chào bán chứng quyền có bảo đảm)</p>
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: TTHC quy định cụ thể các bước thực hiện, gồm: (1) tổ chức nộp hồ sơ; (2) UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán</p>
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: TTHC quy định cụ thể nội dung công việc của tổ chức, cơ quan nhà nước khi thực hiện TTHC</p>
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: TTHC chỉ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện.</p>
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định:</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>- Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p>

	Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/> Điện tử <input checked="" type="checkbox"/> b) Nhận kết quả: Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/> Điện tử <input checked="" type="checkbox"/>	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: việc nộp hồ sơ, nhận kết quả đã được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: việc nộp hồ sơ, nhận kết quả đã được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, theo đó quy định các hình thức nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến để tạo thuận lợi cho tổ chức khi thực hiện
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Giấy đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm theo Mẫu số 76A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này	- Nêu rõ lý do quy định: xác định yêu cầu, đề nghị, tư cách pháp nhân của tổ chức đề nghị đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm - Yêu cầu về hình thức: bản gốc Lý do quy định: quy định chung tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, đảm bảo tính pháp lý của thành phần hồ sơ
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Quyết định của chủ sở hữu công ty thông qua chủ trương chào bán chứng quyền có bảo đảm; tổng hạn mức chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán hoặc tỷ lệ giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán so với giá trị vốn khả dụng của công ty; phương án bảo đảm thanh toán và các nghĩa vụ của tổ chức	- Nêu rõ lý do quy định: chứng minh việc đáp ứng điều kiện tại khoản 49 Điều 1 Dự thảo Nghị định (điểm b khoản 1 Điều 202a bổ sung) - Yêu cầu về hình thức: bản sao hợp lệ Lý do quy định: đảm bảo tính pháp lý của thành phần hồ sơ Trường hợp chào bán bổ sung chứng quyền có bảo đảm không phải nộp tài liệu này

phát hành đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm trong trường hợp tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản	
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty thông qua phương án chào bán và việc niêm yết chứng quyền có bảo đảm, trong đó phương án phát hành phải nêu rõ: loại chứng quyền, kiểu chứng quyền, chứng khoán cơ sở, thời hạn của chứng quyền, giá chào bán hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán, số lượng chứng quyền, giá thực hiện (chỉ số thực hiện) hoặc nguyên tắc xác định giá thực hiện (chỉ số thực hiện). Trường hợp tại phương án phát hành chưa xác định giá chào bán, giá thực hiện (chỉ số thực hiện), Công ty phải xác định giá chào bán, giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại Bản thông báo phát hành theo nguyên tắc đã được Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua.	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu rõ lý do quy định: chứng minh việc đáp ứng điều kiện tại khoản 49 Điều 1 Dự thảo Nghị định (điểm c khoản 1 Điều 202a bổ sung) - Yêu cầu về hình thức: bản sao hợp lệ Lý do quy định: đảm bảo tính pháp lý của thành phần hồ sơ
d) Tên thành phần hồ sơ 4: Bản cáo	- Nêu rõ lý do quy định: Cung cấp thông tin chi tiết liên quan đến đợt phát hành chứng

bạch theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Luật Chứng khoán	quyền có bảo đảm cho nhà đầu tư - Yêu cầu về hình thức: bản gốc Lý do quy định: quy định chung tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, đảm bảo tính pháp lý của thành phần hồ sơ
d) Tên thành phần hồ sơ 5: Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.	- Nêu rõ lý do quy định: chứng minh việc đáp ứng điều kiện tại khoản 49 Điều 1 Dự thảo Nghị định (điểm d khoản 1 Điều 202a bổ sung) - Yêu cầu về hình thức: bản gốc/bản sao Lý do quy định: quy định chung tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, đảm bảo tính pháp lý của thành phần hồ sơ Trường hợp chào bán bổ sung chứng quyền có bảo đảm không phải nộp tài liệu này
d) Tên thành phần hồ sơ 6: Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm của đợt chào bán.	- Nêu rõ lý do quy định: chứng minh việc đáp ứng điều kiện tại khoản 49 Điều 1 Dự thảo Nghị định (điểm g khoản 1 Điều 202a bổ sung) - Yêu cầu về hình thức: bản gốc Lý do quy định: quy định chung tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, đảm bảo tính pháp lý của thành phần hồ sơ
e) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ: thành phần hồ sơ tại khoản 2 Điều 202a Dự thảo Nghị định đảm bảo chứng minh việc đáp ứng điều kiện thực hiện TTHC quy định tại khoản 1 Điều 202a Dự thảo Nghị định
g) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ gốc bằng tiếng Việt	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>

	<p>- Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 30 ngày</p> <p>Lý do quy định: phù hợp với khả năng của cơ quan giải quyết TTHC, đảm bảo cải cách hành chính trong giải quyết TTHC; tiết kiệm thời gian cho tổ chức</p>
<p>b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định:</p>
<p>6. Đối tượng thực hiện</p>	
<p>a) Đối tượng thực hiện:</p>	<p>- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ: Công ty chứng khoán đáp ứng điều kiện</p> <p>Lý do quy định: Chưa cho phép cung cấp dịch vụ xuyên biên giới</p> <p>- Cá nhân: Trong nước <input type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ:</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:</p> <p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: mở rộng/thu hẹp đối tượng khi văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung</p>
<p>b) Phạm vi áp dụng:</p>	<p>- Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/></p> <p>- Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/></p> <p>- Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định:</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:</p> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>

	Nêu rõ lý do:
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 15	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đảm bảo quy định cụ thể về cơ quan giải quyết
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Là cơ quan nhà nước giải quyết TTHC theo thẩm quyền quy định tại Luật Chứng khoán, không thực hiện ủy quyền.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu có, nêu rõ lý do: - Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có nêu rõ lý do: - Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: Theo quy định của Bộ Tài chính
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nội dung quy định: Lý do quy định:

9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: Mẫu số 79A ban hành kèm theo dự thảo Nghị định
b) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do quy định: đảm bảo công ty chứng khoán có đủ năng lực để cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho quỹ hoán đổi danh mục mà công ty ký kết hợp đồng
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Tổ chức phát hành là công ty chứng khoán được cấp phép nghiệp vụ tự doanh chứng khoán; có vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng theo báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; không đang trong tình trạng tạm ngừng hoạt động, đình chỉ hoạt động; không đang trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong 06 tháng gần nhất tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	- Lý do quy định: đảm bảo công ty chứng khoán đáp ứng yêu cầu về nghiệp vụ được cấp phép, vốn và tình trạng hoạt động bình thường mới được phép chào bán chứng quyền có đảm bảo ra công chúng - Đề đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
b) Yêu cầu, điều kiện 2: Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở	- Lý do quy định: đảm bảo ĐHĐCĐ của Công ty đã thông qua chủ trương về việc chào bán chứng quyền ra công chúng

<p>hữu công ty thông qua chủ trương chào bán chứng quyền có bảo đảm</p>	<p>- Đề đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>c) Yêu cầu, điều kiện 3: Có quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua phương án chào bán và việc niêm yết chứng quyền có bảo đảm</p>	<p>- Lý do quy định: đảm bảo HDQT của Công ty đã thông qua phương án chào bán chứng quyền có bảo đảm và việc niêm yết chứng quyền. - Đề đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>d) Yêu cầu, điều kiện 4: Có báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần; trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán, tổ chức phát hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ;</p>	<p>- Lý do quy định: Có báo cáo tài chính kiểm toán để đảm bảo năng lực tài chính của tổ chức phát hành - Đề đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>d) Yêu cầu, điều kiện 5: Có tài sản bảo đảm thanh toán là tiền, chứng chỉ tiền gửi được ký quỹ tại ngân hàng lưu ký với giá trị tài sản bảo đảm ban đầu tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến</p>	<p>- Lý do quy định: Có tài sản đảm bảo để đảm bảo khả năng thanh toán của công ty chứng khoán. Yêu cầu ngân hàng lưu ký không phải là người có liên quan để tránh xung đột lợi ích. - Đề đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p>

<p>chào bán hoặc được bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký. Ngân hàng lưu ký không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán</p>	<p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>e) Yêu cầu, điều kiện 6: Tổ chức phát hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm của đợt chào bán theo quy định tại Điều 8 Nghị định này</p>	<p>- Lý do quy định: Đảm bảo tiền mua chứng quyền có bảo đảm của đợt phát hành từ nhà đầu tư được phong tỏa tách bạch trong một tài khoản riêng biệt. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>g) Yêu cầu, điều kiện 7: Tuân thủ nghĩa vụ thanh toán chứng quyền có bảo đảm, các sản phẩm tài chính khác đối với trường hợp đã từng chào bán chứng quyền có bảo đảm, sản phẩm tài chính khác</p>	<p>- Lý do quy định: Đảm bảo công ty chứng khoán đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đối với các đợt phát hành trước đó, đảm bảo an toàn cho nhà đầu tư. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>11. Kết quả thực hiện</p>	
<p>a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?</p>	<p>- Giấy phép <input type="checkbox"/> - Giấy chứng nhận <input checked="" type="checkbox"/> - Giấy đăng ký <input type="checkbox"/> - Chứng chỉ <input type="checkbox"/> - Thẻ <input type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input type="checkbox"/></p>

	- Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy <input checked="" type="checkbox"/> Bản điện tử <input checked="" type="checkbox"/>
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: mẫu hóa theo Quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do:
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do:
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Lê Thị Thu Hiền Điện thoại cố định: 024 3934 0750/1247; Di động: 0932220555 ; E-mail: hienlt@ssc.gov.vn	

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 155/2020/NĐ-CP NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CHỨNG KHOÁN

Tên dự án, dự thảo văn bản: Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ BÙ TRỪ, THANH TOÁN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i></p>	<p>- Sửa đổi khoản 1 Điều 151 (về điều kiện cấp phép) như sau:</p> <p><i>"1. Là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đồng thời đáp ứng quy định về cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng".</i></p> <p>- Bổ 01 thành phần hồ sơ tại điểm d) khoản 1 Điều 152 tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP (tương ứng với nội dung sửa đổi tại khoản 1 Điều 151) như sau:</p> <p><i>"1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán bao gồm:</i></p> <p><i>a) Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo Mẫu số 45 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</i></p> <p><i>b) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty về việc thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán;</i></p> <p><i>c) Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán và báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong 12 tháng gần nhất (đối với công ty chứng khoán) hoặc văn bản cam kết về</i></p>
---	---

	<p>việc đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng trong 12 tháng gần nhất (đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài);</p> <p>d) Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng quy định về cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng”.</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</p> <p>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	
<p>- Bộ 01 thành phần hồ sơ là:</p> <p>d) Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng quy định về cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng</p>	<p>- Lý do quy định: Bổ sung để phù hợp với pháp luật ngân hàng, cụ thể là: Khoản 2 Điều 13 Thông tư 34/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) quy định:</p> <p>“2. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán, hoạt động ngân hàng giám sát, hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán khi Giấy phép ngân hàng nước ngoài đáp ứng mà Ngân hàng Nhà nước cấp cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nội dung hoạt động này và ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán như sau:</p> <p>a) Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán: ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên bù trừ...”</p> <p>Theo đó, NHNN chỉ cấp phép sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên bù trừ. Trong khi Điều 151, Điều 152 đang quy định UBCKNN cấp phép sau khi NHNN chấp thuận. Do đó, quy định này được sửa đổi theo hướng bộ 01 thành phần hồ sơ là “Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước” để tránh mâu thuẫn trình tự cấp phép giữa UBCKNN, NHNN.</p>
<p>2. Yêu cầu, điều kiện</p>	

Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có
Bỏ 01 điều kiện cấp phép, đó là: <i>“Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đồng thời đáp ứng quy định về cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng”.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lý do quy định: Như đã trình bày ở Mục 1. - Đề đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: <ul style="list-style-type: none"> + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Không + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Không + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Không
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Đào Thị Tú Uyên Điện thoại cố định: (84-24) 39340750 (Ext: 1618) ; Di động: 0913868169 E-mail: daotuuyen@ssc.gov.vn	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: THÔNG BÁO TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA, THÔNG BÁO THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA TẠI CÔNG TY ĐẠI CHỨNG

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (<i>Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định</i>)</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2, 3 Điều 142 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP:</p> <p>“Điều 142. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chứng</p> <p>1. Hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chứng quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 141 Nghị định này bao gồm:</p> <p>a) Giấy thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo Mẫu số 38 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, hoặc Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, trong đó có nội dung về ngành nghề đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận ngành nghề đăng ký kinh doanh;</p> <p>c) Trường hợp công ty đại chứng là doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 139 Nghị định này thì bổ sung văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án cổ phần hóa, trong đó có nội dung về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có);</p> <p>d) Trường hợp công ty đại chứng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 139 Nghị định này thì bổ sung văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó có nội dung về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có);</p> <p>2. Hồ sơ thông báo về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chứng quy định tại khoản 4 Điều 141 Nghị định này bao gồm:</p> <p>a) Giấy thông báo về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo Mẫu số 39 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Tài liệu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Trường hợp công ty đại chứng theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 141 Nghị định này thì bổ sung văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó có nội dung về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có);</p> <p>d) Trường hợp công ty đại chứng là doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều</p>
---	--

	<p>141 Nghị định này thì bổ sung văn bản của cấp có thẩm quyền, trong đó có nội dung về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có).</p> <p>3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo về việc nhận đầy đủ hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa hoặc thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng đồng thời gửi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch cổ phiếu”.</p> <p>- Sửa đổi Mẫu số 38, Mẫu số 39 Phụ lục Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i></p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	
<p>- Khoản 1.b, khoản 2.b Điều 142: + Bổ sung thêm “hoặc”. + Bổ sung thêm “tài liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận ngành nghề đăng ký kinh doanh”.</p>	<p>- Lí do quy định: Trên thực tế, công ty đại chúng thường hiểu phải nộp tất cả các loại giấy tờ bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Do vậy, cần sửa đổi quy định để làm rõ thành phần hồ sơ tại thủ tục hành chính này.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Không.</p>
<p>- Khoản 1.d, khoản 2.c, Điều 142: Bỏ thành phần hồ sơ Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thay thế bằng thành phần hồ sơ văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng.</p>	<p>- Lí do quy định: Sửa tương ứng với việc sửa đổi quy định tại khoản 1.e Điều 139 và khoản 4.c Điều 141 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Không.</p>

<p>- Khoản 3: Bổ sung cụm từ “Sở giao dịch Chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch cổ phiếu” .</p>	<p>- Lí do quy định: Bổ sung nơi nhận văn bản thông báo để Sở giao dịch Chứng khoán thực hiện giám sát. - Yêu cầu về hình thức: Không</p>
<p>- Sửa Mẫu số 38, Mẫu số 39 Phụ lục Nghị định số 155/2020/NĐ-CP gồm sửa đổi lại các cột cho rõ tên ngành và mã ngành; bổ sung cột tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và bỏ quy định liên quan việc công ty được quyết định tỷ lệ thấp hơn quy định; bỏ các thành phần hồ sơ được liệt kê tại mẫu.</p>	<p>- Lí do quy định: Để tránh nhầm lẫn và phù hợp với nguyên tắc xây dựng mẫu, biểu. - Yêu cầu về hình thức: Có.</p>
<p>IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ</p>	
<p>Họ và tên người điền: Lê Thu Trang Điện thoại cố định: 024-39340750 - 1628</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 3: BỔ SUNG NGHIỆP VỤ KINH DOANH CHỨNG KHOÁN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i>	– Khoản 3 Điều 2: <i>“3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”</i> – Khoản 4 Điều 2: <i>“4. Thay cụm từ “Giấy Chứng minh nhân dân/Số Chứng minh thư nhân dân/Giấy CMND/Số CMND/CMND/CMTND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD” bằng cụm từ “Số định danh cá nhân” tại Mẫu Phụ lục số 06, 10, 11, 15, 24, 40, 41, 64, 66, 68, 71, 76, 79, 82, 86, 87, 90, 103 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.”</i>
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Mẫu đơn, tờ khai	
- Tên mẫu đơn, tờ khai : <i>Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện</i>	- Lý do quy định: <i>Mẫu phụ lục số 69: (i) Bổ sung các nội dung thay đổi khi điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; (ii) Bổ sung thêm ghi chú về người ký trong trường hợp đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT để phù hợp với thực tế phát sinh và tương tự quy định của Luật Doanh nghiệp.</i> - Yêu cầu về hình thức: Có.
<i>Mẫu số 66. Danh sách nhân sự</i>	<i>Mẫu số 66: Bỏ các chi tiêu “giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân” tại mẫu kê khai (đối với công dân Việt Nam) nhằm thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (riêng với chi tiêu ngày tháng năm sinh giữ lại theo Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý</i>

	dân cư). - Yêu cầu về hình thức: Có.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người diên: Lê Thị Thu Hiền Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1247	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 4: RÚT NGHIỆP VỤ KINH DOANH CHỨNG KHOÁN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i>	– Khoản 3 Điều 2: <i>“3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”</i>
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Thành phần, số lượng hồ sơ	
- Tên mẫu đơn, tờ khai: <i>Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện</i>	- Lí do quy định: Mẫu số 69: (i) Bổ sung các nội dung thay đổi khi điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; (ii) Bổ sung thêm ghi chú về người ký trong trường hợp đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT để phù hợp với thực tế phát sinh và tương tự quy định của Luật Doanh nghiệp. - Yêu cầu về hình thức: Có.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Lê Thị Thu Hiền Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1247	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 5: THAY ĐỔI TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH, VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (<i>Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định</i>)</p>	<p>– Khoản 3 Điều 2: “3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (<i>Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu</i>)</p>	
<p>1. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai : <i>Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện</i></p>	<p>- Lí do quy định: Mẫu phụ lục số 69: (i) Bổ sung các nội dung thay đổi khi điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; (ii) Bổ sung thêm ghi chú về người ký trong trường hợp đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT đề phù hợp với thực tế phát sinh và tương tự quy định của Luật Doanh nghiệp. - Yêu cầu về hình thức: Có.</p>
<p>IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ</p>	
<p>Họ và tên người điền: Lê Thị Thu Hiền Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1247</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 6: THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i></p>	<p>– Điểm d Khoản 3 Điều 1 Dự thảo Nghị định (bổ sung khoản 9 Điều 6): <i>“9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”</i></p> <p>– Khoản 3 Điều 2: <i>“3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”</i></p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i></p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	
<p>- Tên thành phần hồ sơ : <i>Căn cước/Căn cước công dân/Lý lịch tư pháp</i></p>	<p>- Lý do quy định: + Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC năm 2024 Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyên đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn duy trì các hồ sơ này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử thì không phải nộp các tài liệu trên.</p>
<p>2. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai</p>	<p>+ Mẫu Phụ lục số 67: Bỏ các chi tiêu “giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện</p>

<p><i>Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân</i></p>	<p>tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân” tại mẫu kê khai (đối với công dân Việt Nam) nhằm thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (riêng với chỉ tiêu ngày tháng năm sinh giữ lại theo Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư).</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Có.</p>
<p><i>Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện</i></p>	<p>+ Mẫu phụ lục số 69: (i) Bổ sung các nội dung thay đổi khi điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; (ii) Bổ sung thêm ghi chú về người ký trong trường hợp đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT để phù hợp với thực tế phát sinh và tương tự quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Có.</p>
<p>IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ</p>	
<p>Họ và tên người điền: Lê Thị Thu Hiền Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1247</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 7: THAY ĐỔI TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH, VỐN CẤP CHO CHI NHÁNH, GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH, TRƯỞNG VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i></p>	<p>– Điểm d Khoản 3 Điều 1 Dự thảo Nghị định (bổ sung khoản 9 Điều 6): <i>“9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”.</i></p> <p>– Khoản 3 Điều 2: <i>“3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/ND-CP.”</i></p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i></p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	
<p>- Tên thành phần hồ sơ : <i>Căn cước/Căn cước công dân/Lý lịch tư pháp</i></p>	<p>- Lí do quy định: + Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC năm 2024 Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyên đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn duy trì các hồ sơ này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử thì không phải nộp các tài liệu trên.</p>
<p>2. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai</p>	<p>+ Mẫu Phụ lục số 67: Bỏ các chỉ tiêu “giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện</p>

<p><i>Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân</i></p>	<p>tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân” tại mẫu kê khai (đối với công dân Việt Nam) nhằm thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (riêng với chi tiêu ngày tháng năm sinh giữ lại theo Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư).</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Có.</p>
<p><i>Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện</i></p>	<p>+ Mẫu phụ lục số 69: (i) Bổ sung các nội dung thay đổi khi điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; (ii) Bổ sung thêm ghi chú về người ký trong trường hợp đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT để phù hợp với thực tế phát sinh và tương tự quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Có.</p>
<p>IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ</p>	
<p>Họ và tên người điền: Lê Thị Thu Hiền Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1247</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 8: GIA HẠN HOẠT ĐỘNG VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i></p>	<p>– Điểm d Khoản 3 Điều 1 Dự thảo Nghị định (bổ sung khoản 9 Điều 6): <i>“9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước”.</i></p> <p>– Khoản 3 Điều 2: <i>“3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”</i></p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i></p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	
<p>- Tên thành phần hồ sơ : <i>Căn cước/Căn cước công dân/Lý lịch tư pháp</i></p>	<p>- Lí do quy định: + Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC năm 2024 Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyên đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn duy trì các hồ sơ này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử thì không phải nộp các tài liệu trên.</p>
<p>2. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai</p>	<p>+ Mẫu Phụ lục số 67: Bỏ các chi tiêu “giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện</p>

<p><i>Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân</i></p>	<p>tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân” tại mẫu kê khai (đối với công dân Việt Nam) nhằm thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (riêng với chi tiêu ngày tháng năm sinh giữ lại theo Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư).</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Có.</p>
<p><i>Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện</i></p>	<p>+ Mẫu phụ lục số 69: (i) Bổ sung các nội dung thay đổi khi điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; (ii) Bổ sung thêm ghi chú về người ký trong trường hợp đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT để phù hợp với thực tế phát sinh và tương tự quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Có.</p>
<p>IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ</p>	
<p>Họ và tên người điền: Lê Thị Thu Hiền Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1247</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 9: THAY ĐỔI TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH CỦA TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN NƯỚC NGOÀI CÓ CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i></p>	<p>– Khoản 3 Điều 2: “3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i></p>	
<p>1. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai : <i>Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện</i></p>	<p>- Lí do quy định: Mẫu phụ lục số 69: (i) Bổ sung các nội dung thay đổi khi điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; (ii) Bổ sung thêm ghi chú về người ký trong trường hợp đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT để phù hợp với thực tế phát sinh và tương tự quy định của Luật Doanh nghiệp. - Yêu cầu về hình thức: Có.</p>
<p>IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ</p>	
<p>Họ và tên người điền: Lê Thị Thu Hiền Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1247</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 10: ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH, CHÀO BÁN CỔ PHẦN, TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, CHI NHÁNH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i></p>	<p>– Khoản 4 Điều 2: “4. Thay cụm từ “Giấy Chứng minh nhân dân/Số Chứng minh thư nhân dân/Giấy CMND/Số CMND/CMND/CMTND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD” bằng cụm từ “Số định danh cá nhân” tại Mẫu Phụ lục số 06, 10, 11, 15, 24, 40, 41, 64, 66, 68, 71, 76, 79, 82, 86, 87, 90, 103 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.”</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i></p>	
<p>1. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai <i>Mẫu số 68. Danh sách cổ đông/thành viên góp vốn</i></p>	<p>+ Mẫu Phụ lục số 10, 68: Bỏ các chỉ tiêu “giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân” tại mẫu kê khai (đối với công dân Việt Nam) nhằm thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (riêng với chỉ tiêu ngày tháng năm sinh giữ lại theo Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư).</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Có.</p>
<p>IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ</p>	
<p>Họ và tên người điền: Lê Thị Thu Hiền Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1247</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 11: THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TRONG NƯỚC CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (<i>Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định</i>)</p>	<p>– Điểm d Khoản 3 Điều 1 Dự thảo Nghị định (bổ sung khoản 9 Điều 6): <i>“9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước”.</i></p> <p>– Khoản 3 Điều 2: <i>“3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”</i></p> <p>– Khoản 4 Điều 2: <i>“4. Thay cụm từ “Giấy Chứng minh nhân dân/Số Chứng minh thư nhân dân/Giấy CMND/Số CMND/CMND/CMTND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD” bằng cụm từ “Số định danh cá nhân” tại Mẫu Phụ lục số 06, 10, 11, 15, 24, 40, 41, 64, 66, 68, 71, 76, 79, 82, 86, 87, 90, 103 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.”</i></p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (<i>Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu</i>)</p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	
<p>- Tên thành phần hồ sơ : <i>Căn cước/Căn cước công dân/Lý lịch tư pháp</i></p>	<p>- Lí do quy định: + Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC năm 2024 Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn duy trì các hồ sơ này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực</p>

	diện tử thì không phải nộp các tài liệu trên.
2. Mẫu đơn, tờ khai	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai</p> <p><i>Mẫu số 67. Bàn thông tin cá nhân</i></p> <p><i>Mẫu số 66. Danh sách nhân sự</i></p> <p><i>Mẫu số 76. Giấy đề nghị sửa đổi Quyết định thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/phòng giao dịch</i></p>	<p>+ Mẫu Phụ lục số 66, 67, 76: Bỏ các chi tiêu “giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân” tại mẫu kê khai (đối với công dân Việt Nam) nhằm thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (riêng với chi tiêu ngày tháng năm sinh giữ lại theo Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư).</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Có.</p>
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
<p>Họ và tên người điền: Lê Thị Thu Hiền</p> <p>Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1247</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 12: BỔ SUNG NGHIỆP VỤ CHI NHÁNH TRONG NƯỚC CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i></p>	<p>– Điểm d Khoản 3 Điều 1 Dự thảo Nghị định (bổ sung khoản 9 Điều 6): <i>“9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước”.</i></p> <p>– Khoản 3 Điều 2: <i>“3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/ND-CP.”</i></p> <p>– Khoản 4 Điều 2: <i>“4. Thay cụm từ “Giấy Chứng minh nhân dân/Số Chứng minh thư nhân dân/Giấy CMND/Số CMND/CMND/CMTND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD” bằng cụm từ “Số định danh cá nhân” tại Mẫu Phụ lục số 06, 10, 11, 15, 24, 40, 41, 64, 66, 68, 71, 76, 79, 82, 86, 87, 90, 103 Nghị định 155/2020/ND-CP.”</i></p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i></p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	
<p>- Tên thành phần hồ sơ : <i>Căn cước/Căn cước công dân/Lý lịch tư pháp</i></p>	<p>- Lí do quy định: + Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC năm 2024 Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn duy trì các hồ sơ này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực</p>

	điện tử thì không phải nộp các tài liệu trên.
2. Mẫu đơn, tờ khai	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai</p> <p><i>Mẫu số 66. Danh sách nhân sự</i></p> <p><i>Mẫu số 76. Giấy đề nghị sửa đổi Quyết định thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/phòng giao dịch</i></p>	<p>+ Mẫu Phụ lục số 66, 76, 76: Bỏ các chi tiêu “giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân” tại mẫu kê khai (đối với công dân Việt Nam) nhằm thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (riêng với chi tiêu ngày tháng năm sinh giữ lại theo Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư).</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Có.</p>
<p>Họ và tên người điền: Lê Thị Thu Hiền</p> <p>Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1247</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 13: RÚT NGHIỆP VỤ, ĐÓNG CỬA CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TRONG NƯỚC CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i></p>	<p>– Khoản 4 Điều 2: "4. Thay cụm từ "Giấy Chứng minh nhân dân/Số Chứng minh thư nhân dân/Giấy CMND/Số CMND/CMND/CMTND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD" bằng cụm từ "Số định danh cá nhân" tại Mẫu Phụ lục số 06, 10, 11, 15, 24, 40, 41, 64, 66, 68, 71, 76, 79, 82, 86, 87, 90, 103 Nghị định 155/2020/NĐ-CP."</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i></p>	
<p>1. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai <i>Mẫu số 76. Giấy đề nghị sửa đổi Quyết định thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/phòng giao dịch</i></p>	<p>+ Mẫu Phụ lục số 76: Bỏ các chi tiêu "giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân" tại mẫu kê khai (đối với công dân Việt Nam) nhằm thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (riêng với chi tiêu ngày tháng năm sinh giữ lại theo Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư).</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Có.</p>
<p>Họ và tên người điền: Lê Thị Thu Hiền Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1247</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 14: CHẤP THUẬN TỒ CHỨC LẠI CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ</p> <p><i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i></p>	<p>– Điểm d Khoản 3 Điều 1 Dự thảo Nghị định (bổ sung khoản 9 Điều 6):</p> <p><i>“9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước”.</i></p> <p>– Khoản 3 Điều 2:</p> <p><i>“3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”</i></p> <p>– Khoản 4 Điều 2:</p> <p><i>“4. Thay cụm từ “Giấy Chứng minh nhân dân/Số Chứng minh thư nhân dân/Giấy CMND/Số CMND/CMND/CMTND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD” bằng cụm từ “Số định danh cá nhân” tại Mẫu Phụ lục số 06, 10, 11, 15, 24, 40, 41, 64, 66, 68, 71, 76, 79, 82, 86, 87, 90, 103 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.”</i></p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</p> <p><i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i></p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	
<p>- Tên thành phần hồ sơ :</p> <p><i>Căn cước/Căn cước công dân/Lý lịch tư pháp</i></p>	<p>- Lí do quy định:</p> <p>+ Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC năm 2024 Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn duy trì các hồ sơ</p>

	này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử thì không phải nộp các tài liệu trên.
2. Mẫu đơn, tờ khai	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai</p> <p><i>Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân</i></p> <p><i>Mẫu số 66. Danh sách nhân sự</i></p> <p><i>Mẫu số 68. Danh sách cổ đông/thành viên góp vốn</i></p> <p><i>Mẫu số 79. Giấy đề nghị chấp thuận tổ chức lại</i></p> <p><i>Mẫu số 82. Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán</i></p>	<p>+ Mẫu Phụ lục số 66, 67, 68, 79, 82: Bổ các chi tiêu “giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân” tại mẫu kê khai (đối với công dân Việt Nam) nhằm thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (riêng với chi tiêu ngày tháng năm sinh giữ lại theo Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư).</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Có.</p>
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Lê Thị Thu Hiền	
Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1247	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 15: CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</p>	<p>1. Điểm d khoản 3 Điều 1 Nghị định sửa đổi, bổ sung: d) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 6 như sau: "9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước."</p> <p>2. Khoản 3 Điều 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung: "3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP."</p> <p>3. Khoản 4 Điều 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung: "4. Thay cụm từ "Giấy Chứng minh nhân dân/Số Chứng minh thư nhân dân/Giấy CMND/Số CMND/CMND/CMTND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD" bằng cụm từ "Số định danh cá nhân" tại Mẫu Phụ lục số 06, 10, 11, 15, 24, 40, 41, 64, 66, 68, 71, 76, 79, 82, 86, 87, 90, 103 Nghị định 155/2020/NĐ-CP."</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	
<p>- Tên thành phần hồ sơ: Lý lịch tư pháp được cấp không quá 06 tháng tính tới ngày nộp hồ sơ của của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), cố đồng sáng lập, thành viên góp vốn là cá nhân góp trên 5% vốn điều lệ</p>	<p>- Lý do quy định: Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC ngày 27/02/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn duy trì thành phần hồ sơ này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử thì không phải nộp các tài liệu trên. - Yêu cầu về hình thức: bản gốc/bản sao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
<p>2. Mẫu đơn, tờ khai</p>	

<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Mẫu số 67 (Bản thông tin cá nhân) của của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông sáng lập, thành viên góp vốn là cá nhân góp trên 5% vốn điều lệ, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức</p>	<p>- Lý do quy định: Thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính và Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, theo đó bỏ các chi tiêu: giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân tại mẫu tờ khai (đối với công dân Việt Nam); giữ lại chi tiêu “ngày tháng năm sinh”.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: công chứng chứng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn</p>
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai 2: Mẫu số 64 (Giấy đề nghị)</p>	<p>- Lý do quy định: Thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ, theo đó, thay cụm từ “Giấy chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân/CMND/CCCD” bằng cụm từ “Số định danh cá nhân” tại mẫu tờ khai.</p>
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai 3: Mẫu số 66 (Danh sách nhân sự)</p>	<p>- Yêu cầu về hình thức: bản gốc/bản sao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/ND-CP.</p>
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai 4: Mẫu số 68 (Danh sách cổ đông, thành viên góp vốn)</p>	
<p>IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ</p>	
<p>Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Hương Chi Điện thoại cố định: 024-39340750 - 1927</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 16: CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i></p>	<p>1. Điều d khoản 3 Điều 1 Nghị định sửa đổi, bổ sung: <i>d) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 6 như sau:</i> "9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước."</p> <p>2. Khoản 3 Điều 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung: "3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP."</p> <p>3. Khoản 4 Điều 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung: "4. Thay cụm từ "Giấy Chứng minh nhân dân/Số Chứng minh thư nhân dân/Giấy CMND/Số CMND/CMND/CMTND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD" bằng cụm từ "Số định danh cá nhân" tại Mẫu Phụ lục số 06, 10, 11, 15, 24, 40, 41, 64, 66, 68, 71, 76, 79, 82, 86, 87, 90, 103 Nghị định 155/2020/NĐ-CP."</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i></p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	
<p>- Tên thành phần hồ sơ: <i>Lý lịch tư pháp của Giám đốc chi nhánh được cấp không quá 06 tháng tính tới ngày nộp hồ sơ</i></p>	<p>- Lý do quy định: Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC ngày 27/02/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyên đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn duy trì thành phần hồ sơ này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử thì không phải nộp các tài liệu trên. - Yêu cầu về hình thức: bản gốc/bản sao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
<p>2. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai 1: <i>Mẫu số 67 (Bản</i></p>	<p>- Lý do quy định: Thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục</p>

<p><i>thông tin cá nhân) của Giám đốc chi nhánh</i></p>	<p>hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính và Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, theo đó bỏ các chỉ tiêu: giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân tại mẫu tờ khai (đối với công dân Việt Nam); giữ lại chỉ tiêu ngày tháng năm sinh</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: công chứng chứng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn</p>
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai 2: Mẫu số 64 (Giấy đề nghị)</p>	<p>- Lý do quy định: Thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ, theo đó, thay cụm từ “Giấy chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân/CMND/CCCD” bằng cụm từ “Số định danh cá nhân” tại mẫu tờ khai.</p>
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai 3: Mẫu số 66 (Danh sách nhân sự)</p>	<p>- Yêu cầu về hình thức: bản gốc/bản sao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
<p>IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ</p>	
<p>Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Hương Chi Điện thoại cố định: 024-39340750 - 1927</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 17: CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẠI CHỨNG

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</p>	<p>1. Khoản 3 Điều 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung: "3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP."</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</p>	
<p>1. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai: Mẫu số 90 (Thuyết minh cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự phục vụ hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ)</p>	<p>- Lý do quy định: Thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính và Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, theo đó bỏ các chỉ tiêu: giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân tại mẫu tờ khai (đối với công dân Việt Nam) - Yêu cầu về hình thức: bản gốc/bản sao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai: Mẫu số 91 (Bản thông tin cá nhân) của nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ</p>	<p>- Lý do quy định: Thực hiện Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, theo đó bổ sung trường thông tin "ngày tháng năm sinh" - Yêu cầu về hình thức: chứng thực chữ ký người khai</p>
<p>Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Hương Chi Điện thoại cố định: 024-39340750 - 1927</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 18: CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP QUỸ THÀNH VIÊN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i>	1. Khoản 3 Điều 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung: "3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP."
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Mẫu đơn, tờ khai	
- Tên mẫu đơn, tờ khai: <i>Mẫu số 91 (Bản thông tin cá nhân) của người điều hành quỹ</i>	- Lý do quy định: Thực hiện Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, theo đó bổ sung trường thông tin "ngày tháng năm sinh" - Yêu cầu về hình thức: chứng thực chữ ký người khai
Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Hương Chi Điện thoại cố định: 024-39340750 - 1927	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 19: ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP QUỸ THÀNH VIÊN, QUỸ ĐÓNG, QUỸ MỞ, QUỸ ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN, QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC DO THAY ĐỔI TÊN QUỸ, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</p>	<p>1. Khoản 3 Điều 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung: "3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP."</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</p>	
<p>1. Mẫu đơn, tờ khai</p> <p>- Tên mẫu đơn, tờ khai: Mẫu số 91 (Bản thông tin cá nhân) của người điều hành quỹ của công ty quản lý thay thế trong trường hợp thay đổi công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán</p>	<p>- Lý do quy định: Thực hiện Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, theo đó bổ sung trường thông tin "ngày tháng năm sinh" - Yêu cầu về hình thức: chứng thực chữ ký người khai</p>
<p>Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Hương Chi Điện thoại cố định: 024-39340750 - 1927</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 20: ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG, QUỸ MỞ LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i>	<p>1. Điểm d khoản 3 Điều 1 Nghị định sửa đổi, bổ sung: <i>d) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 6 như sau:</i> <i>“9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”</i></p> <p>2. Khoản 65 Điều 1 Nghị định sửa đổi, bổ sung: <i>“65. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 19, 21, 28, 33, 37, 38, 39, 64, 66, 67, 68, 69, 76, 82, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, sửa đổi Mẫu Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 158/2020/NĐ-CP.”</i></p>
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Thành phần, số lượng hồ sơ	
- Tên thành phần hồ sơ: <i>Lý lịch tư pháp của thành viên ban đại diện quỹ</i>	<p>- Lý do quy định: Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC ngày 27/02/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyên đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn duy trì thành phần hồ sơ này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử thì không phải nộp các tài liệu trên. - Yêu cầu về hình thức: bản gốc/bản sao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
2. Mẫu đơn, tờ khai	
- Tên mẫu đơn, tờ khai: <i>Mẫu số 91 (Bản thông tin cá nhân) của người điều hành quỹ</i>	<p>- Lý do quy định: Thực hiện Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, theo đó bổ sung trường thông tin “ngày tháng năm sinh” - Yêu cầu về hình thức: chứng thực chữ ký người khai</p>

Họ và tên người diễn: Nguyễn Thị Hương Chi
Điện thoại cố định: 024-39340750 - 1927

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 21: ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ BẤT ĐỘNG SẢN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i>	<p>1. Điểm d khoản 3 Điều 1 Nghị định sửa đổi, bổ sung: <i>d) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 6 như sau:</i> <i>“9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước”.</i></p> <p>2. Khoản 3 Điều 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung: <i>“3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”</i></p>
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Thành phần, số lượng hồ sơ	
- Tên thành phần hồ sơ: <i>Lý lịch tư pháp của thành viên ban đại diện quỹ</i>	<p>- Lý do quy định: Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC ngày 27/02/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn duy trì thành phần hồ sơ này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử thì không phải nộp các tài liệu trên. - Yêu cầu về hình thức: bản gốc/bản sao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
2. Mẫu đơn, tờ khai	
- Tên mẫu đơn, tờ khai: <i>Mẫu số 91 (Bản thông tin cá nhân) của người điều hành quỹ, của nhân viên nghiệp vụ</i>	<p>- Lý do quy định: Thực hiện Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, theo đó bổ sung trường thông tin “ngày tháng năm sinh” - Yêu cầu về hình thức: chứng thực chữ ký người khai</p>
- Tên mẫu đơn, tờ khai: <i>Mẫu số 103 (Danh</i>	<p>- Lý do quy định: Thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục</p>

<i>sách nhà đầu tư góp vốn bằng bất động sản)</i>	hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính và Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, theo đó bỏ các chỉ tiêu: giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân tại mẫu tờ khai (đối với công dân Việt Nam) - Yêu cầu về hình thức: bản gốc/bản sao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Hương Chi Điện thoại cố định: 024-39340750 - 1927	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 22: ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i>	<p>1. Điểm d khoản 3 Điều 1 Nghị định sửa đổi, bổ sung: <i>d) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 6 như sau:</i> <i>“9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”</i></p> <p>2. Khoản 3 Điều 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung: <i>“3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”</i></p>
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Thành phần, số lượng hồ sơ	
- Tên thành phần hồ sơ: <i>Lý lịch tư pháp của thành viên ban đại diện quỹ</i>	<p>- Lý do quy định: Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC ngày 27/02/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn duy trì thành phần hồ sơ này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử thì không phải nộp các tài liệu trên. - Yêu cầu về hình thức: bản gốc/bản sao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
2. Mẫu đơn, tờ khai	
- Tên mẫu đơn, tờ khai: <i>Mẫu số 91 (Bản thông tin cá nhân) của người điều hành quỹ</i>	<p>- Lý do quy định: Thực hiện Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, theo đó bổ sung trường thông tin “ngày tháng năm sinh” - Yêu cầu về hình thức: chứng thực chữ ký người khai</p>
Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Hương Chi Điện thoại cố định: 024-39340750 - 1927	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 23: ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN ĐẠI CHỨNG

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</p>	<p>1. Điểm d khoản 3 Điều 1 Nghị định sửa đổi, bổ sung: d) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 6 như sau: "9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước."</p> <p>2. Khoản 3 Điều 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung: "3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP."</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	
<p>- Tên thành phần hồ sơ: Lý lịch tư pháp của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ</p>	<p>- Lý do quy định: Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC ngày 27/02/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn duy trì thành phần hồ sơ này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử thì không phải nộp các tài liệu trên. - Yêu cầu về hình thức: bản gốc/bản sao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
<p>2. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai: Mẫu số 91 (Bản thông tin cá nhân) của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc)</p>	<p>- Lý do quy định: Thực hiện Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, theo đó bổ sung trường thông tin "ngày tháng năm sinh" - Yêu cầu về hình thức: chứng thực chữ ký người khai</p>
<p>Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Hương Chi</p>	

Điện thoại cố định: 024-39340750 - 1927

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 24: CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN ĐẠI CHỨNG

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i>	1. Điều d khoản 3 Điều 1 Nghị định sửa đổi, bổ sung: <i>d) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 6 như sau:</i> <i>“9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”.</i>
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Thành phần, số lượng hồ sơ	
- Tên thành phần hồ sơ: <i>Lý lịch tư pháp của các thành viên Hội đồng quản trị</i>	- Lý do quy định: Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC ngày 27/02/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyên đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn duy trì thành phần hồ sơ này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử thì không phải nộp các tài liệu trên. - Yêu cầu về hình thức: bản gốc/bản sao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Hương Chi Điện thoại cố định: 024-39340750 - 1927	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 25: CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN RIÊNG LÊ

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i>	1. Điểm d khoản 3 Điều 1 Nghị định sửa đổi, bổ sung: <i>d) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 6 như sau:</i> <i>“9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”</i> 2. Khoản 3 Điều 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung: <i>“3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/ND-CP.”</i>
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Thành phần, số lượng hồ sơ	
- Tên thành phần hồ sơ: <i>Lý lịch tư pháp của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ</i>	- Lý do quy định: Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC ngày 27/02/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn duy trì thành phần hồ sơ này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử thì không phải nộp các tài liệu trên. - Yêu cầu về hình thức: bản gốc/bản sao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
2. Mẫu đơn, tờ khai	
- Tên mẫu đơn, tờ khai: <i>Mẫu số 91 (Bản thông tin cá nhân) của cổ đông, nhân sự dự kiến</i>	- Lý do quy định: Thực hiện Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, theo đó bổ sung trường thông tin “ngày tháng năm sinh” - Yêu cầu về hình thức: chứng thực chữ ký người khai
Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Hương Chi	

Điện thoại cố định: 024-39340750 - 1927

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 26: ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN DO THAY ĐỔI TÊN CÔNG TY, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, THAY ĐỔI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGÂN HÀNG LƯU KÝ, GIÁM SÁT, THAY ĐỔI THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG, THAY ĐỔI TRỤ SỞ CÔNG TY

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</p>	<p>1. Điểm d khoản 3 Điều 1 Nghị định sửa đổi, bổ sung: d) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 6 như sau: “9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”</p> <p>2. Khoản 3 Điều 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung: “3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	
<p>- Tên thành phần hồ sơ 1: Lý lịch tư pháp được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ của người đại diện theo pháp luật mới</p>	<p>- Lý do quy định: Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC ngày 27/02/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn duy trì thành phần hồ sơ này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử thì không phải nộp các tài liệu trên. - Yêu cầu về hình thức: bản gốc/bản sao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
<p>2. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai: Mẫu số 91 (Bản thông tin cá nhân) của người đại diện theo pháp luật mới</p>	<p>- Lý do quy định: Thực hiện Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, theo đó bổ sung trường thông tin “ngày tháng năm sinh” - Yêu cầu về hình thức: chứng thực chữ ký người khai</p>

Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Hương Chi
Điện thoại cố định: 024-39340750 - 1927

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 27: CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)

– Điểm d Khoản 3 Điều 1 Dự thảo Nghị định (bổ sung khoản 9 Điều 6):

“9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước”.

– Khoản 50 Điều 1 Dự thảo Nghị định:

“55. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3, điểm đ khoản 4, khoản 5, khoản 6; bổ sung khoản 5a sau khoản 5 Điều 213 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 213 như sau:

“b) Có chứng chỉ chuyên môn quản lý quỹ và tài sản hoặc chứng chỉ tương đương.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c, đ khoản 4 Điều 213 như sau:

“ c) Phiếu lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời hạn 03 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;

đ) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đó đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài; hoặc các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán hoặc các chứng chỉ tương đương”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 213 như sau:

5. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán quy định tại khoản 4 Điều này đồng thời là Hồ sơ đăng ký dự thi sát hạch. Hồ sơ được nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và không được hoàn lại, kể cả trường hợp không dự thi hoặc không được cấp chứng chỉ.

	<p>d) Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 213 như sau: <u>“5a. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt thi sát hạch, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả thi sát hạch.”.</u></p> <p>e) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 213 như sau: <u>“6. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (bản giấy hoặc bản điện tử) cho người có kết quả thi sát hạch đạt. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết quả thi sát hạch được thông báo trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và thông báo nộp lệ phí cho người đề nghị. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”</u></p> <p>Trường hợp <u>kết quả thi sát hạch</u> chưa đạt một phần, thí sinh được phép thi lại phần chưa đạt trong vòng một (01) năm kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo kết quả thi lần đầu. Quá thời hạn nêu trên, thí sinh phải thi lại cả hai phần. <u>Khi đăng ký thi lại phần chưa đạt, người đề nghị nộp hồ sơ đăng ký thi sát hạch và hồ sơ đề nghị cấp theo quy định tại điểm b, c, e khoản 4 Điều này.”</u></p> <p>– Khoản 3 Điều 2: <u>“3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”</u></p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i></p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	
<p>- Tên thành phần hồ sơ : <i>Căn cước/Căn cước công dân/Lý lịch tư pháp</i></p>	<p>- Lý do quy định: + Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC năm 2024 Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp</p>

	<p>sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn duy trì các hồ sơ này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử thì không phải nộp các tài liệu trên.</p> <p>+ Về thời hạn của Phiếu lý lịch tư pháp (điểm c khoản 4 Điều 213)</p> <p>Thông tư 197 quy định tài liệu là Phiếu lý lịch tư pháp được cấp trong thời hạn 6 tháng tính đến thời điểm nộp Hồ sơ. Tại Dự thảo Nghị định sửa đổi thời hạn này còn 03 tháng bởi Hồ sơ cấp CCHN và Hồ sơ đề nghị thi được tích hợp, đảm bảo thời hạn tương đối đến khi cấp CCHN vẫn tương ứng so với quy định cũ (6 tháng).</p> <p>+ Sửa đổi quy định nhằm tích hợp hồ sơ thi sát hạch và hồ sơ cấp CCHN:</p> <p>(i) Thông tư 197 quy định Hồ sơ thi sát hạch và Hồ sơ đề nghị cấp CCHN là 02 hồ sơ tách biệt và được thực hiện độc lập. Hồ sơ thi sát hạch nộp trước, sau khi đỗ thí sinh nộp hồ sơ đề nghị cấp CCHN. Quy định hiện tại có bất cập ở chỗ 02 hồ sơ này có thành phần tương tự nhau (trừ phiếu lý lịch tư pháp, bằng đại học; đối với CCHN QLQ có thêm tài liệu về kinh nghiệm công tác).</p> <p>(ii) Luật Chứng khoán chỉ giao Chính phủ quy định về “5. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán và việc quản lý, giám sát người hành nghề chứng khoán”; không có quy định giao quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục thi sát hạch.</p> <p>Do đó, Tại Dự thảo Nghị định quy định theo hướng ghép 02 hồ sơ này vào một, thực hiện theo quy trình nộp hồ sơ 01 lần, sau khi đỗ sát hạch là cấp CCHN luôn. Quy định ghép hồ sơ như trên có ưu điểm: Phù hợp điều giao Luật Chứng khoán và cắt giảm thủ tục hành chính;</p>
<p><i>Chứng chỉ hành nghề hợp pháp tại nước ngoài</i></p>	<p>+ Về chứng chỉ hành nghề hợp pháp tại nước ngoài (điểm đ khoản 4 Điều 213): sửa đổi thêm “hoặc” để tránh cách hiểu chưa đúng là những người có “Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đó đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài” cũng vẫn phải có các chứng chỉ chuyên môn. Dự kiến sửa đổi Thông tư 197 có quy định về chứng chỉ tương đương (CCHN hợp pháp ở nước ngoài tương đương được miễn tất cả các CCCM).</p>
<p>3. Yêu cầu, điều kiện</p>	
<p>Có quy định yêu cầu, điều kiện không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>- Yêu cầu, điều kiện sửa đổi,</p>	<p>- Lý do quy định:</p>

bổ sung: ““b) Có chứng chỉ chuyên môn quản lý quỹ và tài sản <u>hoặc chứng chỉ tương đương:</u> ”	+ Về chứng chỉ tương đương với chứng chỉ quản lý quỹ và tài sản: Quy định tại điểm b khoản 1 về cấp CCHN môi giới và điểm b khoản 2 Điều 213 về cấp CCHN phân tích tài chính đã cho phép các cá nhân được nộp chứng chỉ tương đương với các chứng chỉ chuyên môn của Việt Nam. Những quy định này tạo điều kiện cho các cá nhân đã được cấp các chứng chỉ quốc tế như CFA, CIIA, ACCA, chứng chỉ hành nghề chứng khoán ở nước ngoài có thể nộp các chứng chỉ đó để thay thế cho các chứng chỉ chuyên môn của Việt Nam. Do đó, đề xuất bổ sung cụm từ “hoặc chứng chỉ tương đương” tại điểm b khoản 3 Điều 213 (tương tự như quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 213) và sửa đổi khoản 8 tương ứng. Quy định này không phải phát sinh thêm điều kiện mà cá nhân có thể thêm lựa chọn, sử dụng chứng chỉ tương đương. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nếu rõ): Không
2. Mẫu đơn, tờ khai	
- Tên mẫu đơn, tờ khai Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	Mẫu Phụ lục số 67: Bỏ các chi tiêu “giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân” tại mẫu kê khai (đối với công dân Việt Nam) nhằm thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (riêng với chi tiêu ngày tháng năm sinh giữ lại theo Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư). - Yêu cầu về hình thức: Có.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Lê Thị Thu Hiền Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1247	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 28: CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)

– Điểm d Khoản 3 Điều 1 Dự thảo Nghị định (bổ sung khoản 9 Điều 6):

“9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng đại học, thạc sỹ, tiến sỹ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước”.

– Khoản 51 Điều 1 Dự thảo Nghị định”

“56. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 214:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 214 như sau:

“1. Trường hợp được cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

a) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán hoặc bị hỏng, bị mất. Trường hợp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán, chứng chỉ hành nghề chứng khoán được cấp lại cho các cá nhân đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 213 Nghị định này tương ứng theo loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị cấp lại.”

b) Sửa đổi khoản 2 Điều 214 như sau:

b) Đối với trường hợp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị mất, hỏng hoặc thay đổi thông tin xác nhận nhân thân trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán, hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm: Giấy đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo Mẫu số 85 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Căn cước công dân/căn cước hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng; 02 ảnh 4cm x 6cm chụp trong vòng 06 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ; Chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, trừ trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất chứng chỉ.”

– Khoản 3 Điều 2:

“3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”

II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
<i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Thành phần, số lượng hồ sơ	
- Tên thành phần hồ sơ : <i>Căn cước/Căn cước công dân/Lý lịch tư pháp</i>	- Lí do quy định: Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC năm 2024 Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn duy trì các hồ sơ này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử thì không phải nộp các tài liệu trên. - Khoản 2 Điều 46 Luật Căn cước quy định: “2. Chứng minh nhân dân còn hạn sử dụng đến sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 thì có giá trị sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. Các loại giấy tờ có giá trị pháp lý đã phát hành có sử dụng thông tin từ chứng minh nhân dân, căn cước công dân được giữ nguyên giá trị sử dụng; cơ quan nhà nước không được yêu cầu công dân thay đổi, điều chỉnh thông tin về chứng minh nhân dân, căn cước công dân trong giấy tờ đã cấp”. Do đó, dự thảo Nghị định điều chỉnh các hồ sơ có quy định yêu cầu tài liệu chứng minh nhân dân của cá nhân.
2. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
- Yêu cầu, điều kiện sửa đổi, bổ sung: “a) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng	- Lý do quy định: Việc cấp lại CCHN hiện đang được quy định tại Điều 214 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Về bản chất, đối với các trường hợp cấp lại CCHN do không hành nghề 03 năm liên tục được quy định như cấp mới (điều kiện, hồ sơ). Tuy nhiên, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP chưa quy định về điều kiện cấp lại. Do đó, việc làm rõ quy định về điều kiện cấp lại là cần thiết.

<p>khoản hoặc bị hỏng, bị mất. <u>Trường hợp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán, chứng chỉ hành nghề chứng khoán được cấp lại cho các cá nhân đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 213 Nghị định này tương ứng theo loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị cấp lại.</u></p>	<p>- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nếu rõ): Không</p>
<p>3. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân</p>	<p>Mẫu Phụ lục số 67: Bỏ các chỉ tiêu “giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân” tại mẫu kê khai (đối với công dân Việt Nam) nhằm thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (riêng với chỉ tiêu ngày tháng năm sinh giữ lại theo Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư).</p>
<p>IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ</p>	
<p>Họ và tên người điền: Lê Thị Thu Hiền Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1247</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 29: CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</p>	<p>1. Điểm d khoản 3 Điều 1 Nghị định sửa đổi, bổ sung: d) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 6 như sau: "9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước."</p>
	<p>2. Khoản 48 Điều 1 Nghị định sửa đổi, bổ sung: 48. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 178 như sau: "d) Báo cáo tài chính năm gần nhất của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được kiểm toán; trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài là công ty mẹ phải bổ sung báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán (nếu có); và các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 176, các khoản 4, 5, 6 Điều 177 Nghị định này."</p>
	<p>3. Khoản 3 Điều 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung: "3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP."</p>
	<p>4. Khoản 4 Điều 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung: "4. Thay cụm từ "Giấy Chứng minh nhân dân/Số Chứng minh thư nhân dân/Giấy CMND/Số CMND/CMND/CMTND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD" bằng cụm từ "Số định danh cá nhân" tại Mẫu Phụ lục số 06, 10, 11, 15, 24, 40, 41, 64, 66, 68, 71, 76, 79, 82, 86, 87, 90, 103 Nghị định 155/2020/NĐ-CP."</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	
<p>- Tên thành phần hồ sơ: Lý lịch tư pháp được cấp không quá 06 tháng tính tới ngày nộp hồ sơ của trưởng Văn phòng đại diện tại Việt Nam</p>	<p>- Lý do quy định: Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC ngày 27/02/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên,</p>

	<p>dự thảo Nghị định vẫn duy trì thành phần hồ sơ này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử thì không phải nộp các tài liệu trên.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: bản gốc/bản sao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
2. Mẫu đơn, tờ khai	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai 1: <i>Mẫu số 67 (Bản thông tin cá nhân) của trường Văn phòng đại diện tại Việt Nam</i></p>	<p>- Lý do quy định: Thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính và Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, theo đó bỏ các chỉ tiêu: giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân tại mẫu tờ khai (đối với công dân Việt Nam); giữ lại chỉ tiêu ngày tháng năm sinh</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: công chứng chứng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn</p>
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai 2: <i>Mẫu số 64 (Giấy đề nghị)</i></p>	<p>- Lý do quy định: Thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ, theo đó, thay cụm từ “Giấy chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân/CMND/CCCD” bằng cụm từ “Số định danh cá nhân” tại mẫu tờ khai.</p>
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai 3: <i>Mẫu số 66 (Danh sách nhân sự)</i></p>	<p>- Yêu cầu về hình thức: bản gốc/bản sao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
<p>Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Hương Chi Điện thoại cố định: 024-39340750 - 1927</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 30: THAY ĐỔI TÊN, ĐỊA ĐIỂM CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, PHÒNG GIAO DỊCH, GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</p>	<p>1. Điểm d khoản 3 Điều 1 Nghị định sửa đổi, bổ sung: d) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 6 như sau: "9. Cá nhân được sử dụng ba (03) thông tin cơ bản về cá nhân gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân thay thế cho căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp, bằng tốt nghiệp đại học, thạc sỹ, tiến sỹ khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này trong trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối, chia sẻ được dữ liệu căn cước công dân/căn cước, lý lịch tư pháp với hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước."</p> <p>2. Khoản 3 Điều 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung: "3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP."</p> <p>3. Khoản 4 Điều 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung: "4. Thay cụm từ "Giấy Chứng minh nhân dân/Số Chứng minh thư nhân dân/Giấy CMND/Số CMND/CMND/CMTND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD" bằng cụm từ "Số định danh cá nhân" tại Mẫu Phụ lục số 06, 10, 11, 15, 24, 40, 41, 64, 66, 68, 71, 76, 79, 82, 86, 87, 90, 103 Nghị định 155/2020/NĐ-CP."</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	
<p>- Tên thành phần hồ sơ: Lý lịch tư pháp của Giám đốc chi nhánh được cấp không quá 06 tháng tính tới ngày nộp hồ sơ</p>	<p>- Lý do quy định: Quy định này là cần thiết để thực hiện Quyết định 335/QĐ-BTC ngày 27/02/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ Căn cước/Căn cước công dân, Lý lịch tư pháp sau khi đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định vẫn duy trì thành phần hồ sơ này và bổ sung quy định trong trường hợp đã kết nối, khai thác thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử thì không phải nộp các tài liệu trên. - Yêu cầu về hình thức: bản gốc/bản sao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
<p>2. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ</p>	<p>- Lý do quy định:</p>

khai 1: Mẫu số 67 (Bản thông tin cá nhân) của Giám đốc chi nhánh	<p>Thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính và Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, theo đó bỏ các chỉ tiêu: giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân tại mẫu tờ khai (đối với công dân Việt Nam); giữ lại chỉ tiêu “ngày tháng năm sinh”</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: công chứng chứng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn</p>
- Tên mẫu đơn, tờ khai 2: Mẫu số 76 (Giấy đề nghị)	<p>- Lý do quy định: Thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ, theo đó, thay cụm từ “Số Giấy chứng minh thư nhân dân” bằng cụm từ “Số định danh cá nhân” tại mẫu tờ khai.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: bản gốc/bản sao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
<p>Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Hương Chi Điện thoại cố định: 024-39340750 - 1927</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 31: GIẢI THẺ QUỸ THÀNH VIÊN, QUỸ ĐÓNG, QUỸ MỞ, QUỸ ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN, QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (<i>Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định</i>)</p>	<p>1. Khoản 54 Điều 1 Nghị định sửa đổi, bổ sung: 54. <i>Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 232 như sau:</i> "d) Văn bản xác nhận của ngân hàng lưu ký hoặc ngân hàng giám sát (nếu có) và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, trong đó nêu rõ chi tiết khoản thanh toán, danh mục tài sản phân phối cho từng nhà đầu tư theo phương án giải thê đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua hoặc xác nhận của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc đã hoàn tất phân bổ, đăng ký chứng khoán cho nhà đầu tư theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) và nhà đầu tư; xác nhận của tổ chức quản lý số cổ đông, tổ chức phát hành, doanh nghiệp tiếp nhận vốn đầu tư của quỹ về việc đã hoàn tất chuyển quyền sở hữu cổ phiếu, phần vốn góp cho từng nhà đầu tư tham gia vào quỹ theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán".</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (<i>Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu</i>)</p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	
<p>- Tên thành phần hồ sơ bãi bỏ: <i>Xác nhận của các nhà đầu tư về việc đã nhận đủ tiền, tài sản</i></p>	<p>- Lý do quy định: Việc giảm thành phần hồ sơ này là phù hợp do việc yêu cầu các nhà đầu tư xác nhận đã nhận đủ tiền và tài sản là khó thực hiện trên thực tế, đặc biệt đối với các quỹ đầu tư có số lượng nhà đầu tư lớn. - Yêu cầu về hình thức:</p>
<p>Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Hương Chi Điện thoại cố định: 024-39340750 - 1927</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 32: ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (<i>Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định</i>)</p>	<p>Điều 11. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chứng của công ty cổ phần a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 11 như sau:</p> <p>4. Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất đáp ứng quy định tại Điều 20 Luật Chứng khoán, trong đó:</p> <p>a) Trường hợp hồ sơ được nộp trong thời gian 60 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, báo cáo tài chính năm của năm trước đó trong hồ sơ ban đầu có thể là báo cáo tài chính chưa có kiểm toán, nhưng phải có báo cáo tài chính được kiểm toán của 02 năm trước liền kề. Trường hợp tổ chức phát hành hoàn thiện hồ sơ sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, tổ chức phát hành phải bổ sung báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán;</p> <p><u>b) Trường hợp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chứng được nộp sau ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên, tổ chức phát hành phải bổ sung báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.”</u></p>
	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 11 như sau:</p> <p>“10. Tài liệu quy định tại các điểm c, đ, e, <u>h</u> và k <u>k</u> khoản 1 Điều 18 Luật Chứng khoán”.</p> <p>“k) Báo cáo về vốn điều lệ đã góp trong thời hạn 10 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chứng được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Trường hợp doanh nghiệp thành lập dưới 10 năm thì tính từ thời điểm thành lập.”.</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (<i>Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu</i>)</p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	

<p>- Tên thành phần hồ sơ : b) Trường hợp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng được nộp sau ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên, tổ chức phát hành phải bổ sung báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;”.</p>	<p>- Lý do quy định: Thống nhất hồ sơ IPO với hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu đối với cùng một loại Báo cáo tài chính. - Yêu cầu về hình thức: Không.</p>
<p>- Tên thành phần hồ sơ : Báo cáo về vốn điều lệ đã góp trong thời hạn 10 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Trường hợp doanh nghiệp thành lập dưới 10 năm thì tính từ thời điểm thành lập</p>	<p>- Lý do quy định: Sau khi doanh nghiệp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng thành công, doanh nghiệp sẽ trở thành công ty đại chúng, được niêm yết, đăng ký giao dịch cổ phiếu trên TTCK. Do đó, các thông tin về doanh nghiệp, trong đó có thông tin vốn điều lệ đã góp là thông tin rất quan trọng, cần được xem xét kỹ lưỡng khi xem xét, đánh giá hồ sơ IPO, tương tự như các hồ sơ đăng ký công ty đại chúng. Do đó, sau khi rà soát lại dự thảo, để thống nhất tổng thể các nội dung tại Luật Chứng khoán thì cần thiết bổ sung thành phần hồ sơ chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng gồm: <i>“Báo cáo về vốn điều lệ đã góp trong thời hạn 10 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Trường hợp doanh nghiệp thành lập dưới 10 năm thì tính từ thời điểm thành lập”</i>. Tài liệu này là cơ sở để đánh giá tính đầy đủ, hợp lệ về vốn điều lệ đã góp và tăng vốn của tổ chức đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, đồng thời tăng cường chất lượng hàng hóa trên TTCK theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 11/7/2022 về phát triển thị trường vốn an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, huy động nguồn lực phát triển kinh tế xã hội. - Yêu cầu về hình thức: Không.</p>
<p>Họ và tên người điền: Hoàng Diệu Linh Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1524</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 33: ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i>	Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 12 như sau: “b) Đối với đợt chào bán để thực hiện dự án, phương án sử dụng vốn phải xác định tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện dự án tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán để thực hiện các dự án (trừ trường hợp chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu); phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện các dự án.”.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Thành phần, số lượng hồ sơ	Không thay đổi về thành phần, số lượng hồ sơ (chỉ giảm điều kiện cho doanh nghiệp)
Họ và tên người điền: Hoàng Diệu Linh Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1524	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 34: ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</p>	<p>1. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau: Điều 19. Điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng “2. Tổ chức phát hành hoặc trái phiếu đăng ký chào bán phải được xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan. 3. Có Đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định tại Điều 24 Nghị định này. 4. Có hệ số nợ phải trả (bao gồm cả giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) trên vốn chủ sở hữu không quá 3 lần, ngoại trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác. 5. Giá trị trái phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá không lớn hơn vốn chủ sở hữu. 6. Trái phiếu phát hành của tổ chức tín dụng hoặc trái phiếu được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc và lãi trái phiếu được ngoại trừ điều kiện quy định tại khoản 4, 5 Điều này.”.</p>
	<p>2. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 20 như sau: Điều 20. Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng “10. Tài liệu quy định tại điểm c khoản 1, điểm d, g, i khoản 3 Điều 18 Luật Chứng khoán và văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán.”. “i) Hợp đồng giữa tổ chức phát hành với đại diện người sở hữu trái phiếu.”.</p>
	<p>Khoản 3 Điều 2 sửa đổi Mẫu số 07 “3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính</p>	

<i>không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Thành phần, số lượng hồ sơ	
<p>- Tên thành phần hồ sơ : <i>bổ sung thêm</i> Hợp đồng giữa tổ chức phát hành với đại diện người sở hữu trái phiếu</p>	<p>- Lí do quy định: Phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Luật chứng khoán (sửa đổi).</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Không.</p>
<p>Mẫu số 07: Bổ sung điểm 10, sửa đổi điểm 11 Mục I Mẫu số 07 Phụ lục: 10. Thông tin về hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:(lần) <i>(Nợ phải trả bao gồm cả giá trị trái phiếu dự kiến phát hành).</i> 11. Thông tin về xếp hạng tín nhiệm (<u>trường hợp có xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức phát hành</u>): Bổ sung điểm 20 Mục III Mẫu số 07 Phụ lục: 20. Đại diện người sở hữu trái phiếu: Sửa đổi điểm 4 Mục V</p>	<p>- Lí do quy định: Để phù hợp quy định tại Luật Chứng khoán sửa đổi về điều kiện liên quan đến Đại diện người sở hữu trái phiếu, XHTN, hệ số nợ, giá trị TP dự kiên sphast hành/VCSH</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: có.</p>

Mẫu số 07:	
4. Đại diện người sở hữu trái phiếu:	
2. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
<p>- Yêu cầu, điều kiện sửa đổi, bổ sung:</p> <p>“2. Tổ chức phát hành hoặc trái phiếu đăng ký chào bán phải được xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.</p> <p>3. Tổ chức phát hành phải đảm bảo hệ số nợ phải trả và giá trị trái phiếu dự kiến phát hành trên vốn chủ sở hữu như sau:</p> <p>a) Hệ số nợ phải trả không quá 3 lần vốn chủ sở hữu. Đối với doanh nghiệp kinh doanh bất động sản phát hành trái phiếu để thực hiện dự án, hệ số nợ phải trả không</p>	<p>- Lý do quy định:</p> <p>Đề phù hợp với việc sửa đổi về điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng tại Luật chứng khoán (sửa đổi) và việc sửa đổi nêu trên sẽ tạo thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp trong việc huy động vốn trong khi vẫn đảm bảo việc nâng cao khả năng thanh toán gốc và lãi trái phiếu khi đến hạn của tổ chức phát hành; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, phòng ngừa rủi ro cho các nhà đầu tư; kiểm soát rủi ro cho chính tổ chức phát hành. Các điều kiện về hệ số nợ, giá trị phát hành trên vốn chủ sở hữu, xếp hạng tín nhiệm được giao Chính phủ quy định chi tiết để tạo tính linh hoạt, phù hợp với tình hình thị trường trong từng thời kỳ, đảm bảo tính khả thi.</p> <p>- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:</p> <p>+ Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>+ Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>+ Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Không</p>

quá 5 lần vốn chủ sở hữu.

b) Giá trị trái phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá không lớn hơn vốn chủ sở hữu.

c) Tổ chức phát hành là các tổ chức tín dụng và trái phiếu phát hành được bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc và lãi trái phiếu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không áp dụng tại điểm a, b khoản 3 Điều này”.

Họ và tên người điền: Hoàng Diệu Linh

Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1524

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 35: ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CÓ BẢO ĐẢM RA CÔNG CHỨNG

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (<i>Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định</i>)</p>	<p>2. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau: Điều 19. Điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng “2. Tổ chức phát hành hoặc trái phiếu đăng ký chào bán phải được xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan. 3. Có Đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định tại Điều 24 Nghị định này. 4. Có hệ số nợ phải trả (bao gồm cả giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) trên vốn chủ sở hữu không quá 3 lần, ngoại trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác. 5. Giá trị trái phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá không lớn hơn vốn chủ sở hữu. 6. Trái phiếu phát hành của tổ chức tín dụng hoặc trái phiếu được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc và lãi trái phiếu được ngoại trừ điều kiện quy định tại khoản 4, 5 Điều này.” <i>Việc sửa đổi quy định này sẽ liên quan cả đến khoản Điều 23 Nghị định 155 về điều kiện chào bán trái phiếu có bảo đảm ra công chúng (Do khoản 1 Điều 23 dẫn chiếu đến Điều 19 Nghị Định)</i></p> <p>2. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 20 như sau: Điều 20. Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng “10. Tài liệu quy định tại điểm c khoản 1, điểm d, g, i khoản 3 Điều 18 Luật Chứng khoán và văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán.” “i) Hợp đồng giữa tổ chức phát hành với đại diện người sở hữu trái phiếu.” <i>Việc sửa đổi quy định này sẽ liên quan cả đến khoản 1 Điều 25 Nghị định về Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu có bảo đảm ra công chúng (Do khoản 1 Điều 25 dẫn chiếu đến Điều 20 Nghị định)</i></p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (<i>Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu</i>)</p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	
<p>- Tên thành phần hồ sơ: <i>bổ sung thêm</i> Hợp đồng giữa tổ chức phát hành với đại diện người sở hữu trái</p>	<p>- Lí do quy định: Phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Luật chứng khoán (sửa đổi).</p>

phiếu	- Yêu cầu về hình thức: Không.
2. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
<p>- Yêu cầu, điều kiện sửa đổi, bổ sung:</p> <p>“2. Tổ chức phát hành hoặc trái phiếu đăng ký chào bán phải được xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.</p> <p>3. Tổ chức phát hành phải đảm bảo hệ số nợ phải trả và giá trị trái phiếu dự kiến phát hành trên vốn chủ sở hữu như sau:</p> <p>a) Hệ số nợ phải trả không quá 3 lần vốn chủ sở hữu. Đối với doanh nghiệp kinh doanh bất động sản phát hành trái phiếu để thực hiện dự án, hệ số nợ phải trả không quá 5 lần vốn chủ sở hữu.</p> <p>b) Giá trị trái phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá không lớn hơn vốn chủ</p>	<p>- Lý do quy định:</p> <p>Đề phù hợp với việc sửa đổi về điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng tại Luật chứng khoán (sửa đổi) và việc sửa đổi nêu trên sẽ tạo thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp trong việc huy động vốn trong khi vẫn đảm bảo việc nâng cao khả năng thanh toán gốc và lãi trái phiếu khi đến hạn của tổ chức phát hành; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, phòng ngừa rủi ro cho các nhà đầu tư; kiểm soát rủi ro cho chính tổ chức phát hành. Các điều kiện về hệ số nợ, giá trị phát hành trên vốn chủ sở hữu, xếp hạng tín nhiệm được giao Chính phủ quy định chi tiết để tạo tính linh hoạt, phù hợp với tình hình thị trường trong từng thời kỳ, đảm bảo tính khả thi.</p> <p>- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:</p> <p>+ Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>+ Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>+ Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Không</p>

<p>sở hữu.</p> <p>c) Tổ chức phát hành là các tổ chức tín dụng và trái phiếu phát hành được bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc và lãi trái phiếu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không áp dụng tại điểm a, b khoản 3 Điều này”.</p>	
<p>Họ và tên người điền: Hoàng Diệu Linh</p> <p>Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1524</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 36: ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CỦA CÔNG TY SAU QUÁ TRÌNH TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 30, bổ sung khoản 3 Điều 30 như sau: “Điều 30. Điều kiện chào bán chứng khoán ra công chứng của công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp Điều kiện công ty đại chúng sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán thêm cổ phiếu ra công chứng, chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chứng; công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chứng, chào bán trái phiếu ra công chứng bao gồm:</p>
--	--

1. Đáp ứng điều kiện về chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng, trong đó căn cứ xác định điều kiện về hoạt động kinh doanh có lãi và không có lỗ lũy kế của công ty theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, hoạt động kinh doanh của 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán căn cứ trên:

a) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm cơ cấu lại doanh nghiệp: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm trước liền kề năm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần.

b) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm liền sau năm cơ cấu lại: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước của tổ chức phát hành cho năm liền trước năm cơ cấu lại và báo cáo tài chính năm gần nhất của tổ chức phát hành

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức phát hành; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành. Điều kiện hoạt động kinh doanh có lãi của năm liền trước năm đăng ký chào bán được xác định căn cứ trên tổng lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước kỳ kế toán năm cuối cùng và trên báo cáo tài chính kỳ kế toán năm đầu tiên.

c) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm thứ hai liền sau năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất của tổ chức phát hành.

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành; báo cáo tài chính năm liền trước năm chào bán của tổ chức phát hành. Điều kiện hoạt động kinh doanh có lãi của năm thứ hai liền trước năm đăng ký chào bán được xác định căn cứ trên tổng lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành.”.

Bổ sung khoản 5 Điều 31 như sau:

“Điều 31. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp

5. Đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của doanh nghiệp sau cơ cấu lại, hồ sơ đăng ký chào bán theo quy định tương ứng về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, trong đó báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của 02 năm trước liền kề năm đăng ký chào bán được thay bằng các báo cáo sau:

a) Trường hợp công ty chào bán trong năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất được kiểm toán của các doanh nghiệp tham gia cơ cấu lại và báo cáo tài chính kỳ kế toán năm cuối cùng trước thời điểm cơ cấu lại của các doanh nghiệp tham gia cơ cấu lại; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức phát hành.

b) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm liền sau năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước năm chào bán của tổ chức phát hành và báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước của tổ chức phát hành cho năm liền trước năm cơ cấu lại;

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính tính đến thời điểm hợp nhất của các doanh nghiệp tham gia hợp nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức phát hành; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất của công ty hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành

c) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm thứ hai liền sau năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước của tổ chức phát hành.

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính tính đến thời điểm hợp nhất của các công ty bị hợp nhất; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết

	<i>thúc năm tài chính của tổ chức phát hành; báo cáo tài chính năm liền trước năm đăng ký chào bán của tổ chức phát hành."</i>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i></p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	

Bổ sung khoản 5 Điều 31 như sau:

“Điều 31. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp

5. Đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của doanh nghiệp sau cơ cấu lại, hồ sơ đăng ký chào bán theo quy định tương ứng về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, trong đó báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của 02 năm trước liền kề năm đăng ký chào bán được thay bằng các báo cáo sau:

a) Trường hợp công ty chào bán trong năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán của tổ chức phát hành được kiểm toán

- Lý do quy định: Bổ sung tương ứng với điều kiện tại khoản 3 Điều 30 dự thảo Nghị định

- Yêu cầu về hình thức: Không.

bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất được kiểm toán của các doanh nghiệp tham gia cơ cấu lại và báo cáo tài chính kỳ kế toán năm cuối cùng trước thời điểm cơ cấu lại của các doanh nghiệp tham gia cơ cấu lại; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức phát hành.

b) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm liền sau năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước năm chào bán của tổ chức phát hành và báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước của tổ chức phát hành cho năm liền trước năm cơ cấu lại;

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính tính

đến thời điểm hợp nhất của các doanh nghiệp tham gia hợp nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức phát hành; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất của công ty hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành

c) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm thứ hai liền sau năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước của tổ chức phát hành.

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính tính đến thời điểm hợp nhất của các công ty bị hợp nhất; báo

<p><i>cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành; báo cáo tài chính năm liền trước năm đăng ký chào bán của tổ chức phát hành.”.</i></p>	
<p>2. Yêu cầu, điều kiện</p>	
<p>Có quy định yêu cầu, điều kiện không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 30, bổ sung khoản 3 Điều 30 như sau:

“Điều 30. Điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp

Điều kiện công ty đại chúng sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng; công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp *chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng*, chào bán trái phiếu ra công chúng bao gồm:

1. Đáp ứng điều kiện về chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng, trong đó căn cứ xác định điều kiện về hoạt động kinh doanh có lãi và không có lỗ lũy kế của công ty theo quy định tại khoản 2, *khoản 3* Điều này.

2. Đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, hoạt động kinh doanh của 02 năm liền

- Lý do quy định: Cơ cấu lại doanh nghiệp là sự kiện có ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp; do đó Nghị định 155 đã bổ sung quy định khi chào bán, phát hành, niêm yết mà phát sinh sự kiện về cơ cấu lại doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước; đảm bảo nhà đầu tư có cơ sở đầy đủ khi đánh giá thông tin về doanh nghiệp, tính ảnh hưởng của sự kiện tái cơ cấu đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động của doanh nghiệp;

Tuy nhiên, đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện IPO sau khi hoàn thành việc cơ cấu lại thì Nghị định 155 chưa yêu cầu hồ sơ phải có Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước. Chính vì thế, dự thảo bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 30 để đảm bảo các doanh nghiệp chào bán lần đầu ra công chúng nếu thực hiện cơ cấu lại trước khi chào bán phải lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước, đảm bảo nhà đầu tư có cơ sở đầy đủ khi đánh giá thông tin về doanh nghiệp, tính ảnh hưởng của sự kiện tái cơ cấu đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động của doanh nghiệp; cũng như có cơ sở để xem xét điều kiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của doanh nghiệp chính xác hơn.

- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:

+ Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có Không

+ Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có Không

+ Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Không

trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán căn cứ trên:

a) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm cơ cấu lại doanh nghiệp: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm trước liền kề năm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần.

b) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm liền sau năm cơ cấu lại: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước của tổ chức phát hành cho năm liền trước năm cơ cấu lại và báo cáo tài chính năm gần nhất của tổ chức phát hành

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức phát hành; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy

ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành. Điều kiện hoạt động kinh doanh có lãi của năm liền trước năm đăng ký chào bán được xác định căn cứ trên tổng lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước kỳ kế toán năm cuối cùng và trên báo cáo tài chính kỳ kế toán năm đầu tiên.

c) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm thứ hai liền sau năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất của tổ chức phát hành.

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm

kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành; báo cáo tài chính năm liền trước năm chào bán của tổ chức phát hành. Điều kiện hoạt động kinh doanh có lãi của năm thứ hai liền trước năm đăng ký chào bán được xác định căn cứ trên tổng lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành.”.

Họ và tên người điền: Hoàng Diệu Linh

Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1524

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 37: ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (<i>Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định</i>)</p>	<p>12. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 43 như sau: Điều 43. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng “2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, trong đó: a) Phương án phát hành phải nêu rõ: mục đích chào bán; số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán; giá chào bán, hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá chào bán; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư chiến lược; <u>thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua danh sách</u> nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (<i>Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu</i>)</p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	
<p>Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua</p>	<p>- Lý do quy định: Phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Luật chứng khoán (sửa đổi).</p>

<p>phương án phát hành, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, trong đó:</p> <p>a) Phương án phát hành phải nêu rõ: mục đích chào bán; số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán; giá chào bán, hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá chào bán; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư chiến lược; <u>thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua danh sách</u> nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư.</p> <p>Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.</p>	<p>Do Luật chứng khoán (sửa đổi) đã bổ sung quy định chặt chẽ hơn điều kiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ như quy định chặt chẽ hơn điều kiện xác định là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; cụ thể rõ thêm các vấn đề phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua (như tiêu chí nhà đầu tư, số lượng cổ phiếu phát hành, giá chào bán hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán), nhằm đảm bảo cổ đông có thêm cơ sở quyết định phương án chào bán.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Không.</p>
<p>2. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai : <i>Mẫu Phụ lục số 06</i></p>	<p>- Lí do quy định:</p> <p>Nhằm thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (riêng với chỉ tiêu ngày tháng năm sinh giữ lại theo Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ</p>

	Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư - Yêu cầu về hình thức: Có.
Họ và tên người điền: Hoàng Diệu Linh Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1524	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỐ 38: CÔNG TY ĐẠI CHỨNG ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI CỔ PHẦN CHO CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯA ĐẠI CHỨNG, HOÁN ĐỔI PHẦN VỐN GÓP CỦA CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (<i>Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định</i>)</p>	<p>Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 49 như sau: Điều 49. Điều kiện công ty đại chúng phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn “4. Có báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của công ty có cổ phần hoặc phần vốn góp được hoán đổi. <u>Kỳ kế toán của báo cáo tài chính năm gần nhất phải đảm bảo tối thiểu 12 tháng.</u> Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần.</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (<i>Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu</i>)</p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	
<p>2. Yêu cầu, điều kiện</p>	

<p>Có quy định yêu cầu, điều kiện không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>Bổ sung điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 49 như sau: Điều 49. Điều kiện công ty đại chúng phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn “4. Có báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của công ty có cổ phần hoặc phần vốn góp được hoán đổi. <i>Kỳ kế toán của báo cáo tài chính năm gần nhất phải đảm bảo tối thiểu 12 tháng.</i> Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần.</p>	<p>- Lý do sửa đổi, bổ sung: Quy định rõ về kỳ kế toán của báo cáo tài chính năm gần nhất phải đảm bảo tối thiểu 12 tháng để bảo đảm ý nghĩa của thông tin tài chính trên báo cáo tài chính phản ánh tình hình tài chính của tổ chức phát hành, tránh trường hợp kỳ kế toán quá ngắn (3 tháng) thì báo cáo tài chính không thể hiện toàn vẹn tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của tổ chức phát hành.</p> <p>- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:</p> <p>+ Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>+ Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>+ Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Không.</p>
<p>Họ và tên người điền: Hoàng Diệu Linh Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1524</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỐ 39: CÔNG TY ĐẠI CHÚNG ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI CỔ PHẦN CHO SỞ CỔ ĐÔNG XÁC ĐỊNH TRONG CÔNG TY ĐẠI CHÚNG KHÁC

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (<i>Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định</i>)</p>	<p>Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 49 như sau: Điều 49. Điều kiện công ty đại chúng phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn “4. Có báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của công ty có cổ phần hoặc phần vốn góp được hoán đổi. <u>Kỳ kế toán của báo cáo tài chính năm gần nhất phải đảm bảo tối thiểu 12 tháng.</u> Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần.” <i>Việc sửa đổi quy định này sẽ liên quan cả đến khoản 1 Điều 51 Nghị định về Điều kiện Công ty đại chúng phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho sở cổ đông xác định trong công ty đại chúng khác (Do khoản 1 Điều 51 dẫn chiếu đến Điều 49 của Nghị định)</i></p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (<i>Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu</i>)</p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	
<p>2. Yêu cầu, điều kiện</p>	
<p>Có quy định yêu cầu, điều kiện không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>Bổ sung điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 49 như sau: Điều 49. Điều kiện công ty đại chúng phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn</p>	<p>- Lý do sửa đổi, bổ sung: Quy định rõ về kỳ kế toán của báo cáo tài chính năm gần nhất phải đảm bảo tối thiểu 12 tháng để bảo đảm ý nghĩa của thông tin tài chính trên báo cáo tài chính phản ánh tình hình tài chính của tổ chức phát hành, tránh trường hợp kỳ kế toán quá ngắn (3 tháng) thì báo cáo tài chính không thể hiện toàn vẹn tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của tổ chức phát hành. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Không.</p>

“4. Có báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của công ty có cổ phần hoặc phần vốn góp được hoán đổi. *Kỳ kế toán của báo cáo tài chính năm gần nhất phải đảm bảo tối thiểu 12 tháng.* Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần.

Họ và tên người điền: Hoàng Diệu Linh

Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1524

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 40: ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)

Sửa đổi khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 64 như sau:

Điều 64. Điều kiện công ty đại chúng phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty

3. Có tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình được Đại hội đồng cổ đông thông qua; có và danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua.

4. Trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động, nguồn vốn sử dụng để phát hành đủ để tăng vốn cổ phần, cụ thể như sau:

a) Nguồn vốn sử dụng để phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động được căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận bao gồm các nguồn sau: thặng dư vốn cổ phần; quỹ đầu tư phát triển; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; quỹ khen thưởng; quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để thưởng cho người lao động từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ khác, nguồn vốn thực hiện được căn cứ trên báo cáo tài chính của công ty mẹ được kiểm toán;

c) Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để thưởng cho người lao động từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ khác, nguồn vốn thực hiện được căn cứ trên báo cáo tài chính của công ty mẹ được kiểm toán;

d) Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để thưởng cho người lao động từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, lợi nhuận quyết định sử dụng để thưởng cho người lao động không được vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán. Trường hợp lợi nhuận quyết định sử dụng để thưởng cho người lao động thấp hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất và cao hơn mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, công ty chỉ được thực hiện việc phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

8. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành,

	ngoại trừ trường hợp cổ phiếu được mua lại theo quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của công ty.”.
	<p>Nội dung sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 và khoản 3 Điều 65:</p> <p>Điều 65. Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty của công ty đại chúng</p> <p>“2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động <i>phải</i> nêu rõ: <i>đối tượng, tiêu chuẩn, số lượng cổ phiếu phát hành, giá phát hành hoặc nguyên tắc xác định giá phát hành; Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng, thời gian thực hiện. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành không được tham gia biểu quyết thông qua nội dung này.</i></p> <p>3. Quyết định của Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện, <u>trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động và phương án bán ngay số cổ phiếu được công ty mua lại.</u> Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành không được tham gia biểu quyết thông qua nội dung này.</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i></p>	
<p>1. Thành phần, số lượng hồ sơ: Bổ sung</p>	

<p>2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động <u>phải</u> nêu rõ: <u>đối tượng, tiêu chuẩn</u>, số lượng cổ phiếu phát hành, giá phát hành hoặc nguyên tắc xác định giá phát hành; <u>Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua</u> danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng, thời gian thực hiện. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành không được tham gia biểu quyết thông qua nội dung này.</p> <p>3. Quyết định của Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện, <u>trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động và phương án bán ngay số cổ phiếu được công ty mua lại</u>.</p>	<p>- Lí do quy định: đây là thành phần hồ sơ được thay đổi để phù hợp với điều kiện đã được sửa đổi tại Điều 64, nhằm đảm bảo việc công khai trong quá trình xác định đối tượng và tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình.</p> <p>+ Bổ sung nội dung làm rõ tại tài liệu là Quyết định của Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện, <u>trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động và phương án bán ngay số cổ phiếu được công ty mua lại</u>. (phù hợp với Luật Chứng khoán sửa đổi về việc cổ phiếu đã mua lại không phải giảm vốn điều lệ)</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Không.</p>
---	---

<p><u>án bán ngay số cổ phiếu được công ty mua lại.</u> Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành không được tham gia biểu quyết thông qua nội dung này.</p>	
<p>2. Yêu cầu, điều kiện</p>	
<p>Có quy định yêu cầu, điều kiện không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
<p>Yêu cầu điều kiện sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 64:</p> <p>3. Có tiêu chuẩn <u>người lao động được tham gia chương trình được Đại hội đồng cổ đông thông qua</u>; có và danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua.</p>	<p>- Lý do sửa đổi, bổ sung: Làm rõ những vấn đề thuộc thẩm quyền thông qua của ĐHCĐ và HĐQT. Tránh lợi dụng chính sách ESOP để trục lợi, quy định ĐHCĐ quyết định tiêu chuẩn người lao động đảm bảo công bằng, minh bạch, khách quan của chính sách ESOP cho người lao động mà không được ủy quyền cho HĐQT</p> <p>- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Không.</p>
<p>- Yêu cầu, điều kiện sửa đổi và bổ sung tại khoản 4 Điều 64</p>	<p>- Lý do bổ sung: Điều 63 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp có hướng dẫn hạch toán trong trường hợp công ty cổ phần được phát hành cổ phiếu thường từ quỹ khen thưởng để tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu.</p>

4. Trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động, nguồn vốn sử dụng để phát hành đủ để tăng vốn cổ phần, cụ thể như sau:

a) Nguồn vốn sử dụng để phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động được căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận bao gồm các nguồn sau: thặng dư vốn cổ phần; quỹ đầu tư phát triển; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; quỹ khen thưởng; quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để thưởng cho người lao động từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ khác, nguồn vốn thực hiện được căn cứ trên báo cáo tài chính của công ty mẹ được kiểm toán;

c) Trường hợp công

Trên thực tế, các công ty đại chúng sử dụng quỹ khen thưởng để thưởng cho người lao động thông qua việc phát hành cổ phiếu. Do đó, dự thảo Nghị định bổ sung trường hợp nguồn vốn sử dụng để phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động là quỹ khen thưởng phúc lợi.

- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:

+ Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có Không

+ Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có Không

+ Thực hiện công việc khác (nếu rõ): Không.

ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để thưởng cho người lao động từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ khác, nguồn vốn thực hiện được căn cứ trên báo cáo tài chính của công ty mẹ được kiểm toán;

d) Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để thưởng cho người lao động từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, lợi nhuận quyết định sử dụng để thưởng cho người lao động không được vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán. Trường hợp lợi nhuận quyết định sử dụng để thưởng cho người lao động thấp hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất và cao hơn mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, công ty chỉ được thực hiện việc phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ

các công ty con về công ty mẹ.	
<p>Yêu cầu, điều kiện sửa đổi và bổ sung tại khoản 8 Điều 64</p> <p>8. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, <u>ngoại trừ trường hợp cổ phiếu được mua lại theo quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của công ty.</u>"</p>	<p>- Lý do bổ sung: Phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động đã được ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua có quy định trường hợp cổ phiếu được mua lại, thu hồi. Việc mua lại, thu hồi theo phương án phát hành không như là chuyển nhượng thông thường mà chỉ là thu hồi cổ phiếu đã phát hành nên không thuộc bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm</p> <p>- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:</p> <p>+ Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>+ Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>+ Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Không.</p>
<p>Họ và tên người điền: Hoàng Diệu Linh Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1524</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 41: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU MỚI LÀM CƠ SỞ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ LƯU KÝ TẠI NƯỚC NGOÀI CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</p>	<p>– Khoản 3 Điều 2: “3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</p>	
<p>1. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai : Mẫu số 19. Giấy đề nghị việc đăng ký chào bán cổ phiếu ra nước ngoài/Giấy đăng ký phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài</p> <p>Bổ sung điểm 10 Mục IV Mẫu số 19 Phụ lục: “10. Nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu phát hành mới làm cơ sở cho phát hành chứng chỉ lưu ký</p> <p>10.1. Nhà đầu tư (ghi rõ tên, thông tin nhận diện</p>	<p>- Lí do quy định: Mẫu phụ lục số 19: Để VSDC có cơ sở theo dõi, giám sát và xử lý yêu cầu chuyển giao cổ phiếu cơ sở. Cụ thể là có thông tin về nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu phát hành mới làm cơ sở cho phát hành chứng chỉ lưu ký.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Có.</p>

<p>nhà đầu tư)</p> <ul style="list-style-type: none">+ Số tài khoản lưu ký chứng khoán/Số tài khoản giao dịch chứng khoán+ Số đăng ký sở hữu/Mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài+ Thông tin thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở tài khoản+ Số lượng cổ phiếu cơ sở đăng ký mua: <p>10.2. Nhà đầu tư (nếu có):..”.</p>	
<p>Họ và tên người điền: Hoàng Diệu Linh Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1524</p>	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 42: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ LƯU KÝ TẠI NƯỚC NGOÀI TRÊN CƠ SỞ SỔ CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (<i>Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định</i>)</p>	<p>– Khoản 3 Điều 2: “3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (<i>Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu</i>)</p>	
<p>1. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai : Mẫu số 21. Giấy đăng ký hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đang lưu hành tại Việt Nam</p> <p>- Bổ sung điểm 6 Mục IV Mẫu số 21 Phụ lục: “6. Nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu đăng ký hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký</p> <p>6.1. Nhà đầu tư (ghi rõ tên, thông tin nhận diện nhà đầu tư):</p> <p>+ Số tài khoản lưu ký chứng khoán/Số tài khoản</p>	<p>- Lí do quy định: Mẫu phụ lục số 21: Đề VSDC có cơ sở theo dõi, giám sát và xử lý yêu cầu chuyển giao cổ phiếu cơ sở. Cụ thể là có thông tin về nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu đăng ký hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Có.</p>

giao dịch chứng khoán:

+ Số đăng ký sở hữu/Mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài:

+ Thông tin thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở tài khoản:

+ Số lượng cổ phiếu đăng ký hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký:

Họ và tên người điền: Hoàng Diệu Linh

Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1524

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 43: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ CHÀO MUA CÔNG KHAI

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</p>	<p>– Khoản 3 Điều 2: “3. Sửa đổi các Mẫu Phụ lục số 07, 19, 21, 23, 28, 33, 34, 38, 39, 67, 69, 85, 91 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.”</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</p>	
<p>1. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai : Mẫu số 23. Giấy đăng ký chào mua công khai</p> <p>- Khoản 3 Điều 2 sửa đổi Phụ lục mẫu số 23</p> <p>Mục I. bổ sung nội dung:</p> <p>Việc chào mua công khai dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo:... (có/không).</p>	<p>- Lí do quy định: Mẫu phụ lục số 2: Trách nhiệm của tổ chức chào mua phải xác định việc chào mua công khai dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo .</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Có.</p>
<p>Họ và tên người điền: Hoàng Diệu Linh</p>	

Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1524

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 44: NHÓM THỦ TỤC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CỦA CỔ ĐÔNG CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, THỦ TỤC CÔNG TY ĐẠI CHÚNG ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI CỔ PHẦN CHO CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯA ĐẠI CHÚNG, HOÁN ĐỔI PHẦN VỐN GÓP CỦA CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN, THỦ TỤC CÔNG TY ĐẠI CHÚNG ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI CỔ PHẦN CHO SỐ CỔ ĐÔNG XÁC ĐỊNH TRONG CÔNG TY ĐẠI CHÚNG KHÁC, THỦ TỤC CÔNG TY ĐẠI CHÚNG ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI NỢ

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</p>	<p>– Khoản 4 Điều 2: 4. Thay cụm từ “Giấy Chứng minh nhân dân/Số Chứng minh thư nhân dân/Giấy CMND/Số CMND/CMND/CMTND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD” bằng cụm từ “Số định danh cá nhân” tại Mẫu Phụ lục số 06, 10, 11, 15, 24, 40, 41, 64, 66, 68, 71, 76, 79, 82, 86, 87, 90, 103 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</p>	
<p>1. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>- Tên mẫu đơn, tờ khai : Mẫu Phụ lục số 06, 10, 11, 15, 24.</p>	<p>- Lí do quy định: Nhằm thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (riêng với chỉ tiêu ngày tháng năm sinh giữ lại theo Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư - Yêu cầu về hình thức: Có.</p>
<p>Họ và tên người điền: Hoàng Diệu Linh</p>	

Điện thoại cố định: 04-39340750 - 1524

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 45: ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHO TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC SỞ HỮU TRÊN 49% VỐN ĐIỀU LỆ CỦA TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

<p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</p>	<p>Khoản 4 Điều 2 Nghị định sửa đổi, bổ sung: "4. Thay cụm từ "Giấy Chứng minh nhân dân/Số Chứng minh thư nhân dân/Giấy CMND/Số CMND/CMND/CMTND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD" bằng cụm từ "Số định danh cá nhân" tại Mẫu Phụ lục số 06, 10, 11, 15, 24, 40, 41, 64, 66, 68, 71, 76, 79, 82, 86, 87, 90, 103 Nghị định 155/2020/NĐ-CP."</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</p>	
<p>1. Mẫu đơn, tờ khai</p> <p>- Tên mẫu đơn, tờ khai: Mẫu số 40 (Giấy đề nghị chấp thuận chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp)</p>	<p>- Lý do quy định: Thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính và Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, theo đó bỏ các chỉ tiêu: giới tính, quê quán, số chứng minh thư nhân dân, quốc tịch, nơi ở hiện tại và bổ sung thêm trường thông tin về số định danh cá nhân tại mẫu tờ khai (đối với công dân Việt Nam). - Yêu cầu về hình thức: bản gốc/bản sao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>
<p>Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Hương Chi Điện thoại cố định: 024-39340750 - 1927</p>	

4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả										
TỔNG									288.000	118.400.000	
II. CHI PHÍ TUẦN THỦ TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị Hồ sơ										
1.1	Tìm hiểu về thủ tục	Tìm hiểu quy định	2,0	48.000			1	400	96.000	38.400.000	
1.2	Giấy thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo Mẫu số 38 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc Giấy thông báo về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo Mẫu số 39 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.	Điền Tờ khai	1,0	48.000			1	400	48.000	19.200.000	
1.3	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, trong đó có nội dung về ngành nghề đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận ngành nghề đăng ký kinh doanh	Chuẩn bị, photo, đóng dấu	0,5	48.000			1	400	24.000	9.600.000	
1.4	Trường hợp công ty đại chúng là doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 139 Nghị định này thì bổ sung văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án cổ phần hóa, trong đó có nội dung về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có) hoặc trường hợp công ty đại chúng là doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 141 Nghị định này thì bổ sung văn bản của cấp có thẩm quyền, trong đó có nội dung về thay đổi về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có)	Chuẩn bị, photo, đóng dấu	1,0	48.000			1	400	48.000	19.200.000	

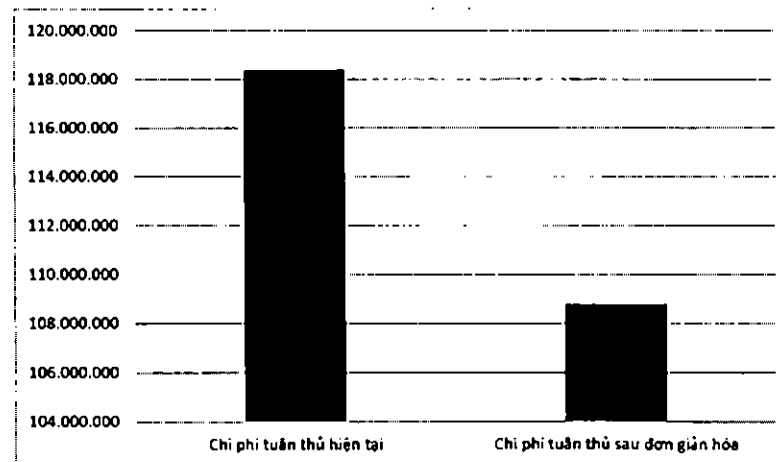
1,5	Trường hợp công ty đại chúng theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 139 Nghị định này thì bổ sung văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó có nội dung về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có) hoặc trường hợp công ty đại chúng theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 141 Nghị định này thì bổ sung văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó có nội dung về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có)	Chuẩn bị, photo, đóng dấu	1,0	48.000			1	400	48.000		19.200.000
2	Nộp Hồ Sơ	Trực tiếp									
		Bưu chính									
		Điện tử	1,0	8.000			1	400	8.000		3.200.000
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác (nếu có)										
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả										
	TỔNG								264.000		108.800.000

Chênh lệch

9.600.000

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ hiện tại và sau đơn giản hoá



Chi phí tuân thủ hiện tại	Năm
Chi phí tuân thủ sau đơn giản hóa	118.400.000
	108.800.000

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ BÙ TRỪ, THANH TOÁN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN (TTHC sửa đổi, bổ sung)

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí chi phí khác	Số lần thực hiện/01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí để thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/1 năm	Ghi chú
I. CHI PHÍ TUẦN THỦ TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị Hồ sơ										
1.1	Tim hiểu về thủ tục	Tim hiểu quy định	2,0	48.000			1	10	96.000	960.000	
1.2	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán	Điền Tờ khai	1,0	48.000			1	10	48.000	480.000	
1,3	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty về việc thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán;	Chuẩn bị, photo, đóng dấu	1,0	48.000			1	10	48.000	480.000	
1,4	Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán và báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong 12 tháng gần nhất (đối với công ty chứng khoán) hoặc văn bản cam kết về việc đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng trong 12 tháng gần nhất (đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài);	Chuẩn bị, photo, đóng dấu	1,0	48.000			1	10	48.000	480.000	

1,5	Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng quy định về cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.	Chuẩn bị, photo, đóng dấu	1,0	48.000			1	10	48.000	480.000	
2	Nộp Hồ Sơ	Trực tiếp									
		Bưu chính	1,0	8.000			1	10	8.000	80.000	
		Điện tử									
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác (nếu có)										
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả										
	TỔNG								288.000	2.880.000	
II. CHI PHÍ TUẦN THỦ TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị Hồ sơ										
1.1	Tìm hiểu về thủ tục	Tìm hiểu quy định	2,0	48.000			1	10	96.000	960.000	
1.2	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán	Điền Tờ khai	1,0	48.000			1	10	48.000	480.000	

1,3	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty về việc thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán;	Chuẩn bị, photo, đóng dấu	1,0	48.000			1	10	48.000	480.000
1,4	Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán và báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong 12 tháng gần nhất (đối với công ty chứng khoán) hoặc văn bản cam kết về việc đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng trong 12 tháng gần nhất (đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài);	Chuẩn bị, photo, đóng dấu	1,0	48.000			1	10	48.000	480.000
2	Nộp Hồ Sơ	Trực tiếp								
		Bưu chính	1,0	8.000			1	10	8.000	80.000
		Điện tử								
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác									
3.1	Phí									
3.2	Lệ phí									
3.3	Chi phí khác (nếu có)									
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)									
5	Công việc khác (nếu có)									
6	Nhận kết quả									
	TỔNG								240.000	2.400.000

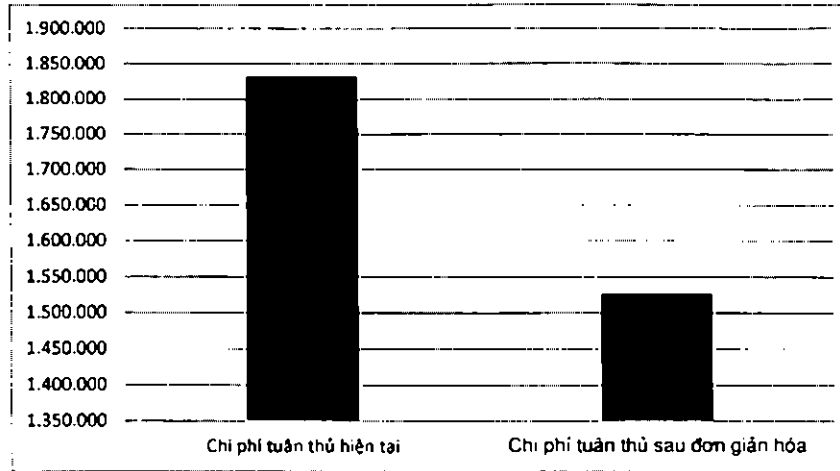
Chênh lệch

480.000

-479900

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ hiện tại và sau đơn giản hoá



Chi phí tuân thủ hiện tại
Chi phí tuân thủ sau đơn giản hóa

Năm

1.832.100

1.526.750

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, vốn cấp cho chi nhánh, giám đốc chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	Điền thông tin vào Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	1	48.000	0	0	1	5	48.000	240.000	
2	Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	Điền thông tin vào Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	1	48.000	0	0	1	5	48.000	240.000	
3	Lý lịch tư pháp	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	1	48.000	0	0	1	5	48.000	240.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	Điền thông tin vào Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	1	48.000	0	0	1	5	48.000	240.000	
2	Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	Điền thông tin vào Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	1	48.000	0	0	1	5	48.000	240.000	
3	Lý lịch tư pháp	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	0	48.000	0	0	1	5	0	0	

III SO SÁNH CHI PHÍ

Đối với mẫu 67, 69: Không phát sinh thêm chi phí, chỉ thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu.

Đối với LLTP: Cá nhân vẫn phải thực hiện đề nghị cấp LLTP nhưng không cần nộp bản cứng cho UBCK, giảm chi phí nộp hồ sơ

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	Điền thông tin vào Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	1	48.000	0	0	2	20	48.000	1.920.000	
2	Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	Điền thông tin vào Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	1	48.000	0	0	2	20	48.000	1.920.000	
3	Lý lịch tư pháp	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	1	48.000	0	0	2	20	48.000	1.920.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	Điền thông tin vào Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	1	48.000	0	0	2	20	48.000	1.920.000	
2	Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	Điền thông tin vào Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	1	48.000	0	0	2	20	48.000	1.920.000	
3	Lý lịch tư pháp	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	0	48.000	0	0	2	20	0	0	

III SO SÁNH CHI PHÍ

Đối với mẫu 67, 69: Không phát sinh thêm chi phí, chi thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu.

Đối với LLTP: Cá nhân vẫn phải thực hiện đề nghị cấp LLTP nhưng không cần nộp bản cứng cho UBCK, giảm chi phí nộp hồ sơ

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	Điền thông tin vào Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	1	48.000	0	0	2	25	48.000	2.400.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	Điền thông tin vào Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	1	48.000	0	0	2	25	48.000	2.400.000	

III SO SÁNH CHI PHÍ

Không phát sinh thêm chi phí, chỉ thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu số 69

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Rút nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	Điền thông tin vào Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	1	48.000	0	0	1	5	48.000	240.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	Điền thông tin vào Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	1	48.000	0	0	1	5	48.000	240.000	

III SO SÁNH CHI PHÍ

Không phát sinh thêm chi phí, chỉ thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu số 69

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	Điền thông tin vào Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	1	48.000	0	0	1	10	48.000	480.000	
2	Mẫu số 66. Danh sách nhân sự	Điền thông tin vào Mẫu số 66. Danh sách nhân sự	1	48.000	0	0	1	10	48.000	480.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	Điền thông tin vào Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	1	48.000	0	0	1	10	48.000	480.000	
2	Mẫu số 66. Danh sách nhân sự	Điền thông tin vào Mẫu số 66. Danh sách nhân sự	1	48.000	0	0	1	10	48.000	480.000	

III SO SÁNH CHI PHÍ

Không phát sinh thêm chi phí, chỉ thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu số 66, 69

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Gia hạn hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	Điền thông tin vào Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	1	48.000	0	0	1	2	48.000	96.000	
2	Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	Điền thông tin vào Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	1	48.000	0	0	1	2	48.000	96.000	
3	Lý lịch tư pháp	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	1	48.000	0	200.000	1	2	248.000	496.000	
4	Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán trong trường hợp TCKDCK là công ty mẹ (nếu có)	Sao y BCTCKT	2	48.000	0	30.000	1	2	126.000	252.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐÒI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	Điền thông tin vào Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	1	48.000	0	0	1	2	48.000	96.000	
2	Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	Điền thông tin vào Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	1	48.000	0	0	1	2	48.000	96.000	
3	Lý lịch tư pháp	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	0	48.000	0	200.000	1	2	200.000	400.000	

4	Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán trong trường hợp TCKDCK là công ty mẹ (nếu có)	Sao y BCTCKT	2	48.000	0	30.000	1	2	126.000	252.000	
---	--	--------------	---	--------	---	--------	---	---	---------	---------	--

III SO SÁNH CHI PHÍ

Đối với mẫu 67, 69: Không phát sinh thêm chi phí, chỉ thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu.

Đối với LLTP: Cá nhân vẫn phải thực hiện đề nghị cấp LLTP nhưng không cần nộp bản cứng cho UBCK, giảm chi phí nộp hồ sơ

Đối với BCTC: Tổ chức cá nhân không phải thực hiện nộp trong trường hợp không phải kiểm toán, giảm chi phí nộp hồ sơ

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Rút nghiệp vụ, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 76. Giấy đề nghị sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện	Điền thông tin vào Mẫu số 76. Giấy đề nghị sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện	1	48.000	0	0	2	10	48.000	960.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 76. Giấy đề nghị sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện	Điền thông tin vào Mẫu số 76. Giấy đề nghị sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện	1	48.000	0	0	2	10	48.000	960.000	

III SO SÁNH CHI PHÍ

Đối với mẫu 76: Không phát sinh thêm chi phí, chi thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu.

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: BỔ SUNG NGHIỆP VỤ CHI NHÁNH TRONG NƯỚC CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
2	Mẫu số 66. Danh sách nhân sự	Điền thông tin vào Mẫu số 66. Danh sách nhân sự	1	48.000	0	0	1	20	48.000	960.000	
3	Mẫu số 76. Giấy đề nghị sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện	Điền thông tin vào Mẫu số 76. Giấy đề nghị sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện	1	48.000	0	0	2	20	48.000	1.920.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 66. Danh sách nhân sự	Điền thông tin vào Mẫu số 66. Danh sách nhân sự	1	48.000	0	0	1	20	48.000	960.000	
2	Mẫu số 76. Giấy đề nghị sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện	Điền thông tin vào Mẫu số 76. Giấy đề nghị sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện	1	48.000	0	0	2	20	48.000	1.920.000	

III SO SÁNH CHI PHÍ

Đối với mẫu 67, 76: Không phát sinh thêm chi phí, chỉ thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu.

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	Điền thông tin vào Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	1	48.000	0	0	2	20	48.000	1.920.000	
2	Mẫu số 66. Danh sách nhân sự	Điền thông tin vào Mẫu số 66. Danh sách nhân sự	1	48.000	0	0	1	20	48.000	960.000	
4	Lý lịch tư pháp	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	1	48.000	0	200.000	2	20	248.000	9.920.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	Điền thông tin vào Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	1	48.000	0	0	2	20	48.000	1.920.000	
2	Mẫu số 66. Danh sách nhân sự	Điền thông tin vào Mẫu số 66. Danh sách nhân sự	1	48.000	0	0	1	20	48.000	960.000	
4	Lý lịch tư pháp	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	0	48.000	0	200.000	2	20	200.000	8.000.000	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Đối với mẫu 66, 67: Không phát sinh thêm chi phí, chỉ thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu.

Đối với LLTP: Cá nhân vẫn phải thực hiện đề nghị cấp LLTP nhưng không cần nộp bản cứng cho UBCK, giảm chi phí nộp hồ sơ

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Đăng ký phát hành, chào bán cổ phần, tăng vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 68. Danh sách cổ đông/thành viên góp vốn	Điền thông tin vào Mẫu số 68. Danh sách cổ đông/thành viên góp vốn	1	48.000	0	0	1	20	48.000	960.000	
2	Mẫu số 10. Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ/cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ	Điền thông tin vào Mẫu số 10. Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ/cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ	1	48.000	0	0	1	20	48.000	960.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 68. Danh sách cổ đông/thành viên góp vốn	Điền thông tin vào Mẫu số 68. Danh sách cổ đông/thành viên góp vốn	1	48.000	0	0	1	20	48.000	960.000	
2	Mẫu số 10. Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ/cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ	Điền thông tin vào Mẫu số 10. Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ/cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ	1	48.000	0	0	1	20	48.000	960.000	

III SO SÁNH CHI PHÍ

Không phát sinh thêm chi phí, chỉ thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu số 10, 68

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài có chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	Điền thông tin vào Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	1	48.000	0	0	1	5	48.000	240.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	Điền thông tin vào Mẫu số 69. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện	1	48.000	0	0	1	5	48.000	240.000	

III SO SÁNH CHI PHÍ

Không phát sinh thêm chi phí, chi thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu số 69

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Tổ chức lại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	Điền thông tin vào Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
2	Mẫu số 66. Danh sách nhân sự	Điền thông tin vào Mẫu số 66. Danh sách nhân sự	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
3	Mẫu số 68. Danh sách cổ đông/thành viên góp vốn	Điền thông tin vào Mẫu số 68. Danh sách cổ đông/thành viên góp vốn	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
4	Mẫu số 79. Giấy đề nghị chấp thuận tổ chức lại	Điền thông tin vào Mẫu số 79. Giấy đề nghị chấp thuận tổ chức lại	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
5	Mẫu số 82. Giấy đề nghị cấp lại giấy phép thành lập và hoạt động KDCK	Điền thông tin vào Mẫu số 82. Giấy đề nghị cấp lại giấy phép thành lập và hoạt động KDCK	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
6	Lý lịch tư pháp	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	Điền thông tin vào Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
2	Mẫu số 66. Danh sách nhân sự	Điền thông tin vào Mẫu số 66. Danh sách nhân sự	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
3	Mẫu số 68. Danh sách cổ đông/thành viên góp vốn	Điền thông tin vào Mẫu số 68. Danh sách cổ đông/thành viên góp vốn	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
4	Mẫu số 79. Giấy đề nghị chấp thuận tổ chức lại	Điền thông tin vào Mẫu số 79. Giấy đề nghị chấp thuận tổ chức lại	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	

5	Mẫu số 82. Giấy đề nghị cấp lại giấy phép thành lập và hoạt động KDCK	Diễn thông tin vào Mẫu số 82. Giấy đề nghị cấp lại giấy phép thành lập và hoạt động KDCK	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
6	Lý lịch tư pháp	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	0	48.000	0	0	1	1	0	0	

III SO SÁNH CHI PHÍ

Đối với mẫu 66, 67, 79, 82: Không phát sinh thêm chi phí, chỉ thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu.

Đối với LLTP: Cá nhân vẫn phải thực hiện đề nghị cấp LLTP nhưng không cần nộp bản cứng cho UBCK, giảm chi phí nộp hồ sơ

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân theo Mẫu số 67 của của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông sáng lập, thành viên góp vốn là cá nhân góp trên 5% vốn điều lệ, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức	Kê khai thông tin Mẫu số 67, thực hiện chứng thực chữ ký người khai/xin xác nhận của tổ chức đang làm việc/xác nhận của UBND cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn	10	48.000	0	0	1	1	480.000	480.000	
2	Giấy đề nghị theo Mẫu số 64	Kê khai thông tin mẫu số 64	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
3	Danh sách nhân sự Mẫu số 66	Kê khai thông tin mẫu số 66	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
4	Danh sách cổ đông, thành viên góp vốn theo Mẫu số 68	Kê khai thông tin mẫu số 68	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
5	Lý lịch tư pháp được cấp không quá 06 tháng tính tới ngày nộp hồ sơ của của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông sáng lập, thành viên góp vốn là cá nhân góp trên 5% vốn điều lệ	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	10	48.000	0	0	1	1	480.000	480.000	

II. CHI PHÍ TUẦN THỦ THỰC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG

1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân theo Mẫu số 67 của của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông sáng lập, thành viên góp vốn là cá nhân góp trên 5% vốn điều lệ, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức	Kê khai thông tin Mẫu số 67, thực hiện chứng thực chữ ký người khai/xin xác nhận của tổ chức đang làm việc/xác nhận của UBND cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn	10	48.000	0	0	1	1	480.000	480.000	
2	Giấy đề nghị theo Mẫu số 64	Kê khai thông tin mẫu số 64	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
3	Danh sách nhân sự Mẫu số 66	Kê khai thông tin mẫu số 66	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
4	Danh sách cổ đông, thành viên góp vốn theo Mẫu số 68	Kê khai thông tin mẫu số 68	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
5	Lý lịch tư pháp được cấp không quá 06 tháng tính tới ngày nộp hồ sơ của của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông sáng lập, thành viên góp vốn là cá nhân góp trên 5% vốn điều lệ	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	0	48.000	0	0	1	1	0	0	

III SO SÁNH CHI PHÍ

Đối với mẫu 64, 66, 67, 68: Không phát sinh thêm chi phí, chi thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu.
 Đối với LLTP: Cá nhân vẫn phải thực hiện đề nghị cấp LLTP nhưng không cần nộp bản cứng cho UBCK, giảm chi phí nộp hồ sơ

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân theo Mẫu số 67 của Giám đốc chi nhánh	Kê khai thông tin Mẫu số 67, thực hiện chứng thực chữ ký người khai/xin xác nhận của tổ chức đang làm việc/xác nhận của UBND cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
2	Giấy đề nghị theo Mẫu số 64	Kê khai thông tin mẫu số 64	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
3	Danh sách nhân sự Mẫu số 66	Kê khai thông tin mẫu số 66	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
4	Lý lịch tư pháp của Giám đốc chi nhánh được cấp không quá 06 tháng tính tới ngày nộp hồ sơ	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân theo Mẫu số 67 của Giám đốc chi nhánh	Kê khai thông tin Mẫu số 67, thực hiện chứng thực chữ ký người khai/xin xác nhận của tổ chức đang làm việc/xác nhận của UBND cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	

2	Giấy đề nghị theo Mẫu số 64	Kê khai thông tin mẫu số 64	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
3	Danh sách nhân sự Mẫu số 66	Kê khai thông tin mẫu số 66	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
4	Lý lịch tư pháp của Giám đốc chi nhánh được cấp không quá 06 tháng tính tới ngày nộp hồ sơ	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	0	48.000	0	0	1	1	0	0	

III SO SÁNH CHI PHÍ

Đối với mẫu 64, 66, 67: Không phát sinh thêm chi phí, chỉ thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu.

Đối với LLTP: Cá nhân vẫn phải thực hiện đề nghị cấp LLTP nhưng không cần nộp bản cứng cho UBCK, giảm chi phí nộp hồ sơ

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẠI CHÚNG

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thuyết minh cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự tại các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ theo Mẫu số 90	Kê khai thông tin mẫu số 90	1	48.000	0	0	1	10	48.000		
2	Bản thông tin cá nhân của nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ theo Mẫu số 91	Kê khai thông tin Mẫu số 91, chứng thực chữ ký người khai	2	48.000	0	0	1	10	96.000	960.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thuyết minh cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự tại các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ theo Mẫu số 90	Kê khai thông tin mẫu số 90	1	48.000	0	0	1	10	48.000		
2	Bản thông tin cá nhân của nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ theo Mẫu số 91	Kê khai thông tin Mẫu số 91, chứng thực chữ ký người khai	2	48.000	0	0	1	10	96.000	960.000	
III. SO SÁNH CHI PHÍ											
Đối với mẫu 90, 91: Không phát sinh thêm chi phí, chỉ thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu.											

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP QUỸ THÀNH VIÊN

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân của người điều hành quỹ theo Mẫu số 91	Kê khai thông tin Mẫu số 91, chứng thực chữ ký người khai	2	48.000	0	10.000	1	5	106.000	530.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân của người điều hành quỹ theo Mẫu số 91	Kê khai thông tin Mẫu số 91, chứng thực chữ ký người khai	2	48.000	0	10.000	1	5	106.000	530.000	
III. SO SÁNH CHI PHÍ											
Đối với mẫu 91: Không phát sinh thêm chi phí, chi thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu.											

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP QUỸ THÀNH VIÊN, QUỸ ĐÓNG, QUỸ MỜ, QUỸ ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN, QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC DO THAY ĐỔI TÊN QUỸ, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân của người điều hành quỹ của công ty quản lý thay thế theo Mẫu số 91 trong trường hợp thay đổi công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Kê khai thông tin Mẫu số 91, chứng thực chữ ký người khai	2	48.000	0	10.000	1	5	106.000	530.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân của người điều hành quỹ của công ty quản lý thay thế theo Mẫu số 91 trong trường hợp thay đổi công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Kê khai thông tin Mẫu số 91, chứng thực chữ ký người khai	2	48.000	0	10.000	1	5	106.000	530.000	
III. SO SÁNH CHI PHÍ											
Đối với mẫu 91: Không phát sinh thêm chi phí, chi thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu.											

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG, QUỸ MỞ LÀN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân của người điều hành quỹ theo Mẫu số 91	Kê khai thông tin Mẫu số 91, chứng thực chữ ký người khai	2	48.000	0	0	1	10	96.000	960.000	
2	Lý lịch tư pháp của thành viên ban đại diện quỹ	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	3	48.000	0	0	1	10	144.000	1.440.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân của người điều hành quỹ theo Mẫu số 91	Kê khai thông tin Mẫu số 91, chứng thực chữ ký người khai	2	48.000	0	0	1	10	96.000	960.000	
2	Lý lịch tư pháp của thành viên ban đại diện quỹ	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	0	48.000	0	0	1	10	0	0	
III. SO SÁNH CHI PHÍ											
Đối với mẫu 91: Không phát sinh thêm chi phí, chỉ thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu. Đối với LLTP: Cá nhân vẫn phải thực hiện đề nghị cấp LLTP nhưng không cần nộp bản cứng cho UBCK, giảm chi phí nộp hồ sơ											

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân của người điều hành quỹ, của nhân viên nghiệp vụ theo Mẫu số 91	Kê khai thông tin Mẫu số 91, chứng thực chữ ký người khai	4	48.000	0	0	1	1	192.000	192.000	
2	Lý lịch tư pháp của thành viên ban đại diện quỹ	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	3	48.000	0	0	1	1	144.000	144.000	
3	Danh sách nhà đầu tư góp vốn bằng bất động sản theo Mẫu số 103 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (trường hợp góp vốn bằng bất động sản)	Kê khai thông tin Mẫu số 103	2	48.000	0	0	1	1	96.000	96.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân của người điều hành quỹ, của nhân viên nghiệp vụ theo Mẫu số 91	Kê khai thông tin Mẫu số 91, chứng thực chữ ký người khai	4	48.000	0	0	1	1	192.000	192.000	
2	Lý lịch tư pháp của thành viên ban đại diện quỹ	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	0	48.000	0	0	1	1	0	0	
3	Danh sách nhà đầu tư góp vốn bằng bất động sản theo Mẫu số 103 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (trường hợp góp vốn bằng bất động sản)	Kê khai thông tin Mẫu số 103	2	48.000	0	0	1	1	96.000	96.000	
III. SO SÁNH CHI PHÍ											
Đối với mẫu 91, 103: Không phát sinh thêm chi phí, chỉ thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu. Đối với LLTP: Cá nhân vẫn phải thực hiện đề nghị cấp LLTP nhưng không cần nộp bản cứng cho UBCK, giảm chi phí nộp hồ sơ											

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC LÀN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân của người điều hành quỹ theo Mẫu số 91	Kê khai thông tin Mẫu số 91, chứng thực chữ ký người khai	2	48.000	0	10.000	1	5	106.000	530.000	
2	Lý lịch tư pháp của thành viên ban đại diện quỹ	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	3	48.000	0	10.000	1	5	154.000	770.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân của người điều hành quỹ theo Mẫu số 91	Kê khai thông tin Mẫu số 91, chứng thực chữ ký người khai	2	48.000	0	10.000	1	5	106.000	530.000	
2	Lý lịch tư pháp của thành viên ban đại diện quỹ	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	0	48.000	0	10.000	1	5	10.000	50.000	
III. SO SÁNH CHI PHÍ											
Đối với mẫu 91: Không phát sinh thêm chi phí, chỉ thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu.											
Đối với LLTP: Cá nhân vẫn phải thực hiện đề nghị cấp LLTP nhưng không cần nộp bản cứng cho UBCK, giảm chi phí nộp hồ sơ											

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) theo Mẫu số 91	Kê khai thông tin Mẫu số 91, chứng thực chữ ký người khai	4	48.000	0	0	1	1	192.000	192.000	
2	Lý lịch tư pháp của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	4	48.000	0	0	1	1	192.000	192.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) theo Mẫu số 91	Kê khai thông tin Mẫu số 91, chứng thực chữ ký người khai	4	48.000	0	0	1	1	192.000	192.000	
2	Lý lịch tư pháp của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	0	48.000	0	0	1	1	0	0	
III. SO SÁNH CHI PHÍ											
Đối với mẫu 91: Không phát sinh thêm chi phí, chỉ thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu.											
Đối với LLTP: Cá nhân vẫn phải thực hiện đề nghị cấp LLTP nhưng không cần nộp bản cứng cho UBCK, giảm chi phí nộp hồ sơ											

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuế tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Lý lịch tư pháp của các thành viên Hội đồng quản trị	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	3	48.000	0	0	1	1	144.000	144.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Lý lịch tư pháp của các thành viên Hội đồng quản trị	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	0	48.000	0	0	1	1	0	0	
III. SO SÁNH CHI PHÍ											
Đối với LLTP: Cá nhân vẫn phải thực hiện đề nghị cấp LLTP nhưng không cần nộp bản cứng cho UBCK, giảm chi phí nộp hồ sơ											

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân của cổ đông, nhân sự dự kiến theo Mẫu số 91	Kê khai thông tin Mẫu số 91, chứng thực chữ ký người khai	5	48.000	0	0	1	1	240.000	240.000	
2	Lý lịch tư pháp của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	4	48.000	0	0	1	1	192.000	192.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân của cổ đông, nhân sự dự kiến theo Mẫu số 91	Kê khai thông tin Mẫu số 91, chứng thực chữ ký người khai	5	48.000	0	0	1	1	240.000	240.000	
2	Lý lịch tư pháp của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	0	48.000	0	0	1	1	0	0	
III. SO SÁNH CHI PHÍ											
Đối với mẫu 91: Không phát sinh thêm chi phí, chỉ thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu. Đối với LLTP: Cá nhân vẫn phải thực hiện đề nghị cấp LLTP nhưng không cần nộp bản cứng cho UBCK, giảm chi phí nộp hồ sơ											

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN DO THAY ĐỔI TÊN CÔNG TY, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, THAY ĐỔI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, NGÂN HÀNG LƯU KÝ, GIÁM SÁT, THAY ĐỔI THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG, THAY ĐỔI TRỤ SỞ CÔNG TY

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật mới theo Mẫu số 91	Kê khai thông tin Mẫu số 91, chứng thực chữ ký người khai	2	48.000	0	0	1	1	96.000	96.000	
2	Lý lịch tư pháp được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ của người đại diện theo pháp luật mới	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	1	48.000	0	0	1	1	48.000	48.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật mới theo Mẫu số 91	Kê khai thông tin Mẫu số 91, chứng thực chữ ký người khai	2	48.000	0	0	1	1	96.000	96.000	
2	Lý lịch tư pháp được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ của người đại diện theo pháp luật mới	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	0	48.000	0	0	1	1	0	0	
III. SO SÁNH CHI PHÍ											
Đối với mẫu 91: Không phát sinh thêm chi phí, chỉ thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu. Đối với LLTP: Cá nhân vẫn phải thực hiện đề nghị cấp LLTP nhưng không cần nộp bản cứng cho UBCK, giảm chi phí nộp hồ sơ											

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	Điền thông tin vào Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	1	48.000	0	0	1	800	48.000	38.400.000	
2	Lý lịch tư pháp	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	1	48.000	0	0	1	800	48.000	38.400.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	Điền thông tin vào Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	1	48.000	0	0	1	800	48.000	38.400.000	
2	Lý lịch tư pháp	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	0	48.000	0	0	1	800	0	0	

III SO SÁNH CHI PHÍ

Đối với mẫu 67: Không phát sinh thêm chi phí, chỉ thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu.

Đối với LLTP: Cá nhân vẫn phải thực hiện đề nghị cấp LLTP nhưng không cần nộp bản cứng cho UBCK, giảm chi phí nộp hồ sơ

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Cấp lại chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	Điền thông tin vào Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	1	48.000	0	0	1	50	48.000	2.400.000	
2	Lý lịch tư pháp	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	1	48.000	0	0	1	50	48.000	2.400.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	Điền thông tin vào Mẫu số 67. Bản thông tin cá nhân	1	48.000	0	0	1	50	48.000	2.400.000	
2	Lý lịch tư pháp	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	0	48.000	0	0	1	50	0	0	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Đối với mẫu 67: Không phát sinh thêm chi phí, chi thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu.

Đối với LLTP: Cá nhân vẫn phải thực hiện đề nghị cấp LLTP nhưng không cần nộp bản cứng cho UBCK, giảm chi phí nộp hồ sơ

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân theo Mẫu số 67 của trường Văn phòng đại diện tại Việt Nam	Kê khai thông tin Mẫu số 67, thực hiện chứng thực chữ ký người khai/xin xác nhận của tổ chức đang làm việc/xác nhận của UBND cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn	1	48.000	0	0	1	2	48.000	96.000	
2	Giấy đề nghị theo Mẫu số 64	Kê khai thông tin mẫu số 64	1	48.000	0	0	1	2	48.000	96.000	
3	Danh sách nhân sự Mẫu số 66	Kê khai thông tin mẫu số 66	1	48.000	0	0	1	2	48.000	96.000	
4	Lý lịch tư pháp được cấp không quá 06 tháng tính tới ngày nộp hồ sơ của trường Văn phòng đại diện tại Việt Nam	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	1	48.000	0	0	1	2	48.000	96.000	
5	Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài là công ty mẹ	Ký hợp đồng thuê tổ chức kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, dịch công chứng báo cáo tài chính hợp nhất	5	48.000	0	0	1	2	240.000	480.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân theo Mẫu số 67 của trường Văn phòng đại diện tại Việt Nam	Kê khai thông tin Mẫu số 67, thực hiện chứng thực chữ ký người khai/xin xác nhận của tổ chức đang làm việc/xác nhận của UBND cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn	1	48.000	0	0	1	2	48.000	96.000	

2	Giấy đề nghị theo Mẫu số 64	Kê khai thông tin mẫu số 64	1	48.000	0	0	1	2	48.000	96.000	
3	Danh sách nhân sự Mẫu số 66	Kê khai thông tin mẫu số 66	1	48.000	0	0	1	2	48.000	96.000	
4	Lý lịch tư pháp được cấp không quá 06 tháng tính tới ngày nộp hồ sơ của trường Văn phòng đại diện tại Việt Nam	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	0	48.000	0	0	1	2	0	0	
5	Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài là công ty mẹ	Ký hợp đồng thuê tổ chức kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, dịch công chứng báo cáo tài chính hợp nhất	0	48.000	0	0	1	2	0	0	
III SO SÁNH CHI PHÍ											
<p>Đối với mẫu 64, 66, 67: Không phát sinh thêm chi phí, chỉ thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu.</p> <p>Đối với LLTP: Cá nhân vẫn phải thực hiện đề nghị cấp LLTP nhưng không cần nộp bản cứng cho UBCK, giảm chi phí nộp hồ sơ</p> <p>Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất: bỏ thành phần hồ sơ này, giảm chi phí nộp hồ sơ</p>											

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, giám đốc chi nhánh của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân theo Mẫu số 67 của Giám đốc chi nhánh	Kê khai thông tin Mẫu số 67, thực hiện chứng thực chữ ký người khai/xin xác nhận của tổ chức đang làm việc/xác nhận của UBND cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn	1	48.000	0	0	1	20	48.000	960.000	
2	Giấy đề nghị theo Mẫu số 76	Kê khai thông tin Mẫu số 76	1	48.000	0	0	1	20	48.000	960.000	
3	Lý lịch tư pháp của Giám đốc chi nhánh được cấp không quá 06 tháng tính tới ngày nộp hồ sơ	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	1	48.000	0	0	1	20	48.000	960.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Bản thông tin cá nhân theo Mẫu số 67 của Giám đốc chi nhánh	Kê khai thông tin Mẫu số 67, thực hiện chứng thực chữ ký người khai/xin xác nhận của tổ chức đang làm việc/xác nhận của UBND cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn	1	48.000	0	0	1	20	48.000	960.000	
2	Giấy đề nghị theo Mẫu số 76	Kê khai thông tin Mẫu số 76	1	48.000	0	0	1	20	48.000	960.000	
3	Lý lịch tư pháp của Giám đốc chi nhánh được cấp không quá 06 tháng tính tới ngày nộp hồ sơ	Cá nhân thực hiện xin LLTP trực tiếp	0	48.000	0	0	1	20	0	0	
III. SO SÁNH CHI PHÍ											

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Giải thể quỹ thành viên, quỹ đóng, quỹ mở, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Xác nhận của các nhà đầu tư về việc đã nhận đủ tiền, tài sản	Xin xác nhận của nhà đầu tư	5	48.000	0	0	1	2	240.000	480.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Xác nhận của các nhà đầu tư về việc đã nhận đủ tiền, tài sản	Xin xác nhận của nhà đầu tư	0	48.000	0	0	1	2	0	0	
III. SO SÁNH CHI PHÍ											
Giảm thành phần hồ sơ, do đó giảm chi phí nộp hồ sơ											

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1 Chuẩn bị hồ sơ											
1	Trường hợp tổ chức phát hành thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ sau ngày kết thúc kỳ kế toán gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét, tổ chức phát hành phải bổ sung báo cáo về vốn góp của chủ sở hữu được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.	Lập báo cáo về vốn điều lệ đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và ký hợp đồng thuê tổ chức kiểm toán độc lập để xác nhận	N/A	48.000	N/A	NA	NA	NA	N/A	N/A	Sửa tương ứng với dự thảo sửa Luật Chứng khoán
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1 Chuẩn bị hồ sơ											
1	b) Trường hợp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng được nộp sau ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên, tổ chức phát hành phải bổ sung báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;”.	Bổ nội dung lập báo cáo về vốn điều lệ đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và thay bằng lập BCTC bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán chấp thuận đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và ký hợp đồng thuê tổ chức kiểm toán độc lập để xác nhận	N/A	48.000	N/A	NA	NA	NA	N/A	N/A	
2	Báo cáo về vốn điều lệ đã nộp trong thời hạn 10 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Trường hợp doanh nghiệp thành lập dưới 10 năm thì tính từ thời điểm thành lập	Lập báo cáo về vốn điều lệ đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và ký hợp đồng thuê tổ chức kiểm toán độc lập để xác nhận	N/A	48.000	N/A	0	1	10	N/A	N/A	

Thay nội dung lập báo cáo về vốn điều lệ đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng bằng lập BCTC bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán chấp thuận đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và ký hợp đồng thuê tổ chức kiểm toán độc lập để xác nhận và phát sinh thêm chi phí cho doanh nghiệp ở nội dung lập báo cáo về vốn điều lệ đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng nhưng không đủ cơ sở để dự tính được chi phí của doanh nghiệp do một số chi phí phụ thuộc vào các hợp đồng dân sự giữa tổ chức phát hành với tổ chức kiểm toán

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Chào bán trái phiếu ra công chúng

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Không có Hợp đồng giữa tổ chức phát hành với đại diện người sở hữu trái phiếu										
2	Đối với việc chào bán trái phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phương án phát hành trái phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.	soạn thảo văn bản xin phép Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phương án phát hành trái phiếu ra công chúng đối với các tổ chức tín dụng	1	48.000	0	0	1	100	0	4.800.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Bổ sung Hợp đồng giữa tổ chức phát hành với đại diện người sở hữu trái phiếu	Làm việc với tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu	N/A	48.000	N/A	0	1	100	N/A	N/A	Đã được đánh giá tại TTHC tại Luật Chứng khoán 2019
2	bỏ nội dung đối với việc chào bán trái phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phương án phát hành trái phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.										

III SO SÁNH CHI PHÍ

Làm giảm chi phí xin văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phương án phát hành trái phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng đối với các tổ chức tín dụng và phát sinh thêm các chi phí cho doanh nghiệp về bổ sung Hợp đồng giữa tổ chức phát hành với đại diện người sở hữu trái phiếu nhưng không đủ cơ sở để dự tính được chi phí của doanh nghiệp do một số chi phí phụ thuộc vào các hợp đồng dân sự giữa tổ chức phát hành trong việc ký kết hợp đồng với người đại diện trái phiếu

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Chào bán trái phiếu có bảo đảm ra công chúng

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	không có Hợp đồng giữa tổ chức phát hành với đại diện người sở hữu trái phiếu										
2	Đối với việc chào bán trái phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phương án phát hành trái phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.	soạn thảo văn bản xin phép Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phương án phát hành trái phiếu ra công chúng đối với các tổ chức tín dụng	1	48.000	0	0	1	100	0	4.800.000	
II. CHI PHÍ TUẦN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Hợp đồng giữa tổ chức phát hành với đại diện người sở hữu trái phiếu	Làm việc với tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu	N/A	48.000	N/A	0	1	100	N/A	N/A	<i>Đã được đánh giá tại TTHC tại Luật Chứng khoán 2019</i>
2	bổ nội dung đối với việc chào bán trái phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phương án phát hành trái phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.										

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Làm giảm chi phí xin văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phương án phát hành trái phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng đối với các tổ chức tín dụng và phát sinh thêm các chi phí cho doanh nghiệp về bổ sung Hợp đồng giữa tổ chức phát hành với đại diện người sở hữu trái phiếu nhưng không đủ cơ sở để dự tính được chi phí của doanh nghiệp do một số chi phí phụ thuộc vào các hợp đồng dân sự giữa tổ chức phát hành trong việc ký kết hợp đồng với người đại diện trái phiếu

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CỦA CÔNG TY SAU QUÁ TRÌNH TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Không có nội dung lập Báo cáo tài chính theo quy ước đối với trường hợp đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty sau quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp		N/A	48.000	N/A	0	1	100	N/A	N/A	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Báo cáo tài chính theo quy ước đối với trường hợp đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty sau quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp	Lập Báo cáo tài chính theo quy ước đối với trường hợp đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty sau quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp và ký hợp đồng thuê tổ chức kiểm toán độc lập để xác nhận	N/A	48.000	N/A	0	1	100	N/A	N/A	

III SO SÁNH CHI PHÍ

có phát sinh thêm các chi phí về việc lập BCTC theo quy ước đối với trường hợp đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty sau quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp nhưng không đủ cơ sở để dự tính được chi phí của doanh nghiệp do một số chi phí phụ thuộc vào các hợp đồng dân sự giữa tổ chức phát hành với tổ chức kiểm toán

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHO TÔ CHỨC NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC SỞ HỮU TRÊN 49% VỐN ĐIỀU LỆ CỦA TÔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
L											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Giấy đề nghị chấp thuận giao dịch thay đổi tỷ lệ sở hữu lên trên 49% vốn điều lệ công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo Mẫu số 40 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này	Kê khai thông tin Mẫu số 40	2	48.000	0	0	1	1	96.000	96.000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG											
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1	Giấy đề nghị chấp thuận giao dịch thay đổi tỷ lệ sở hữu lên trên 49% vốn điều lệ công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo Mẫu số 40 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này	Kê khai thông tin Mẫu số 40	2	48.000	0	0	1	1	96.000	96.000	
III. SO SÁNH CHI PHÍ											
Đối với mẫu 40: Không phát sinh thêm chi phí, chi thay đổi một số thông tin cần phải điền trên mẫu.											

Phụ lục VII
BẢNG ỨNG DỤNG TÍNH TOÁN CHI PHÍ TUÂN THỦ
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo công văn số /VPCP-TCCV ngày tháng 10 năm 2010 của Văn phòng Chính phủ)

BẢNG ỨNG DỤNG TÍNH TOÁN
CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

CÔNG THỨC TỔNG QUÁT:

CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC = CHI PHÍ HÀNH CHÍNH + CHI PHÍ TÀI CHÍNH
GIÁN TIẾP + CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRỰC TIẾP

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính: là chi phí mà cá nhân, tổ chức phải gánh chịu để tuân thủ các quy định của một thủ tục hành chính nhất định.

Chi phí hành chính: là chi phí nhân công, chi phí quản lý và văn phòng (đối với doanh nghiệp) cho việc thu thập thông tin, xử lý hồ sơ, giấy tờ để hoàn thành bộ hồ sơ nộp cho các cơ quan hành chính nhà nước nhằm được giải quyết thủ tục hành chính.

Chi phí tài chính gián tiếp: Chi phí tài chính gián tiếp: chi phí nhằm thay đổi mẫu mã sản phẩm, quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ, bổ sung thiết bị để tuân thủ yêu cầu đặt ra của thủ tục (ví dụ: để được cấp giấy phép kinh doanh karaoke, ngoài việc chuẩn bị hồ sơ theo quy định, người thực hiện thủ tục hành chính phải thiết kế, xây dựng và trang bị cho phòng karaoke đạt các tiêu chuẩn về cách âm, ánh sáng, an toàn, an ninh, v.v...). Chi phí tài chính gián tiếp thường được thể hiện thông qua việc tuân thủ các yêu cầu, điều kiện của thủ tục hành chính, bao gồm cả chi phí công chứng, chứng thực, mua mẫu đơn, tờ khai.

Chi phí tài chính trực tiếp: là phí, lệ phí để thực hiện thủ tục hành chính.

CHI PHÍ LƯƠNG, VĂN PHÒNG VÀ QUẢN LÝ

Lương nhân viên theo tháng

3.500.000

Lương người quản lý theo tháng

18.000.000

Lương trả người quản lý (quy đổi theo mức lương giờ)	Lương trả nhân viên (quy đổi theo mức lương giờ)	Mức độ tham gia của người quản lý vào thực hiện hoạt động	Chi phí văn phòng (%)	Chi phí trung bình cho mỗi giờ hoạt động (VND)	Nguồn số liệu
112.500	21.875	0,20	0,20	48.000	

Ghi chú

(i) Mức lương của người quản lý và lương nhân viên áp dụng theo mức lương tương ứng đối với các ngành, lĩnh vực liên quan có trong phụ lục đính kèm tài liệu này.

(ii) Mức độ tham gia của người quản lý vào thực hiện thủ tục là 20% (mức trung bình hiện nay và theo thông lệ quốc tế). Trường hợp cá nhân thực hiện TTHC thì lương trả người quản lý tính bằng 0 và mức độ tham gia của người quản lý vào thực hiện hoạt động cũng bằng 0.

(iii) Chi phí văn phòng (gồm cả đi lại...) liên quan đến thực hiện thủ tục là 20% lương (thông lệ quốc tế là 25%-30%, tuy nhiên vì chi phí văn phòng ở Việt Nam ở mức thấp so với thế giới nên tính ở mức thấp là 20%). Trường hợp cá nhân thực hiện TTHC, đây là chi phí đi lại và các loại chi phí phát sinh khác (giữ xe, v.v.) phục vụ các hoạt động liên quan.

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục: Đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm

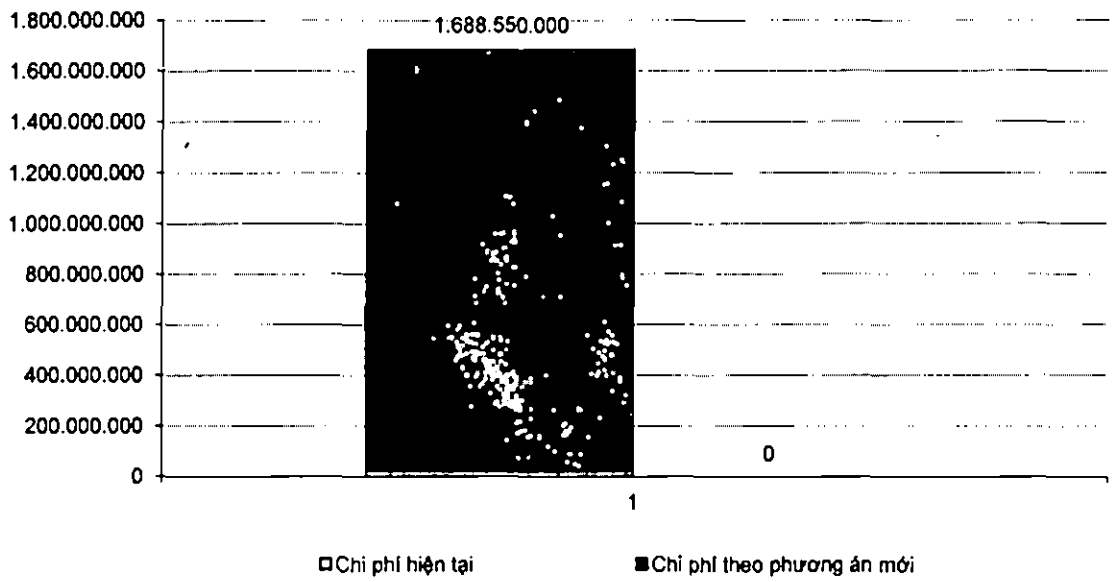
STT	CÁC HOẠT ĐỘNG		CHI PHÍ HÀNH CHÍNH			Chi phí tài chính gián tiếp (đồng)	Chi phí tài chính trực tiếp: phí, lệ phí thực hiện TTHC (đồng)	Số lượng đối tượng tuân thủ	Tần suất thực hiện	Chi phí để thực hiện mỗi hoạt động/thủ tục (đồng)	Tổng chi phí hàng năm các cá nhân, tổ chức để thực hiện hoạt động/thủ tục (đồng)	Ghi chú
			Chi phí nội bộ		Chi phí thuê ngoài (tư vấn, dịch thuật) (đồng)							
	HỒ SƠ, YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN PHẢI TUÂN THỦ	HOẠT ĐỘNG CHI TIẾT	Thời gian thực hiện	Chi phí lương trung bình 1 giờ								
1	Tìm hiểu thủ tục	Tìm hiểu thông tin về thủ tục	2,0	48.000			15	10	96.000	14.400.000		
2	Giấy đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm	Chuẩn bị Giấy đăng ký	1,0	48.000		1.000	15	10	49.000	7.350.000	Tiền in Giấy đề nghị	
3	Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Quyết định của chủ sở hữu công ty thông qua chủ trương chào bán chứng quyền có bảo đảm	Thực hiện họp	2,0	48.000		5.000	15	10	101.000	15.150.000	Tiền in	
		Chuẩn bị Nghị quyết	1,0	48.000		2.000	15	10			Tiền in	
4	Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty thông qua phương án chào bán và việc niêm yết chứng quyền có bảo đảm	Thực hiện họp	2,0	48.000			15	10	96.000	14.400.000		
		Chuẩn bị Nghị quyết	1,0	48.000		2.000	15	10	50.000	7.500.000	tiền in	
5	Bản cáo bạch	Chuẩn bị Bản cáo bạch	5,0	48.000		15.000	15	10	255.000	38.250.000	Tiền in	
6	Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Sao y báo cáo tài chính kiểm toán	2,0	48.000		30.000	15	10	126.000	18.900.000	Tiền chứng thực	
7	Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán chứng quyền có bảo đảm ký với ngân hàng lưu ký hoặc văn bản xác nhận bảo lãnh thanh toán chứng quyền có bảo đảm của ngân hàng lưu ký	Chuẩn bị hợp đồng	1,0	48.000		2.000	15	10	50.000	7.500.000	Tiền in	
		Ký hợp đồng	1,0	48.000			15	10	48.000	7.200.000		
8	Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài	Chuẩn bị hợp đồng	1,0	48.000		2.000	15	10	50.000	7.500.000	Tiền in	

	khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán.	Ký hợp đồng	1,0	48.000				15	10	48.000	7.200.000	
9	Nộp/sửa đổi hồ sơ (lựa chọn hình thức nộp trực tiếp)	Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của thủ tục trước khi nộp	1,0	48.000				15	10	48.000	7.200.000	
		Thời gian đi nộp hồ sơ	2,0	48.000				15	10	96.000	14.400.000	
10	Nhận kết quả	Đi lại để nhận kết quả	2,0	48.000				15	10	96.000	14.400.000	
		Nộp phí, lệ phí	1,0	48.000			10.000.000	15	10	10.048.000	1.507.200.000	Thông tư số 25/2022/TT-BTC
		TỔNG								11.257.000	1.688.550.000	
<i>Ghi chú: Trường hợp chào bán bổ sung chứng quyền có bảo đảm không phải tính chi phí mục 3 và mục 6</i>												

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:

STT	CÁC HOẠT ĐỘNG		CHI PHÍ HÀNH CHÍNH			Chi phí tài chính gián tiếp (đồng)	Chi phí tài chính trực tiếp: phí, lệ phí thực hiện TTHC (đồng)	Số lượng đối tượng tuân thủ	Tần suất thực hiện	Chi phí để thực hiện mỗi hoạt động/thủ tục (đồng)	Tổng chi phí hàng năm các cá nhân, tổ chức để thực hiện hoạt động/thủ tục (đồng)	Ghi chú
			Chi phí nội bộ		Chi phí thuê ngoài (tư vấn, dịch thuật) (đồng)							
	HỒ SƠ, YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN PHẢI TUÂN THỦ	HOẠT ĐỘNG CHI TIẾT	Thời gian thực hiện hoạt động (giờ)	Chi phí lương trung bình 1 giờ (đồng)								
1				48.000					0	0		
2				48.000					0	0		
3				48.000					0	0		
4				48.000					0	0		
5				48.000					0	0		
6				48.000					0	0		
7				48.000					0	0		
8				48.000					0	0		
9				48.000					0	0		
10				48.000					0	0		
11				48.000					0	0		
12				48.000					0	0		
13				48.000					0	0		
14				48.000					0	0		
15				48.000					0	0		
16				48.000					0	0		
17				48.000					0	0		
18				48.000					0	0		
19				48.000					0	0		
20				48.000					0	0		
		TỔNG							0	0		

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại và theo phương án mới



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu nâu) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đề xuất cải cách

